NĂM THỨ MƯỜI BA • # 152 • DECEMBER 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

NỬA CHIẾC PONCHO
LỆ HẰNG

TRẬN GIẶC CÁ **TRẦN HỘI**

ĐẠO ISLAM TẠI VIỆT NAM
DOHAMIDE ABU TALIB

TIN VUI CHO CÁC BỆNH NAN Y

THUỐC NGHỆ TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH NAN Y

Nhà phát minh VÂN NGUYỄN

Siêu linh dược - Thần dược **CỦ NGHỆ** đã chữa trị thành công cho hơn 800 bệnh nhân có kết quả. Dưới sự hướng dẫn kinh nghiệm thiên phú những khám phá và phát minh. Cô **VÂN NGUYỄN** từ một bệnh nhân trở thành Nhà Phát Minh đặc chế ra các sản phẩm từ **Củ NGHỆ** để trị và phòng ngừa các chứng bệnh nan y.

ĐẶC TRỊ:

Bao tử viêm loét, no hơi, đi cầu bón hay phân sống - Hôi miệng - Ho kinh niên - Suyễn - Viêm họng - Lở môi, miệng, lưỡi - Sưng nướu răng. Ngứa - Phong - Sunburn - Viêm mũi - Viêm lỗ tai. Mụn cám, Mụn mủ, Mụn nhọt ở các chỗ kín - Da mặt xanh - Da mặt sần - đỏ - Lỗ chân lông lớn. Tóc rụng - Da đầu nổi mụn nhọt, ngứa, gầu. Nhức đầu kinh niên - Đau nhức thấp khớp.

Các đại lý và công ty bán cùng giá.
Sản xuất độc quyền U.S Patent

Cô BÍCH VÂN sau nhiều năm tự chữa trị lành các chứng bệnh nói trên đã phát minh ra nhiều cách chữa trị mới rất hiệu nghiệm đã được nhiều người khen tặng.

THUỐC ĐƯỢC BÀO CHẾ THEO CÔNG THỨC MỚI RẤT DỄ UỐNG

Ngoài ra, Nhà phát minh còn sáng chế một dụng cụ đặc biệt tốt hơn thuốc Viagra cho ***các ông bị yếu sinh lý*** **"Patent Pending"**. Đây là tin vui, nếu như các thứ thuốc trên thị trường và Bác sĩ chuyên môn không hiệu quả! Hãy liên lạc và tham khảo trực tiếp.

Ai đau khổ lâu năm vì các chứng bệnh trên hãy gọi ngay: **CÔNG TY SKIN EXPERIENCE**

1615 Forest Hill Ct., Crofton, MD 21114

Cô BÍCH VÂN - Tel: (301) 858-9448 & Fax: (301) 858-9874

WEB www.SkinExperience.com

Đại diện Công ty ở CA: Hỏi JULIE (949) 380-2661

Các Đại Lý có bán thuốc Nghệ tại California: Nhà Thuốc Thiên Nhiên (562) 218-2328

Nhà Thuốc Vạn Hồi Xuân (714) 893-2922 * Chợ Vanco (714) 530-2999 / (714) 843-1818 / (714) 531-7272

VISA - MAS. - 100% Guarantee Money Back

MERRY CHRISTMAS!
HAPPY NEWYEAR 2002

* Trên 30 năm hoạt động Văn nghệ từ SAIGON (Vietnam), sang Kinh đô ánh sáng PARIS (Âu Châu), đến CALIFORNIA với kỹ thuật điện ảnh Hoa Kỳ (Mỹ Châu).
* Trên 60 sản phẩm VIDEO đã đi vào lòng người Việt Nam trong và ngoài nước, với tất cả thành tích đó:

CHÀO MỪNG NĂM 2002

Thúy Nga ***HÂN HẠNH GIỚI THIỆU***

VIDEO Paris by Night 62

THE BEST VIDEO OF THE YEAR

chủ đề ÂM NHẠC KHÔNG BIÊN GIỚI

* Một tuyệt phẩm VIDEO làm hãnh diện người Việt Nam trước cộng đồng quốc tế, như báo Washington Post nhận xét: "Thật đáng ngạc nhiên về phẩm chất của VIDEO PARIS BY NIGHT, đĩa DVD, dù thị trường nhỏ hẹp của người Việt Nam hải ngoại, mà đạt đến tiêu chuẩn cao độ của sản phẩm Hoa Kỳ với thị trường 200 triệu dân..."

Tất cả tinh hoa màu sắc nghệ thuật của các nhà vẽ kiểu danh tiếng thế giới Chanel, Christian Dior, Yves Saint Laurent..., thi đua trên các áo kiểu mẫu của ca sĩ PARIS BY NIGHT 62.

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt đặc biệt của VŨ THÀNH AN - KHÁNH LY và:

KHÁNH HÀ - Ý LAN - NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM
LƯU BÍCH - PHI NHUNG - LOAN CHÂU - THỦY TIÊN
PHƯƠNG DIỄM HẠNH - HOÀNG LAN - TRÚC LINH - BẢO HÂN
TRÚC LAM - LYNDA TRANG ĐÀI - PHƯƠNG NGUYÊN
CHÂU NGỌC - NGỌC ÁNH - NHƯ LOAN - TRACY PHẠM
NGUYỄN HƯNG - LAY MINH - DON HỒ - MẠNH QUỲNH
THẾ SƠN - TOMMY NGÔ - LƯƠNG TÙNG QUANG
TRẦN THÁI HÒA

KỊCH VUI với Hồng Đào, Quang Minh, Trang Thanh Lan & Chí Tài

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA : 714-894-5811

Thế Kỷ 21 GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT 30% Từ 16/9/2001-16/12/2001 *(Theo dấu Bưu Điện)*

PHIẾU MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Để tặng bạn bè, thân hữu

*** Để Đặt Mua Báo dài Hạn *(Độc Giả Mới)***

.Để Gia Hạn Mua báo Theo Giá Đặc Biệt *(Độc Giả Cũ)*

*** Không áp dụng giá biểu đặc biệt này cho số tiền đã trả trước đây.*

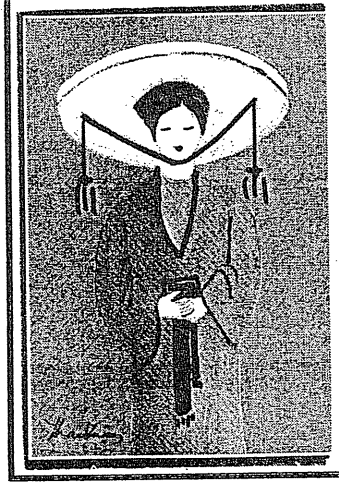

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )*..... *Sở Làm:( )*.....

Đặt mua THẾ KỶ 21 THEO GIÁ cổ động: *(Xin vui lòng dùng mẫu này để được giảm giá)*

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	**Tên Quốc Gia**
-30%	**US$ 18.00**	**US$23.00**	**US$ 35.00**	**US$48.00**	**US$ 63.00**	**US$84.00**	Hoa Kỳ-Canada
GiáThường	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	
-30%		**US$34.00**	**US$**	**US$63.00**		**US$119.00**	*Pháp, Đức, Bỉ, Hoà Lan*
GiáThường		*US$48.00*	*US$*	*US$90.00*		*US$170.00*	*Anh, Ý. Và Tây Âu.*
-30%		**US$25.00**	**US$**	**US$46.00**		**US$79.00**	Nga, Tiệp Khắc, Ba Lan,
GiáThường		*US$35.00*	*US$*	*US$65.00*		*US$112.00*	Hungari, Bulgari...
-30%		**US$39.00**	**US$**	**US$74.00**		**US$137.00**	*Úc,Nhật,Singapore,Việt*
GiáThường		*US$55.00*	*US$*	*US$106.00*		*US$196.00*	*Nam, Thailan, Hồng Kông Đài Loan, Nam Hàn*

*Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu, thẻ tín dụng để mua báo **Thế Kỷ 21** theo ba cách:*

. BƯU ĐIỆN: Chi phiếu, ngân phiếu (money order) **xin ghi trả cho Thế Kỷ 21** và gửi về địa chỉ sau:

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA.92840. USA.

Liên lạc Ban trị sự: Phone: (714) 534-9432 (12am-7pm PCT) Fax=714-534-9433 (24/24)

. ĐIỆN THƯ:Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu này và FAX về số (714) 534-9433.

. ĐIỆN THOẠI: Gọi Điện Thoại số (714) 839 - 8746 để cung cấp đầy đủ chi tiết ghi trong phiếu.

Họ Tên Người Mua /trả tiền (nếu để tặng hay mua giùm) .. ..

Địa Chỉ:.....Thành Phố:..... Tỉnh..... Zip:.....

Quốc Gia:.....Điện Thoại: *Nhà:( )*..... *Sở Làm:( )*.....

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

TÙY BÚT, TẠP BÚT & THẦN THOẠI HY LẠP

của BÙI GIÁNG

Một tác phẩm mà độc giả người Việt hải ngoại chưa từng đọc

Tình yêu ngang trái, tình yêu bị chế nhạo, thiên cổ lụy của tài tình cô độc, của hào hoa, đó là bao nhiêu ý nghĩa đoạn trường - hoặc thơ mộng của những tùy bút, tạp bút và thần thoại trong tập sách với giọng văn đong đầy chất thơ của một thi sĩ từng làm hao tốn rất nhiều giấy mực của người đời nay.

Sách đang in và có thể đặt mua từ 01/09/2001 tại:

Mưa Nguồn (Chi phiếu trả cho Vinh Bùi)
8171 E. Marblehead Way
Anaheim, CA 92808
Điện thoại: (714) 281-2934
200 trang. Giá 10 Mỹ kim

Kính thưa quý độc giả thân mến của Bùi Giáng,

Xin đề nghị quý độc giả nên đặt mua nhiều hơn là một cuốn để tặng thân nhân hoặc bạn bè. Chúng tôi xin mạo muội thưa rằng: quý độc giả sẽ không hối tiếc về việc làm có ý nghĩa này. Sách thích hợp với mọi người, trong mọi tôn giáo, mọi lứa tuổi. Với một số câu chuyện thần thoại, sách cũng thích hợp với cả trẻ con nữa.

Xin trân trọng đa tạ.

Nhà Xuất Bản

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại **Alpha Funding & Real Estate**
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

NGƯỜI VIỆT
YEARBOOK

Quyển niên giám tiện dụng nhất

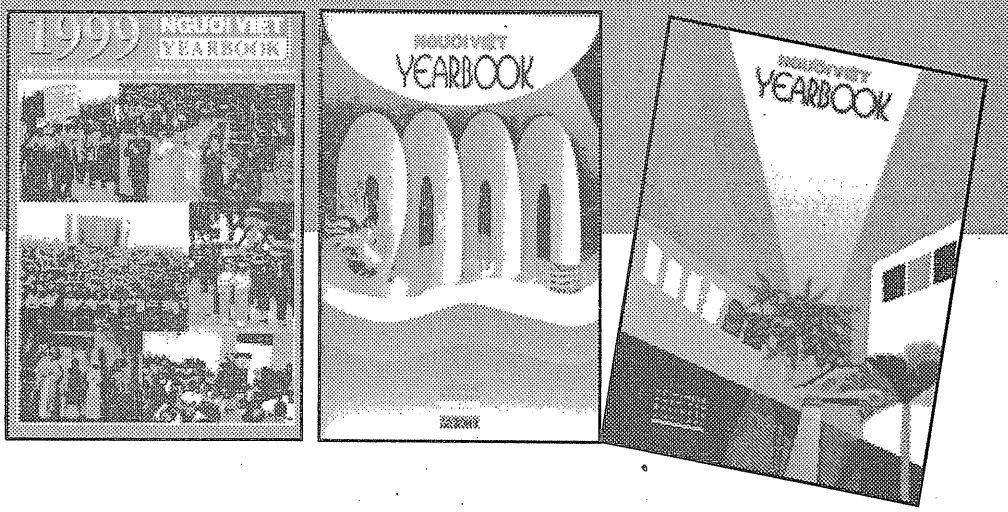

Mọi liên lạc quảng cáo

Tel: (714) 892 - 9414 Fax: (714) 894 - 1381

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

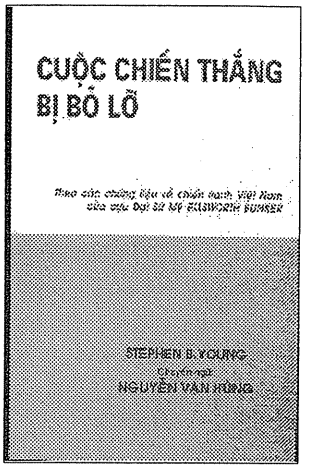

CUỘC CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỠ
Nguyên tác: "Victory Lost"
của **STEPHEN YOUNG**
Bản dịch của **NGUYỄN VẠN HÙNG**
Các chứng liệu về chiến tranh
Việt Nam - Giá 20 MK

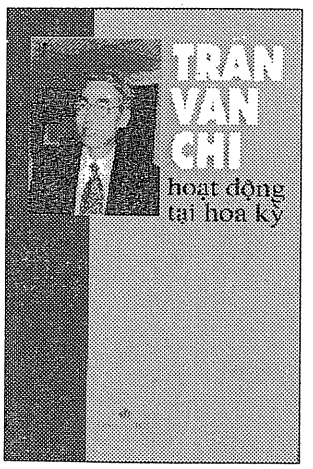

TRẦN VĂN CHI HOẠT ĐỘNG TẠI HOA KỲ
của **TRẦN VĂN CHI**
Viết về những hoạt động
của mình trong thời gian
định cư tại Hoa Kỳ
Giá 15 MK

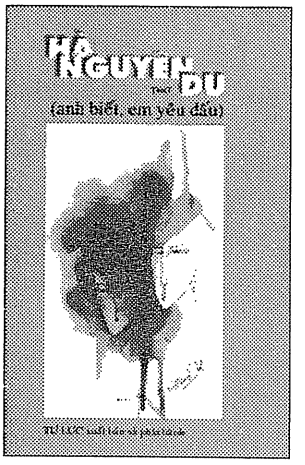

ANH BIẾT, EM YÊU DẤU
Thơ của **HÀ NGUYÊN DU**
Một cố gắng liên tục tìm tòi
cái mới cho Thơ
Giá 17 MK;
ngoài Mỹ thêm 2 MK

PHONG THỦY VẤN ĐÁP
của
ĐOÀN VĂN THÔNG
Giải đáp tất cả
những thắc mắc
liên quan đến
phong thủy
Giá 15 MK

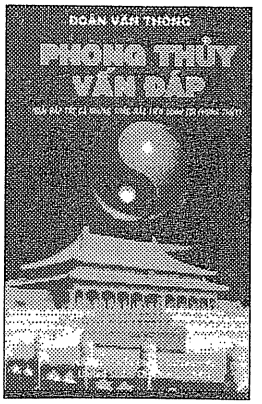

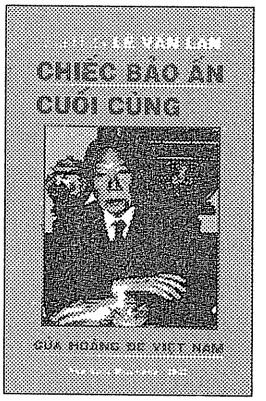

CHIẾC BẢO ẤN CUỐI CÙNG CỦA HOÀNG ĐẾ VIỆT NAM
bút khảo của
LÊ VĂN LÂN
Câu chuyện lịch sử
và văn hóa chung quanh
những ấn triện của
triều Nguyễn - Giá 14MK

ĐỐI LẬP MẶC ÁO CÀ SA VÀ CHÙNG THÂM
của
TRẦN VIẾT ĐẠI HƯNG
Viết về cuộc tranh đấu
cho tự do tôn giáo tại
Việt Nam hiện nay
Giá 12 MK

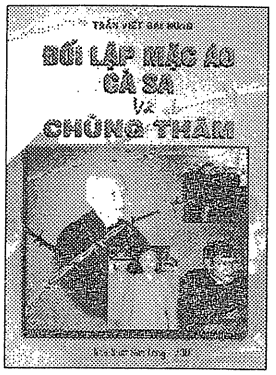

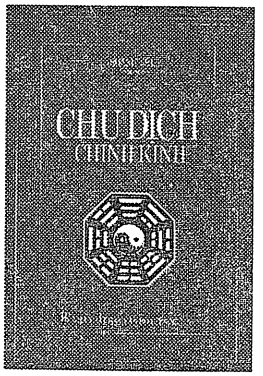

CHU DỊCH CHÍNH KINH HOÀNG THƯ
biên soạn
Tài liệu gốc
phần Kinh
của 64 quẻ Dịch
Giá 24 MK

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com * WWW.TULUC.NET

Sau hai năm thu thập, tuyển chọn, sắp xếp, đã in xong:

TUYỂN TẬP LÊ ĐÌNH ĐIỂU

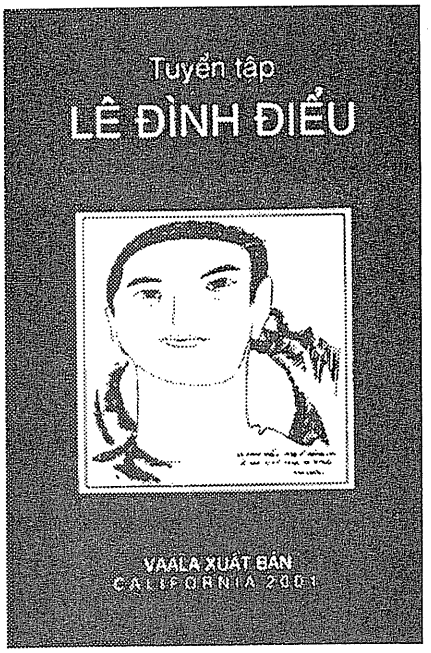

Gồm:

* Thơ Y Dịch (bút hiệu của Lê Đình Điểu)
  Tuyển chọn các bài viết trong suốt cuộc đời làm báo của ông
* Viết về Lê Đình Điểu:
  Lê Tất Điều, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Bùi Bích Hà, Nhã Ca, Trần Mộng Tú, Thụy Khuê, Vũ Ánh, Phạm Đức Khoan, Thụy Lữ, Phạm Phú Minh, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Trọng Thụy, Y-Sa...
* *Bìa:* tranh Mai Chửng, Trịnh Cung trình bày
* *Bốn phụ bản màu* với các họa phẩm của Thái Tuấn, Hồ Hữu Thủ, Đỗ Quang Em và Trịnh Cung
  Nhạc phẩm của Vũ Thành An, Phạm Anh Dũng, Thụy Lữ, Diễm Ly
* Hình ảnh kỷ niệm

Sách dày gần 500 trang, giá $25, phát hành vào trung tuần tháng 11 năm 2001.

Liên lạc:
cô Phan Mỹ Sương
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove, CA 92840
USA
Tel: (714) 537-7686

Ra mắt vào lúc 3 giờ chiều ngày 17 tháng 11, 2001 tại phòng Sinh Hoạt báo Người Việt.
Tiền bán sách sẽ sung vào quỹ VAALA để hỗ trợ các hoạt động văn học nghệ thuật.

PHIẾU ĐẶT MUA "TUYỂN TẬP LÊ ĐÌNH ĐIỂU"

Yêu cầu gửi cho tôi: .....cuốn với giá US $25.00 một cuốn.
Cước phí: US $3.00 cho mỗi cuốn (trong nước Mỹ); US $7.00 cho mỗi cuốn (ngoài nước Mỹ).
Tôi gửi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền: US $ .....
Chi/lệnh phiếu USD đề VAALA và gửi về Hội: VAALA, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92840.

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....
Fax: .....
E-mail: .....

Toàn bộ số tiền bán sách, sau khi trừ chi phí, sẽ được sung vào quỹ của VAALA cho các sinh hoạt văn học nghệ thuật.

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoằng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: tranh của họa sĩ **Nguyên Khai**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành, Lê Đình Các, Mimi Studio,** tư liệu

MỤC LỤC

Số 152 - Tháng Mười Hai 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

14 Nâng cao vai trò khu vực tư nhân - **Phạm Đỗ Chí**
16 Cuộc chiến không nguôi - **Nguyễn Hữu Chung**
22 Muốn thay đổi chế độ chính trị xã hội phải thay đổi văn hóa - **Tôn Thất Thiện**
27 Hồi giáo và Thánh chiến tại Indonesia - **Xuân Quang**
31. Hai cha con Tổng thống Bush hành quân diệt giặc - **Nguyễn Hữu Chi**
44 Màn nhì của trận chiến diệt khủng bố ở Afghanistan - **Hà Tường Cát**
76 Trận giặc cá - **Trần Hội**
87 Hậu khủng bố 9.11 - **Huyền Ký**

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

40 Đạo Islam tại Việt Nam - **Dohamide Abu Talib**
47 Bức tâm thư di chúc của liệt sĩ Hồ Tấn Anh - **Vũ Quốc Thúc**
63 Huyền thoại Hồ Chí Minh - **Lữ Phương**
72 Lại chuyện vợ của ông Nguyễn Ái Quốc / Hồ Chí Minh - **Nhóm Nghiên Cứu**
80 Đặt lại vấn đề nguồn gốc Dân tộc và Văn minh Việt Nam - **Nguyễn Văn Tuấn**
94 Tìm hiểu Tòa án Nhân quyền Âu châu - **Nguyễn Văn Thành**

VĂN

89 Nửa chiếc Poncho - **Lệ Hằng**
98 Xôi - **Lê Minh Hà**
101 Chui - **Tưởng Năng Tiến**
103 Mùa thu ở Nam Cali - **Thanh Nguyễn**

THƠ

83. Thơ tình, gửi yêu dấu, đầu niên kỷ, mới - **Du Tử Lê**. 91. Tùy bút thu - **Trần Vấn Lệ**. 102. Đường trăng xưa nay đâu - **Trần Huy Sao**. 105. Tâm Hoặc - **Cung Vĩnh Viễn**. 109. Trổ bông. Đồi xanh - **Lý Thừa Nghiệp**

MỤC THƯỜNG LỆ

10 Bạn đọc viết
12 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
13 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
51 Sổ tay
56 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
112 Vòng Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Cam Vũ, Anh Thành, Thủy Tiên**
117 Sách báo trong tháng - **Tâm Thanh, Phạm Xuân Đài**

Dòng họ Việt Nam

Tôi theo dõi bài viết "*Tìm hiểu nguồn gốc và sự phát triển của một số giòng họ tiêu biểu của người Việt Nam*" (Thế Kỷ 21, số 148, tháng 8, 2001) của tác giả Vũ Hiệp một cách thú vị. Trong bài viết, tác giả nhận xét rằng ở Việt Nam, chưa có thống kê chính xác con số các dòng họ. Nếu đúng thế thì đây quả là một thiếu sót lớn mà đáng lẽ không nên có. Trong thời đại điện tử ngày nay, và với số liệu điều tra dân số (mà Việt Nam tiến hành theo định kỳ), việc tìm hiểu xem nước ta có bao nhiêu họ là một điều cực kỳ dễ dàng. Với máy computer và có số liệu dân số, chỉ cần trên dưới 5-10 phút là có đáp số ngay. Nếu tác giả có số liệu, người viết thư này sẵn sàng tiếp một tay trong công việc này. (Xin liên lạc qua Tòa soạn *Thế Kỷ 21*).

Cũng trong bài khảo cứu mang tính mô tả trên, tác giả cho thấy số người Việt có họ *Nguyễn* là lớn nhất, chiếm từ 30% đến 35% dân số. Những họ có số dân đông kế tiếp là (theo thứ tự): *Lê* (khoảng 15%); *Trần* (13%); *Phạm* (không thấy thống kê); *Võ*, hay *Vũ* (9%); và *Ngô* (không thấy thống kê). Trong bài viết, tác giả không cho biết những con số thống kê trên được trích từ đâu. Tuy nhiên, tôi có lý do để ngờ rằng số người Việt mang họ *Lê* không đông vào hàng thứ hai như thống kê trên đưa ra. Trong một bài viết về giải thưởng Nobel cho ngành y học trước đây, tôi có làm một thống kê sơ bộ về số lượng bài báo của các nhà nghiên cứu [trong ngành y-sinh học] gốc Việt, và thấy rằng những họ "lớn" trong người Việt, sắp theo thứ tự số lượng bài báo, là như sau: *Nguyễn*, *Trần*, *Phạm*, *Huỳnh/Hoàng*, *Vũ/Võ*, *Đặng*, *Bùi*, *Trương*, *Phan* ... (*Thế Kỷ 21*, số XXX, năm 2000). Vì thế tôi ngờ rằng họ lớn thứ hai của Việt Nam là họ *Trần*, chứ không phải họ *Lê*.

Để thử nghiệm giả thuyết trên, tôi đã tò mò làm một thống kê qui mô hơn trong cộng đồng người Việt ở Sydney (Úc châu). Để làm việc này, tôi chọn nguồn tài liệu là quyển Niên giám Điện thoại của Thành phố Sydney trong năm 2001/2002 ("White Pages 2001/2002"). Sydney là nơi tập trung đông đảo nhất cư dân người Việt ở Úc. Kết quả cho thấy, như chúng ta có thể đoán được, là trong các họ Việt Nam, họ *Nguyễn* xuất hiện nhiều lần nhất trong niên giám, với 3861 lần. Ngoài họ *Nguyễn* ra, những họ "lớn" khác (theo thứ tự số lần xuất hiện) là: *Trần* (2101), *Huỳnh / Hoàng* (1086), *Lê* (898), *Phạm* (632), *Vũ/Võ* (566). Ngoài ra, còn có những họ khác mà số lần xuất hiện cũng đáng kể là: *Trương* (393), *Ngô* (367), *Dương* (356), *Phan* (335), *Đặng* (326), *Châu/Chu* (312), *Đỗ* (292), *Bùi* (239), *Cao* (234), *Trịnh* (213), *Đinh* (179), *Mai* (173), *Đoàn* (127), và *Đào* (117).

Tất nhiên, đây không phải là những con số chính xác tuyệt đối, bởi vì có nhiều người có quyền và không muốn liệt kê tên và số điện thoại của họ trong quyển Niên giám (silent numbers). Ngoài ra, những họ như *Chu* và *Cao* cũng có thể trùng với họ của người Trung Quốc. Song, nếu ta chấp nhận giả định rằng: (i) mẫu chọn trong quyển Niên giám là một mẫu ngẫu nhiên; (ii) những sai số thống kê là ngẫu nhiên, và mức độ sai số tương đương giữa các họ; và (iii) xác suất người Việt vượt biên và đoàn tụ gia đình (hay nói chung là xuất ngoại) phân bố đều giữa các họ, thì tính đại diện [cho dân số người Việt] của mẫu này rất cao. Nếu những giả định này đúng, thì một điều ta có thể xác định là, dựa vào dân số, họ *Trần*, chứ không phải họ *Lê*, là họ lớn vào hàng thứ hai (sau họ Nguyễn) ở Việt Nam. Ngoài ra, họ *Huỳnh* và *Hoàng* cũng là một họ lớn, với dân số cao hơn cả họ *Phạm* và có thể cao hơn cả họ *Lê*.

Nguyễn Văn Tuấn *(Sydney)*

Ghi thêm: Trong số báo trên còn có bài viết về Thomas Stearns Eliot (thường ký tên là T.S. Eliot), của Tác giả Trần Ngọc Ninh. Trong bài, tác giả cho rằng T.S. Eliot được tặng giải Nobel văn chương năm 1924. Thực ra, T.S. Eliot được tặng giải Nobel Văn chương năm 1948, vì những cống hiến cho nền thơ hiện đại của ông. Người được giải này vào năm 1924 là một tác gia người Ba Lan, Wladyslaw S. Reymont (còn có bút hiệu là Reyment) cho tác phẩm nổi tiếng, *The Peasants*, của ông.

Tác giả người Tàu

Số báo Thế Kỷ 21 tháng 11 vừa rồi tôi thích truyện ngắn "Chuyến đi không hẹn" của Song Thao và truyện trào phúng "Ta là ai? Ta là mi" của Khổng-Có-Chi. Ông tác giả họ Khổng này chắc là người Tàu và có bà con với Khổng Tử, nên tuy là

viết chuyện tếu mà ý nghĩa thâm lắm! Còn truyện của Song Thao rất cảm động, không ngờ vừa xảy ra thảm trạng khủng bố mà ông đã nghĩ ra một câu chuyện liên hệ hay như thế.

Ngọc Tuấn *(Germany)*

Ngạc nhiên và thất vọng

Đọc báo Thế Kỷ 21, tháng 11, 2001, tôi hết sức ngạc nhiên và thất vọng khi thấy quí báo chọn đăng trong mục "Bạn Đọc Viết" liền ba bài có cùng một nội dung chỉ trích Hòa thượng Nhất Hạnh. Chắc chắn là ông cũng biết rằng trong hai tháng vừa qua Hòa Thượng đã là nạn nhân của một số người lợi dụng những phương tiện truyền thông, nhất là báo chí, để xuyên tạc, phỉ báng, buộc tội một cách hồ đồ nhằm hạ uy tín của Hòa Thượng. Theo thiển ý của tôi thì đáng lý ra một tạp chí đứng đắn như Thế Kỷ 21 phải có can đảm công khai phản đối những hành động không đẹp ấy. Nếu vì một lý do gì không làm được như thế thì quí báo ít ra cũng nên tránh không giúp thêm phương tiện cho cái chiến dịch khủng bố bằng báo chí ấy tiếp tục lan tràn ra chứ!

Theo kinh nghiệm và nhận xét riêng của tôi, HT Nhất Hạnh là một nhà tu hành đức độ. Những người có suy nghĩ chín chắn khi đọc bài nói chuyện của Hòa Thượng đều nhận thấy rằng những thông điệp gửi gấm trong bài ấy phải phát sinh từ một tấm lòng từ bi vô lượng và một chí nguyện giúp đời bớt khổ của một người thấm nhuần giáo pháp độ sinh của Đức Phật. Chúng ta, tùy theo tâm của mỗi người, chấp nhận hay không chấp nhận con đường hòa bình và bất bạo động mà Hòa Thượng theo đuổi bấy lâu nay. Đồng ý hay không đồng ý với HT là quyền của mỗi người. Tuy nhiên, dựa vào chỉ một chi tiết trong một bài nói chuyện để bóp méo sự thật, vu khống, mạ lỵ, gán cho HT những tội như "có ác ý" này, "có ý đồ" kia, v.v.... là một hành vi đáng khinh, vô trách nhiệm, có lẽ là phát xuất từ một ẩn ý đen tối nào đó nhằm gây hoang mang và chia rẽ trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Một việc làm như thế cần phải được ngăn chặn để không gây thêm những rạn nứt trong cộng đồng.

Để xứng đáng với lòng tin cậy của độc giả, chúng tôi kính mong từ nay quí báo nên cẩn trọng và sáng suốt hơn trong việc lựa chọn bài vở.

Duong C. Tín
Ventura, CA

Xin cám ơn các lời khuyên của ông, và nhân đây cũng xin nói rõ quan niệm của chúng tôi trong việc này. Trước một hiện tượng xã hội, độc giả của Thế Kỷ 21 thường phản ảnh ý nghĩ của họ qua các bức thư gửi về Tòa soạn và chúng tôi chọn đăng những bức thư có nội dung không có gì quá đáng hay sai lạc.

Thiền sư Nhất Hạnh thuyết giảng cho công chúng, và các bức thư mà chúng tôi nhận được phản ảnh một số ý nghĩ từ công chúng. Chúng tôi không đồng hóa những ý nghĩ ấy với bất cứ một phong trào "đánh phá" nào, vì cho rằng độc giả của chúng tôi có đủ trình độ độc lập để bày tỏ ý kiến của mình. Chúng tôi tôn trọng mọi ý kiến khác biệt nhau, miễn là được nói lên với thái độ ôn tồn và lời lẽ lễ độ. Hy vọng mục Bạn Đọc Viết sẽ tiếp tục là nơi cho độc giả trao đổi trong tình thân ái các ý nghĩ chân thành của mình.

Số về đại khủng bố

Thế Kỷ 21 số tháng 10/2001 hay lắm! Vì dành phần lớn số trang cho biến cố 11/9 và những liên hệ đến tai biến ấy. Thành thật khen ngợi quý báo đã chọn lọc những bài vở có giá trị do nhiều người viết có ý kiến phong phú và khác biệt nhau.

Nguyen Thi Dieu-Thu
(Internet)

Thượng Đế cũng là sản phẩm của Con Người

Không ngờ những trao đổi giữa hai ông Diet Duc và Đoàn Văn Lý lại đem đến nhiều ý nghĩ lý thú như thế. Bức thư trả lời của ông Diet Duc trên mục Bạn Đọc Viết, Thế Kỷ 21 số tháng Mười Một vừa rồi tôi cho là kết quả của một suy nghiệm rất sâu về ý nghĩa căn bản của đời sống, giải nghĩa cho tôi nhiều điều lâu nay mình chưa biết trong khi vẫn tưởng đã hiểu rồi.

Nhưng có một câu sau đây khiến tôi suy nghĩ: "Dưới lăng kính của ĐẠO, quý vị (chức sắc của Vatican) mới thấy thật rõ ý muốn tối hậu của Thượng Đế trong mọi sự việc..." Lăng kính của Đạo, đó là cái gì vậy? Theo tôi, đó chẳng qua là kinh sách của một tôn giáo thôi chứ chẳng có gì lạ, và kinh sách là do CON NGƯỜI tạo ra. Qua một sản phẩm của con người mà thấy được ý muốn tối hậu của Thượng Đế thì là một điều lạ, trừ phi Thượng Đế ấy cũng do con người tạo ra nốt! Vẫn theo tôi, mọi thứ kinh điển đều do con người tạo ra hết, rồi đặt ra một hệ thống dạy dỗ thật tinh vi, để cuối cùng tín đồ đều tin là do từ một Thượng Đế thật! Tóm lại, tôn giáo (thần quyền) là một công trình của con người bày đặt ra, nhân danh ý niệm về một cái gì tột cùng mà mình cảm thấy

được, rồi truyền bá cho nhiều người khác nghe theo. Tôi xin chứng minh:

Bốn ngàn năm trước, Abraham của nước Do Thái nói ra cái ý niệm tột cùng ấy, và đặt ra một Thiên Chúa mà đạo Do Thái gọi là Jehovah. Cũng trong truyền thống Do Thái ấy, hai ngàn năm sau, cũng một người Do Thái lại diễn dịch ra một cách khác để thành lập nên một đạo khác, là Công giáo. Rồi cũng từ cái gốc ấy, bảy tám trăm năm sau lại thêm một người diễn dịch khác nữa để phát sinh ra đạo Islam mà người Việt Nam thường gọi là đạo Hồi, với một Thượng Đế có tên khác là Allah. Như thế, ngay cả từ một gốc chung, mà tùy cách con người diễn dịch và bày vẽ ra cách tu hành và tổ chức giáo hội mà có những tôn giáo khác nhau, các tôn giáo ấy không những có những "lăng kính" riêng để nhìn sự vật mà còn coi các tôn giáo cùng gốc kia như kẻ thù để mà bách hại nhau, thậm chí tiêu diệt nhau.

Thành ra nói nhìn qua lăng kính của Đạo mà thấy được ý muốn tối hậu của Thượng Đế thì tôi xin phép nói thẳng là tôi không tin. Đạo nào thì có Thượng Đế của đạo ấy thôi, đừng bắt người khác chia sẻ những việc có tính cách riêng tư ấy. Cũng chỉ vì tham vọng buộc kẻ khác phải tin vào cái ông *Thượng Đế của mình* mà không biết bao nhiêu thảm cảnh đã diễn ra trong quá khứ, và xem ra cũng chưa chịu chấm dứt trong hiện tại, mặc dù thời Trung Cổ qua đã lâu rồi. Con người văn minh chính là con người "tu luyện" để có cái tâm trong sáng, hiểu biết và bao dung.

Bùi Văn Mai
(Paris, France)

Tôn giáo và Chính trị

Trước một việc giết chóc bạo động, không bao giờ người ta nghe một vị lãnh đạo tôn giáo lên tiếng xúi vào: "Đánh bỏ mẹ chúng đi, giết hết chúng đi!"

Tôn giáo là để giải cái ác cho con người, nên luôn luôn tìm cách làm cho hạ hỏa những nóng giận khùng điên vốn là nguyên nhân của sự ác. Đó là một nguyên tắc đúng muôn thuở cho bản chất của con người mà các tôn giáo đã nhận ra.

Nhưng lãnh đạo việc đời thì không giống lãnh đạo tôn giáo vốn chỉ chuyên lo về tâm linh. Lãnh đạo chính trị phải lo việc cơm ăn áo mặc, nhà ở, thuốc chữa bệnh, nhà thương, đường sá, công ăn việc làm, an ninh, an toàn v.v... cho người dân. Một triệu công việc thực tế, trong đó có cả đem quân đi đánh nơi này nơi khác tùy theo nhu cầu cụ thể. Ví dụ về một việc rất cụ thể: sau vụ khủng bố 9.11, Hoa Kỳ không thể không truy lùng các tay khủng bố để tiêu diệt chúng ngay, nếu không muốn nhận lãnh nhiều cú khác nữa.

Nhưng đồng thời giới lãnh đạo Hoa Kỳ cũng lắng nghe và không phản đối những lời khuyên hòa bình của đức Đạt Lai Lạt Ma, đức Giáo Hoàng, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh v.v... Họ có tự mâu thuẫn không? Không. Họ phải hành động vì những mục tiêu cần thiết trước mắt, nhưng cũng cần phải giữ cái tâm tỉnh táo không sân hận để xây dựng quốc gia xã hội dài lâu. Và cũng rất buồn cười cho những ai cho rằng những lời khuyên hòa bình ấy có mãnh lực "trói tay" không cho chính quyền Mỹ hành động! Sức mấy mà trói, cả hai giới lãnh đạo tôn giáo lẫn chính trị đều biết rõ điều ấy, và không ai muốn trói ai. Có điều là những nguyên tắc đúng về nhân đạo thì cần phải nhắc nhở trong những thời điểm mà sự sân hận rất có thể lấn át lý trí tỉnh táo, có thể dẫn đến những việc tàn hại không cần thiết.

Nước Mỹ hiện nay giống như một người bị bệnh nặng vì một loại vi trùng ác độc. Việc cần thiết phải làm ngay là lo chữa bệnh đồng thời tẩy độc trong nhà ngoài ngõ để vi trùng không đột nhập lần nữa. Rồi một khi đã qua được cơn nguy, được an toàn rồi, thì sẽ chọn một chế độ vệ sinh và ăn uống, tập tành sao cho thích hợp để khỏe mạnh và bệnh không tái phát. Chứ đang bệnh thập tử nhất sinh mà chơi đồ bổ vào, với tập cử tạ, thì chỉ có thác sớm! Sau khi lành bệnh mới chính là lúc phải theo lời khuyên của các vị lãnh đạo tôn giáo. Để có được một sức khỏe lâu dài. Để làm những việc tốt lành cho cuộc đời. Và chính cái này sẽ hỗ trợ cho cái kia.

Lê Thanh Đức
(Sydney, Australia)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Đạm Thạch, Lưu Nguyễn Đạt, Vũ Quốc Thúc, Trần Huy Sao, Nguyễn Hữu Chi, Lê Minh Hà, Trần Văn Lệ, Dohamide Abu Talib, Cư sĩ Liên Hoa, Lý Thừa Nghiệp, Nguyễn Hữu Chung, Xuân Quang, Nhóm Nghiên Cứu, Võ Doãn Nhẫn,

Tôn Thất Thiện, Thanh Nguyễn, Nguyễn Văn Thực, Trần Hội, Võ Thu Tịnh, Nguyễn Kim Anh, Như Liên, Chi Nam.

Số Xuân Nhâm Ngọ

Càng về cuối năm thời gian đi càng nhanh, giống như một chiếc xe càng đổ dốc càng tăng tốc độ. Số báo này đã là số cuối của năm đầu tiên của thế kỷ thứ 21. Số Xuân của Thế Kỷ 21 sẽ rơi vào số báo tháng Hai năm 2002, nghĩa là còn không đầy hai tháng nữa để chuẩn bị. Rất mong quý vị góp bài vở, ý kiến cho số Xuân Nhâm Ngọ của chúng ta thêm hay ho, phong phú. Trong mười hai con giáp, Ngựa là giống vật đẹp đẽ và cường tráng nhất, không biết điều đó có ảnh hưởng đến cảm hứng bài vở của quý vị chăng?

Bài vở cho số Xuân xin gửi về Tòa soạn trễ nhất là ngày 10 tháng Giêng năm 2002. Xin cám ơn quý vị.

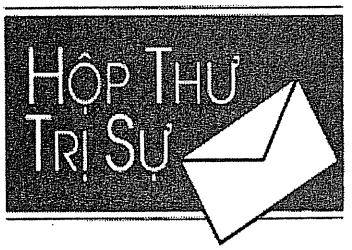

Độc giả mới

Canoga Park Br Library (Canoga Park CA), Lincoln Hgts Library (Los Angeles CA), Finney Co Pub Lib (Garden City KS), Salt Lake City Library (Salt Lake City UT), Mme Nguyen Kim Binh (CANADA), Linh Nghiem (Austin TX), Nguyen Van Khoi (Las Vegas City NV), Thomas Vy Nguyen (Winnetka LA), Ton Anh Van (Quincy MA), Ha Thi Bich (Ellicott City MA), Le Hieu Liem (Bay Point CA), Le Hoan (San Diego CA), Nguyen Tu Dau (Santa Clara CA), Nguyen Phong Chau (CANADA), Lai The Hung (CANADA), Minh Tien Le (CANADA), Nguyen Phan Thanh (GERMANY), Tien Pham (Tucson AZ), Men Thi Nguyen (Hamilton JN), Van Thuy Le (Garden Grove CA), Le Nguyen (Elsmere KY), Dr. Chau Le (Palm Spring CA),Hoang Anh Tuan (GERMANY), Tien Pham (Tucson AZ),

Độc giả gia hạn

Australian National University (AUSTRALIA), Anaheim Public Library (Anaheim CA), Carrie Estelle Doheny Library (Camarillo CA), Pomona Library (Pomona CA), South Branch Library (Berkeley CA), Columbia Library (Seattle WA), Biblio Ville (CANADA), Milpitas Comm lib (Milpitas CA), Thai Thanh (Winter Haven FL), Tran Dinh Minh (Torrance CA), Nguyen Thi Thu & Dat (Ventura CA), Doan Huu Phuong (Pittsburgh PA), Nguyen Hao (Diamond Bar CA), Quach Van Lien (Houston TX), Diep Luu (Centerville OH), Nguyen Q. Minh (San Diego CA), Tran Nguon Phieu (Amarillo TX), Khanh Dinh Nguyen (Wichita KS), Nguyen Tan Vinh (NORWAY), Do Van Thu (Chicago IL), Duong Thieu Hung (Severn MD), Vu Quoc Lien (La Mesa CA), Phung Ngoc Hieu (Seatle WA), Nguyen Van Huong (Lester PA), Pham Trong Le (Fairfax VA), Le Phu Hai (FRANCE), Nguyen Quang Binh (Rosemead CA), Nguyen Gia Tien (SWITZERLAND), Pham Phung (Duncan OK), Nguyen Thi Dieu Thu (Pleasanton CA), Nguyen Duc Mai (Sunnyvale CA), Lam Huu Ung (Tigard OR), Linh C. Phan (East Hartford CT), Los Angeles Pub.Lib. (Los Angeles CA), Chinatown Branch Lib (Los Angeles CA), Ton That An (Medford MA), Tran Huy Sao (San Diego CA), Tran The Tieu (Wichita KS), Ha Thuc Chu (Lynnwood WA), Nguyen V. Quynh (San Jose CA), Le Duy Chanh (San Jose CA), Bach Tuan Anh (Corte Madera CA), Ly Minh Nguyen (Champaign IL), Mai Lien Kohlmain (Newport Beach CA), Hanh Doan (Charlotte NC), SBS (AUSTRALIA), Huynh Van Ly (GERMANY), Nguyen Thi Tiet (GERMANY), Hau N.Vu M.D (Coronado CA), Quy Viet Vo (Hyattswille MD), Tran Thi Trinh (Brookline MA), Tu Van Dat (New Hope MN), Huong Le (Sunnyvale CA), Le Cong Giao (Upland CA), Vo Thanh Sum (AUSTRALIA), Lib: Odense Banegaard Center (DENMARK), Lib: Deichmanske Bibliotek (NORWAY), Lib: Bergen Offentlige Bibliotek (NORWAY), Lib: Molhus Bibliotek (NORWAY), Lib: Fredrikstad (NORWAY), Lib:Toensberg og Noetteroey (NORWAY), Bach Le (Brooklyn Park MN), Nguyen Tan Hung (NETHERLANDS), Tran Oanh (GERMANY).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Pham Tu Thien (Arlington TX), Nguyen Van Huong (Lester PA), Le Doan Kim (Montgomery MD), Nguyen Ngoc Anh (Van Nuys CA), Le Khai Doan (Riverside CA).

GIỚI TÀI CHÁNH QUỐC TẾ KHUYẾN CÁO VIỆT NAM:

NÊN NÂNG CAO VAI TRÒ KHU VỰC TƯ NHÂN

PHẠM ĐỖ CHÍ
Giáo sư Kinh Tế American University (Washington D.C.)

IMF vừa tháo khoán tiền

Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) vừa tháo khoán thêm 52 triệu Mỹ kim hôm 21/9 vừa rồi cho Việt Nam (VN) vay thuộc chương trình trung hạn "Giảm Nghèo Và Khuyến Khích Tăng Trưởng" đang được áp dụng trong khuôn khổ 3 năm 2001-03 và từ thỏa hiệp đã đạt được vào tháng 4 vừa qua. Trong các báo cáo phổ biến nhân dịp này, IMF nhấn mạnh đến khuyến cáo cần nhanh chóng cải tổ trong địa hạt xí nghiệp quốc doanh và ngân hàng là các cải tổ chính sách căn bản mà các định chế tài chánh quốc tế vẫn mong muốn VN áp dụng với các tiến bộ nhanh hơn.

Mặt khác, tin từ nhà cho biết, sau khi quốc hội VN thông qua bản thương ước Việt Mỹ, một phái đoàn mậu dịch VN hùng hậu sẽ sang Mỹ vào đầu tháng 12 để gặp gỡ giới lãnh đạo chính phủ Hoa Kỳ cũng như Ngân Hàng Thế Giới, đồng thời tiếp xúc tìm thị trường và đầu tư Mỹ trong thời gian có mặt tại New York và Los Angeles.

Phải tiếp tục việc cải tổ

Trước khuyến cáo cần cải tổ trong địa hạt quốc doanh của giới tài chánh quốc tế, nhất là giới lãnh đạo IMF khi cho tháo khoán thêm tiền cho Việt Nam, chính báo chí VN tường thuật về buổi khai mạc khóa họp Quốc hội tại VN hôm 20 tháng 11 vừa rồi cũng xác nhận rằng thủ tục tái kiến trúc cơ cấu kinh tế VN vẫn rất chậm, hệ thống tài chánh còn yếu kém và nhất là cải tổ trong địa hạt quốc doanh tiến triển quá chậm chạp làm các doanh nhân và giới đầu tư nước ngoài sốt ruột.

Nhìn chung về tình hình từ đầu năm, VN đã đạt được vài kết quả kinh tế vĩ mô đúng hướng trong năm 2001, nhưng hai vấn đề căn bản là cải tổ xí nghiệp quốc doanh và hệ thống ngân hàng (dính liền với nhau, cái sau tùy thuộc vào tiến bộ của cái trước) thì vẫn bị khó khăn như từ nhiều năm, do vấn đề dành quá nhiều ưu tiên cho xí nghiệp quốc doanh. Theo các báo cáo kinh tế bên ngoài, tỉ trọng của khu vực quốc doanh năm 2001 còn cao hơn các năm 1990-91 tức là vào đầu thập niên Đổi Mới ở VN, ngược chiều lại tinh thần căn bản của cải cách kinh tế do Ngân Hàng Thế Giới (WB) và IMF đề nghị là VN cần nâng cao tỉ trọng khu vực tư.

Kêu gọi giới đầu tư Mỹ

Giới kinh doanh và các nhà đầu tư tương lai ở Mỹ hiện rất chú ý việc một phái đoàn thương mại hùng hậu của Việt Nam sắp qua Mỹ vào tháng 12. Họ có vẻ hy vọng chờ nghe xem phái đoàn VN sẽ tuyên bố được điều gì cụ thể về tình hình ổn định của VN, các ưu đãi khuyến khích về luật lệ thuế khóa và nhất là việc đơn giản hóa thủ tục đầu tư ngoại quốc trực tiếp (FDI), để gây lòng tin mạnh cho giới đầu tư Mỹ. Chuyện căn bản nhất là VN cần xác định lại mạnh mẽ quyết tâm và hứa hẹn làm được các cải tổ cơ cấu sâu rộng nhằm nâng cao khu vực kinh doanh tư nhân và nhất là trong hạn định ngắn cụ thể. IMF đã nhấn mạnh việc cần tiếp tục lộ trình cải cách rõ ràng và có thời hạn trong 3 năm như là điều kiện cho thỏa hiệp mới cho năm 2002 (xin giải thích thêm cho các độc giả không rõ về thủ tục vay qua IMF là mỗi năm hai bên làm một thỏa hiệp mới dù chỉ để áp dụng khung chính sách căn bản trung hạn (framework) cho 3 năm 2001-03, đã thỏa thuận hồi tháng 4). Nếu không có những điều tuyên bố cụ thể và khôn khéo, việc hấp dẫn tư bản Mỹ sẽ không dễ vì nhiều nhà đầu tư Hoa kỳ đã chạy khỏi VN từ vài năm qua, muốn họ quay lại rất khó. Sau thương ước, chỉ có các hãng Mỹ cung cấp dịch vụ tài chánh như bảo hiểm và ngân hàng sẽ vào nhiều và có thể sẽ thống lĩnh thị trường VN. Về phần VN thì chủ yếu trong 1-2 năm đầu sẽ chỉ bán được nhiều hơn các thứ hàng có sẵn

như gạo, trái cây và thủy sản, nhất là tôm sú và cá tra, nếu không có những cải tổ chính sách căn bản và sâu rộng để làm cho các mặt hàng xuất khẩu trở thành đa diện hơn (như sẽ bàn dưới đây). Tiềm năng xuất khẩu của VN năm 2002 nói chung rất yếu vì giá dầu đã giảm từ trên 30$/thùng trong năm ngoái và đầu năm, hiện thời xuống dưới 20$/thùng; gạo và nông sản thì đang ứ đọng và giá thấp; và các hàng khác như giầy dép và may mặc khó cạnh tranh với Trung Quốc và các nước Á Châu khác vì tỉ giá thực của tiền đồng VN hiện quá cao. Nói chung, tình hình kinh tế và cán cân chi phó quốc tế cho VN năm tới sẽ khó khăn hơn năm 2001, và sẽ phải giảm bớt đà tăng của nhập khẩu rất nhiều như VN đã làm trong năm nay 2001."

Nhìn về tương lai

Nếu phải có một cái nhìn nhanh cho kinh tế VN năm tới, có lẽ VN phải có can đảm đưa ra và áp dụng nhiều biện pháp mạnh và gấp rút cho năm 2002:

* chữa lại tỉ giá để nâng sức cạnh tranh của hàng VN;

* phải dứt khoát cắt giảm khu vực quốc doanh để nâng cao vai trò khu vực tư nhân nếu muốn thu lợi ích tối đa từ thương ước Việt-Mỹ;

* giảm và tái cấu trúc món nợ lớn của các xí nghiệp quốc doanh để cải tổ các món nợ xấu của khu vực ngân hàng và cải cách thật sự khu vực này;

* dùng thủ tục đăng ký đơn giản thay vì xin phép rườm rà như "licensing" để thu hút trở lại đầu tư ngoại quốc FDI; và

* giải quyết vấn đề ứ đọng hàng nông sản qua chính sách tỷ giá nêu trên và tăng cường tiếp cận các thị trường quốc tế nhất là Mỹ, và phân phối nông sản (kể cả xuất khẩu) qua hệ thống cạnh tranh tư nhân thay vì dành độc quyền cho các xí nghiệp quốc doanh lớn.

Thái độ mới với người Việt hải ngoại ?

Về vấn đề tăng gia tiếp cận thị trường, có nhiều dấu hiệu cho thấy các doanh gia VN đang tìm cách để tiếp xúc đông đảo khối người Việt ở nước ngoài và nhờ họ làm trung gian giao dịch thương mại. Có lẽ sau Trung Quốc và Do Thái, không có quốc gia nào trên thế giới đang có lực lượng nhân lực và phương tiện tiếp thị hùng hậu như Việt Nam với gần 2 triệu người gốc Việt sống và thông thạo luật lệ buôn bán, tập tục và ngôn ngữ ở trên 150 nước trên thế giới. Nếu có một chính sách quốc gia (như Trung Quốc) để đãi ngộ xứng đáng và tử tế khối kiều bào ở hải ngoại và liên lạc với họ trên căn bản tương kính và dựa trên nguyên tắc thương mại "lợi người lợi ta" (win-win situation) thì VN sẽ có thể có một khối người đại diện thương mại quan trọng để đẩy mạnh xuất khẩu (nhất là sang Mỹ) như mũi nhọn phát triển quan trọng nhất trong tương lai./.

Giới Thiệu Sách: ĐÁNH THỨC CON RỒNG NGỦ QUÊN

Sách dày hơn 600 trang, gồm 5 chủ đề chính, được đề cập trong 28 bài viết, do 16 nhà kinh tế người Việt nước ngoài và 8 nhà kinh tế trong nước đóng góp. Có lẽ chưa có một cuốn sách nghiên cứu về kinh tế nào được xuất bản trước đây, có một số tác giả cộng tác đông đảo đến như vậy. Vì thế, nội dung của cuốn Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên rất phong phú và đa dạng...

Tính cách bao quát đã được bàn tới, từ kinh tế vĩ mô, vi mô và mậu dịch quốc tế đến các đề tài khu vực và cơ cấu như công nghiệp, nông nghiệp, giáo dục, công nghệ thông tin, cải cách hành chính, môi sinh cũng như các vấn đề liên quan tới vai trò của thị trường cạnh tranh, sở hữu và pháp trị, phát triển con người v...v... Tác giả các bài viết sống ở khắp mọi nơi Việt Nam, Bắc Mỹ, Âu Châu, Úc châu, nên các quan điểm, nhận thức, hết sức phong phú và rộng rãi...

Tuy là một cuốn sách chuyên đề, nhưng những người soạn thảo đã cố gắng dùng một lối văn sáng sủa, dễ hiểu, để mọi người quan tâm tới vấn đề đều có thể đọc được, từ những người chỉ muốn đọc để biết, đến các sinh viên, các nhà soạn thảo chính sách, các chuyên viên của các tổ chức chính phủ hay tư nhân, hay các doanh nhân cần biết về kinh tế Việt Nam.

(trích bài viết của Nguyễn đình Toàn đọc trên đài VOA, 21/9/2001)

ĐÁNH THỨC CON RỒNG NGỦ QUÊN

Kinh Tế Việt Nam Đi Vào Thế Kỷ 21

Tuyển Tập Của 24 Chuyên Viên Kinh Tế: 16 Ngoài Nước Và 8 Trong Nước

Chủ Biên: TS. Phạm Đỗ Chí (Giáo sư Kinh tế, American University, Washington, D.C.)
và TS. Trần Nam Bình (Giáo sư Kinh tế, University of New South Wales, Sydney)

Sách dày 600 trang - Phát hành tháng 8, 2001
Giá bán: US $25; Can $36; Pháp: 230 F.F. (kể cả cước phí)

Xin liên lạc và gửi ngân phiếu mua tại Mỹ:
K. Pham
1629 Cody Ave.,
Simi Valley, CA 93063, USA

Tại Cali:
***Tú Quỳnh Music**
9581 Bolsa Ave ,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531 4284

***Nhà sách Văn Bút**
9191 Bolsa Ave #109,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895 7080

Tại Houston:
***Nhà sách Thiên Nga**
2929-A Milam Street,
Houston, Texas
Tel: (713) 520 8013

CUỘC CHIẾN KHÔNG NGUÔI

NGUYỄN HỮU CHUNG

Không ai có thể nghi ngờ việc nước Mỹ là cường quốc quân sự và kinh tế số một thế giới. Vì vậy mà tất cả mọi người trên thế giới đều nhìn nước Mỹ với sự thèm muốn. Vì vậy mà mọi quốc gia đều nhìn nước Mỹ với sự kiêng nể, kể cả những nước thù nghịch nhất. Không ai có thể nghi ngờ việc nước Mỹ có thể cày nát nước A-phú-hãn với hàng triệu tấn bom để rồi giúp phe đối lập tiến chiếm Kabul, đánh đuổi chánh quyền Taliban vô rừng núi, thành lập một chánh phủ thân Mỹ, với những chánh trị gia do Mỹ chọn lựa.

Nhưng sau đó rồi sao? Nước Mỹ có thắng cuộc chiến chống khủng bố mà họ đang đánh hay không? Không ai biết! Lý do của chuyện không ai biết làvì chữ chiến tranh (war) do chánh phủ Mỹ dùng quá rộng, vì chưa xác định được ranh giới của cuộc chiến. Sau cuộc chấn động kinh hoàng ngày 11 tháng 9, người Mỹ thấy bị tổn thương và phải trả thù nên đã tức khắc rút gươm. Nói cho cùng thì chánh phủ nào cũng không thể ngồi yên để suy tính chuyện lâu dài. Chánh phủ Mỹ phải có một hành động trả đũa mãnh liệt vì danh dự của nước Mỹ. Nhưng sở dĩ có chuyện gượng gạo trong chiến lược là vì một mặt người Mỹ phải tức khắc ra tay, nhưng mặt khác lại không muốn đổ quân vào một chiến trường như A phú hãn. Sau một thời gian do dự, người Mỹ đã phải bắt buộc dùng Liên minh miền Bắc, tàn dư của quân đội mà chính người Mỹ đã giúp quân Taliban đánh tan, và lại đang nhận viện trợ của nước Nga để sống sót trong mấy năm qua. Muốn vậy, Mỹ phải thỏa hiệp với Nga khiến một điều ngoạn mục nhất đã xảy ra, đó là sự thành hình của Liên minh Nga-Mỹ để đánh A phú hãn. Cần nên nhắc lại là cách nay chỉ 10 năm, Nga và Mỹ là hai kẻ thù đã gầm gừ nhau trong 45 năm chiến tranh lạnh và đã có thể tiêu diệt nhau bằng bom nguyên tử. Chính Mỹ đã giúp người A phú hãn đánh đuổi Nga (LB Sô viết) trong chín năm, làm chết 20 ngàn quân, khi Nga lập một chánh phủ thân Nga ở Kabul.

*

Nhưng cuộc chiến mà người Mỹ đang đánh không phải chỉ ở A phú hãn. Nhìn kỹ vào cuộc chiến nầy, người ta thấy rõ có hai mặt trận khác biệt nhau : một mặt trận quân sự giữa Mỹ (và Tây phương nói chung) và A phú hãn, và một mặt trận chánh trị giữa Mỹ và thế giới Hồi giáo. Có một sự giao thoa giữa hai mặt trận nầy. Ngoài ra, phía sau hai mặt trận nầy lại có những hoạt động của mạng lưới khủng bố Hồi giáo và mạng lưới tình báo chống khủng bố của Mỹ và Tây phương. Vì vậy, khi theo dõi cuộc chiến nầy, người ta phải nhìn tất cả bốn sân khấu.

1- Trên sân khấu quân sự ở A phú hãn thì khi tôi viết những dòng nầy, chánh quyền Taliban vừa rút khỏi Kabul và phân nửa miền bắc A phú hãn (15/11/01). Họ rút đi vì họ không chịu nổi những cuộc dội bom của Mỹ để có thể giữ vững một trận tuyến. Họ rút đi vì miền Bắc không phải là đất và dân của họ, nơi đó họ không thể phân tán quân ra để làm du kích chiến. Họ rút về lãnh địa của họ ở miền Nam và nơi đây cuộc chiến thật sự sẽ bắt đầu. Chuyện Taliban rút về thế du kích chiến là một chuyện mà mọi người đã thấy trước vì họ không có khả năng đánh những mặt trận lớn với Mỹ. Vả lại, chẳng thấy quân Mỹ đâu để mà đánh, chỉ thấy bom. Có thể họ cũng sẽ không cố giữ thủ đô của họ là Kandahar, nếu họ không có cơ hội đánh nhau thật sự với quân Mỹ. Rút về thế du kích có nhiều cái lợi như không còn mục tiêu cho Mỹ dội bom, tiếp liệu sẽ nhẹ nhàng hơn, và nhất là sẽ có những cơ hội để tập kích quân Mỹ đi lùng họ.

Theo một số quan sát viên thì có ba giả thuyết: một là Mỹ sẽ tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến xuống miền Nam; hai là vì không có quân, Mỹ tạm ngưng tiến quân để chờ chánh phủ mới ở Kabul ; ba là sẽ có một thỏa ước với Taliban để chấm dứt chiến tranh. Tôi thấy rằng chánh phủ Mỹ đang lúng túng trong việc lấy một quyết định, hoặc đánh luôn để bắt các lãnh tụ Taliban va Bin Laden đem ra xử án ; hoặc ngưng chiến, lập chánh phủ nhiều thành phần, tạm thời đem quân Liên hiệp quốc (LHQ) vào Kabul để quản trị A phú hãn v.v...Tôi thấy Mỹ muốn làm hai chuyện cùng một lúc, nhưng

vấn đề hơi tế nhị, bởi vì chẳng lẽ quân LHQ vào A phú hãn để 'bình định' những vùng vừa chiếm được, để Mỹ và quân miền Bắc rảnh tay tiếp tục đánh nhau trong vùng chưa giải phóng, và như thế biến quân LHQ thành đoàn quân đánh thuê cho Mỹ. Tôi thấy rằng vì đang trên đà thắng, nên Mỹ sẽ thử đẩy mạnh những cuộc tấn công trong một thời gian, và nếu cuộc chiến không dễ thắng như ở miền Bắc thì Mỹ sẽ vận động thành lập một chánh phủ ở Kabul và viện trợ chánh phủ nầy để họ đánh nhau với Taliban lâu dài.

Nhưng điều mà Mỹ đang hy vọng là thấy có những cuộc nổi loạn trong hàng ngũ Taliban hay trong dân Pastoun để làm tan rã Taliban. Điều nầy cũng có thể xảy ra vì CIA và Pakistan đang hoạt động ráo riết ở miền nam A phú hãn. Trong khi chờ đợi lấy một quyết định chiến lược, điều khó khăn nhất mà Mỹ đang đối diện là khoảng trống chánh trị và hành chánh ở Kabul và 50% lãnh thổ vừa được giải phóng, dưới quyền kiểm soát của Liên quân miền Bắc. Vì vậy mà một đội binh của liên minh Tây phương (Anh, Canada, Pháp v.v.) sẽ vào chiếm đóng A phú hãn như họ đã chiếm đóng Kosovo trước đây. Việc đem quân Tây phương vào A phú hãn có hai cái lợi cho Mỹ : một là để Mỹ có thể tiếp tục hành quân để bắt Bin Laden và các lãnh tụ Taliban ; hai là để làm giảm bớt ảnh hưởng của Liên minh miền bắc. Liên minh nầy, trái với lời hứa trước đây với Mỹ, đã vào kiểm soát thủ đô Kabul và cũng đang thiết lập những cơ cấu chánh quyền. Họ cũng đang kiểm soát hơn 50% xứ A phú hãn mà phe Taliban đã bỏ. Vấn đề ở đây là vì Liên minh nầy có liên hệ chặc chẽ với Nga, vì họ vốn là dân Tajik, Uzbek, Turmekistan, cùng sắc dân với những cựu Sô viết (nay vẫn còn là đàn em của Nga). Ngoài ra, từ mấy năm nay, sở dĩ họ cầm cự được với quân Taliban và còn giữ được một chút đất là nhờ Nga giúp đỡ. Vì lý do văn hóa và địa lý, mấy người lãnh tụ của Liên minh miền bắc sẽ chịu ảnh hưởng của Nga trong những cuộc thương thảo với Mỹ, nếu không thì sau đó chỉ có nước đi Mỹ mà sống.Trong cuộc chiến nầy, Nga đã thành một đồng minh quan trọng nhất của Mỹ, với nhiều lợi lộc. Nhờ có sự thỏa thuận của Nga, Mỹ mới xử dụng được những căn cứ quân sự của các nước cựu Sô viết. Nga không tham gia vào những cuộc hành quân, chỉ trang bị xe tăng, súng đạn và áo quần cho Liên minh miền Bắc, chi phí không đáng kể. Tiền ít nhưng thịt lại nhiều, bây giờ quân đội chiến thắng ở A phú hãn là quân thân Nga, Nga sẽ có tiếng nói quyết định trong tương lai chánh trị của A phú hãn. Nga đã lên tiếng không cho phe Taliban (dù là phe ôn hòa) tham gia chánh phủ tương lai, làm như thế để xuống cấp vai trò của Pakistan, vì Nga rất ghét Pakistan (Pakistan đã giúp kháng chiến A phú hãn đánh bại Nga). Taliban gồm những người thuộc giống dân Pastoun, một giống dân có hơn 10 triệu người ở Pakistan. Mỹ đã hứa với Pakistan rằng trong chánh phủ tương lai của A phú hãn sẽ những người Taliban, một điều kiện để Pakistan hợp tác quân sự với Mỹ. Nếu Nga và Liên minh miền bắc không nhân nhượng, chánh phủ của ông Musharaff sẽ bị mất mặt đối với dân chúng, và sẽ gặp nhiều khó khăn chánh trị. Ở Pakistan, những người thân Tây phương bỗng cãm thấy hụt chân. Họ tưởng rằng Pakistan có vai trò quan trọng số hai, chỉ sau Mỹ, trong việc giải quyết tương lai chánh trị của A phú hãn, bây giờ họ thấy Nga có vai trò quan trọng hơn họ và điều nầy làm mất uy tín Tổng thống Musharaff. Nhìn nụ cười của Tổng thống Putin trong mấy ngày nay, khi ông đang viếng thăm nước Mỹ, tôi không nghĩ rằng ông vui vì được nghe Tổng thống Bush hứa giảm bớt số hỏa tiễn, nhưng vì Nga đang thắng lớn ở A phú hãn.

2- Trên sân khấu thứ hai là cuộc chiến chánh trị, hay nói đúng hơn là cuộc chiến tâm lý giữa Mỹ và những người chống Mỹ trong thế giới Hồi giáo. Về phương diện tâm lý quần chúng Mỹ và Tây phương thì một hành động quân sự ngoạn mục và tức thời là cần thiết, nhưng nó lại gây nhiều phản ứng phụ (second effect) làm mệt nước Mỹ. Kẻ thù của Mỹ không phải chỉ một mình Bin Laden và không phải chỉ nằm ở Á-phú-hãn, mà nằm khắp nơi trong khối một tỷ người Hồi giáo trên thế giới và cuộc chiến đang xảy ra đã làm gia tăng số người tử thù nầy gấp trăm lần, ngàn lần. Không biết cuộc chiến quân sự rồi sẽ được kết thúc ra sao, nhưng ngay từ bây giờ người ta đã có thể thấy rằng nước Mỹ đang thua cuộc chiến tranh tâm lý. Khi người Á rập khắp thế giới mỗi ngày vừa được xem trên TV (đài Al-Jazeeri qua vệ tinh) hình ảnh chết chóc và đổ nát ở Á-phú-hãn và ở Palestine, vừa được nghe bình luận (bằng tiếng Á rập) về cuộc 'thánh chiến' nầy thì những lời tuyên bố ở Washington rằng nước Mỹ không chống người Hồi giáo, chỉ chống kẻ khủng bố, v.v...quả là vô ích. Nếu có thắng cuộc chiến quân sự ở Á-phú-hãn mà thua cuộc chiến tranh tâm lý trong toàn thế giới Hồi giáo thì nước Mỹ đã không thắng cuộc chiến tranh chống khủng bố , vì thế

giới Hồi giáo lại sẽ sản sinh ra những Bi Laden khác và hàng ngàn những kẻ sẵn sàng tự sát. Những sự thiệt hại của Mỹ về mặt tâm lý chiến trong thế giới Hồi giáo cũng như những sự xáo trộn chánh trị và xã hội lớn lao mà cuộc chiến nầy đã gây ra trong xứ Pakistan (có bom nguyên tử) sẽ đem lại nhiều hậu quả tai hại cho nước Mỹ và các nước Tây phương. Riêng về xứ Pakistan thì, như trên đã nói, họ đang bị Nga chơi trên đầu và họ sẽ có nhiều vấn đề nội bộ sau chiến tranh. Vì đồng đôla mà Pakistan đang đi với Mỹ, Mỹ sẽ phải bù đắp thêm nhiều đôla để dùng sự phồn thịnh làm nhẹ đi những căng thẳng xã hội.

3- Sân khấu thứ ba : Cho tới nay thì chiến dịch chống khủng có nhiều thành công lớn nhờ những cuộc vận động ngoại giao để có một sự liên kết quốc tế, nhờ đó mà nhiều người tình nghi đã bị bắt giữ khắp nơi, cũng như nhiều tiền bạc của phe nầy đã bị phong tỏa. Với sự hợp tác quốc tế và sự tăng cường về tình báo, có thể ngăn chận những cuộc khủng bố khác, có thể bắt thêm những người trong các tổ chức nầy và tạm thời làm tê liệt tổ chức Al-Qu'da, một cơ quan phối hợp, điều động và tài trợ cho hằng trăm tổ chức Hồi giáo chống Mỹ và Tây phương. Ngoài ra, những vụ chuyển ngân để ủng hộ Taliban hay mua võ khí cho nhóm nầy cũng sẽ bị phát hiện. Đúng lý ra, Mỹ và Tây phương đã phải hành động như thế nầy từ lâu.

4- Sân khấu thứ tư : Ánh đèn trên sân khấu nầy rất mù mờ. Không ai biết rõ mạng lưới khủng bố đã bị tê liệt hay chưa. Chánh phủ Mỹ chưa điều tra ra được vụ Anthrax. Tình hình tạm yên trong mấy ngày qua, nếu kể vụ phi cơ rớt ở New York như một tai nạn. Nhưng yên một tuần, một tháng, hay một năm cũng không phải là yên luôn. Có thể rằng trong lúc ông Bin Laden và bộ tham mưu của ông phải lẩn trốn, không để lộ tông tích nên không có ai phối hợp những hoạt động khủng bố, nhưng không ai dám nghĩ rằng mạng lưới khủng bố đã bị phá tan. Chuyện nầy khó.

*

Những nhóm khủng bố Hồi giáo đã đánh Mỹ một đòn quá đau. Trận chiến ở A phú hãn là một hành động của chánh phủ Bush để rửa mặt cho nước Mỹ. Đó là lý do chánh của cuộc hành quân. Kết quả nhắm tới việc lật đổ chánh quyền Taliban và giết được Bin Laden. Nhưng dù kết quả nầy có đạt được, những vấn đề của nước Mỹ đối với người Hồi vẫn còn nguyên vẹn. Những người khủng bố sẵn sàng tự sát để làm hại nước Mỹ vẫn còn đầy đủ, khắp nơi, có thể lại nhiều hơn. Nước Mỹ sẽ phải tiếp tục tăng cường anh ninh. Dân Mỹ sẽ phải tiếp tục lo âu, xưa chỉ ở ngoài nước, bây giờ ở ngay trong nước. Vấn đề thương mại toàn cầu dưới sự chỉ đạo của Mỹ tưởng sắp thành hình sẽ gặp nhiều trở ngại. Thế giới không thể tiếp tục như trước ngày 11 /9. Thật đáng tiếc ! Những người khủng bố đã thành công gây thiệt hại vô cùng lớn lao cho nước Mỹ, lớn lao gấp bội con số 4500 người chết và những tòa nhà bị sụp đổ ở New York. Vậy thì tại sao nước Mỹ không tìm một phương cách khác để hóa giải những thù hận ngút ngàn và trừ tận gốc những mầm mống gây ra khủng bố? Câu hỏi nầy vừa được đặt ra thì lập tức có kẻ chụp mũ những người đặt câu hỏi là 'chủ bại, ương hèn, giúp giáo cho giặc...' Những người đang lãnh đạo nước Mỹ (sau lưng chánh phủ) và giới truyền thông ủng hộ họ đã tức tốc tấn công những người nêu vấn đề đi tìm nguyên nhân sâu xa (root cause) gây sự thù nghịch trong chánh sách ngoại giao của Mỹ và đã đặt cho những người nầy một cái tên là 'root causers' để tiện việc tấn công cả đám. Họ không muốn dân Mỹ nghe nói tới những chuyện nầy, họ chỉ muốn dân Mỹ nghe nói tới khủng bố và trả thù, lấy máu và tiêu diệt những tên khủng bố. Lý do vì sao? Có ba lý do chánh:

1- Không biết vì sao Thượng đế đã xếp đặt để những nước Hồi giáo làm chủ hầu hết những giếng dầu hỏa, và nước Mỹ lại là nước cần dùng dầu hỏa nhiều nhất thế giới. Sự kiện nầy khiến nước Mỹ phải có một chánh sách ngoại giao đặc biệt đối với các nước Trung Đông để giữ vững nguồn tiếp liệu và điều hòa giá cả dầu hỏa. Cũng giống như chánh sách ngoại giao của Mỹ đối với các nước của 'Thế giới thứ ba' đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh chống Cộng vừa qua, nước Mỹ đã dùng những phương tiện của mình để thiết lập và ủng hộ những chánh phủ thân Mỹ mà hầu hết là độc tài, bạo lực và tham nhũng. Nước Mỹ cũng biết những tệ hại của các chế độ nầy, nhưng vì họ không có nhiều lựa chọn nên họ phải dùng những người như họ đang dùng đám quân miền bắc A phú hãn. Sau khi thất trận ở Việt Nam, Mỹ đã thấy rõ những tệ hại của các chánh quyền đồng minh loại nầy nên vào đầu thập niên 80 Mỹ đã dẹp bỏ tất cả các chế độ quân phiệt độc tài ở Trung và Nam Mỹ, giúp các xứ nầy dân chủ hóa và phát triển kinh tế, ủng hộ những chế độ dân cử. Kết quả vô cùng tốt đẹp, và hiện nay trừ

một xứ Colombia còn bất ổn, tất cả những nước khác đã có ổn định xã hội và chánh trị. Nhưng Mỹ vẫn tiếp tục chánh sách cũ ở Phi châu và ở Trung đông. Ở những nơi nầy, các chế độ độc tài tiếp tục ngăn cản việc dân chủ hóa xứ sở họ. Và tham nhũng đã ngăn cản việc phát triển kinh tế ở những nước đó. Nhưng thế giới lại có một cuộc cách mạng truyền thông khiến dân chúng có nhiều

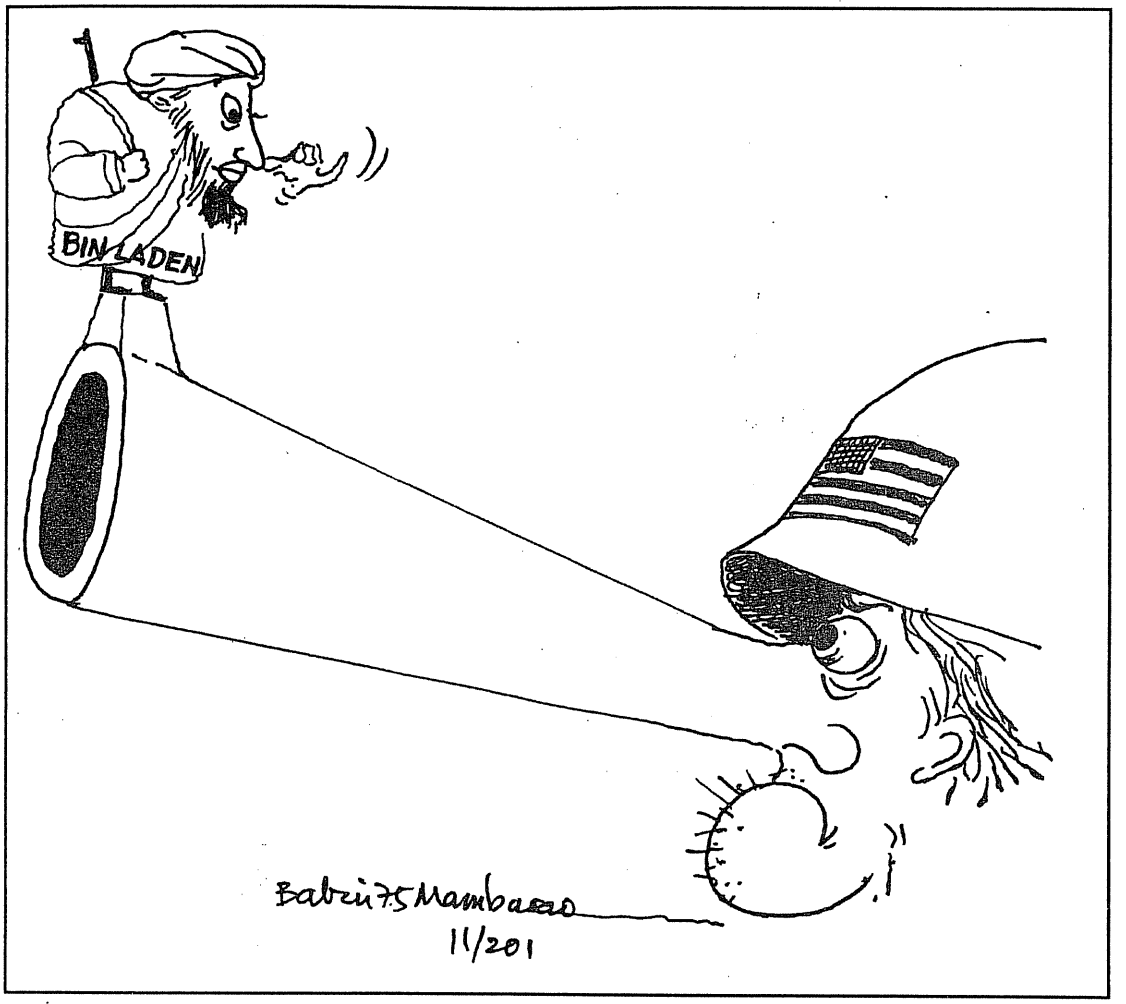

thông tin và những khuynh hướng chánh trị chống chánh quyền có nhiều phương tiện để tạo những luồng dư luận. Kết quả là những phong trào chống chánh quyền hay những luồng dư luận chống chánh quyền đã lan rộng trong dân chúng. Dân chúng thù ghét những chánh phủ của họ và ghét Mỹ. Người ta đã đổ lên đầu nước Mỹ tất cả những điều tệ hại trong các xứ nầy và còn phóng đại thêm những tội lỗi của Mỹ. Những thanh niên có ăn học và có nhiều suy tư lại bị thất nghiệp và nghèo đói, không có chuyện gì làm ngoài chuyện làm cách mạng. Nhà báo lão thành Mỹ Bob Simons, với 20 năm kinh ngiệm về Trung Đông, có nói rằng ở các xứ Trung đông 'thân Mỹ' như Ai Cập chẳng hạn, dân chúng ghét Mỹ vô cùng. Lý do là vì người ta nghĩ rằng nước Mỹ đã ủng hộ và ảnh hưởng nhiều vào những chánh phủ thối nát ở đó. Không ai quên chuyện Iran xảy ra cách nay đã 20 năm. Sau khi lật đổ ông Shah, chánh quyền mới (Khomeni) đã bắt tất cả nhân viên tòa đại sứ Mỹ, trói tay, bịt mắt, đi diễn hành ngoài phố trong sự reo hò của dân chúng. Chánh quyền Iran cũng biết đó là một hành động mất dạy, nếu không nói là điên rồ, nhưng họ làm vì dân chúng Iran chống Mỹ một cách cuồng nộ. Nước Mỹ đã làm gì ở Iran trước đó? Mỹ không có quân ở Iran, chẳng bắn giết ai cả. Người dân Iran ghét Mỹ chỉ vì ghét ông Shah, một kẻ được Mỹ bảo vệ để phục vụ quyền lợi Mỹ. Tình trạng chánh trị và xã hội ở nhiều nước Hồi giáo như Ai cập, Algeria v.v. cũng giống như Iran trước đây. Trong những thập niên trước, nhân danh tự do (chống CS độc tài), người Mỹ đã hiện diện ở những nước chậm tiến và ủng hộ những chánh phủ độc tài, tay sai

Mỹ. Bây giờ Cộng sản không còn nữa, người Mỹ vẫn tiếp tục hiện diện và tiếp tục ủng hộ những chánh phủ độc tài, thối nát ở Trung đông, cũng nhân danh tự do. Người dân chẳng ai tin. Đa số phủ nhận bằng sự sự cam phận, nhưng cũng có người phủ nhận bằng bạo lực. Điều nầy không thể tránh khỏi.

2- Vấn đề nước Do Thái: Chuyện dài giữa nước Do Thái với dân Palestinian nói riêng và người Á Rập nói chung ai cũng đã biết. Câu hỏi đặt ra là tại sao nước Mỹ lại ủng hộ nước Do Thái một cách quá đáng và vô lý như vậy? Câu trả lời là vì ở Mỹ có 10 triệu người Do Thái và những người nầy đang lũng đoạn nước Mỹ. Walt Street do người Do Thái kiểm soát. Tất cả những cơ quan truyền thông quan trọng như TV, báo chí cũng do người Do Thái kiểm soát. Các hãng phim lớn ở Hollywood do người Do Thái làm chủ v.v... Ông cựu TT Clinton từ ngày nghỉ việc đến nay đã được mời nói chuyện mấy lần, mỗi lần được trả một trăm ngàn đồng, tất cả đều do các hiệp hội người Mỹ gốc Do Thái mời. Ai cũng có thể đoán biết được ông đã làm gì cho nước Do Thái và người Mỹ gốc Do Thái trong lúc ông tại chức để được trả ơn như thế khi về hưu. Ba triệu người dân của nước Do Thái đã ỷ lại vào sự ủng hộ vô điều kiện của Mỹ nên đối xử tàn tệ với người Palestinian, vốn là cư dân của vùng đất Palestine từ 2000 năm qua, trước khi nước Do Thái được thành lập vào năm 1945. Người Do Thái bảo rằng tổ tiên của họ đã ở đó cách nay 2000 năm, vì vậy vùng đất nầy là của họ, người Palestinian phải đi nơi khác mà sống, muốn sống ở đây phải xin làm dân Do Thái (hạng hai) và tuyên thệ trung thành với xứ Do Thái. Ngoài ra, Do Thái cũng cấm những người Palestinian từ các trại tỵ nạn ở Liban, Jordany v.v... không được trở về vùng đất Palestine. Mỗi ngày đều có xung đột, và mỗi ngày đều có người Palestinian bị quân đội Do Thái giết. Nước Mỹ đang mang 10 triệu người Do Thái trên vai, những người nầy lại đang đội ba triệu người khác trên đầu, và ba triệu người nầy lại không chịu ngồi yên. Nước Mỹ phải làm cho họ ngồi yên!

3- Vấn đề tôn giáo: Lý do sâu xa của cuộc chiến hôm nay là sự xung đột giữa Hồi giáo và Thiên chúa giáo trong 10 thế kỷ qua. Đây là hai tôn giáo cùng chủ trương độc tôn, tin chỉ có MỘT Thượng đế được định nghĩa theo thánh kinh của mình. Ai không tin theo Thượng đế của mìnnh là những người ngoại đạo, và trong nhiều bối cảnh, đã bị coi như những kẻ thù. Mối thù máu đã phát khởi vào thế kỷ thứ 11 khi người Thiên chúa giáo khởi binh làm cuộc thánh chiến (crusade) để chiếm đất và tàn sát người Hồi giáo. Hai phe đánh nhau nhiều trận chí tử, kéo dài cả thế kỷ, nhưng tổng kết thì phe Hồi giáo bị thua. Chuyện crusade vẫn nằm trong tâm khảm người Hồi giáo và người Thiên chúa giáo qua các thế hệ, trong 10 thế kỷ qua. Danh từ crusade được người Thiên chúa giáo nói đến với sự hãnh diện và thỏa mãn, trong khi người Hồi giáo nghe đến danh từ nầy với hận thù và cay đắng. Sau ngày 11 /9, một chánh trị gia như TT Bush cũng đã dùng chữ crusade khi nói đến cuộc chiến của nước Mỹ, hôm sau đã phải cải chánh, nói rằng cuộc crusade của ông không phải để chống người Hồi giáo mà chỉ để chống khủng bố. Nhưng chuyện xung đột tôn giáo nầy là một chuyện xâu xa. Tuy rằng không mấy ai có khả năng thay đổi niềm tin tôn giáo hay xóa bỏ những đắng cay của lịch sử, nhưng chuyện nầy cũng không phải là nguyên nhân trực tiếp tạo ra hàng trăm người cảm tử chống Mỹ. Chuyện trực tiếp là thực tại chánh trị đang xảy ra ở Trung Đông, là chánh sách của Mỹ ở vùng nầy.

*

Bây giờ, nếu chúng ta xét những lý do gây ra xung đột thì, thứ nhất, người ta thấy nước Mỹ khó có khả năng thay đổi chánh sách của mình đối với các nước Trung Đông vì sợ những thay đổi nầy sẽ gây bất ổn trong việc tiếp liệu hay trong giá cả dầu hỏa, hậu quả làm suy yếu kinh tế Mỹ và Tây phương. Xét lý do thứ hai, người ta thấy nước Mỹ cũng khó thay đổi chánh sách của mình đối với nước Do Thái vì chánh phủ nào, dù Dân chủ hay Cộng hòa, cũng phải chịu ảnh hưởng của những người Mỹ gốc Do Thái. Nước Mỹ như dủng sĩ trên lưng cọp. Lý do thứ ba, chuyện tôn giáo, sẽ mãi có căng thẳng khi đầu óc mọi người không được cởi mở hơn.

Trước thế kẹt đó của nước Mỹ, những nhà trí thức ở Mỹ cũng có thấy vấn đề nhưng không dám lên tiếng, vì sợ cái gì đó. Vả lại, nếu họ có lên tiếng thì đó cũng sẽ là những tiếng nói lẻ loi, không tạo được một dư luận trong quần chúng, vì bộ máy tryền thông của nước Mỹ không muốn biết tới họ. Cũng như trường hợp những người đang tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam, những kiến nghị, những kháng thư chỉ được lưu hành luẩn quẩn trong một nhóm nhỏ hẹp, vì bộ máy truyền thông do chánh quyền kiểm soát đã không nói tới họ. Việt Nam là một nước độc tài toàn trị,

bộ máy truyền thông nằm trong tay những kẻ nắm quyền lực chánh trị. Nước Mỹ, ngược lại, là một nước dân chủ, tự do, nhưng bộ máy truyền thông cũng lại nằm trong tay những kẻ nắm quyền lực kinh tế. Người ta để ý thấy một nước văn minh, tiến bộ, giàu có, với 250 triệu dân như nước Mỹ mà lại không có nhiều diễn đàn chánh trị. Đó có thể là nguyên nhân, nhưng cũng có thể là hậu quả của việc không có nhiều dị biệt chánh trị giữa 250 triệu người Mỹ. Chỉ có nhiều dị biệt về tập tục giữa những giống dân đến từ những xứ khác nhau, nhưng không có nhiều dị biệt về tư tưởng chánh trị. Nói chung thì đa số người Mỹ không để ý tới tư tưởng chánh trị. Dân Mỹ ít để ý tới nhân loại, đến những vấn đề môi sinh toàn cầu, đến sự tụt hậu của hơn phân nửa nhân loại. Nếu có nhớ tới nhân loại thì chỉ có những hành động bố thí. Chuyện 'ít dị biệt' có cái lợi là tạo một xã hội thuần nhất, ổn định, sản xuất cao, nhưng nó cũng tạo nên nhiều quán tính trong xã hội Mỹ. Nếu trên phương diện kinh tế, nước Mỹ rất năng động và có khả năng thích ứng to lớn với những biến đổi, trên phương diện chánh trị, nước Mỹ rất ù lì. Từ ngày lập quốc cho đến nay, đã hơn 200 năm, nước Mỹ không có cải tổ chánh trị nào quan trọng cả, và những lộn xộn trong cuộc bầu cử Tổng thống vừa qua cho thấy nhiều vấn đề. Cũng vì nặng quán tính chánh trị, nước Mỹ đang có 40 triệu người không có bảo hiểm y tế, vì việc cải tổ y tế cứ bị ngăn trở bởi những thế lực tài phiệt, trong khi xã hội không tạo được một dư luận đòi hỏi mạnh hơn những thế lực nầy. Cũng vì những thế lực ngăn trở, nước Mỹ không thay đổi được chánh sách ngoại giao, tuy rằng cộng sản không còn nữa. Ngược lại, nước Mỹ ngày càng tiến xa hơn trong việc chế ngự kinh tế toàn cầu, đồng thời bước những bước lùi trong việc bảo vệ môi sinh.

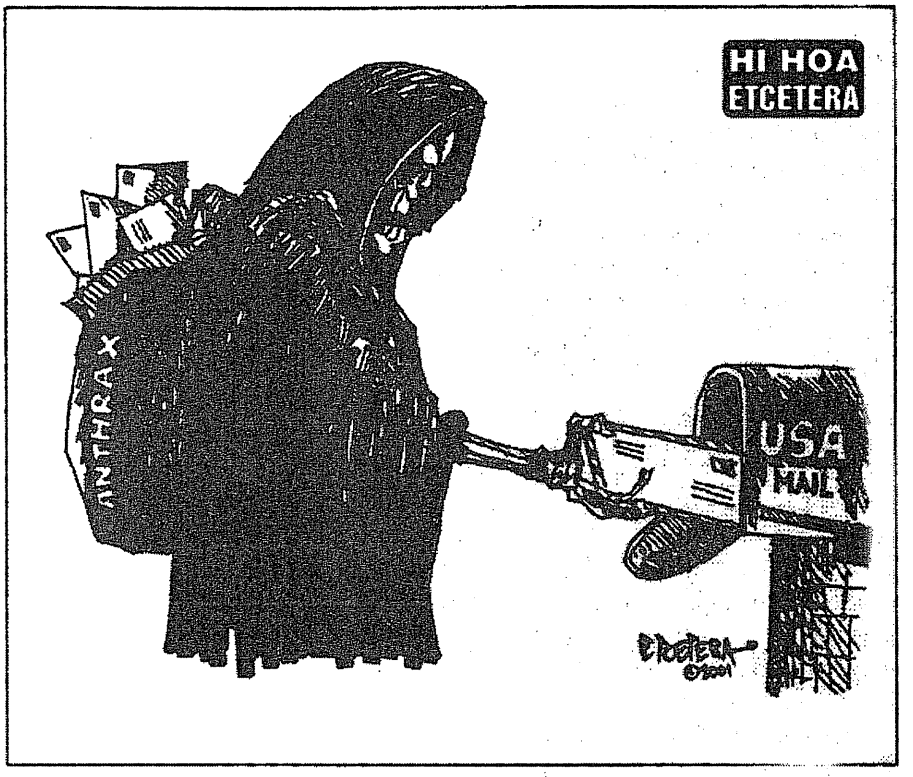

Vậy thì cuộc chiến 'nửa nóng, nửa lạnh' giữa nước Mỹ và thế giới Hồi giáo sẽ còn kéo dài rất lâu, sau cái ngày chiến tranh A phú hãn chấm dứt. Cuộc chiến nầy sẽ làm tăng nhiệt độ trong xã hội các nước Hồi giáo thân Mỹ cho tới ngày nào có những thay đổi lớn lao xảy ra trong các nước nầy, cũng như nó đã xảy ra ở Iran đối với ông Shah trước đây, cũng như TT Sadat của Ai Cập đã bị bắn chết, v.v. Nhưng lần nầy, những đổi thay sẽ kịch liệt hơn vì sức nóng trong các xã hội Hồi giáo sẽ làm tan biến khối người trí thức ôn hòa và ngược lại, biến những người dân vô tư cam chịu thành những người năng động chánh trị. Nếu Mỹ không có những điều chỉnh cần thiết trước thì thế giới sẽ phải sống trong một hoàn cảnh vô cùng phức tạp, với Mỹ và Tây phương phải đối đầu một đàng với một tỷ người Hồi giáo có bom nguyên tử và kiểm soát hầu hết dầu hỏa, đàng khác với hơn một tỷ người Trung Hoa cũng có bom nguyên tử và muốn làm bá chủ Đông Nam Á.

Montreal ngày 15 tháng 11 năm 2001

MỘT VẤN ĐỀ THEN CHỐT:

MUỐN THAY ĐỔI CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI PHẢI THAY ĐỔI VĂN HÓA VÌ NÓ LÀ YẾU TỐ CĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH

TÔN THẤT THIỆN

Trước đây, tôi đã có dịp luận bàn về quyển *Tổ Quốc Ăn Năn* của Ông Nguyễn Gia Kiểng. Lúc đó, vì tác phẩm rất dài và đề cập đến rất nhiều khía cạnh của vấn đề, tôi chỉ bàn được về khía cạnh mà tôi cho là đáng chú ý nhất: phương thức tiếp cận hiệu nghiệm để thấu hiểu vấn đề phát triển. Những khía cạnh khác tôi không bàn đến được Nay, trong *Thông Luận*, tháng 9, 2001 tôi lại được đọc thêm một bài nữa của Ông Kiểng, cũng về đề tài chính của TQAN.

Bài trên đây mang tít: "Một ý kiến về lịch sử". Nó tương đối dài, và gồm hai phần.

Phần I, "Thế nào là một triết lý về lịch sử?", bàn về triết lý và đặc biệt là về lý thuyết về lịch sử của Hegel. Đây là một vấn đề triết lý trừu tượng không liên quan trực tiếp và thực tế đến vấn đề phát triển. Phần II, "Lịch sử là gì và có vai trò nào?", chiếu thẳng vào vấn đề căn bản này. Vì vậy, nó rất thích hợp, và cho ta dịp bàn thêm về TQAN.

Đúng ra thì Phần II nên được ghép vào cuối TQAN. Vì nó có hai đặc điểm. Một là nó tóm lược những đề cương của TQAN một cách gọn gàng và rõ ràng, và thêm nữa, nó trình bày một vấn đề rất khó, rất tế nhị, một cách khách quan, nhẹ nhàng, không có tính cách khiêu khích hay "thụt lét" những độc giả nhậy cảm! Hai là nó có thể được coi như một sự nối dài của TQAN, hay một triển khai của đề tài đã bàn dài dòng trong tác phẩm này. Nhưng cũng vì vậy mà nó nêu ra một số vấn đề chắc đã làm cho nhiều người băn khoăn và phải đặt ra.

Tuy nhiên, muốn bàn về những vấn đề trên đây thì phải nắm vững những đề cương mà ông Kiểng đã nêu ra trong TQAN, mà có thể nhiều người không thấy hay không nhớ rõ vì đọc tác phẩm đã lâu, hoặc không biết vì chưa có đọc tác phẩm. Vậy cần đăng lại Phần II đó để mọi người đều có chất liệu chính xác cứu xét.

Phần II của bài "Một ý kiến về lịch sử" , trích ở *ThôngLuận,* như sau:

Lịch sử là gì và có vai trò nào?

Lịch sử chắc chắn là do con người tạo ra trong khi ứng xử với môi trường sinh sống. Trong một bối cảnh địa lý nhất định, lịch sử của một dân tộc phần lớn là sản phẩm của dân tộc đó. Phần lớn dù không phải là tất cả, bởi vì cũng có những điều kiện thiên nhiên và những yếu tố ngoại lai, thí dụ như những trận động đất và những cuộc xâm lăng của nước ngoài. Nhưng ngay cả trong những trường hợp ấy, nếu dân tộc phản ứng một cách khác thì hậu quả cũng sẽ khác và lịch sử cũng sẽ khác. Các nước châu A đã ứng xử khác nhau khi tiếp xúc với phương Tây và các lịch sử cận đại của họ đã khác nhau. Một dân tộc càng văn minh và đông đảo thì phần chủ động trên lịch sử lại càng lớn.

Lịch sử có phải là một chuỗi biến cố tình cờ hay không?

Câu hỏi có vẻ ngây ngô nếu ta đã nhìn nhận con người có khả năng thay đổi lịch sử, nhưng cho tới một ngày rất gần đây quan niệm của chúng ta là như thế. Chúng ta không hề đặt câu hỏi tại sao lịch sử lại diễn ra như nó đã diễn ra. Hay dù có đặt câu hỏi chúng ta cũng hài lòng với những giải đáp hời hợt. Thí dụ sở dĩ nước ta đã bỏ lỡ cơ hội canh tân và bị ngoại thuộc là vì các vua Minh Mạng và Tự Đức qua tăm tối, hay chủ nghĩa cộng sản đã được thiết lập tại Việt Nam là vì có ông Hồ Chí Minh. Như vậy thì cũng chỉ là những tình cờ mà thôi. Tình cờ mà chúng ta đã có những ông vua nhà Nguyễn mù quáng và cũng tình cờ mà Việt Nam đã có ông Hồ Chí Minh.

Nhưng tại sao dưới thời nhà Nguyễn chúng ta cũng đã có những con người nhìn thấy nhu cầu canh tân mà họ không làm gì được? Tại sao đã có và có nhiều người nhìn thấy sự độc hại của chủ nghĩa cộng sản, và nhiều người đã hy sinh tính mạng để chống lại nó, nhưng chế độ cộng sản

vẫn được thiết lập? Và câu hỏi nhức nhối hiện nay là tại sao đa số đảng viên của chính đảng cộng sản đã thấy là phải dân chủ hóa mà đảng cộng sản vẫn ngoan cố trong độc tài toàn trị? Như vậy chắc chắn phải có một cái gì đó mạnh hơn quyết định các biến cố.

Nhưng "cái gì đó" là cái gì?

Trước một thử thách và một thực tại xã hội, mỗi cá nhân cũng như mỗi dân tộc đều có thể có những cách ứng xử khác nhau: phấn khởi tham gia, chấp nhận, chịu đựng, đào thoát, phản kháng v.v. Cách ứng xử đó quyết định những gì sẽ xảy tới, nghĩa là một thực tại mới. Nhưng tại sao các dân tộc lại ứng xử cách này thay vì cách khác? Đó là do một cấu trúc tâm lý khiến ta thấy nên và phải làm như thế. Mỗi cá nhân quyết định cho mình, nhưng một cộng đồng luôn luôn có một mẫu số văn hóa chung nào đó nếu không thì không phải là một cộng đồng. Do đó các quyết định cá nhân (chấp nhận một cách ứng xử bắt buộc cũng là một quyết định) trong một dân tộc cuối cùng cũng vẫn có những điểm giống nhau tạo ra một cách ứng xử áp đảo của đa số và quyết định những gì sẽ xảy tới. Cấu trúc tâm lý của một dân tộc là kết quả của một văn hóa chung. Văn hóa chung này, trong phạm vi xã hội, là toàn bộ những giá được đại bộ phận dân chúng chia sẻ và, do đó, quyết định cách suy nghĩ và hành động của xã hội. Các giá trị này có thể hình thành với thời gian do điều kiện sinh sống, cũng có thể do bị một thế lực thống trị lâu đời áp đặt và cũng có thể do những cố gắng suy tư của chính dân tộc đó.

Văn hóa quyết định cách ứng xử, cách ứng xử tạo ra một thực tại, thực tại này đặt ra những thử thách mới và chờ đợi những phản ứng mới. Lịch sử tiến hành như thế, thực tại của giai đoạn trước là lịch sử của giai đoạn sau. Nói một cách khác, động cơ chính, dù không phải duy nhất, của lịch sử là văn hóa. Thực tại, trong chiều ngược lại, cũng có thể tác động lên văn hóa và làm thay đổi văn hóa; nhưng sự khác biệt l^à ở chỗ tác động của thực tại lên văn hóa đến rất sau và rất chậm. Cuối cùng thì chính văn hóa là yếu tố chính quyết định thực tại xã hội, trong đó hai yếu tố chính là chế độ chính trị và tổ chức xã hội. Lịch sử như vậy là thể hiện của văn hóa. Lịch sử vừa giải thích số phận vừa phơi bày chân dung văn hóa của các dân tộc.

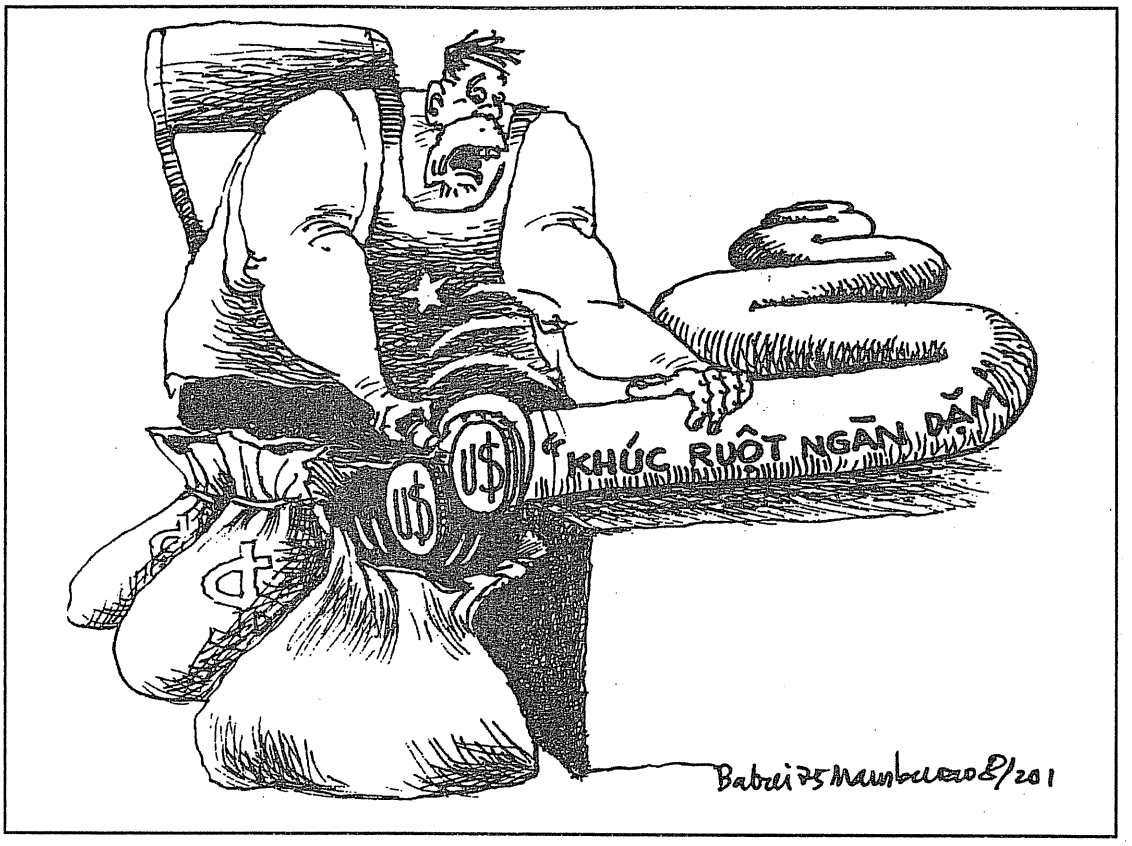

Cần lưu ý là nhận thức về lịch sử, chủ yếu là cách đánh giá tầm quan trọng của các biến cố và cách đánh giá các nhân vật lịch sử, cũng là một

phần khắng khít của lịch sử bởi vì nó ảnh hưởng trực tiếp lên sự chọn lọc và trình bày các biến cố mà các thế hệ sau gọi là lịch sử. Như vậy văn hóa không những chỉ là động cơ chính của lịch sử mà còn viết ra lịch sử bởi vì nhận thức về lịch sử cũng phần lớn là sản phẩm của văn hóa.

Con người có thể tác động lên lịch sử và thay đổi dòng lịch sử được không?

Có, nếu tác động được lên văn hóa. Nhưng ai có thể tác động được lên văn hóa. Đó là các triết gia và các nhà tư tưởng. Dụng cụ làm việc của họ có thể đa dạng. Một nhà tư tưởng có thể viết sách hoặc viết báo như đa số các nhà tư tưởng thường làm, cũng có thể chỉ diễn thuyết như Socrates; nhưng họ cũng có thể làm nhạc, làm thơ hoặc vẽ tranh, nếu tác phẩm của họ chuyên chở tư tưởng thì họ vẫn là những nhà tư tưởng.

Như thế, một dân tộc chỉ có thể chủ động được lịch sử của mình nếu có những triết gia và những nhà tư tưởng. Nếu không dân tộc đó sẽ chỉ chịu đựng chứ không làm chủ được lịch sử, nghĩa là không làm chủ được số phận của mình.

Nhưng tác động lên văn hóa rất khó. Văn hóa là kết tinh của cuộc sống tinh thần và vật chất trong suốt quá trình tồn tại kéo dài nhiều ngàn năm. Nó được bảo vệ bởi cả một thành trì kiên cố của tập quán, thành kiến, tín ngưỡng, quyền lợi, quyền lực và cả đam mê. Muốn thay đổi nó phải có những con người thật xuất chúng và dũng cảm, những con người mà một mình thực tại không tạo ra được. Cái giá phải trả cho một khai thông tư tưởng thường rất cao. Trong đại bộ phận nó là những cuộc sống hẩm hiu, âm thầm cống hiến cho những cố gắng bị người đương thời chối bỏ. Nó cũng có thể là những tai họa. Socrates và Jesus Christ đã phải đem tính mạng để trả giá cho tư tưởng của mình. Nhưng các nhà tư tưởng vẫn là những người thực sự lãnh đạo xã hội ngay cả khi họ phải bỏ mình nơi pháp trường giữa tiếng hò hét thù ghét của đám đông. Các chính quyền và những người cầm quyền chỉ là sản phẩm và công cụ của lịch sử do văn hóa quyết định, những con người do thời thế tạo ra và đàng nào cũng có trong mỗi giai đoạn.

Chúng ta là một dân tộc không có triết gia và tư tưởng gia vì thế chúng ta không chủ động được lịch sử và số phận của chúng ta. Văn hóa của chúng ta chỉ là kết hợp của nếp sống phu sa - lúa nước và văn hóa Khổng Giáo mà kẻ thống trị phương Bắc áp đặt trong hàng ngàn năm. Chúng ta đã không xây dựng ra nền văn hóa đó bằng cố gắng tư tưởng của chính mình và cũng không thay đổi nó. Văn hóa của ta không thay đổi cho nên ta không có lịch sử đúng nghĩa. Cái mà ta gọi là lịch sử chỉ là những xung đột không tránh khỏi của một khối người ngày càng đông mà không có ý thức xây dựng một tương lai chung. Văn hóa không thay đổi thì xã hội cũng không thay đổi. Những biến cố lịch sử của chúng ta hoặc chỉ là những xáo động trong một khuôn khổ có sẵn và xảy đến một cách tình cờ, hoặc chỉ do sự áp đặt của những biến cố ngoại lai mà chúng ta không hiểu và đón nhận một cách bối rối. Chúng ta giải thích những lúc thịnh - suy, chiến tranh - hòa bình, những thay ngôi đổi vị bằng hành động của những con người, chúng ta tôn vinh hay kết án những nhân vật lịch sử như là tác giả những phúc họa trong khi thực ra chính họ không đem lại thay đổi thực sự nào. Họ chỉ là những con người hợp lý nhất trong một thực tại xã hội nào đó.

Vấn đề hiện nay của chúng ta là phải rũ bỏ chế độ độc tài này để có dân chủ mà vươn lên. Nhưng chế độ cộng sản có phải ngẫu nhiên mà có không? Đảng cộng sản đã trải qua nửa thế kỷ phấn đấu cam go mới giành được chính quyền (họ dùng chữ "cướp" chính quyền). Trong suốt quá trình phấn đấu đó họ luôn luôn ít phương tiện hơn đối phương, phương tiện vật chất cũng như phương tiện trí tuệ. Nhưng sau cùng họ vẫn vượt qua được trở ngại và toàn thắng. Vậy thì chế độ cộng sản mà họ thiết lập có thể tồi dở nhưng không nghịch lý. Nó thể hiện một tổng hợp văn hóa giai đoạn của chúng ta, giữa văn hóa Khổng Giáo mà chúng ta trân trọng từ hàng ngàn năm và văn hóa phương Tây mà chúng ta bắt đầu tiếp nhận từ thế kỷ 16, nhất là từ hơn một thế kỷ nay.

Văn hóa nào chế độ đó. Chống lại chế độ cộng sản mà lại khăng khăng bảo vệ văn hóa truyền thống là một thái độ rất sai, sai một cách bi đát, bởi vì chế độ này không gì khác hơn là một sản phẩm của chính văn hóa truyền thống của chúng ta trong khi va chạm với phương Tây. Nó được chính văn hóa truyền thống của chúng ta đẻ ra và nuôi dưỡng. Như thế, người ta vẫn có thể vô tình tiếp tay củng cố nó trong khi tưởng rằng mình đang chống lại nó. Muốn thay đổi chế độ này thì phải thay đổi văn hóa. Sẽ không thể có giải đáp trong đường xưa lối cũ. Những ý kiến mới có thể là sai, nhưng cách suy nghĩ và hành động cũ chắc chắn là không giúp ta tìm ra lối thoát. Một cách có vẻ nghịch lý chỉ những ý kiến khi mới phát biểu đã gặp chống đối gay gắt

mới có thể là giải đáp cho tình thế.

Chúng ta đã nói thay đổi văn hóa rất khó và rất lâu. Nhưng trong thời đại này tư tưởng có thể truyền bá rất nhanh chóng. Vả lại tâm lý và văn hóa Việt Nam cũng đã thay đổi. Cách đón nhận cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn* là một bằng chứng.

(trích *Thông Luận*, số 151, tháng 9, 2001)

Đọc TQAN và Phần II của bài "Một ý kiến về lịch sử" trên đây, độc giả đã suy nghĩ nhiều về vấn đề phát triển không tránh đặt hai câu hỏi sau đây:

1/ Sau khi đã nhận diện được vấn đề, và chắc chắn rằng vấn đề căn bản, then chốt đó là một vấn đề văn hoá, và đồng ý với ông Kiểng rằng "chính văn hoá là yếu tố quyết định thực tại xã hội, chế độ chính trị và xã hội...Văn hoá nào chế độ đó...Muốn thay đổi chế độ này [cọng sản] thì phải thay đổi văn hoá", thì phải lấy thứ VĂN HOÁ – HỆ THỐNG GIÁ TRỊ — NÀO thay văn hoá hiện tại, văn hoá "truyền thống" đã khống trị xã hội Việt Nam suốt hai ngàn năm nay?

2/ Làm thế nào thay đổi văn hoá "truyền thống", hay AI là người có thể làm cho XÃ HỘI VIỆT NAM từ bỏ văn hoá truyền thống đó, khi nó là văn hoá của toàn thể xã hội, từ người trí thức ở thành thị đến người lao động ít học, và nhứt là người nông dân càng ít học, ít tiếp xúc với bên ngoài hơn nữa và thuộc về giới bảo thủ nhứt của xã hội...?

Ông Kiểng đã xét lại toàn bộ lịch sử của Việt Nam và kết luận rằng chướng ngại căn bản của tình trạng bế tắc của xã hội Việt Nam là văn hoá Khổng giáo. Điều này đúng. Trong suốt chiều dài của lịch sử Việt Nam, và đặc biệt trong hai thế kỷ qua, cho đến ngày nay, văn hoá "truyền thống" mà chúng ta theo căn bản vẫn là văn hoá Khổng giáo. Cốt lõi của những giá trị của hệ thống này xếp theo một thứ tự ưu tiên hàng dọc mà những người nay ở lứa tuổi 60 trở lên đều quen thuộc từ hồi còn nhỏ: Sĩ, Nông, Công, Thương. Trong hệ thống giá trị này, thật ra thì chỉ có Sĩ và Nông là được thật sự coi trọng. Sự kiện này được diễn tả trong câu: 'Nhứt sĩ, nhì nông, hết gạo chạy rông, nhứt nông nhì sĩ". Thương và Công thì bị khinh dễ, tuy rằng, như Ông Kiểng nhấn mạnh trong TQAN, và ai có học lịch sử kinh tế đều biết, hai ngành đó mới chính là hai ngành chiếm hàng đầu trong sự tạo ra của cải trong ba thế kỷ vừa qua, giúp cho toàn bộ xã hội có điều kiện để phát triển. Ngày nay, ngoài Thương mãi và Công nghệ còn có hai yếu tố khác, mà các kinh tế gia đều coi như quyết định của phát triển: đó là Quản lý và Khoa học kỹ thuật. Các yếu tố được coi là yếu tố chính của phá triển trước thế kỷ 20 — tài nguyên thiên nhiên, lao động, và tư bản — nay không còn được coi là quyết định nữa. Thuyết mác xít nay cũng lỗi thời như Khổng giáo.

Hệ thống trên đây cần được thay thế bằng một hệ thống giá trị mới, để cho xã hội Việt Nam phát triển dễ dàng, nhanh và mạnh. Để tránh dài dòng, tôi xin thâu tóm sự thay đổi đó trong bức hình dưới đây.

Sĩ Nông Công Thương —> Thương Nông Công Sĩ

Không theo thứ tự ưu tiên hàng dọc nữa, mà ngang hàng nhau hết.

Dưới đây, "Sĩ" bị thay thế bởi "Kỹ"

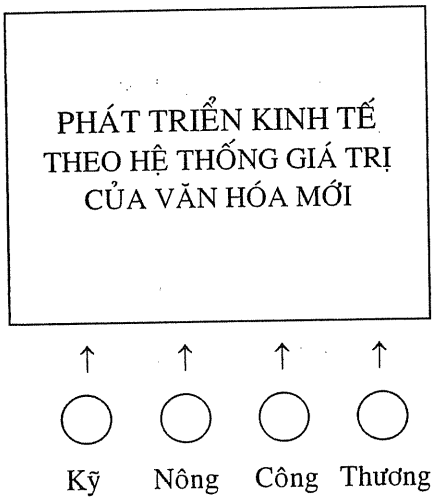

Theo văn hoá mới, phát triển quốc gia là kết quả của một sự cố gắng chung của mọi thành phần xã hội. Các thành phần xã hội không sắp theo thứ tự hàng dọc nữa, mà sắp theo thứ tự hàng ngang để nói lên tầm quan trọng ngang nhau của các thành phần đó theo văn hoá mới

"Sĩ" đây không hiểu theo nghĩa cũ nữa – người chỉ lo cho "văn hay chữ tốt", trọng văn, chỉ biết thơ, phú, kinh sử, và mối bận tâm chính là thi đỗ để làm quan, không đóng góp gì vào việc tạo ra của cải —. "Sĩ" ở đây phải hiểu theo nghĩa mới — người dùng trí tuệ của mình hấp thụ kiến thức khoa học kỹ thuật để cải thiện cái cũ, phát minh cái mới, đẩy nước tiến không ngừng trên con đường canh tân, giúp cho Nông, Công, Thương cập nhật và thêm khả năng tạo ra của

cải, nâng cao mức sống của dân, sức mạnh của nước, làm cho "dân giàu nước mạnh", theo đúng nghĩa của nó. "Kỹ" là kẻ "Sĩ" trong hệ thống giá trị mới. Nó gồm cả Khoa học Kỹ thuật lẫn Quản Lý.

Riêng về Thương mãi, nghành bị khinh miệt nhất trong hệ thống giá trị "truyền thống", nay phải được đưa lên ngang hàng với các nghành khác. Ai đã có viếng các thành thị-thương cảng như Hamburg, Amsterdam, London, New York, San Francisco, Los Angeles, , và nhứt là Hồng Kông và Singapore, thì thấy ngay cảnh giàu sang của các thành thị đó, và hiểu ngay rằng sự giàu sang của họ là do thương mãi tạo ra qua thời gian.

Câu hỏi thứ hai là: ai có thể tác động được lên văn hoá? Chính ông Kiểng cũng thấy cần đặt câu hỏi này, và ông trả lời: "Đó là các triết gia và các tư tưởng gia". Nếu ta nghĩ đến vai trò của những nhà "Bách khoa" (Encyclopédistes) và tư tưởng gia Pháp, như Rousseau, Voltaire, Montesquieu v.v...và ảnh hưởng của họ đối với lịch sử Pháp và Âu châu, thì cũng đúng. Nhưng Ông Kiểng nhận xét rằng "Chúng ta là một dân tộc không có triết gia và tư tưởng gia...". Tuy nhiên, trong thực tế, vấn đề chính không phải là ở đó. Vấn đề chính, như Ông Kiểng cũng công nhận, là "tác động lên văn hoá rất khó", vì "Văn hoá là kết tinh của đời sống và vật chất trong suốt quá trình tồn tại kéo dài nhiều ngàn năm. Nó được bảo vệ bởi cả một thành trình kiên cố của tập quán, thành kiến, quyền lợi, quyền lực và đam mê."

Văn hoá "truyền thống" của Việt Nam, căn bản xây trên Khổng giáo, hay, đúng hơn trên Tam giáo – Khổng, Phật, Lão – đã ngự trị xã hội ta hàng nghìn năm. Như Ông Kiểng nhận xét, nó là kết hợp nếp sống phù sa – lúa nước và văn hoá Khổng giáo mà kẻ thống trị phương Bắc [Trung quốc] áp đặt trong hàng ngàn năm. Sự kết hợp này đã cho phép người Việt hoàn thành cuộc Nam tiến, trong đó người dân sống ở những vùng đất mới, muốn tồn tại, phải dựa vào sự bảo vệ che chở của chính quyền, nhưng ngược lại, họ phải chấp nhận phục tùng chính quyền này một cách tuyệt đối. Tình trạng này kéo dài đến khi Pháp chiếm đóng Việt Nam. Người Pháp tiếp tục chế độ chuyên chế xây trên văn hoá "truyền thống" đó, vì nó tiện lợi cho họ. Cọng sản cũng làm y hệt người Pháp. Trong TQAN, ông Kiểng nói: chế độ cọng sản Việt Nam hiện nay là "một chế độ Khổng giáo hiện đại hóa". Đúng hơn nữa, nó là "một chế độ thực dân Pháp hiện đại hoá".

Vì chế độ cọng sản đang thống trị Việt Nam hiện nay nên nó là chướng ngại vật chính trước mắt, và vấn đề ưu tiên hiện nay là thay thế chế độ đó đi. Tuy nhiên, thay thế chế độ cọng sản hiện tại chỉ là một phần tương đối phụ và nhỏ. Vấn đề chính và lớn vẫn là làm sao thay đổi văn hoá "truyền thống". Muốn giải quyết vấn đề cần phải có một nhóm người lãnh đạo có nhiều tâm huyết, sáng suốt, biết rõ phải làm gì, có quyết tâm thực hiện những điều cần thiết, có uy tín lớn, có tài tổ chức, biết vận động quần chúng, có khả năng lôi kéo, thôi thúc 76 triệu người — đặc biệt là giới nông thôn – từ bỏ những giá trị văn hoá đã ăn sâu vào trí não của họ.

Nhóm cứu tinh Việt Nam hiện nay là ai? ở đâu? Một trong những nhiệm trách lớn của "những triết gia và những nhà tư tưởng" mà Ông Kiểng nhắc đến là tìm ra "những con người xuất chúng và dũng cảm, những con người mà một mình thực tại không tạo ra được" đó. Đây là một công trình đòi hỏi sáng suốt, kiên nhẫn, quyết tâm, và thời gian. Chúng ta không nên tuyệt vọng, nhưng cũng không nên ảo tưởng rằng việc này dễ dàng./.

Ottawa, tháng 11, 2001

Đã phát hành

DĂM BA ĐIỀU NGHĨ VỀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Tập tiểu luận của TRẦN HỒNG CHÂU

Độc giả hãy cùng người viết khoan thai, nhẹ nhàng mở cửa vào vườn hoa của chúng ta. Tạm bỏ quên các hệ thống, các lý thuyết ở ngoài cửa. Không lý giải, không lý luận. Người viết tự coi đó chỉ là phong cách riêng của mình. Và biết rõ là trên văn đàn còn nhiều thái độ phê bình, nhiều cách thế, nhiều ý hệ khác nữa, khi đến với tác phẩm văn nghệ. Theo quan niệm nào, thái độ nào cũng có phần tích cực và xây dựng. Miễn là hăng say nhập cuộc, không thờ ơ, nguội lạnh. Miễn là chân thành tìm hiểu, tất cả bởi và cho văn nghệ.

Trần Hồng Châu

Văn Nghệ xuất bản
9351 Bolsa Ave.
Westminster CA 92683 USA
Tel: (714) 934-8574

HỒI GIÁO VÀ THÁNH CHIẾN TẠI INDONESIA

XUÂN QUANG

Indonesia dân số trên 207 triệu, gồm trên 13,500 hòn đảo, trải dài khoảng 5,000 km với ba múi giờ khác nhau. Các nhà khảo cổ cho là các thổ dân Indonesia đến từ Việt Nam và nam Trung quốc.

85% dân Indonesia theo đạo Hồi, 8% theo Thiên chúa giáo, 2% theo Ấn giáo và 1% theo Phật giáo. Indonesia có trên 300 sắc dân và nhiều ngôn ngữ khác nhau. Họ phải dùng Bahasa Indonesia (quốc ngữ) làm chuyển ngữ chung. Bahasa đã được phổ biến sau khi Indonesia dành được độc lập vào 1949, sau 350 năm bị Hà Lan đô hộ.

Hồi giáo du nhập vào Indonesia vào cuối thế kỷ thứ bảy, khi các nhà buôn Ả-Rập nhập vào vùng bắc đảo Sumatra (hiện nay là vùng Aceh). Các nhà khảo cổ cho thấy là Hồi giáo đến Java vào thế kỷ 11. Hiện nay với trên 195 triệu dân Hồi, Indonesia là nước theo đạo Hồi đông nhất thế giới. Đạo Hồi có hai giáo phái chính: phe Sunni và phe Shia. Phái Sunni gồm 80-90% tín đồ Hồi giáo. Hai phái khác nhau trong việc áp dụng kinh thánh của Hồi giáo là Quran (hay Koran theo tiếng Anh). Phái Sunni cho là việc đời sẽ do một lãnh tụ được bầu trong khi phe Shia cho là người lãnh tụ phải là con cháu, thuộc huyết thống của Mohammad. Phe Shia thịnh hành ở Iran và Irak trong khi phe Sunni chiếm đa số Hồi giáo thuộc các nước khác.

Hiến pháp (HP) Indonesia công bố vào 1945 không thiên về đạo nào mặc dù vẫn có một số người đòi đưa Shariah (luật Hồi giáo) vào trong HP. Từ 1949 đến nay đã có năm tổng thống: Sukarno, cha đẻ Indonesia; Soeharto người cầm quyền trên 32 năm với bảy nhiệm kỳ, đã đóng góp khá nhiều cho sự thịnh vượng của Indonesia; Habbibie, tổng thống của thời kỳ chuyển tiếp, được 18 tháng; Wahid, tổng thống mù mắt, người đầu tiên được bầu một cách dân chủ; và hiện nay bà Megawati, nữ tổng thống đầu tiên của một xứ Hồi giáo đông nhất thế giới.

Dưới thời TT Soeharto, các phe Hồi giáo NU và Mumadhia bị kiềm chế và kiểm soát gắt gao. Các đảng chính trị bị kiểm soát và đảng Cộng sản Indonesia đã bị tiêu diệt với trên nửa triệu người thiệt mạng. TT Soeharto đã sử dụng một cách hữu hiệu quân đội để giữ trật tự chính trị trong quần đảo Nam Dương. Dưới thời Soeharto, năm 1974, các đảng chính trị phải sáp nhập lại còn ba đảng chính: đảng Golkar hay đảng cầm quyền, đảng PPP hay Liên hiệp phát triển gồm các phe phái và tổ chức Hồi giáo, và đảng PDI hay Dân chủ tranh đấu của bà Megawati.

Sau cuộc khủng hoảng tài chính Á châu năm 1997, có nhiều bạo động đổ máu và TT Soeharto ra đi nhường chức cho phó tổng thống Habbibie. Indonesia gặp khủng hoảng kinh tế gây nhiều bất ổn chính trị. 18 tháng sau, TT Wahid đã được bầu. Khủng hoảng Đông Timor (một phần của lãnh thổ Indonesia đã bầu phiếu tách khỏi) đã gây khủng hoảng chính trị làm dân chúng chán nản với chế độ cũ gọi là "*order baru* - hệ thống mới" của TT Soeharto. TT Wahid chấp chính được 20 tháng thì bị quốc hội truất phế. Phó tổng thống Megawati đã nhận chức sau đó. Tiến trình dân chủ hoá ở Indonesia được đánh giá cao nhưng cũng gây rất nhiều xáo trộn và bạo động trong nước.

Indonesia hiện đang ở thời kỳ chuyển tiếp chính trị quan trọng sau việc cách chức TT Wahid. Trong 20 tháng, TT Wahid đã thành lập ba chính phủ, trung bình mỗi nội các được sáu tháng. Ông còn cố gắng chia rẽ nội bộ các đảng và các đối thủ chính trị của ông ta vì vậy trong thời gian ông cầm quyền, đã có nhiều cuộc biểu tình, nhiều xáo trộn chính trị và xã hội làm cảnh sát khó xử. Cuối cùng ông ta bị truất phế.

Trong tình trạng xã hội đang thời kỳ chuyển đổi đến dân chủ, pháp trị chưa vững chắc, các nhóm Hồi giáo lợi dụng tình trạng này, tung ra chiêu bài chỉ trích chính phủ để "mị dân" đồng thời để có thể sửa soạn cho cuộc tuyển cử vào năm 2004.

Sau 35 năm dưới sự cai trị độc tài của Suharto, lần đầu tiên các cơ quan truyền thông được "thả dàn" do đó không khỏi có nhiều lạm dụng, thông

tin có khi thiếu chính xác và thiên vị, mặc dù có điểm tích cực như phanh phui tham nhũng. Riêng về vụ khủng bố, họ loan tin dựt gân là Bin Laden có thể có mặt ở Indonesia, HK không có chứng cớ tố cáo Bin Laden, vv. Các quan điểm cực đoan được phổ biến nhiều hơn là các bài báo nghiêm chỉnh, có phẩm chất.

Indonesia và tổ chức Hồi giáo

Hiến pháp Indonesia không thiên về một đạo nào. Sau khi dành độc lập vào 1949, TT Sukarno đã lập một nền hành pháp tách biệt giữa tôn giáo và quyền hành chính trị. Mỗi đạo (Hồi giáo, Thiên chúa giáo, Ấn giáo, Phật giáo) được cư xử đồng đều và bình đẳng.

Hồi giáo tại Indonesia thiên về Sunny nhưng dù sao cũng đã có nhiều tổ chức Hồi giáo đã lên tiếng yêu cầu Indonesia áp dụng luật Shariah — luật theo truyền thống Hồi giáo, theo kiểu Iran hay Taliban, tôn giáo nắm luôn quyền chính trị. Hai vị tổng thống đầu tiên từ khi độc lập (Sukarno và Soeharto) đã có nhiều cố gắng kiềm chế khuynh hướng bảo thủ Hồi giáo đòi áp dụng Shariah trong việc quản trị đất nước.

Khác với Thiên chúa giáo, nhất là Công giáo, Hồi giáo không có một giáo hội trung ương quyết định về sự diễn giảng thánh kinh và đức tin. Mỗi một trung tâm Hồi giáo có một vị đứng đầu chủ trì như các sư tại các chùa. Các người chủ trì này gọi là *iman*, được huấn luyện tại các đại học Hồi giáo tại Ai cập, các xứ như Irak, hay các trường đại học Hồi giáo tại Indonesia. Các Đại học Hồi giáo này trước đây chỉ chuyên về kinh Quran và về luật Hồi giáo, ngày nay bắt đầu dậy một số các môn khác. Đạo Hồi tin nhiều điều giống như đạo Do Thái và Thiên Chúa giáo (tin có một Thượng Đế trong khi Ấn giáo có cả trăm thần thánh và đạo Phật chỉ là một triết thuyết thoát khổ.

Tín đồ Hồi giáo đọc kinh ngày năm lần, nam nữ "thọ thọ bất thân" và phe nữ phải ăn mặc kín đáo, thường là đội khăn choàng, áo không hở tay, và nhiều kiểu áo cũng giống áo dài VN. Tới mùa chay (Ramadan) tín đồ Hồi giáo phải nhịn ăn từ khi mặt trời mọc đến khi lặn. Tối thì họ được ăn uống trở lại. Ngoài ra cứ mỗi thứ sáu, họ tụ tập tại các Mushola (trung tâm Hồi giáo) đọc kinh (nam nữ cách biệt) và nghe các Iman và giảng kinh Quran với nhiều ý nghĩa và hiểu biết khác nhau.

Hồi giáo tại Indonesia được thông qua hai tổ chức chính: NU - *Nahdlatul Ulama*, một tổ chức bảo thủ gồm cỡ 40 triệu tín đồ, thường là dân quê, và *Muhamadiyah* tổ chức cởi mở thiên về xã hội. Hai tổ chức này đều có hệ thống trường tiểu, trung, đại học và nhà thương, cơ quan xã hội. Tổ chức Muhamadiyah ra đời từ 1930 có một hệ thống giáo dục khá rộng. Ở thôn quê, ngoài các tiểu học công lập còn có các trường đạo Hồi gọi là *pesantren*, tại đây học sinh chỉ học Quran. Nội dung giảng dạy trong hệ thống trường miễn phí này nằm dưới sự kiểm soát của hai tổ chức trên.

Để có một tiếng nói thống nhất, các tổ chức Hồi giáo cử ra một hội đồng các chức trách Hồi giáo, còn được gọi là MUI (Indonesian Ullamas Council). Họ là tiếng nói của đạo Hồi tại đây.

Tổ chức NU và Muhamadiyah cũng lập nhiều đảng chính trị để đại diện họ. Dưới thời Soeharto, năm 1974, chỉ có ba đảng chính trị như đã nói ở trên. Sau khi Soeharto từ chức và TT Habbibie tổ chức tổng tuyển cử thì con số chính đảng vọt lên 48, tranh nhau 462 ghế Quốc Hội. NU có đảng PKB hay 'Thức tỉnh quốc gia' chiếm khoảng 9% số ghế trong QH, ủng hộ TT Wahid. Tổ chức Muhamadiyah có nhiều đảng chính trị, PAN hay đảng 'Sứ mệnh quốc gia,' PPP hay đảng 'Liên hiệp phát triển' với một số ghế là 11% và một số đảng nhỏ như đảng PK hay 'Công lý,' đảng PBB hay đảng 'Sao và Mặt trăng' không đến 5%.

Hồi giáo Indonesia và vụ 11/9

Đa số dân Indonesia tuy 85% theo đạo Hồi nhưng là một thứ đạo Hồi ôn hoà - cởi mở như phụ nữ dù có mang khăn choàng thì cũng trang điểm son phấn và lái xe thoải mái. Nhưng bây giờ đa số phụ nữ không mang khăn và các cô nhí thì cũng mặc quần jean bó sát. Tất cả những gì có ở Hoa Kỳ thì ở đây cũng cơ, như các khu thương mại (mall) sang trọng chẳng hạn. Trên 10 kênh truyền hình tại Indonesia người ta có thể coi FBI files, X files hay các loại phim khác nhau, kể cả các phim nói trực tiếp tiếng Anh là thứ tiếng khá phổ biến ở đây.

Sau vụ không tặc cướp máy bay và đâm vào Trung tâm thương mại quốc tế (WTC) ngày 11/9 tại New York, các phe Hồi giáo cực đoan đều kêu gọi thánh chiến. Hội đồng Hồi giáo MUI kêu gọi chống khủng bố nhưng họ cũng kêu gọi Jihad (thánh chiến) với Hoa Kỳ. Họ chống không tặc và khủng bố vì cho là giết hại thường dân là phản Hồi giáo. Nhưng họ cũng sợ HK chống lại khủng

bố và tàn phá các nước Hồi giáo anh em. Cộ biểu tình phản đối ngay cả trước khi HK ném bom Afghanistan. Việc hội đồng MUI kêu gọi thánh chiến là một động cơ thúc dục các phe cực đoan.

Hội đồng Hồi giáo MUI bị công kích vì đã xúi dục thánh chiến, đã phải cải chính và cắt nghĩa Jihad không chỉ chỉ có nghĩa là thánh chiến mà còn là tự cố gắng. Họ kêu gọi giúp đỡ Afghanistan, chẳng hạn về y tế.

Nhưng quá trễ. Phe cực đoan thừa thắng xông lên biểu tình, phá phách làm mất trật tự công cộng trong khi chính phủ bà Megawati yếu và chậm chạp. Các tổ chức cực đoan quần chúng như Laskar Jihad, hay phe bảo vệ Hồi giáo (FPI), các tổ chức KIDI hay tổ chức liên kết thế giới Hồi giáo, các tổ chức thanh niên Hồi giáo (GPI), mặt trận sinh viên Hồi giáo Indonesia (KAMMI). Các tổ chức hiền hoà có đảng Công lý, và một số tổ chức tùy thuộc PAN hay PPP. Tình hình pháp quyền tại Indonesia không được nghiêm chỉnh lắm. Các nhóm Hồi giáo quá khích lợi dụng tình trạng cảnh sát không giám quá "mạnh tay" cho nên còn đòi tẩy chay các hàng hóa gốc Hoa Kỳ (Coca cola, Fanta và đập phá các tiệm ăn Mac Donald, Kentucky Fried Chicken kiểu Indonesia nghĩa là gà chiên ăn với cơm chứ không phải bánh mì), v.v.

Cũng nên nhớ trong thời kỳ đánh nhau với Liên Xô nhiều tín đồ Hồi giáo, kể cả bin Laden được các nước Hồi giáo khuyến khích thánh chiến giúp Afghanistan. Nhiều tín đồ Indonesia đã tham chiến tại Afghanistan hay cả tại Bosnia hay Chechenya. Họ cũng quyên tiền giúp cuộc tranh chấp tại các đảo Maluku để buộc tín đồ Thiên chúa giáo hay các đạo khác phải theo Hồi giáo.

Hiện nay các tổ chức cực đoan Hồi giáo trong đó có cả các tổ chức sinh viên đang thực hiện các cuộc quấy nhiễu các công dân Hoa kỳ ở các khách sạn vùng Solo hay Makassar. Các tổ chức này cũng đòi chính phủ Indonesia cắt liên hệ ngoại giao với Hoa Kỳ và tuyển mộ chí nguyện quân để tham gia thánh chiến. Họ thường tập họp được khoảng ba bốn trăm người, hô hào đả đảo, và nhiều khi còn bạo động. Toà Đại sứ Hoa Kỳ là nơi được chiếu cố tận tình, có ngày đến ba lần biểu tình, đốt cờ và hình nộm TT Bush. Những cuộc biểu tình này thường do dân làng đi xe lên tỉnh (họ nhận một số tiền từ các người tổ chức) la hét xong là ra về. Nhiều lắm là họ đóng chốt trước sứ quán trong một đêm, đến ngày hôm sau là lên xe về. Một vài lần các cuộc biểu tình này đã trở lên bạo động nên cảnh sát đã dùng vòi rồng xịt nước hay lựu đạn cay để giải tán.

Cuộc biểu tình lớn nhất là do đảng Công lý tổ chức, cỡ từ bảy đến 10 ngàn người, nhưng là một cuộc biểu tình ôn hoà. Trong một thành phố 10 triệu dân như Jakarta, một cuộc biểu tình như thế được coi không đáng kể, vì cả thành phố vẫn sinh hoạt như thường.

Các đảng phái ra sao? Bà Megawati, của đảng PDP-I (Dân chủ tranh đấu) có lập trường thiên về tổ chức đời, trong dịp gặp TT Bush tại Washington có hứa chống khủng bố nhưng dùng lời lẽ không rõ ràng. Trong khi đó ông phó TT Hamzah Haz, thuộc đảng Hồi giáo PPP, phần mị dân, phần muốn kéo phiếu cho Hồi giáo trong cuộc tuyển cử năm 2004 sắp tới đã lên tiếng chỉ trích Hoa Kỳ, cho là đáng đời vì các hành động ủng hộ Do Thái, gây bất công và oán hận với Hồi giáo. Các đảng khác như đảng PAN của ông chủ tịch Quốc hội Amien cũng lên tiếng không rõ ràng gây nhiều hiểu lầm, cho nên tình trạng hỗn loạn tại Indonesia chủ yếu là vì thiếu sự hướng dẫn dư luận một cách sáng suốt và rõ ràng.

Về một mặt khác, Indonesia ngày nay đã đạt nhiều tiến bộ về khoa học và giáo dục. Một số đại học Indonesia có trình độ quốc tế, một số viện nghiên cứu và giới trí thức có trình độ rất cao. Giới này cùng một số trí thức Hồi giáo bắt đầu lên tiếng trên các cơ quan truyền thông phân tích lợi hại của các cuộc biểu tình đối với kinh tế Indonesia.

Họ nói là khi các tín đồ Hồi giáo quá khích phá các tiệm ăn Mac Donnald là họ phá việc làm của người Indonesia. Hơn nữa, thịt, gà, dầu, gạo... trong Mac Donnald hay các tiệm KFC là do Indonesia làm ra. Hoa Kỳ chỉ có 5% (tiền trả hoa hồng dùng tên hiệu) trong giây chuyền sản xuất và mỗi lần phá phách thì 95% tiền của Indonesia bị thiệt hại. Hơn nữa, Indonesia xuất khẩu trên 30% qua Hoa Kỳ (quần áo, dầu, dầu ăn, hải sản, bàn ghế...) và 25% qua Nhật. Nếu HK phản ứng thì phía bị thiệt hạisẽ là Indonesia. Điều quan trọng là tin tức và hình ảnh biểu tình được phổ biến rộng rãi trên thế giới khiến các nhà đầu tư bắt đầu tránh Indonesia vì bất ổn xã hội và hối suất đồng Rupiah sụt dần.

Các nước Hồi giáo họp tại Quatar phản đối khủng bố và không chỉ trích Hoa Kỳ. Phiên họp ASEAN ở Brunei cũng cho thấy các nước trong vùng ủng hộ HK, chống khủng bố. Chỉ có hai

đạo Hồi lên tiếng chống oanh tạc làm thiệt hại dân sự.

Thức tỉnh sau những phản ứng đầy xúc động

Sau một tháng oanh tạc của Hoa Kỳ, dư luận Indonesia bắt đầu thức tỉnh và bớt xúc động. Tình hình kinh tế bị suy yếu vì các nhà đầu tư do dự, số người thất nghiệp gia tăng, trong những ngày gần đây sự chống đối đã lắng dịu. Chính phủ lên tiếng sẽ nghiêm trị nếu có bạo động. Để trấn an dân chúng, chính phủ đã ổn định tình hình chính trị nội bộ. Một mặt bà Megawati ủng hộ chống khủng bố, trình Quốc hội luật mới cho phép chính phủ gia tăng kiểm soát khủng bố, cấm gởi chí nguyện quân thánh chiến tại Afghanistan, và siết các trương mục ngân hàng dính đến quân khủng bố. Mặt khác khác bà ta cũng lên tiếng yêu cầu HK chú ý về thiệt hại dân sự khi oanh tạc và yêu cầu ngưng oanh tạc trong thời gian một tháng lễ Ramadan.

Một tai nạn đắm tàu đã đánh động dư luận Indonesia. Một tầu chở 300 thuyền nhân Irak và Afghanistan bị đắm chỉ còn 30 người sống sót. Một vụ khác, 300 tị nạn Afghanistan và Irak bị Úc cấm không cho cập bến phải đi Tân Tây Lan và các đảo khác. Báo chí nói nhiều về người tị nạn Afghanistan, về nỗi khổ của họ và một số câu hỏi đã được đặt ra tại sao họ phải trốn.

Các cuộc tranh luận công khai trên các đài TV, các bài bình luận trên một số báo lớn nghiêm chỉnh, việc lên tiếng của một số trí thức ôn hoà đã làm cho một số người Hồi giáo quá khích thấy mình đã phản ứng quá trớn. Viện trưởng Viện nghiên cứu Hồi giáo, ông Azyumardi Arza, trong một cuộc hội thảo đã lên tiếng cho là các phe cực đoan đã làm xấu hình ảnh cởi mở và hiền hoà của Hồi giáo Indonesia vốn khác hẳn các thứ Hồi giáo khác "hủ lậu hay chậm tiến."

Cùng với ông nhiều lãnh đạo NU như ông Solahuddin và ông Syafi Maarif của Muhammadiyah cũng lên tiếng cho là các phe cực đoan đã tạo ra cho Indonesia một hình ảnh Hồi giáo quá khích. Các người lãnh đạo hai tổ chức Hồi giáo lớn nhất Indonesia hứa sẽ lên tiếng cho thấy một hình ảnh trung thực hơn về Hồi giáo tại nước này. Họ cũng cho là HK, sau khi ủng hộ cuộc chiến chống Liên xô đã bỏ rơi các đồng minh tại Afghanistan, một việc nhiều người Việt Nam cũng đã có kinh nghiệm. Hội đồng Hồi giáo MUI cũng phải cải chính cho dân chúng hiểu rằng kêu gọi Jihad không có nghĩa là kêu gọi thánh chiến, mà là sự tranh đấu tự bản thân mỗi người. Ngoài ra có thể giúp Afghanistan trên nhiều phương diện, không chỉ có vác súng sang đó đánh nhau.

Màn kịch "thánh chiến" đã xẹp dần. Indonesia hiện nay có gởi một số tình nguyện chỉ gồm bác sĩ, y tá trong khuôn khổ hội hồng thập tự, nhưng họ gặp nhiều khó khăn tại biên giới Afghanistan – Pakistan.

Với thời gian, Indonesia trở thành thực tiễn hơn, đã cân nhắc lợi hại giữa việc chống khủng bố và việc cắt quan hệ ngoại giao với HK. Nhờ các cơ quan truyền thông đứng đắn, các trí thức, chính trị gia, học giả Hồi giáo cởi mở đã đánh bạt những luận điệu thiếu nghiêm chỉnh của một số báo chí. Họ đã thuyết phục được dư luận, không để phe cực đoan khống chế quần chúng. Bộ trưởng Phối hợp về chính trị và nội vụ đã tuyên bố quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ là lợi ích quan trọng của Indonesia. Ông tướng về hưu này cũng nói là vấn đề Afghanistan chỉ là một vấn đề nhất thời, trong khi quan hệ giữa hai nước Hoa Kỳ và Indonesia mới là những lợi ích lâu dài trường cửu.

Mùa Thu 2001

TUYỂN TẬP (VĂN-THƠ-HỌA) của TẠ TỴ

632 trang, gồm các quyển:

* Những Viên Sỏi
* Yêu Và Thù
Bao Giờ
Xóm Cũ
Mây Bay (thơ)

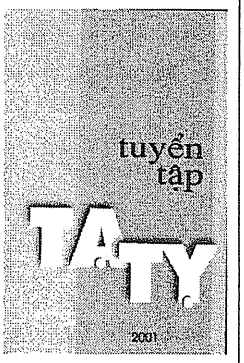

12 phụ bản màu:
6 tác phẩm Sơn Dầu Trừu Tượng
6 Khuôn Mặt Văn Nghệ
Giá 22 MK
Nhà xuất bản THẰNG MÕ
918 S. First St., San Jose, CA 95110 - USA

HAI CHA CON TỔNG THỐNG BUSH HÀNH QUÂN DIỆT GIẶC

GS NGUYỄN HỮU CHI
Tiến sĩ chính trị học

1. "Hổ Phụ sinh Hổ Tử"

Ông George W. Bush đương nhiệm tổng thống Mỹ là con trai đầu lòng của cựu Tổng Thống George H. W. Bush. Tuy đời sống hai cha con có nhiều điểm giống nhau, nhưng Người Cha có nhiều kinh nghiệm và may mắn hơn Người Con. Về nghĩa vụ quân sự, Người Cha đã từng lái may bay oanh tạc, và chiến đấu rất là anh dũng trong thời Thế Chiến II. Người Con cũng lái máy bay oanh tạc, nhưng chỉ là một phi công thuộc loại lính "cậu" phục vụ bán thời gian trong binh chủng địa phương quân (Air National Guard), lâu lâu bay lượn vài vòng trên nền trời Texas, chứ không có dịp tham dự chiến tranh Việt Nam như hàng trăm ngàn thanh niên Mỹ khác cùng lứa tuổi. Về kinh doanh, Người Cha xây dựng cơ nghiệp của mình trong kỹ nghệ dầu hỏa và đã thành công rực rỡ ở Texas. Người Con cũng theo gương cha trong ngành này nhưng đã thất bại nặng nề. Về vấn đề tình duyên, Người Cha vừa tới tuổi trưởng thành thì đã kết hôn với một cô gái thuộc giòng danh gia thế phiệt. Còn Người Con mãi đến 30 tuổi mới lập gia đình với một cô giáo thuộc thành phần trung lưu (sau làm nghề quản thủ thư viện). Khác hẳn TT Clinton, hai cha con TT Bush rất thiết tha với đời sống gia đình, rất nể vợ và thương con. Người Con lúc thiếu thời có tật nghiền rượu, nhưng đã trở lại đời sống lành mạnh ngay sau khi "cô giáo" ra lệnh ngưng uống rượu "nếu không thì ...".

Trước khi vào Tòa Bạch Ốc, Người Cha đã từng là dân biểu Hạ Nghị Viện Liên Bang, phó tổng thống dưới quyền TT Reagan. Ngoài ra, Người Cha đã giữ nhiều chức vụ quan trọng trong ngành ngoại giao và tình báo, và đã có lần nắm quyền lãnh đạo Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Hòa (Chairman of the Republican National Committee). Trái lại, Người Con chỉ thu thập được

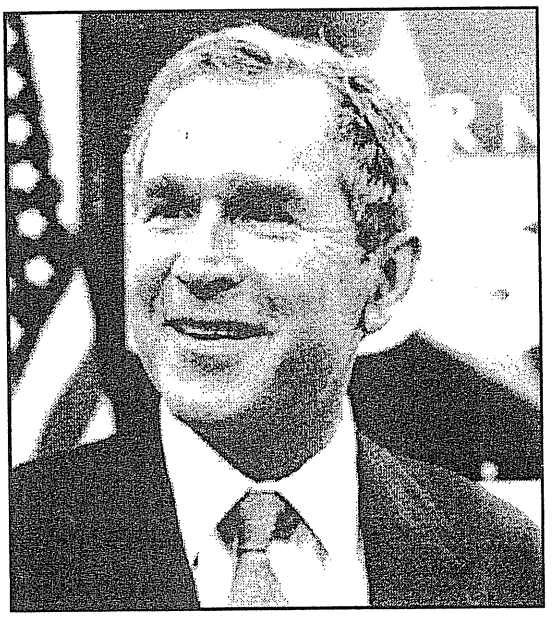

George W. Bush

một chút kinh nghiệm chính trị địa phương khi làm Thống Đốc tiểu bang Texas (nổi tiếng là đã không tha chết cho bất cứ một tên tử tù nào). Về chính sách trị quốc thì hai cha con không khác gì nhau lắm. Cả hai đều theo khuynh hướng thiên tả ôn hòa, và đều không muốn chính phủ không ôm đồm quá nhiều. Vì tin vào nguyên tắc "chính quyền tối thiểu" (minimum government) nên cả hai cha con nghĩ rằng chính sách hay nhất là tạo ra môi trường thuận lợi cho mọi người dân tự mình lo chuyện tiến thủ của mình, và giúp chính quyện địa phương và các hiệp hội tư xây dựng một xã hội lành mạnh, không cướp bóc, không xì-ke ma túy. Cả hai cha con cũng áp dụng nguyên tắc "chính quyền tối thiểu" trong lãnh vực ngoại giao, nên chỉ chú trọng vào việc phát triển tự do mậu dịch giữa các quốc gia trên thế giới (free trade), và không muốn can thiệp vào nội bộ các nước

khác (isolationism). Tuy hai cha con đều không muốn làm cảnh sát giữ trật tự an ninh cho thế giới, nhưng bị thời cuộc thúc đẩy nên cả hai đã phải mang súng đi lùng gian trừ địch như những người hùng trong phim cao-bồi Texas.

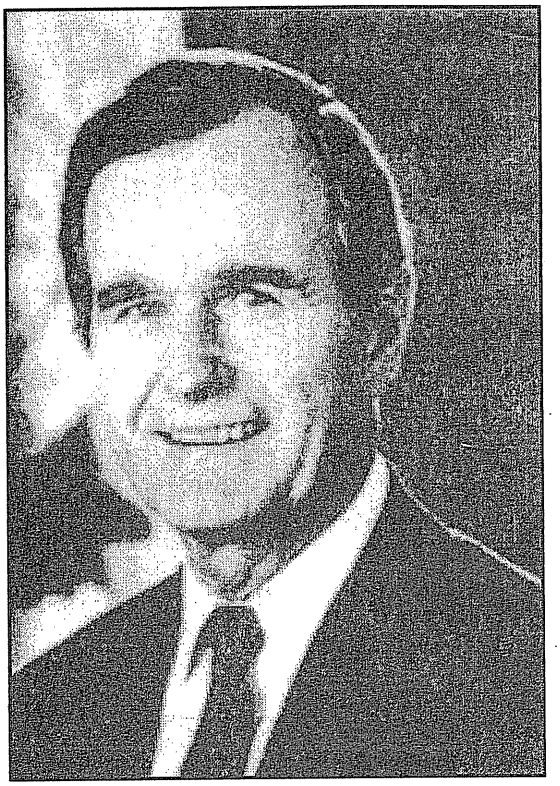

George Bush

2. Hai Chiến Dịch Của Người Cha

Khi Tổng Thống George H. W. Bush (Người Cha) nắm chính quyền, ông này nổi tiếng trên thế giới nhờ hai trận chiến: mang quân vào nước Panama để bắt Tổng Thống Manuel Noriega, và sau đó là tấn công vào Irak để trừng phạt Tổng Thống Saddam Hussein. Vụ lùng bắt Noriega tương đối dễ dàng như bắt gà trong chuồng nhờ ba yếu tố thuận lợi cho Mỹ:

(1) Nước Panama nhỏ bé, dân số chỉ bằng dân số tỉnh Nữu Ước và vùng lân cận. Lực lượng quân sự vỏn vẹn có 16 ngàn lính (kể cả quân đội, công an và cảnh sát), và trang bị với một số vũ khí nhẹ, vừa đủ để giữ an ninh công cộng. Quân đội Panama mặc quần áo rất đẹp, ăn chơi rất sang, và có rất nhiều kinh nghiệm sách nhiễu nhân dân, nhưng chưa từng bao giờ lâm chiến.

(2) Noriega là một tên độc tài thối nát, không được dân quý mến gì cho lắm. Dân Panama gọi vị quốc trưởng của mình là "thằng cha có mặt trái thơm" vì Noriega có bộ mặt sần sùi trông rất cô hồn. Hơn nữa, dân nước này không phải là một dân tộc hiếu chiến vì biết quý mạng sống của mình. Khi quân đội Mỹ đổ bộ vào Panama, Noriega kỳ vọng là dân chúng sẽ tự động nổi lên chống ngoại xâm. Nhưng dân chúng lại dửng dưng trước thời cuộc. Thấy vậy, lực lượng phòng vệ Tổng Thống Phủ giận lắm, bèn kéo nhau đi thiêu hủy luôn mấy trăm ngôi nhà trong xóm nghèo trước khi buông súng đầu hàng.

(3) Ngoài ra, trong khi phác họa chiến dịch đổ bộ vào Panama, Phòng Hành Quân ở Ngũ Giác Đài có đầy đủ tin tức về địch thủ nhờ có sự hiện diện khoảng chừng hơn một sư đoàn bộ binh Mỹ đã nằm sẵn trong nước Panana với nhiệm vụ phòng thủ kênh đào Panama từ nhiều năm nay. Hệ thống thủy đạo này được công binh Mỹ hoàn tất vào năm 1914, và được Mỹ quản trị và bảo vệ Mỹ "dùm" cho Panama cho tới năm gần đây. (*Vài hàng lịch sử:* Người có công lập quốc cho dân tộc Panama lại là TT Mỹ Theodore Rooselvelt cách đây gần 100 năm. Ông tổng thống Mỹ này cắt một phần lãnh thổ nước Columbia và tạo ra nước Panama để được toàn quyền xây dựng và sử dụng kênh đào Panama).

Ta cũng nên biết, trước khi ông Bush và ông Noriega lên nắm quyền lãnh đạo quốc gia, ông Bush đã từng là giám đốc Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (CIA) và ông Noriega là một cán bộ CIA hoạt động trong vùng Trung Mỹ dưới quyền điều khiển của ông Bush. Nhưng chuyện tình nghĩa CIA đâu có phải là chuyện "thề non chỉ biển". Chẳng bao lâu, "cơm không lành, canh không ngọt", thế là Tổng Thống nước Mỹ mang quân đi lùng bắt Tổng Thống nước Panama lấy cớ là ông này đã phạm hai tội tầy đình: tội buôn lậu ma túy (cocain) và tội chuyển ngân bất hợp pháp cho tổ chức buôn lậu (money laundering). Thực ra, Noriega đã phạm tội thông đồng với Cuba. Chuyện thầm kín giữa Noriega và đồng chí Fidel Castro bị lộ tẩy khi CIA thấy gián điệp Cuba thậm thọt ra vào dinh tổng thống Panama. Vì quyền lợi quốc gia, không tổng thống Mỹ nào có thể làm ngơ để cho cộng sản lẻn vào tiếp thu kênh đào Panama và tạo khó khăn cho chiến hạm Mỹ và tầu bè các nước di chuyển giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

Kết quả là sau một cuộc hành quân chớp nhoáng, Tổng Thống Panama bị Tổng Thống Mỹ bắt sống và áp tải về Florida để xử tội hồi năm

1989. Tòa án Mỹ lên án Tổng Thống Noriega 40 năm tù ở. Đến năm 2002, vị tổng thống này mới được Uỷ Ban Thẩm Định Hoàn Lương (Parole Board) cứu xét, và có thể được tạm tha nếu có hạnh kiểm tốt và biết ăn năn hối cải. Trong khi chờ đợi, Noriega sống trong tù rất là thoải mái vì được giam trong một căn nhà khang trang, có đầy đủ tiện nghi, TV, tủ lạnh, máy điều hòa không khí, v.v..

Nhiều bình luận gia trên thế giới đã phê bình TT Bush vì đã dùng lực lượng một siêu cường quốc tấn công một nước nhỏ bé để bắt một tên "cắt ké" trong tổ chức buôn lậu ma túy Cali ở Columbia. Dù sao đi chăng nữa, nạn buôn lậu ma túy tùy thuộc vào thị trường tiêu thụ trên đất Mỹ nhiều hơn là tùy thuộc vào khả năng kinh doanh của nhóm Cali. Còn chuyện thương lượng ngầm với Fidel Castro không phải là một tội theo luật quốc tế công pháp vì Noriega là tổng thống một nước độc lập và có quyền tự do giao dịch với bất cứ một lãnh tụ nào trên thế giới. Luật sư bào chữa cho Noriega cũng có lý một phần nào khi đòi hỏi chính quyền Mỹ phải đối sử Noriega như một tù binh theo Quy Ước Genève chứ không có quyền giam cầm tù binh sau khi chiến tranh giữa giữa hai nước đã kết thúc. Nhưng cãi lý là một chuyện, quyền lợi của một siêu cường quốc thì lại là một chuyện khác. Dù sao nước Mỹ cũng đã có công xây dựng lên nước Panama.

Hai năm sau khi bắt Noriega về giam ở Florida, Tổng Thống Bush lại mang quân đi trừng phạt Tổng Thống Saddam Hussein, nước Irak. Tên quân phiệt này bị Mỹ lên án là đã vi phạm Hiến Chương Liên Hiệp Quốc vì đã thôn tính Kuwait, một quốc gia độc lập và là một thành viên của Liên Hiệp Quốc. Nhưng Saddam Hussein cũng như các nhà lãnh đạo Irak trước kia đều coi Kuwait là một tỉnh của Irak mà nước Anh đã chiếm làm thuộc địa, rồi biến cái giếng dầu vĩ đại đó thành một nước độc lập. Vì thế, Saddam Hussein kéo quân sang chiếm giếng dầu hỏa Kuwait dưới danh nghĩa là thống nhất lãnh thổ Irak. Nhưng TT Bush không chấp nhận lối biện minh này, và nhất quyết bảo vệ Kuwait. Trước đây, TT Bush là một nhà kinh doanh buôn bán dầu hỏa nên rất ghét những kẻ nào có ý định đi ăn cướp dầu hỏa của người khác.

Chiến dịch trừng phạt Saddam Hussein khó khăn hơn chiến dịch lùng bắt Noriega vì hai lý do:

(1) Irak được phòng thủ bởi một lực lượng quân sự hùng mạnh với hơn nửa triệu lính trang bị với những vũ khí tối tân (hơn 3 ngàn xe thiết giáp, gần 1 ngàn phi cơ phản lực và rất nhiều hỏa tiễn hiện đại nhập cảng từ các nước tiền tiến, nhất là Mỹ, Pháp và Liên Sô).

(2) Hơn nữa quân đội Irak lại dầy kinh nghiệm chiến trường vì đã quần thảo nhiều trận đẫm máu với Iran trong 8 năm trời, và đã giết gần nửa triệu cảm tử quân từ Iran tràn sang và sẵn sàng chết cho Thượng Đế.

Để đương đầu với lực lượng của Saddam Hussein, TT Bush phải huy động gần nửa triệu lính Mỹ cùng với hơn 100 ngàn lính do 26 nước đồng minh cung cấp. Tuy tổng số quân đội dự chiến của hai bên ngang nhau, nhưng Saddam Hussein không đủ sức kháng cự trong cuộc chiến tranh "hi tech" này. Quân đội đồng minh ào ào tiến vào lãnh thổ Irak sau vài tuần lễ liên tục dội bom và bắn hỏa tiễn lên đầu địch. Trận địa chiến kéo dài chừng 1000 giờ thì TT Bush ra lệnh ngưng chiến. Quân đồng minh đại thắng: 200,000 lính Irak đã bị thiệt mạng, và "phe ta" chỉ mất có gần 500 quân nhân bị tử thương (trong đó có một số bị ngộ nạn vì bị máy bay "phe ta" thả bom nhầm chỗ). Sau đó, những nước sản xuất dầu hỏa như Saudi Arabia và Kuwait, và những nước giầu có nhưng không dự chiến như Nhật và Đức, phải chi tiền phí tổn hành quân cho Mỹ. Không ai tính sổ chi-thu (balance sheet) nên không biết nước Mỹ đã lời-lỗ là bao nhiêu trong chiến dịch này.

Giải phóng Kwait xong, TT Bush cho rằng mục tiêu kinh tế đã đạt được, và quyết định ngưng chiến dịch lùng bắt Saddam Hussein, tuy rằng tên này đáng nên điệu ra Tòa Án Quốc Tế để xử về tội vô nhân đạo (crime against humanity) vì đã giết hàng ngàn dân Kurk cư ngụ trong vùng Đông Bắc nước Irak. Dân Kurd là một chủng tộc thiểu số sống ở một vùng đồi núi nằm trong biên giới ba nước Irak, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ, và đã bị chính quyền các nước này đàn áp nhiều năm, nên luôn luôn có hoài bão ly khai và thành lập một nước độc lập. Trong vụ chiến tranh chống ở Irak, CIA đã giúp vũ khí và đạn dược cho quân du kích Kurd để quấy phá hậu tuyến của Saddam Hussein. Vì thế, sau khi thoát chết, Saddam Hussein bèn trả thù đám du kích xấu số này bằng cách rải bom hơi ngạt trong làng xóm dân Kurd. Nhớn, bé, già, trẻ nằm chết ngổn ngang trong nhà và ngoài ngõ. Nhưng các cường quốc Âu Mỹ không hề có một phản ứng gì (ngoài tiếp tục ném bom vùng bắc nước Irak) vì không muốn dân Kurd

tiếp tục tranh đấu đòi độc lập và gây xáo động trong vùng Trung Đông vì chắc chắn là thổ dân này sẽ đòi cắt một phần đất của nước Thổ Nhĩ Kỳ ra để lập quốc. Trong vụ này, TT Bush phải chọn giữa hai phe: (a) một phe là dân Kurd nổi tiếng trong ngành khủng bố và chẳng làm lợi gì cho ai, và (b) một phe là nước Thổ Nhĩ Kỳ, một đồng minh rất trung thành với Mỹ. Nếu ta suy luận theo binh thư Tôn Thử *"kẻ thù của bạn mình là kẻ thù của mình"* thì ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy TT Bush bỏ rơi chiến hữu nhất thời của mình (dân Kurd) để giúp đỡ người bạn chí tình của Mỹ (nước Thổ Nhĩ Kỳ). (Sau này, Người Con trong chiến dịch lùng bắt Bin Laden ở Afganistan cũng ra lệnh CIA giúp đỡ hai bộ lạc đối lập — Tổ Chức Liên Minh Miền Bắc — để phá rối hậu tuyến dịch. Tổ chức này trong những năm chống đối chính quyền trung ương trước đây đã nổi tiếng là hung tợn, giết dân lành không gớm tay. Không biết sau khi lật đổ tập đoàn Taliban thống trị nước Afghanistan, Người Con có bỏ rơi Tổ Chức Liên Minh Miền Bắc hay không).

Nhiều người thắc mắc tại sao TT Bush (Người Cha) không tiếp tục hành quân thêm vài ngày nữa để diệt trừ hậu họa, nhất là đã biết rõ Saddam Hussein vẫn có ý định tiếp tục sản xuất vũ khí hơi ngạt và vi trùng anthrax để thực hiện mộng bá vương của mình trong vùng. Thực ra, TT Bush tính toán kỹ lắm. Ông muốn Saddam Hussein sống sót vì cho rằng nếu không có tên này giữ chốt chặn đường thì các vị tu sĩ lãnh đạo nước Iran có thể mang quân tràn xuống miền nam, rồi chiếm tất cả giếng dầu hỏa vùng Trung Đông, và đe dọa nền kỹ nghệ các nước Âu Mỹ. Hơn nữa, trong thời gian làm phó tổng thống cho TT Reagan, ông Bush đã thấy cán bộ cách mạng Hồi giáo vây đánh tòa Đại Sứ Mỹ ở Iran, rồi ngang nhiên bắt giam hàng trăm nhân viên sứ quán Mỹ hơn một năm trời. Hình ảnh quốc nhục này làm cho TT Bush cảm thấy các lãnh tụ Hồi giáo nguy hiểm hơn là Saddam Hussein. Dù sao triệt hạ một tên độc tài quân phiệt còn dễ dàng hơn là ngăn chặn một phong trào tôn giáo quá khích.

Nói tóm lại, TT Bush nghĩ rằng: (1) kẻ thù nguy hiểm của Mỹ là Iran chứ không phải là Saddam Hussein, (2) Saddam Hussein là kẻ thù không đội trời chung của Iran, và có thể là một cộng tác viên tương lai của Mỹ. Vì *"kẻ thù của kẻ thù mình là bạn của mình,"* nên TT Bush đã tha chết cho Saddam Hussein và để tên này tiếp tục giữ chức tổng thống nước Irak, nhưng không cho hắn tiếp tục phát triển vũ khí hơi ngạt và vi trùng. Các nước Âu Mỹ bắt Saddam Hussein phải để các phái đoàn thanh tra vũ khí quốc tế tự do vào Irak để khám xét các kho và nhà máy sản xuất vũ khí. Nhưng tên quân phiệt khát máu này vẫn còn ngoan cố và đã đuổi phái đoàn thanh tra ra khỏi nước. Thế là Irak bị Mỹ phong tỏa kinh tế cho tới ngày nay. Lợi dụng cơ hội này, các thương gia nước Jordan bèn phát triển cấp tốc ngành buôn lậu hàng hóa với nước láng giềng Irak. TT Bush biết chuyện nhưng cũng làm ngơ để Jordan ngang nhiên vi phạm lệnh phong tỏa của Liên Hiệp Quốc. Chẳng lẽ Tổng Thống Mỹ lại mang quân đi trừng phạt ông vua xứ Jordan, một người bạn chí tình của nước Mỹ và đồng thời cũng là con rể của thành phố New York. (Ông vua này phải truất phế bà hoàng hậu Ả Rập trước khi rước một cô gái Mỹ về cung vì biết rằng các cô gái Mỹ không thích làm vợ hai cho bất cứ một ai).

Khi quyết định tha Saddam Hussein, TT Bush đâu có biết là đã gây khó khăn sau này cho Người Con. Thật vậy, nếu Saddam Hussein bị loại ra khỏi chính trường Irak thì các nước Âu Mỹ đâu có cần phong tỏa kinh tế Irak, và nhân dân Irak đâu có bị khốn khổ vì thiếu thốn đủ mọi thứ cho đời sống hàng ngày. Lòng căm thù "đế quốc Mỹ" trong đám dân Hồi giáo nước này được nung nấu từ ngày đó. Nhờ vậy, quyền thống trị của Saddam Hussein trong nước càng ngày càng vững chắc hơn, và hắn có dịp tìm cách trả thù Mỹ. Cuối cùng hắn đã động thủ. Dựa theo tin tình báo từ Tiệp Khắc, cán bộ mật vụ của Saddam Hussein đã liên lạc với tên lãnh đạo vụ khủng bố ở Mỹ. Dân Mỹ hiện đang bị nhiễm bệnh vi trùng anthrax, và nhiều người đã nghi ngờ Saddam Hussein đã dính tay trong vụ này. Quả là Người Cha đã "thả hổ về rừng" làm Người Con phải khổ công đi săn.

3. Người Con Tấn Công Nhóm Khủng Bố

Khi ông George W. Bush (Người Con) lên làm tổng thống, nhiều báo chí Mỹ và ngoại quốc cho rằng trí thông minh và sự hiểu biết chính trị của Người Con kém xa Người Cha. Dân chúng Mỹ cũng không phục Người Con cho lắm vì nghĩ rằng vị chính khách trẻ tuổi này đã "lẻn" được vào Tòa Bạch Ốc là nhờ sự điều động pháp lý của nhóm trung thần của Người Cha hơn là nhờ lá phiếu của nhân dân Mỹ. (Ta cũng nên biết, Người Con được đảng Cộng Hòa đưa ra tranh cử chức tổng thống là một phần nhờ sự vận động sau hội

trường chính trị của Người Cha). Cũng may là rất nhiều trung thần phục vụ dưới trướng của Người Cha đã lục tục kéo nhau về giúp đỡ Người Con. Nhóm tham mưu này có nhiều kinh nghiệm chính trị và quân sự vì đã từng dự hai chiến dịch hồi thập niên 1990 như đã trình bày ở trên.

Trong khi Người Con còn đang học nghề làm tổng thống, thì chuyện đau buồn đã xẩy ra tại New York và Washington trong buổi sáng ngày 11 tháng 9 năm 2001, rồi sau đó vi trùng anthrax được rải ra khắp nơi làm xáo trộn nước Mỹ. Người Con phải ra tay bảo vệ nền anh ninh và kinh tế

Lần này chiến dịch của Người Con gay go trăm ngàn lần chiến dịch của Người Cha trước kia. Người Con thiệt là có số vất vả! Người Cha biết rõ tính danh địch thủ, nhưng Người Con lại không biết là mình phải đánh nhau với những ai, ngoài tên chủ mưu Osama Bin Laden. Khổ hơn nữa, tên khủng bố này lại là một lãnh tụ cách mạng Hồi giáo lừng danh trong các nước Hồi giáo, đụng tới hắn tức là đụng vào người hùng lý tưởng của đám Hồi giáo quá khích. Những tín đồ này không tin là thần tượng của mình là một tên vô nhân đạo. Rồi lại còn có người nghĩ rằng kẻ chủ mưu

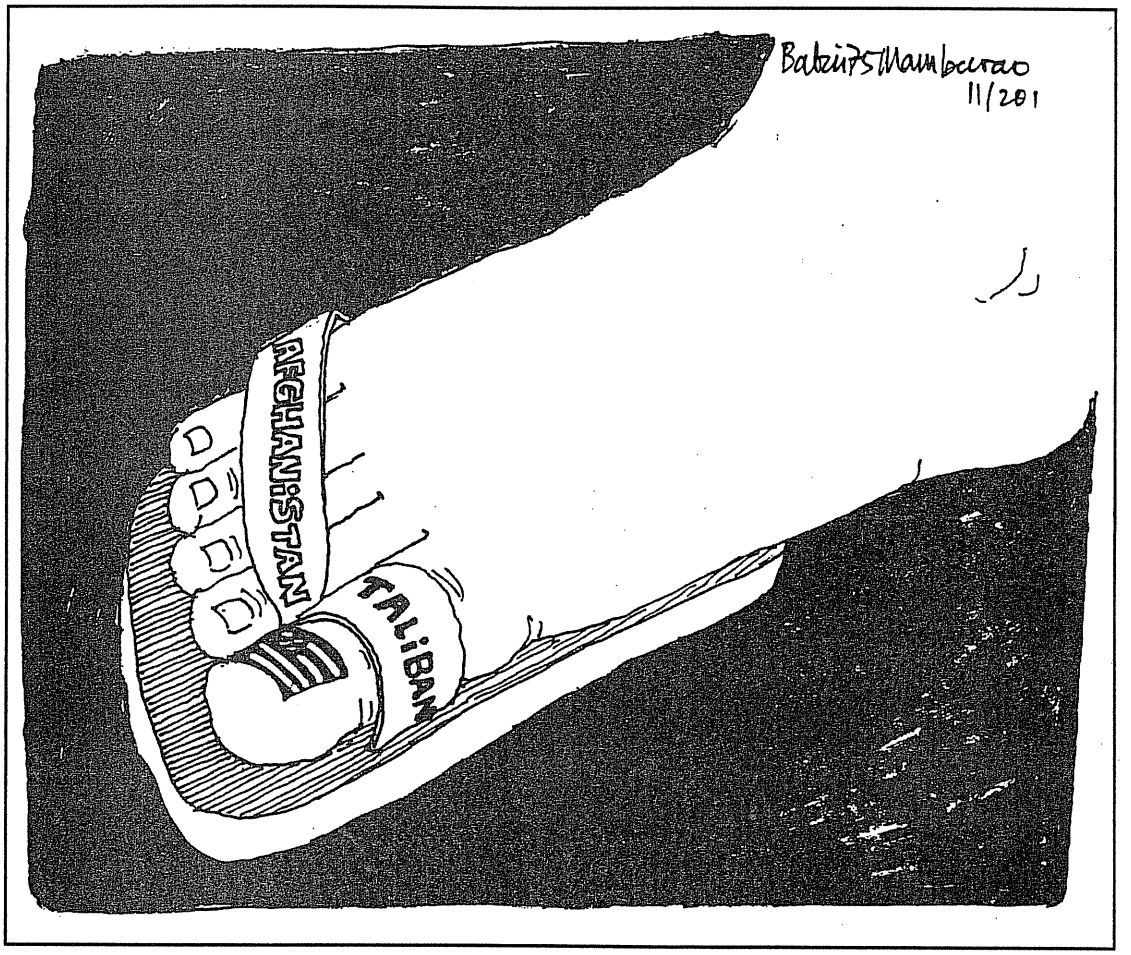

quốc gia và rửa nhục quốc thể. Dân chúng Mỹ lo âu và cực kỳ phẫn nộ nên sẵn sàng hỗ trợ tổng thống của mình trong chiến dịch truy lùng địch thủ. Theo cuộc thăm do dư luận Mỹ gần đây, tỷ số "dân yêu" (popularity) đối với Người Con nhẩy vọt từ 50% lên tới gần 90%, cao hơn tỷ số "dân yêu" mà Người Cha đã hưởng trong thời gian Người Cha mang quân đi trừng phạt Saddam Hussein.

khủng bố nước Mỹ lại chính là nước Do Thái. Cái giả thuyết ngô nghê này đã lôi cuốn hàng chục ngàn người ngô nghê trên thế giới.

Tiện đây, tôi cũng xin nhắc lại là khi Người Cha mang quân đi trừng phạt Saddam Hussein, vấn đề tôn giáo không ai đặt ra vì trong chiến dịch này Người Cha có nhiều đồng minh Hồi giáo trợ giúp tiền tài và nhân lực để cứu một nước Hồi giáo bị xâm chiếm bởi một nước Hồi giáo láng

giềng. Nhưng Người Con không có cái may mắn đó. Vậy muốn tránh một giáo chiến với hơn 1 tỷ tín đồ Hồi giáo trên thế giới, Người Con phải chứng minh là chiến dịch truy nã Bin Laden không phải là một chiến dịch phá Hồi giáo. Tiếc thay, trong lúc hăng say, vị tổng thống này đã lại lỡ lời tuyên bố là nước Mỹ sẽ mở một cuộc "viễn chinh Thập Tự Quân" ("crusade") để triệt hạ tổ chức khủng bố Al Queda do Bin Laden lãnh đạo. Tên này bèn dựa câu tuyên bố của TT Bush để sách động tín đồ Hồi giáo, làm cho những phần tử quá khích tin rằng các nước Âu Mỹ (theo đạo Thiên Chúa) có ý định tiêu diệt tôn giáo của họ. Thật là oan uổng cho TT Bush khi bị địch thủ gán cho cái tội tầy trời này. Ai cũng biết rằng TT Bush không phải là một người kỳ thị tôn giáo hay chủng tộc. Thật vậy, hai nhiệm vụ quan trọng nhất về vấn đề đối ngoại trong chính phủ của TT Bush lại là hai người da đen — bà cố vấn Rice và ông bộ trưởng Powell. Ngoài ra, ông Thứ Trưởng Bộ Tư Pháp là một người Mỹ gốc Việt. Tiếc thay, nhiều tín đồ Hồi giáo tin Bin Laden hơn là tin TT Bush. Ta cũng nên biết là trong hai thế kỷ thứ 11 và thứ 12, các nước Thiên Chúa giáo ở Âu châu đã 7 lần mang nhiều đoàn Thập Tự Quân sang Trung Đông "giải phóng" Đất Thánh, và mỗi lần tới Đất Thánh là chém giết, hiếm tróc dân Hồi giáo vô cùng khủng khiếp. Mối thù truyền kiếp này đã ghi sâu vào tâm khảm các tín đồ Hồi giáo bao nhiêu đời nay. (Cách đây không lâu, Đức Giáo Hoàng đã xin lỗi dân Hồi giáo về những vụ tàn sát này trong dịp Ngài đi hành hương ở Trung Đông).

Dù sao, Mỹ và các nước Âu Châu đều ý thức cần phải có một chiến dịch chiến tranh tâm lý đại quy mô để tách Bin Laden ra khỏi Hồi giáo. Các nhà lãnh đạo Âu Mỹ vội vã đi kiếm đồng minh trong số các nước Hồi giáo. Hơn một tỷ Mỹ kim được dành ra để viện trợ các nước Hồi giáo có giá trị chiến lược như Pakistan, Uzbekistan và Tazikistan (các nước này có căn cứ không quân rất tiện lợi cho các cuộc hành quân không chiến và địa chiến). Ngoài ra, các nước Hồi giáo khác có giá trị tuyên truyền như Jordan, Syria, Saudi Arabia, Iran, Turkey, Maroc v.v.. thì được trừ nợ hoặc ve vãn bằng những nhượng bộ chính trị và ngoại giao (thí dụ như Bộ Ngoại Giao Mỹ không còn đả động đến những vụ vi phạm nhân quyền trong các xứ này nữa). Một điểm đáng chú ý là Iran trước kia bị Người Cha coi như một kẻ tử thù thì nay lại được Người Con coi là một đồng minh trong bống tối! Nay tình thù, mai tình bạn, đó là chuyện thường tình trên sân khấu chính trị! Hơi đâu mà nuôi dưỡng trong lòng mối thù "truyền kiếp".

Trên mặt trận chiến tranh tâm lý, người cộng tác đắc lực cho TT Bush lại chính là Bin Laden. Khi bị máy bay đồng minh oanh tạc tơi bời, tên này đã mất bình tĩnh, bèn vội vàng buộc tội các quốc gia Hồi giáo đứng về phe Mỹ là những "kẻ thù của Thượng Đế". Ngay cả Liên Hiệp Quốc cũng bị hắn lên án là công cụ của Mỹ. Hắn đã tự cô lập hóa mình và coi gần như toàn thể nhân loại là kẻ thù của mình. Thật là một hành động vô cùng thất sách. Ngay đến vị lãnh đạo Hồi giáo nước Iran cũng phải tuyên bố rằng hành động tàn ác của Bin Laden đi ngược đạo lý Hồi giáo. Thượng Đế là một Đấng toàn năng đâu có cần ai phải bảo vệ và trả thù!

Tuy TT Bush đã thắng lớn trên mặt trận chiến tranh tâm lý, nhưng chiến dịch lùng bắt Bin Laden rất là khó khăn chứ không như chiến dịch lùng bắt Noriega trước kia. Người anh hùng Texas này đã tuyên bố nhiều lần là ông sẽ "hun khói" địch thủ ra khỏi hang ("smoke him out") — có vẻ dễ dàng như dân ta hun chuột cống vậy. Lời tuyên bố này làm dân chúng Mỹ rất là hồ hởi và kỳ vọng rằng chiến dịch này sẽ kết thúc một cách chóng vánh trong vài tuần. Tiếc thay, tên triệu phú Bin Laden đã dùng tiền bạc của mình để tổ chức một màng lưới khủng bố Al Queda nằm rải rắc trong 60 nước Hồi giáo trên thế giới. Căn cứ của hắn dùng để huấn luyện cả ngàn cán bộ khủng bố ("Al Queda" có nghĩa là "căn cứ") lại nằm trong nước Afghanistan và được tập đoàn lãnh đạo nước này "bảo lãnh". Nhóm "bảo lãnh" này toàn là những thành phần Hồi giáo rất quá khích nên tự gán cho mình danh hiệu "Taliban" (có nghĩa là "môn sinh của Thượng Đế" — "students of God"), và tự lãnh nhiệm vụ chống đối tất cả người "ngoại đạo" (infidels) để bảo vệ đạo pháp Hồi giáo.

Cuối cùng, chiến dịch của TT Bush phải mở rộng, gồm ba mục tiêu liên hệ mật thiết với nhau:

(1) Bắt sống hoặc giết Bin Laden. (Còn số mạng Saddam Hussein sẽ tính sau).

(2) Tiêu diệt màng lưới khủng bố chống Mỹ. (Còn màng lưới Hồi giáo đang khủng bố Do Thái thì hãy tạm để đó. Tội nghiệp cho ông thủ tướng nước Do Thái bị TT Bush ép phải hòa đàm với địch thủ hung hãn, và đồng thời bị áp lực của nhóm "diều hâu" đòi phải trả thù vụ ám sát ông Bộ Trưởng Bộ Du Lịch Do Thái).

(3) Lật đổ chính quyền Taliban.

Đạt được cả ba mục tiêu trên quả là khó hơn việc "hun chuột" rất nhiều. Để dân Mỹ không kỳ vọng quá đáng vào chiến dịch "hun chuột", hai ông Bộ Trưởng Quốc Phòng và Ngoại Giao đã tuyên bố rằng chiến dịch này có thể kéo dài hàng năm (chứ không dễ dàng như TT Bush đã ám chỉ trong mấy hôm đầu). Sau đó, TT Bush cũng đổi giọng và nhiều lần kêu gọi nhân dân phải "kiên nhẫn" cho đến bao giờ tiêu diệt được màng lưới khủng bố mới thôi. Ai cũng biết là dân Mỹ không có đủ kiên nhẫn để chịu đựng một chiến tranh lâu dài. Nhiều phụ tá của TT Bush lo sợ dân Mỹ không đủ kiên trì chống giặc. Kinh nghiệm về chiến tranh Việt Nam đã cho họ thấy rằng dân Mỹ có thể ***trở nên phản chiến*** (khuynh hướng "trở cờ") một cách dễ dàng nếu chiến tranh kéo dài quá lâu năm và lính Mỹ phải hy sinh cho một chế độ chính trị ở nơi xa xôi ngàn dặm. Nhưng ông phụ tá này đã quá lo xa. Chiến dịch chống khủng bố khác hẳn chiến tranh Việt Nam. Lần này, nước Mỹ bị tấn công và thường dân Mỹ bị chết oan uổng ngay trên đất Mỹ. Vì thế, theo cuộc thăm dò dư luận gần đây, đại đa số dân Mỹ tỏ chí quyết thắng, và sẵn sàng chịu đựng sự hy sinh của lính Mỹ trên chiến trường Afghanistan. Dân Mỹ cũng hiểu rằng bây giờ không phải là bảo vệ một chế độ ngoại quốc hay một vài giếng dầu hỏa vô tri, mà là bảo vệ đời sống dân Mỹ ngay trên đất Mỹ. Chắc chắn là lần này dân Mỹ kiên trì chiến đấu hơn là trong thời kỳ chiến tranh ở Việt Nam.

Bây giờ tôi xin bàn luận về ba mục tiêu của chiến dịch chống khủng bố.

(1) Mục tiêu thứ nhất: Bắt hoặc giết Bin Laden ("dead or alive")

Mục tiêu này có đạt được hay không là một chuyện rất khó mà biết. Trước hết, Bin Laden có rất nhiều tiền và nhiều cán bộ trung thành ở rải rắc khắp nơi, nhất là nước láng giềng Pakistan. Nếu bị Mỹ truy lùng quá gắt gao thì hắn có thể vượt biên trốn thoát một cách tương đối dễ dàng. Trường hợp thứ hai là nếu hắn có bị bom giết trong hang cùng ngõ hẻm nào đó thì cũng khó mà tìm thấy xác của hắn, nên không ai biết tên này còn sống hay chết. Trường hợp thứ ba là nếu bị dồn tới đường cùng thì hắn rất có thể đi một đường tự tử trong một hốc đá kín đáo chứ không chịu để bị bắt sống như Noriega trước kia. Độc hơn nữa là trước khi tự vẫn, hắn có thể viết sẵn một số thư kêu gọi các tín đồ tiếp tục cuộc "Thánh Chiến Chống Mỹ", rồi nhờ một cán bộ tín cẩn cứ vài ba tháng lại gửi những lá thư post dated đó cho báo chí ngoại quốc, để nuôi dưỡng tinh thần cách mạng Hồi Giáo khắp nơi và làm bể mặt chính quyền Mỹ (như ngày xưa Lưu Bị đẩy xác Gia Cát Lượng ra chiến trường để "hù" địch thủ).

Tuy nhiên, dù có biết chắc là Bin Laden đã lên Thiên Đàng đi chăng nữa thì Mỹ vẫn còn phải đối đầu với một hay nhiều tên thừa kế Bin Laden, và những tên này có thể mưu mô và ác độc hơn Bin Laden. Thí dụ như Ayman al Zawahiri đang cư ngụ ở Afghanistan, tên này là một bác sĩ người Ai Cập, được coi là đầu não của phong trào cách mạng Hồi giáo trên thế giới. Hắn là chủ mưu cuộc ám sát Anwar Sadat, tổng thống nước Ai Cập.

(2) Mục tiêu thứ hai: tiêu diệt màng lưới khủng bố

Mục tiêu này cũng khó mà đạt được vì có nhiều màng lưới khủng bố ngoài màng lưới Al Queda. Một nhóm có thể chỉ gồm có vài ba tên khủng bố sẵn sàng nổ tung thân xác mình để thi hành nhiệm vụ phá hoại, hoặc một tên thảnh thơi ngồi gửi hàng trăm bì thư anthrax đi khắp nơi để làm xáo trộn xã hội Mỹ nhiều năm. Chiến tranh chống khủng bố (war on terrorism) khó khăn hơn chiến tranh chống ma túy (war on drugs) gấp trăm ngàn lần. Thế mà hơn 20 năm nay, cả ba vị tổng thống Mỹ (Reagan, Bush, Clinton) không thành công trong chiến dịch chống ma túy. Thử hỏi làm sao TT Bush có thể tiêu diệt màng lưới khủng bố trong một vài tháng, hay một vài năm? (Các tên buôn bán ma túy rất thích sống để hưởng thụ nên thường tố cáo lẫn nhau để được giảm khinh nếu chẳng may bị sa lưới cảnh sát. Trái lại các cán bộ khủng bố sẵn sàng "tử vì đạo" nên không một khó khăn nào hay một áp lực nào có thể làm chúng nản lòng. Hơn nữa, các tên buôn lậu phải chuyển hàng qua biên giới nên dễ bị bại lộ hơn là các cán bộ khủng bố nằm vùng dùng vật liệu có sẵn ngay trong đất địch để tạo ra vũ khí phá hoại địch).

(3) Mục tiêu thứ ba: tiêu diệt chế độ Taliban

Mục tiêu này Mỹ có thể thực hiện được một cách nhanh chóng và kết quả nhìn thấy rõ ràng hơn là hai mục tiêu trên. Trước hết, trong khi giao chiến, hai bên đều phải tranh thủ nhân tâm để duy trì tinh thần trường kỳ chiến thắng bên "phe

ta", và đồng thời gây xao xuyến trong "phe địch" để địch nản lòng chiến đấu. Cho tới nay, Mỹ đã thành công trong mặt trận chiến tranh tâm lý này. Mỹ đã chứng minh được rằng những cuộc oanh tạc kéo dài hơn một tháng nay nhằm vào lực lượng quân sự Taliban, chứ không nhằm nhân dân Afghanistan. Chiến thuật hay nhất của Mỹ là vừa thả bom diệt địch, vừa thả đồ ăn nuôi sống dân cư ngụ trong vùng địch. Không những thế, đồ ăn lại còn được nấu theo truyền thống đạo Hồi giáo cho đúng khẩu vị dân Afghanistan. Thật là một hành động đẹp (có thể là một hành động mưu mô bất hủ) chưa từng có trong lịch sử chiến tranh loài người. (Nhân tiện đây ta cũng nên nhớ là trong thời chiến tranh Việt Nam, TT Johnson và TT Nixon vì lương tâm hay vì lý do chính trị gì đó đã không cho phép máy bay Mỹ thả bom phá đê điều ngoài Bắc để tạo ra cảnh lụt lội điêu linh cho nhân dân miền Bắc).

Tuy nhiên, hàng ngàn phi vụ oanh tạc dù chính xác đến đâu đi chăng nữa cũng gây tổn thất sinh mạng trong đám thường dân. Dân lành chết càng nhiều, lòng căm thù Mỹ càng gia tăng. Để khỏi bị mang tiếng là "tiêu diệt chủng tộc" (ethnic cleansing), Mỹ phải chấm rứt chiến dịch oanh tạc càng sớm càng tốt thì mới có hy vọng kéo được dân Afghanistan về với phong trào chống đối chế độ Taliban.

Trái lại, kẻ thù của Mỹ đã làm một hành động rất là thất nhân tâm khi rải vi trùng anthrax khắp nơi, nhất là các tòa báo và cơ sở truyền hình Mỹ. Dân Mỹ nghi là đàn em Bin Laden đã làm chuyện vô nhân đạo này, vì thế rất căm thù Bin Laden. Báo chí Mỹ thông thường hay "soi mói vào chuyện riêng của Nhà Nước" cũng phẫn nộ không kém. Các phóng viên Mỹ không còn thiết tha gì với nguyên tắc "báo chí khách quan" như trước nữa, và bây giờ họ có khuynh hướng thiên vị về phía chính quyền. Kết quả là dân Mỹ bắt đầu "nóng lòng sốt ruột" vì TT Bush đã tỏ vẻ ra quá nhân đạo đối với địch thủ. Đó cũng là một điều hay cho TT Bush vì đến lúc "người hùng Texas" dùng toàn lực đánh phá Taliban, thì ít ai có thể chê bai "người hùng Texas" là đã quá tàn bạo. Về phía dân Afghanistan, hình ảnh "nhân đạo" của TT Bush lại có hậu quả làm cho một số dân nước này phải nghĩ lại mà thấy rằng TT Bush đã bị kẹt trong đường cùng nên bắt buộc phải tấn công lực lượng Taliban, chứ không có ý định xâm chiếm đất nước của họ. Do đó, những tang tóc do chiến tranh gây ra sẽ là mầm chia rẽ giữa nhân dân Afghanistan và nhóm Taliban.

Tuy TT Bush đã thắng trên chiến tuyến tâm lý nhưng trên chiến tuyến quân sự thì lại là một chuyện khác. Ta nên nhớ Afghnistan có núi non hiểm trở, với một diện tích to gấp 4 lần Miền Nam Việt Nam, cuộc không chiến với hàng chục ngàn trái bom thả khắp nơi cũng chỉ đủ phá hủy các cơ sở xây cất và trọng pháo địch nhưng không đủ để tiêu diệt quân địch lẩn trốn trong cả ngàn hang đá nằm xâu trong lòng núi. Hơn nữa, sau 5 tuần oanh tạc với những trái bom hàng trăm ký rơi nhằm vào những căn nhà tranh vách đất của dân lành làm cho cả thế giới phải thắc mắc, bây giờ đã đến lúc Mỹ phải đổi lối đánh nhau trên mây bằng "remote control" để chuyển sang lối đánh nhau dưới đất, quần thảo với địch ngay trên đất địch với sự cộng tác của lực lượng du kích địa phương chống đối chế độ Taliban.

Tuy trận địa chiến này có thể gây ra nhiều tổn thất nhân mạng cho quân đội đồng minh (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ ...) , nhưng tôi không tin là Mỹ sẽ bị sa lầy ở Afghanistan như Liên Sô trước kia. Dù trong quá khứ, nhân dân Afghanistan đã từng đánh đuổi ra khỏi nước nhiều đoàn quân xâm lăng hùng mạnh (từ Alexander Đại Đế, Thành Cát Tư Hãn, rồi Anh quốc trước kia và Liên Sô mấy năm gần đây), nhưng lần này tôi nghĩ rằng quân đội đồng minh sẽ thắng trong khoảng một thời gian rất ngắn (có thể không quá một năm) vì ba lý do sau:

(1) Trước hết, TT Bush bị kẹt trong thế "ngồi trên lưng cọp" nên phải quyết chiến thắng để bảo vệ sinh mạng dân Mỹ, chứ không có quyền nản lòng kéo quân về như những đoàn quân xâm lăng trong lịch sử Afghanistan. Alexander Đại Đế chỉ mang quân tạt qua Afghanistan, vì mục đích chính của vị hoàng đế Hy Lạp này không phải là chiếm đóng một vùng đồi núi khô khan, mà là tiến quân chiếm lục địa Ấn Độ. Thành Cát Tư Hãn cũng chỉ coi Afghanistan là một trạm nghỉ chân trên con đường tiến vào Âu Châu. Đế quốc Anh sau khi chiếm vùng Ấn Độ và vùng thung lũng phì nhiêu của Afghanistan (tức là Pakistan bây giờ) cũng không muốn chiếm thêm vùng đèo heo hút gió làm gì cho tốn công hại của. Liên Sô phải rút quân về khi thấy thiết lập một chế độ cộng sản ở Afghanistan cũng không có lợi gì, mà còn bị tổn hao quá đáng vì phải đương đầu với kỹ thuật chiến tranh của Mỹ ở xứ xa xôi này. Nói tóm lại, dân

Afghanistan đã đánh đuổi nhiều đoàn quân ngoại xâm vì quân ngoại xâm thấy không đáng hy sinh để chiếm giữ một mảnh đất cằn cỗi "chó ăn đá, gà ăn muối" chứ không phải vì tài "bách chiến bách thắng" của đám người nghèo khổ này. Lịch sử chiến đấu chống ngoại xâm của dân Afghanistan quả đã được các sử gia thổi phồng thành gần như một chuyện thần thoại.

(2) Hiện nay chế độ Taliban thiếu thốn đủ mọi thứ và không có một cường quốc nào viện trợ quân sự thì làm sao có thể đương đầu với các nước đồng minh giầu mạnh có đủ loại vũ khí hiện đại, và hỏa lực dồi dào. Đồng thời, tập đoàn lãnh đạo Taliban lại áp dụng một chính sách thống trị tàn bạo nên không còn có khả năng lôi cuốn toàn dân theo truyền thống chống "ngoại xâm" như trước nữa. Ngoài ra, sự hiện diện hàng chục ngàn chí nguyện quân ngoại quốc trong hàng ngũ Taliban đã làm cho nhiều người Afghanistan có tinh thần ái quốc phải thắc mắc về chế độ Taliban: Taliban có phải là một tổ chức tranh đấu cho độc lập hay chỉ là một tổ chức bù nhìn làm tay sai cho nhóm người ngoại quốc Hồi giáo quá khích.

(3) Trong khi đó, lực lượng đồng minh đã chứng tỏ rõ ràng cho nhân dân Afghanistan biết là không có ý định xâm chiếm nước này. Các nhà lãnh đạo Âu Mỹ đã cố gắng thiết lập gấp rút một chế độ "hòa giải dân tộc" đại diện tất cả bộ lạc trong nước, chứ không muốn trực tiếp hay gián tiếp cai trị Afghanistan. Không ai muốn gánh vác cái "của nợ" đó. Hơn nữa, các cường quốc mệnh danh là "đế quốc" không có ý định bóc lột dân tộc Afganistan (nước này có gì đâu mà bóc lột, ngoài nha phiến). Trái lại, các nước giầu có đã dự tính một chương trình viện trợ dồi dào (gần một tỷ Mỹ kim) để xây dựng nước Afghanistan sau khi chiến tranh chấm dứt.

Nói tóm lại, quân đội đồng minh sẽ thắng trận. Nhưng thắng như thế nào? Theo tôi nghĩ, chiến tranh có thể kết thúc bằng một ***cuộc thắng trận tàn bạo***, hay bằng một ***cuộc thắng trận ôn hòa***:

* Cuộc ***thắng trận tàn bạo*** có thể xẩy ra khi quân đội đồng minh phải dùng hỏa lực để tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân sự Taliban. Trong trường hợp này, chiến tranh sẽ kéo dài hơn và gây nhiều tổn thương cho quân đội đồng minh.

* Cuộc ***thắng trận ôn hòa*** có thể xẩy ra nếu chế độ Taliban âm thầm tan rã: quân lính Taliban bỏ súng về làng, và các chí nguyện quân ngoại quốc vượt biên trốn về quê hương bản quán. Cuộc thắng trận ôn hòa có thể thực hiện được nếu có một chính phủ chuyển tiếp sẵn sàng tiếp thu chính quyền Afghanistan. Nếu không, chế độ Taliban sẽ bị thay thế bằng một chế độ hỗn loạn tương tàn (anarchy).

Điều khó khăn hiện nay là thiết lập một chính phủ chuyển tiếp chấp nhận bởi đại đa số các bộ lạc và các vùng trong nước. Ai là người đại diện mỗi bộ lạc, mỗi vùng? Móc nối các thành phần lãnh đạo này bằng cách nào? Ai là người có đủ uy tín để thuyết phục mọi người "ngồi lại với nhau", v.v.. Đó là những vấn đề cần phải giải quyết gấp rút để đi tới hòa bình một cách mau lẹ. Tiếc thay, Afganistan là một xã hội gồm có cả chục bộ lạc, đa ngôn ngữ, đa chủng tộc, đa tôn giáo (nhóm giáo phái Shi'ite miền Bắc và nhóm giáo phái Sunny miền Nam đã từng chiếm giết nhau không gớm tay trong nhiều thế hệ). Hơn nữa, các bộ lạc, các vùng, hoặc các nhóm tôn giáo lại bị lãnh đạo bởi những tên lãnh chúa hiếu chiến (war lords), không biết nhân nhượng với nhau để cho dân chúng có dịp an cư lạc nghiệp.

Hơn một thế kỷ nay, xã hội Afghanistan là một xã hội xây dựng bằng vũ khí. Dân Afghanistan rất khéo léo và đã dùng tài khéo léo này để sản xuất tại gia đủ loại súng, từ súng lục, súng trường cho đến tiểu liên và đại liên theo đúng khuôn mẫu ngoại quốc. Vì thế, nhiều nhà quan sát ngoại quốc đã cho rằng Afghanistan có một nền văn minh đặc biệt, gọi là nền "văn minh AK", tức là nền "văn minh tiểu liên". Nền văn minh này đi liền với truyền thống hiếu chiến và đã tạo ra cảnh điêu linh cho dân tộc Afghanistan hàng trăm năm nay, nhất là từ ngày vũ khí hiện đại du nhập vào xứ này.

Tuy dân Afganistan đánh nhau rất hăng, nhưng khi cần thì cũng "trở cờ" rất lẹ. Có lẽ nhờ truyền thống "trở cờ" mà dân tộc này còn tồn tại cho tới ngày này. Hy vọng là "truyền thống trở cờ" này còn âm ỷ trong lòng người trai thế hệ để đưa đến cuộc chiến thắng ôn hòa cho dân Afghanistan có dịp được sống trong cảnh thanh bình. Âu cũng là một bài học cho chúng ta thấy rằng hành động "trở cờ" chưa hẳn đã là một hành động phản dân hại nước. Trái lại, tinh thần "Lê Lai liều mình cứu chúa" có thể đẩy quốc gia dân tộc xuống vực thẳm./.

Ottawa, ngày 11-11-2001

ĐẠO ISLAM TẠI VIỆT NAM

DOHAMIDE ABU TALIB

LTS: Tác giả, ông Dohamide Abu Talib, người dân tộc Chăm, gốc làng Katambong, Châu Phú, tỉnh An Giang, tốt nghiệp Học Viện Quốc Gia Hành Chánh (Sàigòn) 1963, đậu bằng M.A về Chánh Trị Học, Đại Học Đường Kansas Hoa Kỳ, 1967. Đã cộng tác với nhật báo Buổi Sáng *trong thập niên 1950, tạp chí* Bách Khoa *trong thập niên 1960-1970; tác giả quyển* Dân Tộc Chàm Lược Sử, *Sàigòn, 1965. Đại biểu Muslim Việt Nam tại hội nghị Muslim các nước Đông Nam Á và Viễn Đông tại Malaysia, 1964. Hội nghị Muslim thế giới tại thánh địa Makkah, A Rập Saudi, 1974.*

Đạo ISlam nguyên phát triển tại A Rập qua Thiên Kinh Qur'An đã được mặc khải cho Nhà Tiên Tri (Nabi) Muhammad theo tin tưởng của người Muslim, tức người theo đạo Islam đã được Thượng Đế, tức Allah ủy thác sứ mạng truyền chuyển Thông Điệp chân lý cho nhân loại. Nội dung Thiên Kinh Qur'An chính là lời Phán Truyền của Allah bằng ngôn ngữ A Rập. Khi được truyền qua những nước có ngôn ngữ khác, Thiên Kinh Qur' An vẫn được bảo tồn tính nguyên gốc bất di bất dịch bằng chữ A Rập và trong các buổi Dâng Lễ thường nhật, người Muslim vẫn đọc các câu kinh bằng chữ A Rập. Do đó, đối với thế giới bên ngoài, nếu không tìm hiểu cặn kẽ nguồn gốc, thì thường xảy ra những nhận định sai lạc, gây ấn tượng tựa hồ như Islam là đạo riêng của người A Rập.

Do thiếu hiểu biết, tại Việt Nam, Đạo Islam thường được gọi chung là Hồi Giáo hoặc Đạo Hồi và tín đồ Muslim vẫn thường được gọi là người theo đạo Hồi khiến có người thẳng thắn nêu thắc mắc đạo Hồi có phải xuất phát từ Hồi Quốc tức Pakistan hay không? Ngay cả Allah nghĩa là Thượng Đế, những năm gần đây người ta cũng thường vô tình gọi là Thánh A-la!

Quả thật nước Pakistan là nước mà đại đa số người dân theo đạo Islam, nhưng đạo Islam không xuất phát từ Pakistan và hơn nữa đạo Islam không bao giờ là đạo của một nước. Tại Trung Quốc, người theo đạo Islam được gọi chung là người Hồi, qua quá trình phát triển lịch sử, có những nhóm người trên thực tế không quan hệ đến đạo Islam, nhưng không thuộc dân tộc thiểu số nào cả, được xếp chung gọi là người dân tộc Hồi. "Hồi" theo nghĩa chữ là "hoàn lại," "trở lại," về nội dung, trong những điều kiện kể trên, không thích hợp với đạo Islam.

Cũng như trước đây, các tác giả phương Tây đã gọi đạo Islam theo từ tiếng Anh là "Mohammadism", còn các tín đồ Islam là *Mohammadan*. Người Muslim bác bỏ và phản đối việc sử dụng cả hai tên gọi kể trên bởi chúng đưa đến những hệ lụy sai lầm nghiêm trọng. Việc đặt sai tên này xem tôn giáo được đặt tên theo một con người theo mô thức của đạo Cơ Đốc giáo là *Christianity* do tên *Christ*, hoặc đạo Do Thái là *Judaism* do tên *Juda,* hoặc *Buddhism* do từ *Buddha* v.v... Bằng cách sử dụng từ Mohammadan, người bên ngoài Islam rất dễ rơi vào tình trạng hiểu lầm người Muslim là những người tôn thờ Muhammad, hoặc những người tin Muhammad thì cũng theo cùng lề lối như những người Cơ Đốc giáo tin Giêsu vậy.

Từ những lệch lạc do thiếu am tường về tên gọi của đạo Islam, trong dân gian còn có thể nghĩ người sáng lập ra đạo Islam là Muhammad, và gán cho Muhammad danh vị "Đức Giáo Chủ," một chức sắc cao nhất được dùng trong đạo khác, nhưng không thích hợp với đạo Islam. Đạo Islam được tín đồ coi không phải do Nhà Tiên Tri (Nabi) Muhammad sáng lập. Đấng sáng lập nguyên thủy của đạo Islam chính là Thượng Đế (tức Allah). Và thời điểm sáng lập đạo Islam, quay ngược dòng thời gian, là bao gồm cả thời đại A-Đam, (cũng được gọi là một *Nhà Tiên Tri, Nabi*), lúc khởi đầu mối tương quan giữa Thượng Đế và con người. Islam vốn đã tồn tại dưới dạng thức này hay dạng thức khác, cùng với một nội dung bất diệt từ ngày khởi đầu và tiếp tục cho đến ngày chấm dứt thời gian.

Do đó, để tránh mọi lệch lạc, khuynh hướng

hợp lý và phổ biến trong cộng đồng người Muslim Việt Nam hiện nay là du nhập và dùng từ nguyên A Rập, từ của Thiên Kinh Qur'An: Islam. Tên chính thức trong cộng đồng gọi đạo là *Islam* và các tín đồ theo đạo Islam là *Muslim*. Các từ này được người theo đạo Islam dùng trong câu chuyện hàng ngày, với một tinh thần nghiêm túc, trang trọng, theo thời gian tạo thành thói quen, du nhập vào ngôn ngữ Việt thay hẳn từ *Hồi Giáo* không thích hợp như ghi nhận ở trên.

Islam có nghĩa là thần phục theo Ý của Thượng Đế (Allah), và tuân phục theo Luật của Thượng Đế. Mọi con người thần phục và tuân mệnh Thượng Đế, do đó gọi là người *Muslim*.

*

Ngược dòng lịch sử, người ta đã ghi nhận vào một thời điểm hiện chưa được các cuộc nghiên cứu khoa học xác định chính xác. Đạo Islam nguyên đã được truyền chuyển vào bán đảo Đông Dương bởi các nhà thương nhân A Rập ghé qua các bến cảng Champa tức Chiêm Thành, một vương quốc đã một thời hưng thịnh tại vùng đất Trung Việt Nam ngày nay, kinh đô Vijaya (Thành Đồ Bàn) qua một số đền tháp, di chỉ còn lưu lại, được đặt tại Trà Kiệu, vùng Quảng Nam ngày nay. Nhà khảo cứu Pháp, H. Huber, đã tìm được trong sử nhà Tống, Trung Quốc bản tường thuật về sinh hoạt của dân tộc Chăm có ghi câu kinh *A-la hòa cập bạt* mà người ta suy ra câu kinh nhật tụng *Allahu Akbar* (Allah vĩ đại) của người Muslim.

Ngoài ra, trong câu chuyện lịch sử dân gian của người Chăm, đăng trong Excursions et Reconnaissances, XIV, trang 153, có ghi vị vua Champa trị vì vào thế kỷ thứ 10 T.L đã nhập đạo Islam và đã có đi hành hương tại thánh địa Makkah, chứng tỏ đạo Islam đã có một thời cực thịnh tại đất Champa. Sau khi vương quốc Champa từng bước tan biến trước các làn sóng nam tiến của Đại Việt, một vị vua cuối cùng của người Chăm được gọi là *Pô Chơn*, không chịu được các chính sách ngược đãi của thời vua Minh Mạng, đã cùng một số thần dân trốn sang đất Cam Bốt và định cư tại đó (một số địa danh như Kompong Cham chẳng hạn trên đất Cam Bốt có nghĩa là bến hoặc làng người Chăm). Nhóm này sau đó lần hồi xuôi theo dòng sông Cửu Long xuống đến vùng Châu Đốc, đã định cư trong bảy làng cho đến ngày nay, và đã có tham gia lao động thực hiện công trình của Thoại Ngọc Hầu đào kinh Vĩnh Tế thông thương với Hà Tiên. Từ biến cố lịch sử này, cộng đồng Chăm Muslim được chia thành hai nhóm, và trong một thời gian dài đã bị ngăn cách nhau trong không gian.

Nhóm người Chăm còn lại trên đất mẹ qua diễn biến của thời cuộc không còn ai chuyên về nghề đánh cá ngoài biển là nghề cổ truyền một thời nổi tiếng của người Chăm nữa, mặc dầu trong các lễ tục dân gian, cụ thể là lễ cúng Raja, vẫn còn phản ánh sanh hoạt nghề này. Ngoài số người Chăm theo tín ngưỡng truyền thống trực tiếp chịu ảnh hưởng Ấn giáo và Bà La Môn, cho đến ngày nay vẫn còn lưu lại một số người gọi là *Chăm Bani* sống trong các thôn ấp riêng rẽ đối với người Chăm, có một hệ thống chức sắc lãnh đạo chuyên nghiệp, trong dân gian gọi là các *thầy Chang*, bảo đảm thực hiện các lễ nguyện, nhịn chay, và các lễ cúng của gia đình. Còn người dân thì thường chỉ mang vật cúng đến thánh đường mà thôi. Thiên kinh Qur'An của họ cũng được duy trì, nhưng là bản được sao chép qua tay nhiều thế hệ nên đã thay đổi nhiều nét, và cách đọc có nhiều âm khác lạ không còn là tiếng A Rập nguyên gốc nữa. Tình trạng sai lệch đó là do sống cô lập trong thời gian dài, không có giao lưu với bên ngoài, nên một số vị chỉ muốn nhận mình là người *Bani* để tự phân biệt ngay cả với đạo Islam, thường được phát âm là *A xa-lam*.

Linh mục Durand, trong bài nghiên cứu *Les Chams Bani* đã suy luận chữ *Bani* là do từ *Beni* tiếng A Rập, có nghĩa là *con*, tức con của Mohammad. Sự thực, từ *Bani* tiếng Chăm có nghĩa là *Đạo*, ý muốn nói đến người theo *đạo*, còn những người khác là người ngoại. Mặc dầu cho đến nay chưa có cuộc nghiên cứu phân tích khoa học thực sự đi vào thực chất hành đạo của người *Chăm Bani*, hiện định cư tại tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận.

Có những bằng chứng sơ khởi xác định người *Chăm Bani* chính là người Muslim: 1) Dạng bản thiên kinh Qur'An mặc dầu ngày nay đã biến đổi nhiều và không còn gọi là Qu'r'An nữa, mà thường đọc trại ra là *Qur' ưn* hoặc *Kitab alhămbu*, nhưng thực chất vẫn là Qur'An. 2) Các thánh đường mặc dầu ngăn cách đã lâu với bên ngoài vẫn được xây cất theo đúng hướng *Qiblat*, tức hướng thánh địa Makkah của đạo Islam. 3) Niên lịch sử dụng và cách tính năm tháng hoàn toàn đúng với niên lịch *Hijrah* hiện hành của Muslim. Tại tỉnh Ninh Thuận, một vài thôn ấp Chăm Bani ngày trước đã giao lưu với các đồng đạo Muslim

tỉnh An Giang, và đã lập các cộng đồng Muslim đúng theo nề nếp Islam tại Văn Lâm, An Nhơn, Phước Nhơn v.v... Nhất là tại Phước Nhơn, một masjid (thánh đường) mới được xây dựng cách khoảng thánh đường của người Bani trong tầm nhìn thấy nhau, tạo nên triển vọng một ngày nào đó cả hai cộng đồng càng xích lại tìm hiểu nhau, xóa tan ngăn cách, và hòa hợp với nhau trong tình nghĩa mọi người Muslim đều là anh em như lời phán dạy của Allah trong thiên kinh Qur'An.

Nhóm người Chăm Muslim miền tây nam bộ, trong dân gian thường quen gọi là người *Chăm Châu Đốc* trong quá khứ, sau khi định cư, đã có tiếp xúc với các thương buôn người Mã Lai đi thuyền ngược dòng sông Cửu Long đến để trao đổi hàng hóa. Cuộc tiếp xúc này đã tạo điều kiện cho người Chăm Châu Đốc hòa hợp cả về mặt đạo giáo, khi có phương tiện thì gởi con em sang Mã Lai học đạo, nhất là tại Kelantan. Các du học sinh này sau một thời gian học đạo tại Mã Lai đã trở lại quê nhà và thường đảm trách truyền dạy giáo lý Islam, đào tạo môn sinh phân phối về các thôn ấp, đảm trách trường lớp thường được xây cất gắn liền với các *masjid* (Thánh đường) trong dân gian gọi là các *Tuôn*, được xã hội nể trọng. Những vị học đạo nhiều năm tại Malaysia theo thời gian được cộng đồng cử nhiệm làm *Hakin* (trưởng giáo) trên nguyên tắc đứng đầu quán xuyến điều hành việc đạo một cộng đồng (*jam'ah*). Tại Malaysia, vị *Hakim* có chức năng lãnh đạo. Theo hệ thống cổ truyền, mỗi vùng và ngay cả một nước có một vị trưởng lão được cử nhiệm theo thể thức khác nhau tùy theo địa phương, được coi là chức sắc cao cấp nhất được quần chúng Muslim nể trọng, có chức năng phối hợp điều hành sinh hoạt đạo của cộng đồng, nhất là về mặt áp dụng Giáo luật. Theo mô thức của Malaysia, đứng đầu cộng đồng Muslim tại Việt Nam là một vị *Mufty* (tổng giáo trưởng), đảm trách phối hợp các vị *Hakim*. Điển hình có vị *Hakin* nổi danh tại Việt Nam như cố Tuan Haji Umar' Aly trong cuối đời đảm trách chức vụ *Mufty*, đứng đầu toàn cộng đồng phối hợp hoạt động các *Hakin*. Vị *Mufty* đương nhiệm khi chúng tôi viết những dòng chữ này là Tuan Haji Isma'il Fickry, hoặc Tuan Hakin Haji Idress thuộc cộng đồng Muslim *Mubarak* Châu Giang, tỉnh An Giang, cũng đã một thời lưu học đạo tại Mã Lai.

Trong những điều kiện phát triển giao lưu với cộng đồng Muslim Mã Lai như trên, cộng đồng Muslim Châu Đốc, theo truyền thống hành đạo theo hệ *Madhahab Shafi'y*. Cần phải mở ngoặc ở đây để ghi nhận rằng sự phân chia hai nhóm buổi đầu sau khi Nabi Muhammad yểm trợ hai tông đồ (*sahabah*) kế nghiệp ngài, có hậu quả tạo thành hai hệ phái gọi là *Shi'ah* và *Sunnah*, theo thời gian đã có ảnh hưởng các vùng địa lý khác nhau hoặc đan chen nhau trong một vùng. Hệ Sunnah có bốn *Madhahab* (trường phái giáo luật chính yếu). *Mahahab Shafi'y* phát triển ảnh hưởng tại Indonesia, Ai Cập, Malaysia, Brunei, Phi Luật Tân, Sri Lanka và Việt Nam. Do khuynh hướng tự nhiên bảo tồn căn sắc (identity) của dân tộc, cộng đồng Muslim Châu Đốc đã theo khuôn mẫu Mã Lai dùng mẫu tự A Rập để viết chữ Chăm, đồng thời để đọc Thiên kinh Qur'An luôn. Còn chữ Chăm cổ truyền thì theo thời gian không còn mấy người biết nữa trong cộng đồng người Chăm Châu Đốc. Do đó, cộng đồng người Chăm Muslim Châu Đốc thường học đọc Thiên kinh Qur'An theo nguyên bản A Rập. Nhưng khi học diễn dịch để thông hiểu thiên kinh thì phải thông qua các quyển *Tafsir Qur'An* viết bằng chữ Mã Lai. Và chữ Mã Lai theo thời gian biến thành ngôn ngữ của giới trí thức có học người Chăm Châu Đốc. Tuy nhiên, ngôn ngữ Chăm trong dân gian vẫn là tiếng nói mẹ đẻ, sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày, nên để được thích hợp, giới trí thức Chăm Châu Đốc đã theo khuôn mẫu sẵn có của Mã Lai dùng các mẫu tự A Rập để phiên âm tiếng Chăm, dùng để dạy giáo lý tại mỗi thôn ấp.

Thời cuộc khó khăn từ những thập niên sau này đã làm gián đoạn một thời gian dài các dòng giao lưu tôn giáo giữa người Chăm Châu Đốc và Mã Lai, cho mãi đến thập niên 1960, có điều kiện nối lập, người Chăm Muslim ở Việt Nam mới được biết rằng sau khi thu hồi độc lập, và thành lập nước Malaysia, người Mã Lai đã có thứ chữ mới gọi là *Malayurumi* được thành hình với mẫu tự La tinh, và được thông dụng trong các cơ quan nhà nước cũng như trong dân gian. Còn thứ chữ cũ gọi là *javi*, cùng khuôn mẫu chữ mà người Chăm vẫn sử dụng thì nay đã lùi về quá khứ, chỉ còn được dùng trong khuôn khổ giới hạn của sanh hoạt tôn giáo tại một số địa phương nhất định mà thôi. Gợi lại sự kiện này, chúng tôi muốn nêu lên một yếu tố thuận lợi chủ yếu, đã góp phần vào việc làm cho sanh hoạt tôn giáo của người Chăm Muslim tại Việt Nam có tính tương đối khép kín, có ngôn ngữ riêng, chữ viết thông dụng riêng, tín ngưỡng riêng đối với môi trường bao quanh là xã hội Việt Nam nói chung. Trong

một thời gian dài, người Chăm Muslim Châu Đốc đã kết hợp với niềm tự hào dân tộc, ít có gia đình nào chịu cho con em đến trường học chương trình phổ thông. Ngoài ra, các bậc phụ huynh một phần cũng còn mang mặc cảm e ngại con em mình, khi được đi học phổ thông thì lại hấp thụ nếp sống khác biệt, trong giao dịch sẽ uống rượu, cờ bạc, giao hợp sinh lý vụng trộm, gọi là *jina* vốn là những giáo luật răn cấm (*harăm*) và nếu phạm phải thì sẽ gây sỉ nhục cho dòng họ tông môn trong xóm làng.

Tuy nhiên, theo đà phát triển, nền kinh tế tự túc địa phương đơn thuần dựa vào nghề chài lưới và dệt vải không còn đủ điều kiện bảo toàn mưu sinh cho người dân trong vòng các thôn ấp nữa: người Chăm Muslim Châu Đốc phải đi ra ngoài kiếm sống, ban đầu là những chiếc thuyền con cổ truyền nương theo các kinh lạch sông ngòi. Và chính những dịp ra ngoài này đã thúc đẩy người Chăm Muslim Châu Đốc nói và học tiếng Việt để chung đụng giao dịch thường xuyên với người Việt.

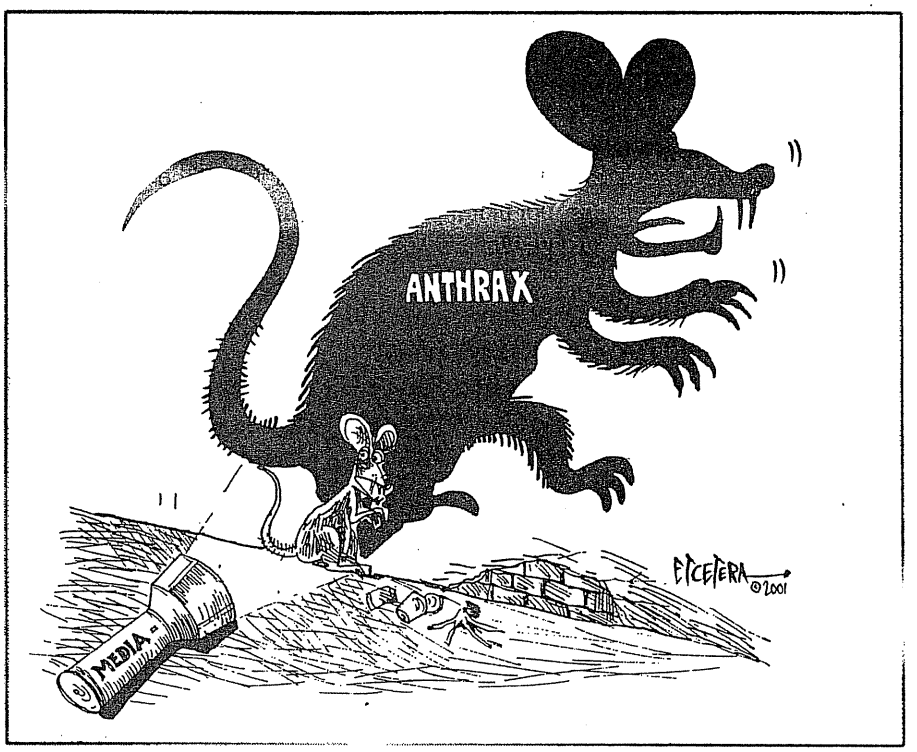

Vào thập niên 1920, một chiếc thuyền con đã mang một ông lão người Chăm Muslim Châu Đốc cùng với hai đứa con trai xuôi theo kinh Chợ Đệm, tỉnh Long An đã ghé lại một bến của làng Tân Bửu, có tên dân gian là Ba Cụm, tình cờ đã vận dụng y học cổ truyền của mình, chữa lành cho một người mang bệnh ngặt nghèo, khiến cả gia đình này tin tưởng và đã gia nhập đạo Islam. Địa điểm ghé bến này ngày nay đã xây được một thánh đường (*masjid*), tạo thành cộng đồng (*jam'ah*) Muslim đầu tiên thường được gọi là *mu'al-laf* gồm toàn người Việt. Trong cộng đồng *mu'al-laf* này hẳn nhiên không thể dùng tiếng Chăm để giảng sách, nếu muốn mọi người cùng theo dõi am hiểu. Thế là từ đó, ngoài những bài thuyết giảng bằng miệng trong các *masjid* trong số tín đồ Muslim nói tiếng Việt càng ngày càng đông đảo dần, đã nêu lên nhu cầu tài liệu sách vở in ấn bằng tiếng Việt. Ngoài ra, trong cộng đồng người Chăm Muslim Châu Đốc theo đà phát triển cũng đã ý thức được lợi ích của việc cho con em đến trường phổ thông, tạo thành một tầng lớp học sinh sinh viên, vì điều kiện sinh sống và học hành không còn có thể lần theo dấu chân của cha ông, khép mình riêng trong các trường lớp cổ truyền của thôn ấp nữa.

Đặc biệt tại Sàigòn, tức thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, đã lần hồi hình thành một tầng lớp Muslim đa dạng, kết hợp hầu hết những người tha phương, bao gồm người gốc Mã Lai, Ấn, người Pakistan, người A Rập, và nhất là người Việt, đưa đến tình trạng phải dùng tiếng Việt để giao dịch với nhau.

Ngoài ra, trong cuộc sống đô thị không còn điều kiện tự cô lập như tại các thôn ấp nữa, đạo Islam không còn bị khép kín trong một không gian hạn hẹp của một dân tộc, một nước nào, thì mới triển khai được tác dụng nhân ái, mang ánh sáng thông điệp chân lý của Thượng Đế đến với mọi người./.

MÀN NHÌ CỦA TRẬN CHIẾN DIỆT KHỦNG BỐ Ở AFGHANISTAN

HÀ TƯỜNG CÁT

Chiến dịch Enduring Freedom ở Afghanistan khởi đầu từ ngày 7 tháng 10 năm 2001 có thể coi như chính thức bước sang màn nhì - như người ta đã dự đoán là giai đoạn chiến đấu trên bộ - vào ngày đầu tiên của tuần lễ thứ 8, với việc đổ bộ của thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đêm Chủ Nhật 25/11/2001.

Các trực thăng CH-46 và CH-53 được máy bay chiến đấu hộ tống đã đưa những đơn vị tiền phong của hai Lữ đoàn Viễn chinh Thủy quân Lục Chiến 15 và 26 đáp xuống phi trường cách thành phố Kandahar 12 dặm về phía tây nam. Đã không có sự kháng cự nào ngay tại khu vực thủ đô tinh thần của Taliban này, sau khi Hoa Kỳ dường như vừa chịu một tổn thất nhân mạng đầu tiên qua bảy tuần chiến trận, trong vụ tù binh Taliban nổi loạn ở Mazar-e-Sharif vào buổi sáng cùng ngày.

Cho đến thời điểm đó, Hoa Kỳ chỉ có vài trăm quân trên đất Afghanistan, hầu hết là thuộc các Lực lượng Đặc biệt được xâm nhập từng toán nhỏ mà thời gian và số lượng không bao giờ được chính thức tiết lộ. Việc đem thủy quân lục chiến đến trận địa là một bước chuyển biến rõ rệt trong chiến lược, sau giai đoạn chỉ sử dụng không lực và yểm trợ cho các lực lượng chống Taliban tiến đánh trên bộ.

Như lời Bộ trưởng Quốc phòng Ronald Rumsfeld đã xác định, quân đội Hoa Kỳ sẽ lùng sục Osama bin Laden cùng các thủ lãnh và tiêu diệt toàn bộ các căn cứ, cơ sở và nhân sự của tổ chức khủng bố al-Qaeda. Như vậy, sau giai đoạn sử dụng ưu thế hỏa lực không quân mà kết quả cụ thể là sự tan rã của quân đội Taliban và thắng lợi tuyệt đối cho Liên Minh Phương Bắc cùng các lực lượng chống Taliban, màn thứ nhì của chiến tranh sẽ là các trận đánh trực diện của quân đội Hoa Kỳ.

Tuy nhiên dù cho Thủy quân Lục chiến đã được huấn luyện tinh nhuệ để đáp ứng mọi hình thức hoạt động từ chiến tranh quy ước cho đến hành quân đặc biệt, chống du kích, và có hỏa lực hùng mạnh với chiến xa, xe thiết giáp, pháo binh, trực thăng võ trang, máy bay oanh kích, cũng sẽ không dễ dàng và mau chóng đạt tới mục tiêu. Thật ra đến nay mục tiêu tối hậu của trận chiến ở Afghanistan vẫn chưa được xác định cụ thể ngoài những lời tuyên bố mang tính cách tổng quát là tiêu diệt tổ chức khủng bố và chế độ Taliban hỗ trợ chúng. Trong tình thế hai tuần lễ vừa qua, chế độ Taliban đã gần như sụp đổ hoàn toàn và lực lượng al-Qaeda cũng chịu nhiều tổn thất nặng nề. Nhưng có một mục tiêu cụ thể hơn hết, và cũng là một sự kiện mà cuộc chiến chống khủng bố này khác hẳn mọi cuộc chiến tranh từ trước đến nay, đó là bắt hay hạ sát được Osama bin Laden như dư luận trông đợi. Sử dụng quân lực hùng mạnh với đủ mọi phương tiện lớn lao để nhắm tới một cá nhân - dù đó có là chủ trương đích thực hay chỉ là một giải thích đáp ứng với tâm lý đã được kích thích để trở thành mang ý nghĩa thật sự - thì cũng là một chuyện khá lạ lùng ở thế kỷ thứ 21, bởi vì bây giờ không còn là kiểu chiến trận thời trung cổ hay lịch sử xa xưa.

Trong một buổi ăn mừng ngày Lễ Tạ Ơn với các quân nhân Sư đoàn Dù 101 ở Fort Campbell hôm 21/11, Tổng thống George W. Bush đã khẳng định rằng giai đoạn sắp tới của chiến trận Afghanistan sẽ những bước khó khăn nhất. Ông nói đến những nơi ẩn náu của khủng bố, là "những căn cứ xây dựng kiên cố được bảo vệ bởi những kẻ cuồng tín chiến đấu đến chết" và thành công trong việc tiêu diệt những hang ổ này sẽ chỉ có thể đến từ từ, nhưng chắc chắn Hoa Kỳ phải thắng.

Suốt mấy tuần lễ đầu tiên, bằng không kích

và sau đó khi lực lượng chống Taliban tiến công thắng lợi chớp nhoáng vượt mọi dự đoán lạc quan nhất, Ngũ Giác Đài vẫn luôn luôn chứng tỏ đã tiến hành trận chiến Afghanistan một cách thận trọng và tính toán chi tiết hơn bất cứ một chiến tranh nào từ trước đến nay. Mackubin Owens, giáo sư môn chiến lược tại học viện Hải quân ở Newport, Rhodes Island, nhận định rằng "đây là

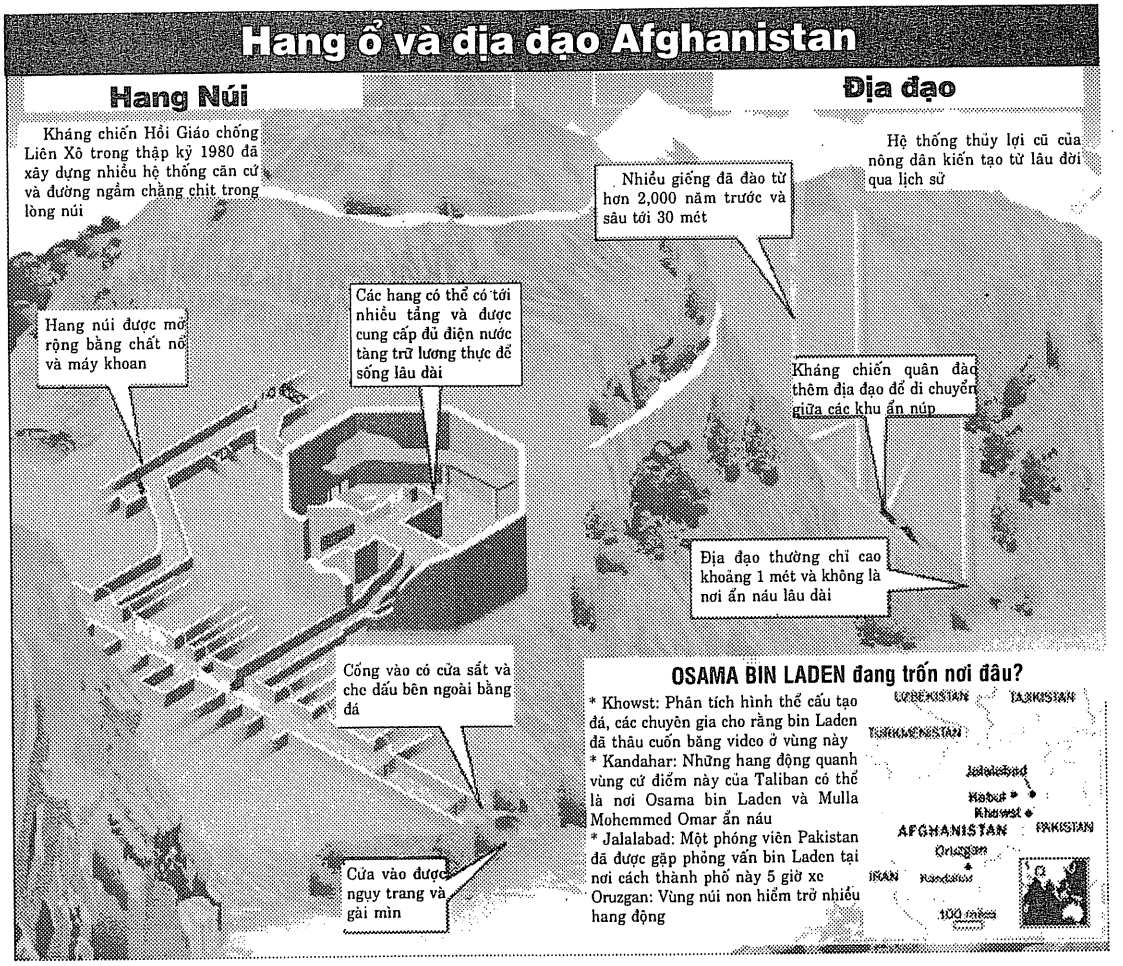

nghệ thuật được ứng dụng hoàn bị vào trong chiến tranh." Chỉ có vài tổn thất nhỏ của Hoa Kỳ trong bảy tuần lễ do tai nạn kỹ thuật, và tổn thất cho thường dân Afghanistan - điều không thể nào tránh khỏi được ở chiến trường - cũng rất thấp. Trước khi Liên Quân Phương Bắc chiếm Kabul, phía Taliban nói rằng những cuộc oanh kích của máy bay Hoa Kỳ đã làm 1,500 thường dân thiệt mạng. Qua kiểm chứng lại gần đây, con số này được ước lượng là khoảng 300.

Không bao giờ có được con số chính xác nhưng mọi dữ kiện ấy đều cho thấy sự thận trọng tối đa mà giới quân sự Hoa Kỳ thực hiện. Cũng đã có nhiều lời phàn nàn từ các chỉ huy trên chiến trường rằng thủ tục chờ đợi để được lệnh tấn công một mục tiêu nhiều khi quá chậm chạp làm mất hiệu quả và lỡ nhiều cơ hội. Nhưng người ta không thể quên những yếu tố tâm lý và chính trị trong cuộc chiến này, sự tế nhị đối với thế giới Hồi Giáo và những phức tạp chính trị ngoại giao để duy trì liên minh chống khủng bố cũng như không để phong trào phản chiến có thể dấy lên tại hải ngoại cũng như trong quốc nội Hoa Kỳ. Chưa có một Tổng thống nào của Hoa Kỳ hưởng được tâm lý thuận lợi từ quần chúng đối với một cuộc chiến tranh ở hải ngoại như hiện nay và chính quyền của Tổng thống Bush hiểu rằng cần phải nỗ lực bảo vệ sự ủng hộ ấy.

Nhiều chuyên gia đã tin rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục hình thức chiến đấu giới hạn ở Afghanistan

như trong giai đoạn đầu, bằng sự sử dụng hỏa lực không quân và hoạt động của một số ít bộ binh mà chủ yếu là những đơn vị Lực lượng Đặc biệt hành quân kiểu biệt kích với những toán nhỏ. Nhưng việc đổ bộ Thủy quân Lục chiến - mà theo trù liệu sẽ lên tới khoảng 4,000 quân - rõ ràng là một chuyển hướng không hoàn toàn giống với dự đoán kia. Với quân số chừng đó hay có thể hơn nữa, rủi ro sẽ không còn được giới hạn ở mức không đáng kể.

Cho đến nay giới tình báo và quân sự Hoa Kỳ vẫn nói là không biết Osama bin Laden trốn tránh ở đâu mà chỉ tin là vẫn còn trong lãnh thổ Afghanistan chứ chưa chạy được qua một quốc gia khác. Sự thật của những khẳng định ấy như thế nào không thể biết được, vì trái với lề lối sinh hoạt tự do của Hoa Kỳ từ xưa đến nay, cuộc chiến này đã được minh định là không tôn trọng bất cứ nguyên tắc cổ điển nào, thậm chí chấp nhận cả việc thực hiện hành động ám sát cá nhân.

Nhưng nếu tin là Osama bin Laden vẫn còn ở trong lãnh thổ Afghanistan, và nhìn qua các sự kiện đang diễn ra có vẻ thể hiện đúng điều ấy, thì chắc chắn bin Laden phải ẩn náu tại những căn cứ rất khó tìm ra và càng khó hơn để bị tiêu diệt. Afghanistan có địa thế núi non hiểm trở và những du kích ẩn nấp trong hang động cùng hệ thống địa đạo đã gây khó khăn lớn cho quân đội Liên Xô. Quốc gia này từng tự hào với thành tích đã gây thất bại cho quân lực nhiều đế quốc hùng mạnh từ Alexandre Đại Đế của Hy Lạp cho đến Anh và Nga. Bây giờ với Hoa Kỳ, lịch sử ấy có thể tái diễn không?

Căn cứ Zhawar Kili Al-Badr của al-Qaeda được quân đội Nga đặt cho một biệt danh là "Hang Sói," nằm trong một hẻm núi của dãy Sodyaki Ghar vùng đông Afghanistan chỉ cách biên giới Pakistan ít dặm. Những hang động liên tiếp dài nửa dặm cùng với địa đạo chằng chịt trong lòng núi ở căn cứ này khiến cho quân đội Liên Xô phải qua 57 ngày oanh tạc dữ dội cùng với đánh cận chiến mới chiếm được năm 1986. Trung tướng Aleksandr Lyakhovsky nói rằng sau khi đã cho đặt chất nổ phá hủy hoàn toàn rồi rút đi, chỉ khoảng sáu tháng đến một năm sau du kích Hồi giáo lại trở về xây dựng lại và cố thủ.

Một căn cứ khác gần Jalalabad cũng ở miền núi phía đông Afghanistan tên Tora Bora là nơi có những tin tức nói rằng bin Laden và 1,200 quân đang ẩn trú tại đó. Và còn nhiều nơi khác giống như Zhawar Kili Al-Badr ở rải rác trên đất Afghanistan, tựa như những ổ kiến với hàng ngàn hang động, hầm hố, không biết bao nhiêu dặm địa đạo vốn là sản phẩm của địa hình, khí hậu và những công trình thủy lợi qua lịch sử hàng ngàn năm. Suốt thời kỳ chiến đấu chống Liên Xô và sau này khi qua sống ở Afghanistan, bin Laden và tổ chức khủng bố al-Qaeda đã củng cố, xây dựng thêm những căn cứ trong lòng núi như vậy.

Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ nhìn nhận rằng nhiều quốc gia đã xây dựng những công trình quân sự và phòng thủ dưới lòng đất. Nhưng quân lực Hoa Kỳ cũng sẵn có và đã phát triển nhiều loại vũ khí phương tiện đối phó hiệu quả. Ngũ Giác Đài cho biết trong nhiều tuần lễ oanh tạc Afghanistan, các máy bay chiến đấu đã ném bom 500 pounds có điều khiển nhắm tới các miệng hang, cửa địa đạo, phá hủy hay lấp kín những lối vào. Một số các kho vũ khí đạn dược bị đánh trúng và những tiếng nổ phụ kéo dài nhiều giờ sau cuộc oanh tạc. Tuy nhiên bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ cũng nhìn nhận rằng những hang động kiên cố nhất, mà Osama bin Laden chắc chắn dùng làm nơi ẩn náu, có thể hoàn toàn vô sự đối với hầu hết các loại vũ khí quy ước đang được sử dụng, bao gồm bom phá hầm (bunkerbuster), bom dọn bãi (daisy cutter) và bom hơi (fuel-air explosives). Nhiều chuyên gia quân sự tin rằng những căn cứ ấy chỉ có thể đánh bằng bộ binh và tổn thất về phía tấn công sẽ không phải là nhỏ.

Nhưng hơn gì hết, không một cuộc chiến tranh nào có thể giải quyết hoàn toàn bằng quân sự. Vấn đề khủng bố còn ở những nước khác chứ không phải chỉ xong Afghanistan là hết chuyện. Vả lại thanh toán Taliban rồi thì Afghanistan sẽ cần có một chính quyền để trước mắt ổn định tình thế và về lâu về dài không còn trở lại là đất để nảy sinh hay dung dưỡng những nhóm khủng bố khác. Liên Minh Phương Bắc đã tạo được thành tích đẩy lùi Taliban nhưng họ không được coi là có đủ điều kiện và khả năng thành lập một chính quyền đáp ứng với nhu cầu của xứ sở phức tạp này.

Tuy vậy nếu với đà thừa thắng xông lên như vừa qua, Liên Minh Phương Bắc có thể trở thành lực lượng duy nhất có đủ sức mạnh để chiếm giữ toàn bộ cả miền bắc lẫn miền nam. Việc Thủy quân lục chiến đổ vào miền nam Afghanistan lúc này rất có thể mang ý nghĩa chính trị nhiều hơn quân sự và như vậy chưa chắc nhiệm vụ chính của các đơn vị này sẽ là đi sục sạo các hang động theo cách người ta vẫn nghĩ./.

BỨC TÂM THƯ DI CHÚC CỦA LIỆT SĨ HỒ TẤN ANH

VŨ QUỐC THÚC

Trước khi tự thiêu lúc 4 giờ rưỡi sáng mồng 2 tháng 9 năm 2001, Ông Hồ Tấn Anh, cố huynh trưởng Gia đình Phật tử Quảng Nam đã tự tay viết năm bức thư:

1) bức thứ nhất gửi cho các cấp lãnh đạo Nhà nước xã hội chủ nghĩa và Đảng Cộng Sản Việt Nam: tài liệu này có tính chất một bức thư phản đối;

2) bức thứ hai gửi cho các giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân và các nam nữ thanh niên cùng các sinh viên, học sinh: Tác giả gọi đây là một bức "tâm thư" nhằm "kêu gọi tinh thần yêu quê hương dân tộc của các bậc trí thức Việt Nam," đồng thời nói lên tâm tư, nguyện vọng của ông "trước tiền đồ đen tối của đất nước thân yêu";

3) bức thứ ba gửi các vị hoà thượng lãnh đạo tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để xin phép được tự thiêu;

4) bức thứ tư gửi cho các nhân vật lãnh đạo hay hữu trách quốc tế và ngoại quốc kêu gọi họ can thiệp để buộc Nhà nước và Đảng Cộng sản Việt Nam phải thi hành 12 biện pháp nhằm phục hồi nhân quyền và các quyền tự do công dân;

5) bức thứ năm tố cáo cùng toàn thể đồng bào những hành động đàn áp của các cấp chính quyền địa phương đối với tín đồ Phật giáo.

Trong bài này, chúng tôi đặc biệt chú trọng bức thư thứ hai vì thấy mình thuộc thành phần xã hội được tác giả nghĩ tới trong lúc sắp từ trần. Đó là một dịp để kính dâng anh linh vị liệt sĩ đã dũng cảm hy sinh nhục thể của mình cho Đạo và Đời tấm lòng ngưỡng mộ sâu xa của tôi.

Trước hết, tôi thấy tác giả đã quá khiêm tốn khi tự giới thiệu mình chỉ là "một nông dân chân lấm tay bùn, trình độ hạn chế." Riêng tôi, sau khi đọc bức tâm thư của Ông, tôi thành thực kính phục cách Ông phân tích sự việc, cách nhận định sắc bén, cách lý luận khúc triết cũng như cách trình bầy ngắn gọn, sáng sủa với những lời lẽ thống thiết đi thẳng vào trái tim của người đọc. Đối với tôi Ông đáng coi là một bực thầy, hơn hẳn nhiều người có bằng cấp cao tôi đã từng gặp. Tôi hài lòng nhận thấy là những kết luận của Ông hoàn toàn phù hợp với những nhận định của chúng tôi trong các bài xã luận đăng trên hai tạp chí *Khai Thác Thị Trường* và *Đối Lực*. Thật đúng với câu của cổ nhân "Đồng thanh tương ứng": Những người Việt yêu nước, thành thực lo lắng cho tiền đồ của dân tộc và tha thiết tranh đấu cho các quyền tự do thiêng liêng của con người, làm sao có thể bịt mắt, bưng tai, giả câm giả điếc, trước thực trạng bi đát của quê hương?

A) Liệt sĩ Hồ Tấn Anh đã dành riêng một bức tâm thư - có tính cách di chúc - cho các trí thức khoa bảng, các sinh viên, học sinh và toàn thể giới trẻ Việt Nam để nhắc nhở trách nhiệm rất quan trọng của họ trong giai đoạn lịch sử hiện thời. Ông viết: "Còn gì nhục bằng? Còn gì đau sót bằng, hỡi quý Ngài và anh chị em? Nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục lãnh đạo thì đất nước mình sẽ đi về đâu? Rồi con cháu chúng ta sẽ hận chúng ta là những người nhu nhược. Chắc quý Ngài và anh chị em cũng như tôi biết mình phải làm gì." Làm gì? Dĩ nhiên, mấy ai dám hy sinh nhục thể như cố huynh trưởng Hồ Tấn Anh vì đại đa số chúng ta chỉ là những người tầm thường, "tham sinh úy tử," do đó chúng ta chỉ có thể cố gắng tranh đấu với khả năng hiện hữu của mình. Nhưng ta đừng tự ti, đánh giá quá thấp sức mạnh tiềm tàng của chúng ta. Kinh nghiệm bản thân lúc còn bị kẹt ở Việt Nam cho tôi biết rằng Đảng Cộng Sản đã nắm nhân dân bằng một khí giới tâm lý rất hiệu quả: đó là mặc cảm sợ hãi. Họ chỉ cần làm một vài vụ trừng phạt thật tàn bạo, thật ngoạn mục để gây nên trong mọi tầng lớp xã hội ấn tượng là Đảng có tai mắt ở khắp nơi và thẳng tay đàn áp bất cứ ai chống lại mình. Người ta tin rằng Cộng sản bất chấp luật pháp, bất chấp dư

luận quốc tế. Và đĩ nhiên đối với những kẻ vô thần như họ thì đừng nói làm chi tới sự sự xét xử của Trời, Phật, Quỷ Thần cho phí lời và phí thời giờ! Vì sợ Công An thường xuyên theo dò mình nên rất nhiều người tuy bất mãn mà không dám biểu lộ tâm tư trước người lạ hoặc trước những bạn sơ giao. Cũng có khi thấy một cán bộ quen thuộc công khai chỉ trích Nhà nước, thì người ta lại tin rằng đó là một kẻ cố ý gợi chuyện để dễ dò xét rồi báo cáo lên thượng cấp!

Thật ra, cái sợ của người dân, nhiều khi chỉ là tự kỷ ám thị: Cộng sản đâu có phải là "thiên thủ thiên nhãn"! Trong những trường hợp người dân không sợ nữa, thì cộng sản hoặc chịu bó tay, hoặc phải kéo thật đông vây cánh như ta đã thấy ở Thái Bình, Xuân Lộc, An Truyền... Ở các nước dân chủ, lợi khí sắc bén của người dân để bắt nhà cầm quyền phải tôn trọng các quyền tự do được minh thị công nhận trong Hiến Pháp, chính là khả năng phát biểu nguyện vọng, khả năng phản đối bằng lời nói, bằng các cuộc biểu tình, bằng các cuộc diễn hành... Làm như vậy không phải là bạo động, nếu kẻ biểu tình hay diễn hành đừng có những hành động có tính cách phá phách, gây thương tích v.v.. Nếu dân ta khắc phục được mặc cảm "sợ công an," dám bày tỏ công khai sự bất mãn của mình, chắc chắn những cán bộ cộng sản ở cấp địa phương sẽ phải e dè, không dám lộng hành nữa. Tuy nhiên, người dân, ở đâu cũng vậy, ít khi khởi xướng: người ta chờ đợi những người được coi là thân hào, nhân sĩ, thức giả... xung phong để hùa theo. Chính vì vậy mà trách nhiệm của những nhà trí thức trở nên quan trọng, đặc biệt khi họ có một học hàm cao như: tiến sĩ, thạc sĩ, phó tiến sĩ, cử nhân... Họ không có quyền giả đui giả điếc, "dựa cột mà nghe" để có thể yên ổn "ngậm miệng ăn tiền." Không ! Bổn phận của họ là phải hướng dẫn dư luận. Những nhà trí thức chân chính phải xử sự như Khổng Tử đã dạy: "Uy vũ bất năng khuất," nghĩa là không chịu khuất phục trước uy quyền, sẵn sàng nói lên sự thật theo đúng lương tâm. Trong lịch sử nước nhà, chúng ta đã có nhiều tấm gương sáng như Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu v.v. Hiện thời, những nhà trí thức như Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu v.v.. đã theo đúng truyền thống cao đẹp ấy. Cố Huynh Trưởng Hồ Tấn Anh đã nhắc nhở cho tất cả những ai mang danh trí thức đừng quên trách nhiệm của mình, đừng viện cớ sợ công an, sợ Đảng, mà mặc cho đất nước trôi dần xuống vực thẳm. Ai cũng biết hiện thời ở quốc nội nhan nhản những trí thức khoa bảng. Họ đã lấy được những bằng cấp này qua nhiều đường lối như: theo học thực sự ở trường đại học quốc gia, du học, học hàm thụ, học tại chức, đó là chưa kể những bằng mua, bằng giả... Nhưng một khi đã có học hàm rồi, họ vẫn có bổn phận xử sự như những thức giả chân chính. Đó là ý nghĩa sâu sắc của bức tâm thư liệt sĩ Hồ Tấn Anh đã để lại.

B) Sau các trí thức khoa bảng, thành phần xã hội được ông Hồ Tấn Anh chú ý là các sinh viên, học sinh, cùng toàn thể giới trẻ. Đây là một thái độ rất sáng suốt, rất thực tế. Là Huynh trưởng Tổ chức Gia đình Phật tử tỉnh Quảng Nam, đáng lẽ Ông phải nghĩ trước tiên tới các thanh niên, thiếu nữ phật tử và kêu gọi thành phần này tiếp tục tranh đấu cho quyền tự do tôn giáo. Ông không thu hẹp vấn đề như vậy. Trái lại Ông hiểu rõ rằng quyền tự do tôn giáo chỉ là một khía cạnh của quyền tự do tín ngưỡng nói chung. Và ngay cả quyền tự do tín ngưỡng cũng chỉ là một phần của các quyền tự do căn bản của người công dân, nhất là dưới một chế độ vẫn coi nhân dân là chủ. Như vậy, cuộc tranh đấu giành lại tự do phải là một cuộc tranh đấu của toàn thể nhân dân, trong đó giới trẻ đang học hay đã học xong, phải đóng vai tiền phong vì đó chính là tương lai của họ. Chính chúng tôi, trong một bài xã luận đã đăng trên tạp chí *Khai Thác Thị Trường* (Bài toán hoà bình hiện thời ở Việt Nam) cũng đưa ra một chủ trương tương tự. Chúng tôi lý luận rằng cuộc tranh đấu của các tín đồ tôn giáo chỉ chắc chắn thành công khi được đa số thanh niên, sinh viên, học sinh... hưởng ứng và nhập cuộc. Tôi đã căn cứ trên kinh nghiệm của nhiều nước ở Âu Châu cũng như ở Á Châu để chủ trương như vậy. Do đó tôi hoàn toàn tâm đắc khi đọc bức tâm thư - di chúc của huynh trưởng Hồ Tấn Anh. Những giòng huyết lệ xuất phát từ đáy lòng của một người sắp tự thiêu có một sức truyền cảm mạnh gấp hàng nghìn, hàng vạn lần bài xã luận khô khan của tôi.

Nói đến giới trẻ, tôi thấy cần phân biệt những bạn trẻ đang sinh sống ở hải ngoại và những bạn trẻ hiện ở quốc nội. Đối với các bạn trẻ ở hải ngoại, từ nhiều năm qua, tôi vẫn âm thầm lo ngại là vì hoàn cảnh, các bạn ấy có thể mất dần ý thức dân tộc, không còn tha thiết tới tương lai của quê cha đất tổ, không hiểu rõ lịch sử Việt Nam, không nói được tiếng Việt thông thạo, và tất nhiên không

nói được tiếng Việt thông thạo, và tất nhiên không thể biết rõ các truyền thống, các phong tục của dân Việt. Họ dần dần hội nhập xã hội nơi cư trú, nghĩ mình là Mỹ, là Pháp, là Úc, là Anh v.v... và hoàn toàn thờ ơ đối với mọi cuộc vận động tự do, tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam. Tôi đã lầm và rất mừng là mối lo ngại của tôi không có lý do nữa. Sau 26 năm, kể từ ngày chế độ Việt Nam Cộng Hoà sụp đổ khiến hơn một triệu người phải bỏ nước ra đi, tôi nhận thấy cộng đồng Việt Kiều Hải Ngoại vẫn giữ nguyên ý thức dân tộc. Mặc dù sống phân tán ở nhiều nước, các Việt Kiều vẫn liên lạc thân thiết với nhau, vẫn đồng tâm nhất trí bảo vệ cá tính dân tộc, vẫn tha thiết giữ vững lá quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ cùng bài quốc ca Tiếng Gọi Công Dân, coi đó là những biểu tượng thiêng liêng của nguồn gốc chung. Nhờ có môi trường xã hội và tâm lý này nên giới trẻ, đa số sinh ở hải ngoại, vẫn không hề quên quê cha đất tổ.

Một sự việc đã khiến cho tôi vô cùng phấn khởi là từ mấy năm nay, các bạn trẻ đã thành lập được một tổ chức mang tên Mạng Lưới Tuổi Trẻ Lên Đường. Tổ chức này khéo léo xử dụng các phương tiện hiện đại để thông báo cho nhau biết rõ tình hình quốc nội. Các bạn quyết tâm lên đường tranh đấu cho quê hương, và rất có thể mai đây khi hoàn cảnh trở nên thuận lợi, một số đông sẽ hồi hương tái thiết xứ xở, để khỏi bị mỉa

mai:

"Gáo vàng đem múc giếng tây:
"Khôn ngoan cho lắm tớ thầy người ta!

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã nhận thấy cái lợi nếu dụ dỗ được thật nhiều Việt Kiều trẻ tuổi, có trình độ chuyên môn cao, về nước phục vụ. Ngay sau Đại Hội IX của Đảng, đầu tháng Bảy vừa qua, Nhà cầm quyền đã quyết định mở một chiến dịch "kiều vận" chủ yếu hướng vào các chuyên gia trẻ tuổi, đầy nhiệt huyết nhưng chưa có kinh nghiệm về sinh hoạt chính trị hiện thời ở

quốc nội. Một khi những người này về nước, được đón tiếp long trọng như những kẻ "áo gấm về làng," rồi được bổ nhiệm vào những chức vụ "có vẻ" quan trọng trong bộ máy Nhà nước hay các xí nghiệp quốc doanh, dĩ nhiên họ sẵn sàng chấp nhận một số lương rẻ mạt so với số lương bình thường họ có thể kiếm được ở hải ngoại. Nhưng dần dần họ mới thấy rằng họ bị kiềm tỏa trong cái khung đảng trị cứng ngắc! Mọi quyền quyết định đều ở trong tay các đảng ủy. Khi thấy đám cán bộ này làm bậy, chẳng hạn tham nhũng, chiếm công vi tư v.v.. họ chỉ có hai thái độ: hoặc là hùa theo để được chia chác - kiểu "theo voi ăn bã mía," hoặc là không đồng ý thì đành giả đui giả điếc để được yên thân . Muốn trở lại hải ngoại thì khó khăn vô cùng! Thật đúng với câu:

"Chót rằng tay đã nhúng chàm:
"Dại rồi còn biết khôn làm sao đây!

Bức tâm thư của Liệt sĩ Hồ Tấn Anh được đưa ra rất đúng lúc: đó là một tiếng chuông cảnh báo, lời khuyến cáo chân thành của một người biết rõ những thủ đoạn bất lương của Đảng Cộng Sản. Trước khi quyết định hồi hương phục vụ, các bạn trẻ ở hải ngoại cần phải đòi chế độ cộng sản hiện thời cải tổ toàn diện, phải dân chủ hóa thực sự. Chỉ sau khi chế độ đã thay đổi như vậy, các bạn hãy về!

Bàn đến trường hợp của các bạn trẻ sinh sống trong nước, tôi không thể tránh một số thắc mắc: tôi có cảm tưởng là các bạn đó hiền lành quá, nếu so sánh với những kẻ cùng lứa tuổi ở Pháp, ở Hoa Kỳ, và ngay cả ở nhiều nước Á Châu như Đại Hàn, Nam Dương, Phi Luật Tân... Ở những nước vừa kể và chắc chắn ở nhiều nước khác nữa, giới trẻ rất năng động: mỗi khi nhà cầm quyền thi hành một biện pháp nào đụng chạm tới quyền tự do của họ - thí dụ tự do chọn ngành học, tự do hội họp, tự do chuyển dịch - hoặc khiến cho đời sống của họ khó khăn hơn - thí dụ tăng thêm học phí, không đủ chỗ trong học xá cho mọi sinh viên v.v... lập tức họ "xuống đường" biểu tình, diễn hành, chiếm đóng một vài quảng trường, một vài công thự, có khi còn thiết lập chướng ngại vật trên công lộ làm cản trở lưu thông! Nhà cầm quyền ở những nơi này ít khi dám đàn áp vì trong đám trẻ "xuống đường" thường có cả con cháu các "ông bự"!

Giới trẻ cũng luôn luôn tham gia các cuộc đấu tranh của nhân dân: họ coi đó là một quyền tự do căn bản của công dân. Họ cũng là một công dân và có bổn phận tham gia tích cực sinh hoạt của cộng đồng...

Tại sao giới trẻ ở nước nhà lại thụ động, ngoan ngoãn chấp nhận kỷ luật Nhà nước cũng như kỷ luật học đường? Phải chăng từ tấm bé, họ đã bị đào luyện trong một cái khuôn cứng dắn do Đảng và Nhà Nước thiết lập, khiến họ mất hẳn óc phê bình cùng tính quật cường? Ở đây tôi nghĩ tới những tổ chức do Đảng Cộng Sản đặt ra để đoàn ngũ hóa mọi người ngay từ lúc còn thơ ấu: đoàn thiếu nhi quàng khăn đỏ, đoàn thanh niên, đoàn phụ nữ v.v... Đây là những chặng đường đưa dần người ta đến các tổ chức ngoại vi của Đảng Cộng Sản. Ở mỗi chặng, các cán bộ Đảng đã chọn lọc những phần tử coi là có đủ điều kiện để sau này được đưa vào Đảng. Do đó việc được chấp nhận làm đảng viên biến thành một sự thăng tiến xã hội. Đây là một kỹ thuật "ru ngủ" con người, làm tiêu diệt ý tưởng chống Đảng ngay từ lúc ý tưởng đó phôi thai. Một khi người thanh niên, sau bao năm cố gắng, đạt được mục đích là trở thành đảng viên, tất nhiên anh ta tha thiết bảo vệ tư cách đảng viên - nói khác, bảo vệ Đảng - vì đó là nguồn gốc của mọi đặc quyền, đặc lợi.

Ra đời rồi trưởng thành trong một môi trường tâm lý như vậy, làm sao tầng lớp trẻ chẳng trở nên thụ động? Bức tâm thư của liệt sĩ Hồ Tấn Anh, dù thống thiết, chưa chắc gì có thể làm cho tầng lớp trẻ - ngoài Gia đình Phật tử - động tâm đi đến chỗ tham gia cuộc tranh đấu cho Tự Do và Dân Chủ.

Chính vì thế mà tôi cho rằng giới trẻ ở hải ngoại cần đóng vai trò yếu tố xúc tác để thực hiện công cuộc dân chủ hoá chế độ chính trị trong nước. Bằng mọi cách các bạn nên tăng cường liên lạc với giới trẻ quốc nội, nên cho họ biết rõ hiện trạng của giới trẻ ở các nước: có như thế họ mới ý thức được tình trạng lạc hậu của họ. Với những phương tiện và kỹ thuật truyền tin hiện đại, việc này tương đối dễ làm hơn xưa.

Trên đây là một vài ý kiến đã đến với tôi nhân dịp đọc bức tâm thư của Ông Hồ Tấn Anh. Chúng ta đừng để phụ lòng một vị liệt sĩ đã đem thân mình làm bó đuốc để soi sáng lương tâm chúng ta, đã đặt tin tưởng nơi chúng ta để hoàn thành sự nghiệp cứu nguy dân tộc.

Paris tháng 10 năm 2000

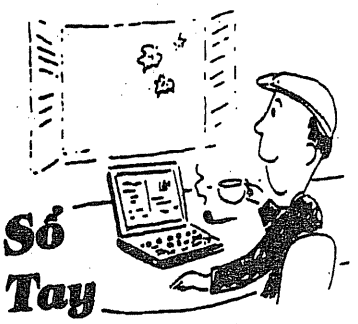

TỰ DO VÀ SỢ HÃI

Nhiều bạn trẻ từ các nước tự do ở Âu châu, Mỹ châu khi về thăm Việt Nam thường làm người chung quanh ngạc nhiên thích thú. Họ nhận xét, "Các cháu này chúng nó tự nhiên quá. Chúng nó quen sống tự do rồi, không có vẻ sợ hãi cái gì cả!" Tự do thôi chưa đủ để giúp người ta không sợ. Chính đời sống có luật pháp bảo vệ khiến người ta không sợ. Mà nhờ xã hội có luật pháp nên không sợ. Nhờ thế người ta mới tự do, hành vi cử chỉ biểu lộ ra phong cách con người tự do. Bình thường chúng ta không thấy phong cách đó. Khi các bạn trẻ quen sống tự do tới một khung cảnh xã hội hoàn toàn tương phản, mới thấy rõ con người tự do sống tự nhiên, thoải mái hơn những người chung quanh. Nghĩa là cũng dễ sống hạnh phúc hơn. Ở những nước theo chế độ độc tài công an trị thì lúc nào người ta cũng sợ. Đi ngoài đường lo bị hỏi giấy tờ bất cứ lúc nào, ngồi trong nhà cũng sợ bị công an nhìn trộm và nghe lén.

Trong bài diễn văn trước Quốc hội Mỹ tháng trước, Tổng thống Bush nói đến "cuộc chiến tranh giữa tự do và sợ hãi." Đây không phải chỉ là cuộc chiến giữa nước Mỹ với những tổ chức khủng bố quốc tế, sau vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín. Ngay ở trong nước Mỹ, trong các định chế cơ bản của quốc gia này, ngay trong lòng người dân Mỹ, cũng đang diễn ra một cuộc chiến giữa tự do và sợ hãi. "Khủng bố" nghĩa là sợ, là gây lòng sợ hãi. Bát Nhã Tâm Kinh nói khi trong lòng không quải ngại thì không còn sợ hãi nữa. Lúc đó con người thật sự tự do.

Hiện nay nỗi sợ hãi về khủng bố khiến Quốc hội Mỹ sẵn sàng chấp thuận các biện pháp của chính phủ, giảm bớt nhiều quyền tự do dân sự mà xưa nay dân Mỹ rất thiết tha. Chuyện đi ra vào phi trường phải qua nhiều cửa ải kiểm soát, hoặc không được đậu xe đưa đón người ngay sát cửa vào, đó là điều ai cũng vui lòng chấp nhận. Có những thứ quyền tự do kín đáo hơn và cũng quý báu hơn có thể bị giảm bớt, cho đến khi nào nước Mỹ hết sợ. Trước đây một tháng ai nói đến chuyện người Mỹ phải mang thẻ công dân thì chắc sẽ bị các chính trị gia tả cũng như hữu phản đối. Chỉ ở những nước độc tài phát xít thì mới có chuyện ai ra đường cũng phải mang thẻ. Lái xe phải có thẻ, rút tiền từ máy ra phải dùng thẻ, cái đó hiểu được. Buổi tối đi bộ ra đầu đường mua hộp sữa hay gói khoai tây chiên mà cũng phải nhớ mang thẻ tùy thân hay sao? Người Mỹ nào chấp nhận được thứ hạn chế "khủng khiếp" đó? Nhưng bây giờ ở bên Anh báo chí cho biết chính phủ Tony Blair định phát thẻ cho mọi người. Và trong cuộc gặp gỡ giữa ông Blair với ông Bush gần đây, ông Bush cũng bàn chuyện có nên áp dụng hệ thống đó ở Mỹ hay không!

Nhiều chính trị gia ở Mỹ còn đề nghị lập một ngân hàng dữ kiện trong hệ thống điện toán (data base) về tất cả những người sống trong nước này, để kiểm soát dễ dàng các tay khủng bố hơn. Trước đây một tháng, đó cũng là một ý tưởng điên rồ, chỉ có trong những tiểu thuyết như *1984* mô tả một chế độ độc tài toàn trị, trong đó nhà nước đóng vai "Anh Hai" (Big Brother) nhòm ngó đời tư của tất cả mọi người. Nhưng bây giờ nhiều người đang bàn tới chuyện đó mà không đỏ mặt. Anh, chị hình dạng thế nào, cao bao nhiêu, có bằng lái xe năm nào, đã bị những bệnh gì, chữa bằng thuốc gì, đã vay các ngân hàng nào, bao nhiêu tiền, đã bay đi những đâu, v.v., tất cả được tập trung vào một kho tài liệu để nhà nước cần đến tìm ra ngay. Như thế giả thiết là sẽ giúp truy tầm các tay khủng bố nhanh chóng. Trước kia nước Mỹ đã phải đối phó với các băng đảng mafia hay bọn buôn ma túy, đông không kém gì mà chắc còn đông hơn bọn khủng bố nhiều lắm, nhưng chưa ai dám nói đến một hệ thống như vậy. Thế mới biết nỗi sợ bây giờ lớn đến thế nào.

QUYỀN HÀNH CẦN CÓ GIỚI HẠN

Rồi đến các biện pháp theo dõi người ta. Báo Washington Post cho biết 10 ngày trước vụ 11 tháng Chín, tình báo Pháp đã cho FBI Mỹ biết một người đang bị theo dõi và đã vào nước Mỹ, có những liên hệ khả nghi. Anh Zacarias Moussaoui từng đi xin học lái máy bay Boeing 747 đáng nghi ngờ. Theo cơ quan phản giám Pháp thì anh ta có liên hệ với nhiều tổ chức khủng bố quốc tế. Theo tờ Post thì FBI chia sẻ tin tức đó với

CIA, nhưng không ai làm gì được anh ta, vì nếu anh ta không có hành động cụ thể nào thì cảnh sát điều tra Mỹ khó lòng xin được tòa án cho phép khám nhà, khám túi, hay đặt máy nghe lén điện thoại. Ở nước Mỹ này, không có có tòa án cho phép, công an không được xâm phạm đời tư của ai.

Người Mỹ tôn trọng đời tư. Những máy chụp hình để ở ngã tư để bắt quả tang những người vượt đèn đỏ cũng bị kiện và phải bỏ, vì máy không phải chỉ chụp cái xe chạy mà còn có thể chụp hình người lái xe đang đi du dương với nhau. Như vậy là xâm phạm đời tư. Bây giờ, nếu có một kho dữ kiện về tất cả mọi công dân thì đời tư cá nhân còn gì nữa? Năm 1974 Quốc hội Mỹ đã biểu quyết Luật Bảo vệ Đời Tư (Privacy Act) sau khi được biết FBI đã lập hồ sơ về đời tư của nhiều người, từ tài tử Rock Hudson đến tỷ phú Henry Ford hay nhà vận động nghiệp đoàn César Chávez. Và ông Giám đốc FBI đã cho tiết lộ những chuyện thầm kín của nhà lãnh đạo nhân quyền Martin Luther King Jr. cho mấy nhà báo thân tín.

Người Mỹ sẽ chịu hy sinh những quyền căn bản của họ, để chống khủng bố quốc tế. Tòa án sẽ cho phép theo dõi điện thoại của từng người chứ không phải chỉ cho phép nghe lén từng số điện thoại một, điều này ai cũng đồng ý trong thời đại cell phone. Các email trao đổi trên mạng lưới cũng được coi tương đương như những lá thư chuyển qua bưu điện trước đây, tuy bất khả xâm phạm nhưng có thể xin tòa án cho phép theo dõi. Điều này cũng dễ chấp nhận. Nhiều điều hạn chế mà chính phủ Mỹ xin áp dụng trước đây đã có rồi, đã áp dụng khi cần trừ bọn buôn ma túy, nay chỉ thay đổi cho phù hợp với khung cảnh kỹ thuật mới và nạn khủng bố mà thôi. Nhưng những nhượng bộ của dân Mỹ thế nào cũng sẽ có giới hạn. Điều khó khăn là đến đâu thì thấy giới hạn?

Người Mỹ có một thói quen tốt, là luôn luôn nhìn nhà nước với con mắt nghi ngờ: "Có quyền là sinh tật". Trong số những quyền công dân có thể bị hạn chế để chống khủng bố, có quyền nặng, quyền nhẹ, phải so sánh cái lợi với thiệt hại, xem cần phải hy sinh quyền nào. Việc hạn chế các quyền đó có thời hạn hay không? Hai năm, ba năm, Quốc hội có duyệt lại các biện pháp hạn chế hay không? Đó là những câu hỏi mà báo chí đã nêu ra. Những biện pháp hạn chế tự do thực sự có hiệu quả hay không? Người ta đã xét lại việc tập trung những người Mỹ gốc Nhật trong thời Đại chiến Thứ Hai, nhiều người nói nó chẳng ích lợi gì cho an ninh của nước Mỹ cả, mà vi phạm dân quyền một cách trầm trọng.

Ở một nước dân chủ, tự do, mỗi khi người dân trao thêm quyền cho nhà nước, lập tức người ta nghĩ đến cách hạn chế quyền đó bằng những cơ chế và biện pháp kiểm soát. Khi các cơ quan cảnh sát điều tra có nhiều quyền hơn thì họ cũng sẽ bị giám sát kỹ lưỡng hơn. Quyền hạn chế tự do của người dân, cũng như quyền kiểm soát sự hạn chế đó, đều phải đặt trong tay những cơ quan dân cử. Đó là những định chế bảo đảm cho đất nước này vẫn là một quốc gia tự do bậc nhất trên thế giới. Nhờ những định chế đó, tự do mới thắng lòng sợ hãi.

KHỦNG BỐ CŨNG LÀ NGƯỜI

Tổng thống Mỹ George W. Bush quyết định sẽ xét xử các người ngoại quốc bị truy tố về tội khủng bố ra trước tòa án quân sự. Bộ trưởng Tư pháp Mỹ cho phép giữ hơn 1000 người tình nghi khủng bố sau vụ 11 tháng 9 ở New York. Nhiều người bị giữ với các chứng cớ mà cơ quan điều tra FBI không chịu tiết lộ, vì lý do bảo mật. Thẩm phán Baltasar Garzon ở Madrid, Tây Ban Nha phê bình: "Làm như vậy không đứng đắn. Nói thẳng ra, như vậy là phi pháp."

Ông Garzon không phải là người "thân Al Qaeda" hoặc mềm yếu với khủng bố. Ông đã ra lệnh bắt giữ tám người bị tình nghi liên hệ đến vụ khủng bố ở New York trong đó có những di dân người Syrie đã nhập tịch Tây Ban Nha. Họ có liên hệ với nhóm tình nghi khủng bố ở Hamburg Đức quốc và nhóm này liên hệ đến ông Mohammed Atta là người bị nghi là chủ mưu trong vụ 11 tháng 9. Nhưng chắc chính phủ Tây Ban Nha sẽ không cho dẫn độ những nghi can bị họ bắt sang Mỹ. Họ khó chấp nhận việc xét xử các thường dân, dù phạm tội khủng bố, ra trước tòa án quân sự. Tây Ban Nha, cũng như các nước trong Liên hiệp Âu châu khác, đã bãi bỏ án tử hình. Nếu chính phủ Mỹ muốn dẫn độ các nghi can, phải hứa trước tòa án Mỹ sẽ không tuyên án tử hình. Chính phủ Anh quốc cũng dè dặt mặc dù Anh là đồng minh thân nhất của Mỹ.

Ngay trong nước Mỹ, dư luận cũng không đồng ý với ông

Bush. Nghị sĩ Dân Chủ Patrick Leahy, chủ tịch Ủy ban Tư pháp Thượng viện trách rằng Hành pháp không tham khảo ý kiến của Lập pháp trước khi quyết định, mặc dù Tổng thống Bush vẫn có quyền quyết định. Ông Leahy yêu cầu Bộ trưởng Tư pháp John Ashcroft ra điều trần. Quyết định của Bộ Tư pháp cho phép nhân viên điều tra nghe các cuộc đàm thoại giữa các nghi can và luật sư của họ cũng bị Nghị sĩ Leahy chỉ trích.

Bài Quan điểm trên nhật báo *Register,* một tờ báo có khuynh hướng bảo thủ ở Quận Cam có tựa đề "Chính phủ Mỹ gây chiến với Luật Nhân quyền." Viết như vậy là nặng lắm. Bài viết không ghi tên tác giả, cho thấy đây là lập trường của cả tờ báo, họ phê bình rằng chính phủ Bush khi quyết định sẽ xét xử các tay khủng bố trước tòa án quân sự, đã vi phạm các quyền cơ bản của con người, được ghi trong hiến pháp Mỹ.

BẢO THỦ VÀ CẤP TIẾN

Ở Việt Nam, khi nói ai "bảo thủ" thì chúng ta hiểu rằng họ muốn bảo vệ các quyền hành của nhà nước, của đảng Cộng Sản. Ngược lại, những người "cấp tiến" đòi Đảng thay đổi, trả lại các quyền tự do cho dân để dân được tham gia vào việc chính trị quốc gia.

Chúng ta có thể hiểu lầm những chữ như "bảo thủ" (conservative) hay "cấp tiến" (liberal) trong đời sống chính trị ở Mỹ. Tờ báo *Register* được coi là "bảo thủ" vì họ có lập trường gần đảng Cộng Hòa hơn là đảng Dân Chủ. Và năm ngoái họ đồng ý với ứng cử viên tổng thống George W. Bush nhiều hơn là Al Gore.

Nhưng khuynh hướng bảo thủ cũng có nghĩa là nhất định bảo vệ các quyền tự do cá nhân, trong khi phe cấp tiến có xu hướng trao cho chính phủ nhiều quyền hạn rộng rãi hơn. Phe bảo thủ thường chống lại việc cho chính phủ tăng thêm nhiều việc, tuyển nhiều người quá, thâu nhiều thuế quá, nói chung, được can thiệp vào đời sống của người dân nhiều quá. Cho nên khi một chính phủ, dù thuộc đảng nào, tính sẽ đưa các tay khủng bố ra tòa án quân sự, không theo thủ tục thông thường của pháp đình dân sự, thì những người bảo thủ phản đối. Cũng như việc chính phủ Mỹ sẽ tuyển nhân viên liên bang để lo xét hành lý ở các phi trường, phe bảo thủ cũng phản đối. Vì họ không tin nhà nước có thể làm việc hữu hiệu, đỡ tốn kém hơn tư nhân; mà từ trước đến nay chuyện an ninh là do các công ty tư phụ trách. Trong việc xét hành lý phi trường, phe Bảo thủ ở Mỹ mới thua nặng, ông Bush và Quốc hội Mỹ đều đồng ý trao việc đó cho nhà nước liên bang.

HIẾN PHÁP BẢO VỆ "CON NGƯỜI," KHÔNG CẦN LÀ "NGƯỜI MỸ"

Nhưng tại sao phe Bảo thủ lại chống việc xét xử các tay khủng bố bằng tòa án quân sự? Sau đây là những lý lẽ được nêu ra, mà chúng tôi thấy đáng cho chúng ta suy ngẫm.

Phó Tổng thống Dick Cheney biện hộ cho quyết định của chính phủ, nói rằng các tay khủng bố "không xứng đáng được coi như những tù binh chiến tranh. Họ không xứng đáng hưởng như các công dân Mỹ được hưởng, những bảo đảm và an toàn pháp lý khi đi qua các thủ tục tố tụng." Chúng ta biết, ở nước Mỹ các thủ tục pháp đình rất phức tạp, mục đích là để tránh không xử oan những người vô tội. Hiến pháp và luật lệ ở Mỹ bảo đảm quyền của các nghi can bằng đủ mọi cách, quyền truy tố và buộc tội của nhà nước bị hạn chế tối đa. Người nước ngoài thường không hiểu được những thủ tục phiền hà ở Mỹ, nhưng đó là một điểm hãnh diện của nền dân chủ xứ này. Phó Tổng thống Mỹ nói các thủ tục và bảo đảm đó dành cho các công dân Hoa kỳ, các người ngoại quốc vào nước Mỹ với mục đích khủng bố, giết thường dân vô tội không xứng đáng hưởng các bảo đảm như vậy.

Người ta bác bỏ ý kiến của ông Dick Cheney ra sao?

Tu chính án số 4 của Hiến pháp Mỹ viết về thủ tục pháp đình, nói rằng "Không một NGƯỜI nào có thể bị đưa ra tòa ... nếu không bị một Đại Bồi thẩm đoàn trình bày và truy tố." Những Tu chính án trong Hiến pháp Mỹ thường được ghi thêm để nói rõ hơn nội dung bản hiến pháp. Chẳng hạn, hiến pháp nói các công dân phải được coi là vô tội cho đến khi bị tòa kết án. Tu chính án số 4 ghi rõ chi tiết để bảo đảm quy tắc đó được thực hiện. Hiến pháp Mỹ cũng nói đến các quy tắc phải có tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, v.v.. Tu chính án số một nói rõ hơn: Quốc hội Mỹ không được phép làm ra các đạo luật cản trở các quyền tự do ngôn luận và tôn giáo, v.v..

Vậy, tu chính án số 4 bắt buộc phải có Đại Bồi thẩm đoàn (Grand Jury) xét trước, coi một nghi can có đáng bị đưa ra tòa không, rồi mới được đem truy tố. Mà tòa án quân sự thì không

cần theo đúng thủ tục đó. Phó Tổng thống Dick Cheney nói các nghi can khủng bố không đáng được xét như các công dân Mỹ. Nhưng ông Robert Levy, một luật gia thuộc tổ chức Cato Institute (viện này có khuynh hướng bảo thủ), vạch ra rằng Tu chính án số 4 dùng chữ NGƯỜI chứ không dùng chữ CÔNG DÂN. Nghĩa là những bảo đảm an toàn pháp lý cho các nghi can phải được áp dụng cho tất cả mọi người không cứ phải là công dân Mỹ. Ông nói, Luật Nhân quyền của Mỹ áp dụng cho NGƯỜI chứ không phải cho CÔNG DÂN. Khi đưa các tay khủng bố ra tòa quân sự thì Tổng thống sẽ quyết định ai bị ra tòa, và Bộ trưởng Quốc phòng sẽ quyết định các quy tắc xét xử. Và như vậy thì công lý sẽ mất!

Nhưng nước Mỹ đã từng lập ra các tòa án quân sự xử các phạm nhân chiến tranh thì sao? Ông Levy trả lời rằng các vụ xử đó thi hành một đạo luật được Quốc hội Mỹ thông qua. Quyết định của Tổng thống Bush không qua thử thách đó.

Chúng ta có thể suy ngẫm nhiều, dù có đồng ý với những lý luận trên đây hay không. Ở một xã hội dân chủ như nước Mỹ này, ông Tổng thống hay chính phủ không thể than van "đất nước gặp nhiều khó khăn, nào không tặc, nào bệnh Than, nào chiến tranh, để bắt người dân ngậm miệng, cho chính phủ muốn làm gì thì làm. Nhiều người có thể buộc tội tờ báo bảo thủ đem lý lẽ của một luật sư bảo thủ ra để bênh vực các tay khủng bố, gây khó khăn cho Tổng thống Bush. Nhưng nghĩ như vậy là lầm. Họ có thể đồng ý với ông Bush về nhiều chuyện, nhưng họ nhất định bảo vệ các quyền cơ bản của con người. Trong đó có quyền hưởng an toàn về pháp lý. Đây là một bài học cho cả thế giới.

Ở Cam Bốt, ông Hun Sen có vẻ đã học theo tinh thần đó. Vừa rồi ông tính yêu cầu Quốc hội Nam Vang gia hạn giam giữ ông Tà Mốc, một lãnh Khờ me đỏ, thêm mấy năm nữa. Vì theo luật xứ Khờ Me thì chỉ được phép giam nghi can 6 tháng thôi, mà ông Hun Sen thấy chưa đem Tà Mốc ra xử được, sau khi đã được Quốc hội cho phép "tạm giam" hai năm. Kể ra thì ở Pnom Penh ông Hun Sen muốn đưa ai ra tòa lúc nào chẳng được. Nhưng ông ta vẫn theo các thủ tục lập pháp "theo lối tư sản" cũng vì muốn giữ cho chế độ của ông một bộ mặt sạch sẽ trước con mắt quốc tế. Còn ở Việt Nam thì khác. Đảng cứ nhất định "lãnh đạo" bằng cái Nghị định số 31 của ông Võ Văn Kiệt, tha hồ bắt người, giam người. Thế giới bên ngoài muốn nhìn bộ mặt Đảng thế nào họ cũng bất cần, miễn sao họ vẫn ngồi hưởng "các thành quả làm cách mạng." Rồi sau này lịch sử sẽ ghi rằng đầu thế kỷ thứ 21 nước Việt Nam chậm tiến hơn cả Cam bốt, dân Việt Nam nhục hơn dân Khờ me, cũng vì có cái lệnh số 31 của ông Võ Văn Kiệt!

BỘ KHUYẾN THIỆN TRỪNG ÁC

Trong chính phủ Taliban có Bộ Khuyến thiện Trừng Ác, các chính quyền ở Việt Nam chưa bao giờ có một bộ như vậy. Thời nay có thể coi nó tương đương với Bộ Văn hóa Thông tin! Nhưng Bộ Khuyến Thiện Trừng Ác ở Afghanistan lớn hơn, gồm Bộ Văn hóa Thông tin và Bộ Công An cộng lại, vì nó bao luôn việc giam giữ các tù nhân. Trong chế độ cộng sản từ thời Thống chế Stalin Bộ Văn hóa Tư tưởng chỉ làm công tác chỉ điểm, tố những người dám viết, dám nói, dám nghĩ khác với đường lối Đảng, còn việc bắt bớ giam cầm là do Công an lo.

Akhmed Farid là một tù nhân bị Bộ Khuyến Thiện Trừng Ác giam ở Kabul trước khi quân Liên minh Phương Bắc giải phóng thủ đô. Anh Farid bị bắt đi học tập cải tạo bảy ngày vì tội để râu chưa đủ dài. Chính quyền Taliban bắt đàn bà phải mặc áo, đội khăn trùm kín đầu và không được ra đường nếu không có đàn ông đi kèm. Họ bắt đàn ông để râu dài. Anh Farid, 23 tuổi, bị kết tội phản động cũng chỉ vì lỡ đưa kéo cắt bớt râu đi. Bị giam đủ bảy ngày rồi, anh ta lại bị coi là chưa học tập tốt, cho nên tiếp tục ở trong tù cho tới ngày cửa nhà tù bị phá, các quản giáo đã chạy biến đâu hết. Anh Farid còn đi quanh quẩn trong tù coi chơi, nên gặp các nhà báo Mỹ để kể chuyện mình.

Tại sao Farid bị chê là chưa học tập tốt, chưa cải tạo tốt? Mỗi ngày anh được gọi lên văn phòng quản giáo để trả lời 100 câu hỏi về Kinh thánh và Thần học đạo Hồi. Chúng tôi không dám xúc phạm đến Hồi giáo, một tôn giáo có hơn một tỷ người khắp thế giới tôn thờ nên không lấy tôn giáo làm thí dụ. Chỉ xin tưởng tượng một câu hỏi tương đương trong phạm vi hoàn toàn thế tục để mô tả tình cảnh của anh Farid. Chẳng hạn, quản giáo hỏi "Yêu nước là yêu cái gì?" Nếu không trả lời được đúng sách "Yêu nước là yêu Chủ nghĩa Xã hội" thì coi như chưa thuộc bài. Anh Farid chưa

trả lời thông suốt các câu hỏi đủ một trăm về đường lối tư tưởng đảng Taliban cho nên anh cứ bị giam giữ mãi.

Trên thế giới có nhiều thứ chế độ độc tài khác nhau, nặng như Papa Doc ở xứ Haiti, nhẹ như ông Marcos ở Phi Luật Tân. Nhưng chế độ độc tài siêu việt nhất vẫn là những chế độ dựa trên các lý thuyết, chủ nghĩa, tôn giáo. Nói chung, họ bắt dân phải tin theo những giáo điều mà nhà nước muốn. Không những thế, họ không cho phép dân được tin một thứ gì khác, ngoài chủ nghĩa được nhà nước chính thức tuyên truyền. Những chế độ như vậy mới có cái gọi là Bộ Khuyến Thiện Trừng Ác, hay Bộ Thông tin Văn hóa. Chủ nghĩa Phát xít hay Nazi đề cao chủng tộc là một thứ chế độ như vậy. Nhưng cao điểm của các chế độ độc tài giáo lý phải kể đến các chế độ cộng sản. Chính quyền Taliban chỉ là bản sao chép chưa đủ khéo, còn vụng về mô phỏng theo các chế độ cộng sản với các giáo chủ Stalin, Mao Trạch Đông hoặc Pol Pot.

ĐỘC TÀI GIÁO ĐIỀU

Đặc điểm của các chế độ độc tài giáo điều là họ muốn kiểm soát tất cả các sinh hoạt của người dân, bắt đầu từ trong não bộ của người ta. Ông Ferdinand Marcos chỉ độc tài tới mức đàn áp các đảng và các chính trị gia đối lập không cho họ hoạt động; rồi dùng độc quyền chính trị chia sẻ các độc quyền kinh tế cho đồng đảng. Papa Doc thì hung dữ hơn, nuôi bọn công an hung thần cho bắt bỏ tù bất cứ ai, giết bất cứ lúc nào, và Papa cũng nắm mọi quyền lợi kinh tế trong tay gia đình mình.

Các chế độ độc tài theo giáo điều đạt đỉnh tới cao của độc tài. Không những nắm chặt các quyền chính trị và kinh tế, họ còn muốn kiểm soát cả những gì người dân nói, người dân nghĩ, cách ăn, cách mặc, cách để tóc tai, v.v.. Nói chung, họ muốn kiểm soát văn hóa, tư tưởng, phong tục, tập quán, cho tới đời sống hằng ngày của người dân. Ai muốn biết ở miền Bắc Việt Nam người dân đã sống thế nào có thể đọc tiểu thuyết của Bùi Ngọc Tấn. Các nhà văn, nhà báo được chỉ thị rõ ràng có nhiệm vụ minh họa, phục vụ cho đường lối đảng. Ai đi trật ra ngoài lề thì coi chừng. Cho đến nay, ở Việt Nam chính quyền cộng sản hô hào chống tham nhũng, nhưng lại không cho phép thường dân như các ông Phạm Quế Dương, Trần văn Khuê, Hoàng Minh Chính lập ra một hội "Giúp Đảng chống tham nhũng." Muốn nói chuyện chống tham nhũng cũng phải có "chế độ." Giống như mỗi người được phát tem phiếu, khẩu phần chống tham nhũng. Mỗi ngày ai được hưởng chế độ thì được chống tham nhũng mấy phút, nói mấy câu, nói đến cấp nào là vừa đủ, ai chống nhiều quá tức là phá hoại cơ chế nhà nước, tức là phản động.

Ở Afghanistan chế độ Taliban cũng thiết lập một chính quyền độc tài giáo điều kiểu như vậy. Có thể coi là họ mô phỏng chế độ Mao Trạch Đông những năm Cách mạng Văn hóa. Thời đó, người dân Trung Hoa ở lục địa phải mặc quần áo theo kiểu Mao, cắt tóc ngắn, làm việc hùng hục suốt ngày rồi đêm đêm phải học tập. May mắn cho dân miền Bắc Việt Nam không phải sống theo kiểu Mao vì đảng Cộng Sản Việt Nam lúc đó còn phải lo huy động thanh niên đi chiếm miền Nam nên không dám đối xử quá tàn tệ với dân miền Bắc. Nếu không vì có miền Nam thì chắc Hồ Chí Minh đã nhập khẩu Cách mạng Văn hóa vào nước ta, giống như ông đã nhập cảng Cải cách Ruộng đất, Cải tạo Tư sản, Chỉnh Phong, Chỉnh Đảng, v.v... Chính Hồ Chí Minh từng nói ông không cần có tư tưởng nào hết vì có Tư tưởng Mao Trạch Đông là đủ rồi, Bác Mao không thể sai được.

Ngày nay chế độ Taliban tan rã những tù nhân cải tạo mới thoát khỏi nhà tù, và dân chúng được nghe nhạc, đàn ông được cạo râu, và phụ nữ được ra đường một mình. Phe chống Taliban đã khôn khéo mở lại đài phát thanh Kabul với ba nữ xướng ngôn viên, cho dân Afghanistan thấy nước họ đã thay đổi. Được hưởng những thú vui tự do nhỏ bé, như trẻ em được thả diều, người lớn được nghe nhạc. Một người dân Afghan ở Kabul nhắc lại cuộc sống dưới chế độ Taliban, "Chúng tôi đã sống như trong một nhà tù." Ông Mohammed Iff là một người thuộc sắc tộc Pashtun cũng như các lãnh tụ Taliban. Nhưng ông cũng không chịu nổi những lãnh tụ độc tài tự coi là mình độc quyền nắm trong tay chân lý duy nhất, bắt mọi người khác phải theo lý thuyết, chủ nghĩa, tín điều của mình, theo lối "Yêu nước là yêu Taliban."

ĐẶT MUA
THẾ KỶ 21
XIN LIÊN LẠC
(714) 839-8746

MỸ SẴN SÀNG GIẢM LỆ THUỘC VÀO DẦU Ả RẬP

THANH THẢO

Trong khi vụ khủng bố tấn công trung tâm thương mại quốc tế Hoa Kỳ tại New York ngày 11 tháng 9 chưa đi vào quên lãng và chiến dịch phản công trừng phạt khủng bố của các đồng minh trên thế giới còn đang tiếp diễn, người Mỹ đang phải đối phó với những vấn đề bên lề cuộc chiến chống khủng bố.

Những vấn đề đó thuộc nhiều lãnh vực chẳng hạn như tẩy chay, bao vây tài chính những chế độ ám trợ khủng bố sẽ đòi hỏi người Mỹ giảm sự lệ thuộc vào các nguồn tài nguyên xuất cảng từ những quốc gia bị nghi ngờ là ám trợ khủng bố mà Ả Rập Saudi là một. Hàng năm Hoa Kỳ nhập cảng 9% tổng sản lượng dầu hỏa tiêu thụ từ Ả Rập Saudi. Liệu Hoa Kỳ có chuẩn bị sẵn sàng cho việc bỏ nhập cảng dầu từ Ả Rập Saudi hay chưa?

Mặc dù từ khi vụ khủng bố xảy ra đến nay, đại diện chính quyền các cấp toàn quốc đã kêu gọi công dân Mỹ hãy sinh hoạt bình thường trở lại, trong đó có nhiều thông điệp kêu gọi người dân hãy tỏ lòng yêu nước bằng cách tiếp tục mua sắm, tiêu thụ để giúp xoay vòng bánh xe kinh tế, chưa thấy có lời kêu gọi nào liên quan đến việc tiết kiệm xăng dầu. Mà nếu có kêu gọi người Mỹ hãy tiết kiệm xăng dầu bằng cách đậu những chiếc xe thể thao SUVs một chỗ để tỏ lòng yêu nước, có lẽ thông điệp đó cũng không được đáp ứng!

Người Mỹ từ lâu đời vốn có tinh thần chuộng tự do mãnh liệt, họ muốn làm theo ý thích của mình, cho dù ý thích đó có đi ngược lại mong ước của những người lo xa.

Điều này giải thích lý do xe thể thao SUV của hãng Ford vẫn bán chạy như tôm tươi mặc dù mới vượt qua sóng gió liên quan đến vỏ bánh xe có khuyết điểm của hãng Bridgestone/ Firestone, được trang bị sẵn từ cơ xưởng sản xuất Ford. Điều này cũng đang làm các phân tích gia kinh tế lo ngại việc nước Mỹ lệ thuộc vào xăng dầu nhập cảng trong khi xe SUVs hiện chiếm tỉ lệ 10% các loại xe di chuyển trên đường phố toàn quốc và vẫn đang tiếp tục là loại xe hốt bạc của hãng Ford. Hãng Ford cho biết tính đến cuối năm nay số xe SUVs phân phối trên khắp các chi nhánh đạt mức kỷ lục với 3.5 triệu chiếc.

Nhưng tại sao các phân tích gia nhắc đến những kiểu xe thể thao loại SUVs của hãng Ford? Vì những kiểu xe này thuộc loại "ngốn xăng," mỗi gallon xăng trung bình chỉ chạy được 14 dặm đường. Cùng họ với loại SUVs là kiểu xe Yukon XL của hãng GM, dùng một gallon xăng cho mỗi 12 dặm.

Theo kết quả thăm dò của tạp chí *Newsweek*, số phát hành 19 tháng 11, 2001, 73% người Mỹ sẵn sàng chi thêm $200 để mua loại xe chạy được đoạn đường dài hơn với mỗi gallon xăng. 42% người được thăm dò cho rằng những người Mỹ chủ nhân loại xe thể thao SUVs nên đổi sang loại xe ít tốn xăng hơn.

Dĩ nhiên, đó chỉ là quan điểm của những người lo xa, không thay đổi được ý thích của giới tiêu thụ chuộng xe thể thao nói chung. Một số phân tích gia đã tìm hiểu sự lệ thuộc của giới tiêu thụ Mỹ vào dầu nhập cảng từ Riyadth, Ả Rập Saudi và kết luận rằng thật sự người Mỹ không nhất thiết phải bán xe thể thao mà vấn đề là những hãng xe cần chế các loại xe mới ít dùng đến năng lượng từ xăng dầu hơn.

Với tài nguyên thiên nhiên chỉ có khoảng 2% trữ lượng dầu hỏa trên thế giới, Hoa Kỳ buộc phải lệ thuộc vào việc nhập cảng dầu hỏa. Nhưng không nhất thiết phải là dầu hỏa từ Ả Rập Saudi.

Theo thống kê liên bang mới nhất, năm nay (2001) Hoa Kỳ nhập cảng 1.7 triệu thùng dầu thô mỗi ngày từ Ả Rập Saudi (mỗi thùng dầu thô chứa 42 gallons). Số lượng này tuy bằng 9% tổng lượng dầu tiêu thụ toàn quốc, nhưng không phải là nguồn nhập cảng lớn nhất.

Cũng theo thống kê liên bang, năm nay Mỹ nhập cảng 1.8 triệu thùng dầu thô mỗi ngày từ Canada; 1.6 triệu thùng mỗi ngày từ Venezuela, và 1.3 triệu thùng mỗi ngày từ Mexico. Nguồn dầu thô từ Ả Rập Saudi chỉ được chuộng vì không bị gián đoạn, và rẻ tiền hơn những nước khác.

Nhưng nếu phải ngưng nhập

cảng dầu từ Ả Rập Saudi, người Mỹ không đến nỗi phải trải qua tình trạng thiếu xăng dầu trầm trọng làm kinh tế Mỹ suýt khủng hoảng như thời 1973, khi xảy ra việc cấm vận dầu Ả Rập. Từ thời đó đến nay, Hoa Kỳ không ngừng tìm thêm nguồn nhập cảng mới. Hiện nay nhiều nơi trên thế giới đã trở thành nguồn cung cấp dầu hỏa vững mạnh cho Hoa Kỳ, điển hình là vùng biển Bắc, Mexico, Trung Cộng, Alaska, và Nga.

Theo ông John Lichtblau, thuộc cơ quan nghiên cứu Petroleum Industry Research Foundation, nước Nga hiện đang là quốc gia xuất cảng dầu thô nhiều hạng nhì thế giới và đang muốn tìm thêm thị trường tiêu thụ. Mặc dù không thể xảy ra một sớm một chiều, việc Mỹ nhập cảng dầu từ Nga là điều chắc chắn xảy ra trong tương lai.

Tuy dầu hỏa quan trọng trong đời sống người Mỹ, nhưng điều đáng mừng là 68% nguồn dầu nhập cảng được dùng vào việc di chuyển, lái xe. Vì thế, tiết kiệm xăng dầu không ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày của chúng ta bao nhiêu vì xăng dầu không phải là năng lượng dùng trong nhà cho các máy móc gia dụng, hay để chạy máy sưởi ấm.

Bên cạnh việc tìm cách đi chung xe với bạn bè, thành viên gia đình, hoặc dùng phương tiện di chuyển công cộng như xe bus, xe lửa... chúng ta có thể tiết kiệm điện bằng cách mua xe chạy bằng những kỹ thuật khác không dùng đến xăng hoặc chỉ dùng rất ít xăng cùng với điện.

Điển hình là kiểu xe "lai" hay còn gọi là "hybrid" được chế tạo và dùng thử từ lâu tại thành phố Detroit, mệnh danh "thành phố của xe hơi." Loại xe "lai" này chạy bằng một chút xăng cho máy điện, với hệ thống biến điện gắn ở thắng xe, không cần phải có bộ phận biến điện gắn rời.

Hãng DaimlerChrysler dự trù tung ra thị trường kiểu xe "lai" Dodge Durango năm 2003 với tỉ lệ chạy xa so với mỗi gallon xăng tăng 30% cao hơn mẫu mực tiêu chuẩn hiện nay. Hãng Ford chuẩn bị giao cho các chi nhánh loại xe SUVs "lai" vào năm 2003 với tỉ lệ chạy 40 dặm đường cho mỗi gallon. Hãng GM cũng theo sát gót Ford với kiểu xe "lai" SUVs chạy được 35 dặm cho mỗi gallon xăng vào năm 2004.

Ngoài ra những công ty sản xuất xe hơi vẫn tiếp tục đổ hàng trăm triệu Mỹ kim vào chương trình nghiên cứu chế tạo loại xe hoàn toàn không dùng đến xăng mà dùng kỹ thuật lý hóa gọi là Fuel Cells, ghép các nguyên tử Hydrogen và Oxygen vào nhau để tạo ra điện năng và nước. Đây là kỹ thuật năng lượng dùng trong các phi thuyền không gian Gemini và Apollo, hiện đang được áp dụng trong xe buses chạy khắp thành phố Chicago và những thành phố phụ cận. Kỹ thuật này đang được dùng để chế xe cho công chúng trong những năm tới.

Theo bà Robyn Schultz, phát ngôn viên công ty Ford, công ty dự trù sẽ hoàn tất 200 chiếc xe hơi chạy bằng fuel cells vào năm 2004. Kỹ sư trưởng công ty GM, ông Matt Fronk hy vọng rằng vào khoảng năm 2010, xe chạy bằng năng lượng Fuel Cells sẽ là loại xe phổ thông tại Mỹ.

Cho đến khi điều này trở thành sự thật, mỗi người trong chúng ta đều có thể góp phần mình vào việc giảm bớt sự lệ thuộc vào xăng dầu nói chung. Ông David Nemtzow, chủ tịch cơ quan đoàn kết tìm biện pháp tiết kiệm năng lượng cho rằng chỉ cần những ai đi mua xe mới, dù là xe thể thao "uống xăng" SUVs chăng nữa, hãy chọn loại xe ít tốn xăng nhất trong kiểu xe mình chuộng, hàng năm nước Mỹ sẽ tiết kiệm được 31 triệu thùng dầu thô.

Còn nếu thuộc khối đa số đang giữ xe cũ, quí vị cũng có thể tiết kiệm xăng bằng cách bơm vỏ bánh xe căng đúng theo mức ấn định của công ty chế tạo, và nhớ bảo trì máy móc đều đặn, đúng hạn kỳ. Chỉ cần mỗi người có xe hơi làm hai việc này thôi, mỗi ngày nước Mỹ tiết kiệm được 1 triệu thùng dầu thô, hơn phân nửa lượng nhập cảng từ Ả Rập Saudi. Có như thế chúng ta mới sẵn sàng bỏ hẳn lệ thuộc vào dầu hỏa từ Ả Rập Saudi, cùng lúc tỏ lòng yêu nước.

VAI TRÒ TRỌNG YẾU CỦA CỐ VẤN AN NINH QUỐC GIA CONDOLEEZZA RICE

THANH THẢO

Kể từ khi vụ khủng bố tấn công trung tâm thương mại quốc tế Hoa Kỳ biến Tổng Thống George W. Bush thành nhà lãnh đạo thời chiến, sự hiện diện thường trực của nữ cố vấn an ninh quốc gia Condoleezza Rice bên cạnh Tổng Thống trở thành hình ảnh thường lệ. Không những tại Tòa Bạch Ốc, bà Rice còn có mặt bên cạnh Tổng Thống tại trại nghỉ mát David, tháp tùng Tổng Thống trong chuyến công du Trung Hoa Lục Địa, hay hiện diện cùng ông

Bà Condoleezza Rice

Bush tham dự những chương trình tranh giải thể thao quốc tế.

Tuy trước biến cố khủng bố ngày 11 tháng 9 bà Condoleezza Rice đã là người cố vấn an ninh rất thân cận với Tổng Thống trong những quyết định đối ngoại, nhưng sau ngày này, vai trò của bà Rice đã trở thành trọng yếu. Theo ông Michael McFaul, một phụ tá giáo sư đại học tại Stanford, chỉ cần nhìn thấy những diễn biến nhịp nhàng, chính xác của chiến dịch phản công tiêu diệt khủng bố của các đồng minh mà Hoa Kỳ đang dẫn đầu, ông có thể quyết đoán kế hoạch phản công này là của bà Rice. Ông nêu lý do đơn giản, vì "Tổng Thống Bush rất tin cẩn bà Condo- leezza Rice."

Nhiều người trong giới tướng lãnh cao cấp Hoa Kỳ đã chỉ trích kế hoạch tấn công Afghanistan này vì cho rằng đường lối không uyển chuyển, theo đúng sách vở quá. Theo báo *Mercury News,* một vài cố vấn khác đã đề nghị Tổng Thống mượn dịp này diệt trừ luôn nhóm khủng bố Iraq và lãnh tụ độc tài Saddam Hussen, người đã thoát được đợt tấn công của Hoa Kỳ trong chiến dịch Bão Sa Mạc vùng Vịnh Ba Tư hồi năm 1990. Tuy nhiên, những ý kiến quan trọng này đã không được lắng nghe. Mặc dù Ngoại Trưởng Colin Powell cũng là người không chấp thuận đề nghị tấn công luôn Iraq, không ai tại Washington nghi ngờ rằng ý kiến của bà Rice đã ảnh hưởng đến quyết định không tấn công của Tổng Thống Bush.

Ông Coit Blacker, giám đốc điều hành phân khoa Quốc Tế học tại viện đại học Stanford, và là một người bạn thân của bà Condoleezza Rice, cũng đồng ý kế hoạch phản công diệt khủng bố hiện nay là do bà Rice chủ trương. Theo ông Blacker, biết tính tình bạn mình, ông không ngạc nhiên khi thấy những sự kiện trong chiến dịch chống khủng bố diễn ra tuần tự đúng tiêu chuẩn như kim đồng hồ. Ông nói, "...đó là lối làm việc của bà Rice..."

Ông Blacker nhìn thấy dấu hiệu ảnh hưởng của bạn mình trong kế hoạch không để cho lãnh tụ khủng bố Osamar bin Ladin hay hệ thống khủng bố Al-Qiada một ngày ngơi nghỉ bằng cách công kích liên tục. Là người nói chuyện với bà Rice mỗi chiều Thứ Bảy, ông Blacker cho biết kế hoạch tấn công này nhằm buộc phe khủng bố phải chạy có cờ, không còn thời giờ hay tâm sức hoạch định một âm mưu phá hoại giống như vụ ngày 11 tháng 9 nữa. Và kế hoạch tấn công này đạt kết quả.

Không những chỉ quan tâm điều động kế hoạch chống khủng bố tại Afghanistan và những vùng phụ cận, bà Condoleezza Rice còn để lại

dấu vết của mình trên những quyết định đối ngoại khác của Tổng Thống George W. Bush, mà rõ ràng nhất là vấn đề liên quan đến Nga, ngành sở trường của bà. Nhiều phân tích gia cho rằng đáng lẽ vào thời điểm này, đa số các nhà lãnh đạo vì quá bận rộn việc chống khủng bố sẽ phải xao lãng liên hệ với Nga một phần nào. Nhưng Tổng Thống Bush thì không! Ông vẫn giữ chương trình tiếp đón Tổng Thống Nga Vladimir Putin tại Washington và Texas trong tháng 11, để bàn về kế hoạch song phương về giảm vũ khí nguyên tử và phi đạn.

Bà Condoleezza đã từng phục vụ trong nội các Tổng Thống Bush cha và là người góp ý kiến không nhỏ với Tổng Thống trong kế hoạch đối ngoại đòi hỏi khả năng biến ứng nhạy bén vào thời diễn ra sự thay đổi ảnh hưởng lớn đến cục diện thế giới, sự sụp đổ của chế độ Cộng Sản khắp Đông Âu cuối năm 1989 đến năm 1991.

Vai trò trọng yếu của bà Condoleezza Rice trở thành đề tài chính trong khối những quốc gia theo Hồi Giáo, kể cả những nơi ám trợ khủng bố dùng danh xưng vì Hồi Giáo. Sau biến cố 11 tháng 9, bà Rice được Bạch Ốc chọn trả lời phỏng vấn trên đài truyền hình Ả Rập Al-Jazeera, một đài bị chỉ trích có khuynh hướng thiên khủng bố và Osamar bin Laden. Bà được chọn không những vì bản lãnh và khả năng ứng phó, mà còn vì bà là biểu tượng ngược lại của tất cả những gì phe khủng bố Al-Qiada tôn thờ. Bà là phụ nữ, là người Mỹ gốc Phi châu, là người giữ chức vụ cao cấp xưa nay thường do nam giới đảm nhiệm, với vai trò có thể nói là quan trọng nhất thế giới. Bà là biểu tượng về kết quả tốt đẹp nhất một xã hội tự do, văn minh có thể tạo dựng được. Bà là ước mơ của những phụ nữ theo Hồi Giáo bị đàn áp tại các xứ sở còn phân biệt đối xử với phụ nữ.

Condoleezza Rice, 47 tuổi, là một người nhiều tham vọng từ thuở thiếu thời. Sinh ngày 14 tháng 11 năm 1954, bà lớn lên tại Birmingham, tiểu bang Alabama. Bà được đặt tên dài và lạ lùng nghe có vẻ Ý "*con dolcezza*" có nghĩa là "đàn với sự ngọt ngào" vì mẹ bà là một nhạc sĩ đàn Organ trong thánh đường Westminster Presbyterian Church, và cũng là một giáo sư Sinh Vật học. Cha bà vừa là mục sư tại thánh đường Westminster vừa là nhà giáo. Theo tạp chí *Vogue*, ông nội bà Rice là người sáng lập thánh đường Westminster. Ông từng là một người thợ nhặt bông vải, một nghề đã có từ nhiều đời. Tuy nhiên sau khi hoàn tất năm đầu tiên đại học, trả học phí bằng tiền thu được từ công việc thợ gặt bông vải, ông được đề nghị học bổng toàn phần để tốt nghiệp đại học với điều kiện ông học thành Mục Sư. Ông nhận lời, và từ đời ông về sau, gia đình Rice tiếp tục giữ đạo Tin lành, thuộc giới trí thức.

Condoleezza Rice thường được gọi tên ngắn, thân mật "Condi" là một bé gái thông minh khác thường. Được dưỡng nuôi trong môi trường cởi mở khuyến khích tinh thần cầu tiến, với những lời khuyên hàng ngày rằng "con phải cố gắng gấp đôi người khác vì con là người da đen" Condi không thắc mắc, mà cứ cố hết sức mình trong mọi lãnh vực. Vào thời nước Mỹ và tiểu bang Alabama còn có chế độ phân biệt sắc tộc, Condi chơi đàn Dương Cầm giỏi đến độ được nhận theo học lớp đàn dành riêng cho người da trắng. Condi cũng học giỏi đến độ được nhẩy lớp hai lần, lớp Một và lớp Bảy.

Lớn lên, theo gia đình dọn sang tiểu bang Colorado, Condi hoàn tất những lớp chính trong chương trình Trung Học tại trường St. Mary Academy năm 15 tuổi, bắt đầu theo học thêm chương trình đại học tại Denver. Bà ra trường đại học Ưu hạng năm 1972 khi được 19 tuổi. Bà tốt nghiệp chương trình Cao học tại Notre Dame và hoàn tất bằng Tiến sĩ sau đó, chọn chuyên khoa về tình hình Nga, do ảnh hưởng một người bạn từng là người tị nạn Đức Quốc Xã. Bà đổi đảng từ Dân Chủ sang Cộng Hòa năm 1980 và bỏ phiếu cho Tổng Thống Ronald Reagan sau khi bất mãn với chương trình đối ngoại của Tổng Thống Jimmy Carter.

Sau khi dạy tại đại học Stanford ba năm, Tiến Sĩ Rice được mời vào nội các của Tổng Thống Bush cha sau một bài diễn văn được ca ngợi là "sáng giá" nhất trong một dạ tiệc buồn ngủ nhất, theo lời Cố Vấn An Ninh Quốc Gia Brent Scowcroft, người chú ý đến bà khi ông còn làm việc dưới nhiệm kỳ Tổng Thống Gerald Ford. Năm 1988, Condi Rice được bổ nhiệm chức vụ giám đốc chuyên trách tình hình Nga trong Ủy Ban Cố Vấn An Ninh Quốc Gia khi mới có 34 tuổi. Bà nhanh chóng trở thành người được Tổng Thống Bush cha và Phu nhân Barbara Bush tín nhiệm vì trí thông minh và sự nhạy bén, đặc biệt là lòng trung thành.

Lòng trung thành đó chính là lý do ngày nay Tổng Thống

Bush con hết sức tín nhiệm bà Rice và luôn có bà theo sát bên mình. Điều này không đáng ngạc nhiên bao nhiêu vì thời ông Bush con tranh cử Tổng Thống, bà Rice là người kèm ông về tình hình thế giới, nhất là tình hình Nga. Trong lúc Ngoại Trưởng Colin Powell bận rộn công du ngoại quốc, Bộ Trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld điều động cuộc phản công chống khủng bố từ Ngũ Giác Đài, và Phó Tổng Thống Dick Cheney phải dời địa điểm liên tục để bảo đảm nước Mỹ có lãnh đạo thừa kế trong trường hợp Tổng Thống không thể hoàn tất nhiệm vụ, bà Condoleezza Rice là người còn lại để Tổng Thống Bush thảo luận những quyết định quốc gia quan trọng. Trong hoàn cảnh của Tổng Thống Bush, thiết nghĩ không hỏi ý bà Rice thì còn hỏi ai hơn được?

ĐỜI SỐNG NƯỚC MỸ

TRẦN QUÁN NIỆM

Những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?

Chắc hẳn độc giả đọc qua đầu đề trên, tưởng tác giả nhắc đến chuyện gì xa xôi lắm. Nhưng không. Câu chuyện chỉ mới một năm qua thôi. Tháng 11 năm ngoái, cả nước Mỹ đứng tim, hồi hộp theo dõi cuộc bầu cử Tổng Thống gay cấn và dai dẳng nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Ông Gore bảo đếm phiếu lại, ông Bush nhất định không chịu. Hai ông lôi nhau ra toà, tòa dưới rồi lại tòa trên, tòa trên rồi lại tòa dưới, dằng dai cả tháng. Bush nhờ phán quyết của Tòa Án Tối Cao, mà được chức Tổng Thống. Chuyện mới một năm, nhưng vụ khủng bố phá hoại ngày 11 tháng 9, làm cả nước Mỹ quay cuồng trong hãi hùng vì cao ốc sụp, vì vi trùng Anthrax, vì thất nghiệp, vì chiến tranh tại A Phú Hãn (Afghanistan) khiến thiên hạ hầu như quên hẳn chuyện bầu cử năm ngoái, và quên luôn cả những nhân vật một thời đã làm sôi nổi dư luận như Al Gore, như Jeb Bush, như Katherine Harris, như Theresa Lepore, như Bill Clinton...

Bây giờ họ ở đâu và ra sao?

Katherine Harris: Bà này là bộ trưởng nội vụ của tiểu bang Florida. Năm ngoái, vừa xong đợt kiểm phiếu đầu tiên, bà chiếu theo luật định tuyên bố kết quả Bush thắng Gore vài trăm phiếu, làm Gore lên ruột, phản đối kịch liệt.

Trong năm qua, bà ghé thủ đô Hoa Thịnh Đốn thăm Tổng Thống Bush vài lần, tham dự mấy buổi họp và những bữa tiệc quan trọng. Bà đang nhăm nhe ứng cử Dân Biểu. Vì là công thần, ủng hộ Bush hết mình nên bà được đảng Cộng Hòa đền ơn, yểm trợ tối đa.

Năm tới bà mãn nhiệm kỳ bộ trưởng nội vụ. Tiểu bang Florida sẽ bãi bỏ chức này trong nội các.

Jeb Bush: Jeb là Thống Đốc tiểu bang Florida, lại là em Tổng Thống Bush, nên trong khi Gore và Bush tranh nhau từng phiếu một, Jeb ở tình trạng khó xử, cố né cho xa trận chiến giữa Gore và Bush sợ bị "lạc đạn" nhưng cũng không thoát hiểm hoàn toàn. Người ta vẫn nghi ông này yểm trợ ngầm Bush trong giai đoạn bầu phiếu.

Liên hệ gia đình khiến thế đứng chính trị của ông thăng tiến thấy rõ sau khi Bush anh đắc cử Tổng Thống. Khi cuộc bầu cử chấm dứt và dư luận tạm yên, ông ký sắc lệnh hủy bỏ loại máy bỏ phiếu bấm lỗ. Người ta tin tưởng Jeb sẽ tái đắc cử dễ dàng chức Thống Đốc Florida, ăn đứt bà Bao Công Mặt Sắt Janet Reno, đảng Dân Chủ.

Theresa Lepore: Bà này là tác giả đã sáng chế ra phiếu bầu rắc rối quanh co, mà người ta gọi là "phiếu bướm" (butterfly ballot) (Có ai còn nhớ nó ra sao không nhỉ?) làm bao nhiêu mũi dùi chĩa vào bà để chỉ trích, khôi hài, nghi ngờ. Sau cuộc bầu cử năm ngoái, bà không ghi tên là cử tri thuộc đảng Dân Chủ nữa mà trở thành cử tri Độc Lập. Đúng dịp kỷ niệm một năm ngày bầu cử, thứ Tư vừa qua, tiểu bang Florida cho bán đấu giá trên internet (Ebay), 5,000 máy bầu cử loại bấm lỗ (bị phế thải) với giá tối thiểu là $300 một máy. Dĩ nhiên có kèm theo cả mấy chục ngàn phiếu bướm "lịch sử."

Cựu Phó Tổng Thống Al Gore: Ông này thua đau như hoạn, mất chiếc ghế Tổng Thống một đời ông mơ ước. Ông thắng Bush nửa triệu phiếu dọ dân bầu, nhưng lại thua Bush về số phiếu cử tri đoàn, trong đó tại tiểu bang Florida, ông chỉ thua Bush chưa đến 500 phiếu phù du.

Thất cử, ông về vườn, đi dạy đại học, diễn thuyết, cố nguôi ngoai mối hận thất bại chua cay, sát nút. Ông để râu quai nón rậm rạp, có bộ chán đời. Ông cho hay chưa biết sẽ ra ứng cử Tổng Thống năm 2004 hay không. Nhưng có điều chắc chắn là ông giữ bộ râu. Ông tiết lộ "Vợ tôi, Tipper, thích lắm". Chẳng biết lời tuyên bố này có ý nghĩa thế nào.

Bill Clinton: ông là vị Tổng

Thống trẻ nhất bị cho về hưu non. Bao nhiêu năm ở ngôi vị chí tôn, quyền sinh sát trong tay, mỗi lời nói là được cả thế giới chăm chú theo rõi, ghi chép, nay bị sống cuộc đời âm thầm trong bóng tối, ông buồn lắm. "Báo chí chúng nó" chẳng thèm nhắc tới ông nữa. Nhân vụ phá hoại 11 tháng 9, ông xuất hện lai rai, thăm viếng dân Nữu Ước và gây quĩ giúp nạn nhân. Nhưng không đủ.

Thấy ông Bush bận rộn đối phó với khủng bố trên toàn cầu, đánh phá bọn cuồng tín Taliban tại A Phú Hãn, ông thèm lắm. Ông chỉ ước ao có một vụ như vậy để tên tuổi ông vinh quang đi vào lịch sử mà không được. Nghe đâu ông được mời đóng phim tại Holywood.

Tiền rừng bạc bể

Ngay sau ngày 11 tháng 9, Tổng Thống Bush tuyên bố cương quyết trừng trị và tận diệt quân khủng bố cũng như các tổ chức yểm trợ và nuôi dưỡng trong đó quốc gia A Phú Hãn (Afghanistan) đã giúp đỡ kẻ tình nghi số một, là đầu não của các vụ khủng bố trên thế giới nhắm vào nước Mỹ là nhà triệu phú Hồi Giáo Osama Bin Laden. Tổng thống Bush vận động sự ủng hộ của khắp các quốc gia trên toàn cầu. Lực lượng Hải Quân, Không Quân và các quân nhân thuộc Lực Lượng Đặc Biệt được điều động mau lẹ tới lãnh hải Trung Đông. Ngày 7 tháng 10, chưa đầy một tháng sau vụ khủng bố, máy bay Mỹ và Anh đã có thể thả bom A Phú Hãn.

Những chuyến bay đêm với bom "khôn" và bom "dại"

Các phản lực cơ tối tân cất cánh từ hàng không mẫu hạm, và từ một vài căn cứ hiếm hoi tại hai quốc gia lân cận là Pakistan và Uzbekistan cũng như xuất phát từ nội địa Hoa Kỳ (máy bay B52) lợi dụng đêm tối bay vào không phận A Phú Hãn oanh tạc hệ thống radar và hệ thống phòng không, truyền tin. Mỹ muốn đánh gục khả năng phòng không của A Phú Hãn, để có thể oanh tạc ban ngày, và chuẩn bị cho quân bộ chiến.

Khác hẳn chiến tranh Việt Nam một phần tư thế kỷ trước, lúc đó khả năng cuả phi cơ bị giới hạn bởi tầm quan sát ban ngày, giờ đây Hoa Kỳ phát triển kỹ thuật điện tử tinh vi, có thể hoạt động trong đêm tối và ngay khi thời tiết xấu. Bom đạn bây giờ cũng "khôn" (smart) hơn xưa, biết tìm đến mục tiêu với độ chính xác không ngờ. (Ngày trước là các bom "dại," nghĩa là thả xuống mục tiêu, rơi theo sức hút của quả đất và tùy tài khéo léo của phi công.) Ngoài ra còn có hỏa tiễn tầm xa Tomahawk, bắn đi từ chiến hạm hay tầu ngầm, có thể bay thấp, dò theo địa hình ghi sẵn để tìm đến mục tiêu (mỗi hỏa tiễn giá gần 1 triệu Mỹ Kim, Mỹ đã bắn đi 68 hỏa tiễn loại này).

Tốn phí bạc tỷ

Xứ Mỹ nổi tiếng giầu có, ăn xài lớn, nên chiến tranh cũng tốn kém vô cùng. Một tháng bộ máy chiến tranh siêu cường truy lùng khủng bố tại A Phú Hãn ngốn hết một tỷ Mỹ Kim (một ngàn triệu).

Sau đây là vài con số điển hình:

1. Bom "khôn" JDAM biết tự tìm mục tiêu, độ sai lạc cỡ vài chục bộ (feet) giá 25,600MK.

2. Hỏa tiễn tầm xa Tomahaw từ 600 ngàn đến 1 triệu MK.

3. Bom "dại" MK82 giá từ 600 MK đến 1,400 MK

4. Bom hạng nặng 15.000 pounds BLU giá 27,000 MK

5. Bom phá hầm GBU-37 giá 231,000 MK

6. Trực thăng Black Hawk giá 11 triệu MK.

7. Trực thăng Pave Love giá 40 triệu MK

8. Một giờ bay của máy bay phản lực FA 18 là 5,000 MK.

Và còn nhiều nữa.

Cũng nên biết thêm là cuộc chiến vùng Vịnh năm 1991 đánh Iraq, Hoa Kỳ tiêu phí 61 tỷ MK. Lần oanh tạc Nam Tư năm 1999 hết 3 tỷ MK. Đó là sơ sơ, dân nhà nghèo nghe qua mà thấy hết hồn. Nhưng súng đạn nhà giầu nhiều khi phóng ra một hỏa tiễn giá mấy trăm ngàn đô la kết quả chỉ phá tan được một chiếc lều hoang, giết chết vài con lừa ốm.

Trở về nội địa Hoa Kỳ, vụ khủng bố 11 tháng 9 gây thiệt hại tài sản ước tính 10 đến 13 tỷ MK. Thiệt hại kinh tế 47 tỷ. Biện pháp an ninh dự trù cho ngành hàng không tốn kém 41 tỷ. Biện pháp phục hồi kinh tế 100 tỷ.

Và còn nhiều nữa, khó lòng ước tính chính xác. Chưa kể, để lấy lòng dân A Phú Hãn, chứng tỏ Hoa Kỳ chỉ truy lùng bọn khủng bố và đầu não Osama Bin Laden, Hoa Kỳ hứa viện trợ A Phú Hãn một tỷ MK, đồng thời thả thức ăn xuống cứu trợ dân tỵ nạn, kể cả thực phẩm khô cho lừa, ngựa.

Khủng bố bằng vi trùng

Ngay khi Mỹ đánh phá A Phú Hãn đòi nhóm cuồng tín Hồi Giáo cầm quyền Taliban giao nộp Osama Bin Laden, ông này tuyên chiến với Mỹ, cho đây là cuộc thánh chiến giữa Hồi Giáo và Thiên Chúa Giáo, kêu gọi tín đồ Hồi Giáo khắp thế giới chống lại Mỹ và các quốc gia Âu Châu

trong đó có Anh và Do Thái.

Chính quyền Mỹ báo động cho dân chúng đề phòng phá hoại và khủng bố dưới nhiều hình thức, trong đó có chiến tranh vi trùng. Quả thế một số phong bì chứa vi trùng Anthrax đã được gửi đến các cơ quan truyền thông, truyền hình và các nhân vật đầu não ngành hành pháp tại Florida, NewYork và California (Tom Brawko, đài truyền hình NBC và Nghị Sĩ trưởng khối đa số tại thượng viện Daschle v.v.).

Cho đến nay tại miền Đông Bắc Hoa Kỳ mới chỉ có năm người chết, nhưng cũng đủ để dân chúng Mỹ sợ sệt, ngại ngùng trong việc di chuyển bằng đường hàng không, hoặc mua sắm tại các trung tâm thương mại đông đúc.

Vi trùng Anthrax được chế tạo từ phòng thí nghiệm với mục tiêu xử dụng trong chiến tranh vi trùng nếu xẩy ra thế chiến thứ ba. Trước đây Mỹ chế tạo bom loại này, nhưng vì đã ký kết với các cường quốc hủy bỏ loại vũ khí vi trùng nên nay không chế tạo nữa. Chỉ còn Iraq vẫn bí mật sản xuất.

Triệu chứng nhiễm trùng và cách chữa trị

Trong nhiều ngàn trường hợp thử nghiệm vì nghi ngờ nhiễm trùng Anthrax, chỉ có một số ít (trên dưới 17 người) nhiễm độc và cho tới nay chỉ có năm người thiệt mạng, nhưng dân chúng Hoa Kỳ vẫn lo âu, và nhà cầm quyền đang tìm mọi biện pháp ngăn ngừa một cuộc nhiễm độc tập thể một số lớn dân chúng do quân khủng bố dùng máy bay rải trong không khí hoặc thả nơi nguồn nước uống. Triệu chứng do vi trùng Anthrax gây ra giống như bị cảm cúm, gồm nóng lạnh, đau nhức thân thể, ho, nôn mửa v.v.

Để tránh bị nhiễm độc, cần kiểm soát thư từ nhận được, nếu thấy tên người gửi không quen biết, hoặc phong bì có bột trắng, hoặc có hình thù hay mùi vị khác lạ, nên báo ngay cho Bưu Điện hay Cảnh Sát.

Nếu nghi ngờ bị nhiễm độc, đến gặp bác sĩ. Trường hợp biết sớm, có thể chữa trị được. Hiện nay nhà cầm quyền đã dự trữ sẵn thuốc chủng ngừa và chữa trị đủ cho hai triệu người.

Cháy thành vạ lây

Kẻ khủng bố nhắm vào các nhân vật đầu não của quốc gia, nhưng người bị thiệt mạng lại là các nhân viên Bưu Điện vô can. Tính đến nay, chỉ có bốn bì thư chứa vi trùng anthrax gửi qua đường bưu điện, nhưng đã gây kinh hoàng cho đời sống người dân nước Mỹ. Có chừng nhiều ngàn vụ báo động giả vì những kẻ cắc cớ lấy bột trắng bỏ vào bì thư hoặc rải tại nơi công cộng (sở làm, công viên) phá chơi. Cho đến nay, chỉ có 17 người trong ngành bưu điện bị nhiễm độc trong đó bốn người thiệt mạng.

Trường hợp thứ năm thật hi hữu và bí ẩn là trường hợp của bà Kathy Nguyễn.

Bà Nguyễn 61 tuổi, tỵ nạn tại Hoa Kỳ năm 1975. Bà có chồng nhưng đã li dị. Bà có một người con trai nhưng anh này tử nạn trong một tai nạn xe cộ khoảng sáu năm về trước. Bà Nguyễn sống một mình tại một apartment khiêm tốn trong khu vực Bronx, thành phố New York. Bà hầu như không có thân nhân, bạn bè đến thăm viếng. Hàng ngày bà dùng xe điện công cộng (subway) đi làm tại phòng tiếp liệu của Bệnh Viện Mắt Tai Mũi Họng Manhattan ở New York. Mỗi chủ nhật bà đi lễ tại nhà thờ, mua chút ít thực phẩm tại siêu thị gần nhà, đôi khi gặp hàng xóm chỉ chào hỏi qua loa.

Ngày 25 tháng 10, bà Nguyễn đến sở làm như thường lệ. Bạn cùng sở nghe bà than là bị cúm. Ngày hôm sau bà vẫn đi làm dù triệu chứng cúm có bộ tệ hại hơn. Chủ nhật 26 tháng 10, bà Nguyễn ốm nặng, phải nhờ chủ nhà chở đến phòng cấp cứu bệnh viện Lenox Hill. Thứ tư 31 tháng 10, bà Nguyễn từ trần vì nhiễm trùng anthrax.

Cái chết của bà Nguyễn đã khiến chính quyền báo động, vì bà Nguyễn không phải là nhân viên bưu điện hay có nhiệm vụ lọc thư tại sở làm. Thử nghiệm tại nhà cũng như tại sở bà làm đều không có sự hiện diện của vi trùng anthrax. Như vậy là bà Nguyễn nhiễm trùng từ đâu? Hay là quân khủng bố đã rải vi trùng trong không khí hay trong đường hầm xe điện tại New York. Nhân viên FBI điên đầu. Chẳng lẽ một cuộc tàn sát tập thể dân chúng bằng vũ khí vi trùng đang hình thành? May sao mấy ngày liên tiếp không có thêm nạn nhân nào bị bệnh nên chính quyền Mỹ hơi yên tâm, nhưng họ cũng thú nhận rằng cho đến nay vẫn chưa tìm ra manh mối kẻ gửi thư anthrax.

Nhà cầm quyền cố gắng dựng lại chi tiết hoạt động trong những ngày cuối cùng của đời bà Nguyễn để truy tìm trường hợp nhiễm độc của bà. Cho đến lúc lâm chung, chắc bà Nguyễn không mảy may nghĩ mình là nạn nhân của quân khủng bố anthrax. Sau thánh lễ tại nhà thờ, chiếc quan tài phủ cờ vàng ba sọc đỏ đã được các thân hữu Việt Mỹ tiễn đưa bà Nguyễn đến nơi an nghỉ cuối cùng./.

HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH

(Đề cương)

LỮ PHƯƠNG

Hồ Chí Minh là một nhân vật quan trọng trong phong trào cộng sản quốc tế và giải phóng dân tộc thuộc thế kỷ 20. Ông đã lập ra Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức cuộc chiến đấu bền bỉ chống lại các thế lực thực dân hiện đại, đã hoàn thành độc lập thống nhất, tạo cơ sở quyền lực để thiết lập chế độ gọi là "chủ nghĩa xã hội hiện thực" ở Việt Nam. Đã có khá nhiều ý kiến nhận định, đánh giá sự nghiệp của ông theo nhiều quan điểm khác nhau trên thế giới. Nhưng ở Việt Nam, trong chế độ cộng sản, từ một nhân vật lịch sử ông đã trở thành một nhân vật huyền thoại có tác dụng huyễn hoặc rất đặc biệt.

Theo những người nghiên cứu vềViệt Nam, hiện tượng này có ba nguồn gốc:

1) tự ông cố ý tạo ra để lôi kéo quần chúng,

2) Đảng cộng sản đã dầy công làm cho ông thành một biểu tượng thờ phụng của chế độ,

3) người Việt Nam hy vọng vào ông như một người cứu độ, giúp họ thực hiện được những mong mỏi nghìn đời của đất nước và bản thân.

Nếu huyền thoại Hồ Chí Minh đã cho Đảng cộng sản uy tín hầu như quyết định để chiến thắng trong chiến tranh, thì do những thất bại của Đảng cộng sản trong xây dựng hoà bình mà huyền thoại Hồ Chí Minh từ từ rạn vỡ trong nhân dân và cả trong Đảng. Một cái nhìn công bằng là một cái nhìn hiện thực về nhân vật lịch sử này.

VẼ RỒNG THẤY ĐẦU KHÔNG THẤY ĐUÔI

Do phải giữ kín tung tích trong hoạt động bí mật, lý lịch của Hồ Chí Minh cũng là một bí mật. Sau cách mạng 1945, nhiều người còn chưa biết ông là ai. Nhiều đoạn đời của ông có một thời bị nhiều nhà viết tiểu sử ông để trống (như sau vụ thất bại của Xô viết Nghệ tĩnh 1931 đi đâu không biết cho đến năm 1941 mới xuất hiện lại và về nước). Phần ông, ông lại không chịu viết hồi ký hoặc chính thức công bố đầy đủ lý lịch của mình. Nếu có viết thì ông lại không ký tên thật. Với bút danh Trần Dân Tiên trong Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch, hình ảnh mà ông tự giới thiệu chỉ là một người cách mạng rày đây mai đó, không có cuộc sống riêng tư. Nhưng đó cũng chính là ý muốn của ông. Trong cuốn sách nhỏ này ông có khen ngợi tài của người hoạ sĩ Trung hoa vẽ rồng và cho rằng vẽ rồng giỏi là chỉ cho người xem trông thấy đầu còn đuôi thì dùng những cụm mây che khuất đi. Thủ thuật ấy rõ ràng ông đã sử dụng để tự hoạ. Cái cốt cách thanh thoát mờ ảo ấy thật ra cũng đã toát ra từ chính con người của ông: với khuôn mặt xương xương, dáng người gầy, mới 50 tuổi đã để râu dài, ông có vẻ xuất thế hơn rất nhiều so với một số lãnh tụ cộng sản châu Á khác - như Mao Trạch Đông chẳng hạn.

Hình ảnh xuất hiện chính thức của ông trước công chúng do vậy ngoài một lãnh tụ cộng sản tầm cỡ quốc tế tài ba, còn là một hiền triết phương Đông. Nhưng đối với ông, không phải chỉ có như vậy. Trong thời chống Pháp, có một dạo, mấy chữ "cha già dân tộc" đã được bộ máy tuyên truyền Việt Minh dùng để tôn vinh ông khá ồn ào (như câu hát: "thi đua thi đua cha già nhấn tin về..."). Thật sự thì hình ảnh này đã được chính ông sử dụng để tự đề cao trong *Những mẩu chuyện về đời Hồ Chủ Tịch* do chính ông viết ("Nhân dân gọi Chủ tịch là Cha già của dân tộc, vì Hồ Chủ tịch là người con trung thành nhất của Tổ quốc Việt Nam"). Về sau có lẽ vì thấy hơi quá lố, hình ảnh ấy không còn được nhắc lại, mấy chữ "Bác Hồ" được thay vào và giữ mãi cho đến khi ông mất.

Trong tiếng Việt, chữ "bác" chỉ vai người anh của cha, dùng để xưng với các cháu thiếu nhi thì thích hợp. Nhưng sau này, nó lại trở thành phổ biến để mọi người gọi theo. Theo nhiều người gần gũi ông cho biết thì điều đó cũng do ông chỉ đạo: ai mới gặp ông mà gọi ông bằng là "anh" hoặc "đồng chí" thì bị ông chỉnh lại ngay (tôi nghe

nói trong những ngươi bị ông chỉnh có Trần Văn Giàu và nhà văn Nguyễn Huy Tưởng).

Cung cách ứng xử của ông thường được coi như tấm gương để toàn Đảng, toàn dân học tập, trong đó tác phong giản dị, cần kiệm, thân dân (lo chuyện tương cà mắm muối cho dân) thường được đề cao nhiều nhất. Năm 1968, sau khi vào chiến khu, suốt 7 năm ở R, năm nào đến 19 tháng 5 (người ta cho là sinh nhật của ông), trong các buổi lễ kỷ niệm tôi đều được nghe không biết bao lần những câu chuyện như vầy:

- Chuyện đôi giép râu.

Bác Hồ đi giép râu thì ai cũng biết. Bác đi một đôi giép đến mòn lẳn. Cậu bảo vệ đề nghị Bác thay nhiều lần nhưng Bác nhất định không chịu. Cuối cùng nài nỉ mãi không được, cậu đã phải lén lấy đôi giép ấy đi đổi. Khi phát hiện, Bác không vừa lòng và nhất quyết bắt cậu bảo vệ đi lấy lại đôi giép cũ.

- Chuyện lá giong gói bánh chưng của dân Hà nội.

Mỗi năm khi gần Tết, mặc dầu "bận trăm công ngàn việc", Bác vẫn điện thoại hỏi đồng chí Trần Duy Hưng, bấy giờ là chủ tịch thành phố Hà nội, xem có lo đủ lá giong để gói bánh chưng cho dân chưa?

Còn nhiều chuyện khác có nội dung tủn mủn, lẩm cẩm và "bao cấp" như vậy. Chưa kể đến những bài nhạc, bài thơ - nơi không cần phải mô tả những chi tiết - người ta đã tha hồ dùng sự bay bổng của phạm trù mỹ học gọi là sự cao quý để đưa ông lên chín tầng mây! Từ một người anh hùng giải phóng dân tộc, ông trở thành một ông tiên trong các truyện thiếu nhi, một nguồn cảm hứng vô tận để hình thành những bài tụng ca, và hơn nữa, còn là hình tượng của người đi cứu độ chúng sinh nữa. Sau 1975, tôi thấy người ta đã dựng bàn thờ của ông ngay giữa bùng binh Sài gòn, khói hương nghi ngút. Ngày nay nhiều nơi vẫn còn giữ thói quen này, không phải chỉ với riêng ông (nhiều liệt sĩ cộng sản đã thành thần trong các miễu, các đền).

Cuộc sống riêng tư

Chuyện tình ái, vợ con của ông là điều được dư luận quan tâm, nhưng sách báo của Đảng thường né tránh. Cả một đời vì nước vì non thì màng chi đến những hệ luỵ nhân gian ấy! Nhưng điều này hoàn toàn không đúng ngay cả đối với ông: có lần ông đã cho rằng sai lầm lớn nhất đời ông là không lấy vợ! Nói chơi thôi nhưng thật sự trong thực tế, đã có nhiều chuyện kể cho biết ông có rất nhiều nhân tình ở khắp nơi, từ Pháp, Nga, Trung quốc...

Bà Kim Hạnh lúc làm tổng biên tập báo *Tuổi trẻ*, vì đăng ở trang nhất tin nói về bài thơ của ông (bí danh Lý Thuỵ khi từ Liên xô ông sang Trung quốc khoảng 1925) gửi người vợ Tàu mà bị cách chức và đuổi khỏi làng báo. Một nhà nghiên cứu Mỹ, khi truy tầm hồ sơ mật của Đệ tam quốc tế lưu trữ tại Moscou sau khi Liên xô sụp đổ, đã tìm thấy tài liệu cho biết khi đi dự một Đại hội Quốc tế cộng sản ở Nga, ông đã khai có vợ và người ấy chính là đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai chứ không phải là ai khác!

Trong nước chuyện tình của ông nhiều hơn và cũng nhiều tính chất bi thảm hơn. Dư luận Hà nội râm ran từ lâu chuyện ông ăn ở với một cô tên Xuân, cô này do mật vụ Trần Quốc Hoàn đưa về để phục vụ ông nhưng sau cho người giết đi để bịt tung tích, có đứa con trai được Vũ Kỳ, thư ký riêng của ông đem về nuôi. Gần đây nhân Đại hội 9 của Đảng (tháng 4 năm 2001), các hãng thông tấn phương Tây đã nói đến khá nhiều chuyện năm 1941, khi về nước, ông đã quan hệ với một nữ cần vụ người dân tộc và sinh ra Nông Đức Mạnh, mới được bầu làm Tổng bí thư Đảng.

Những chuyện tình nói trên, hư thực ra sao chưa được chứng minh thật thuyết phục, nhưng xét về mặt đạo đức cá nhân thật ra chẳng có gì quan trọng lắm: các lãnh tụ cộng sản cũng là những con người, vợ con, này nọ đủ cả, một số lại rất hoang toàng trong cái khoản mục này! Giả sử Hồ Chí Minh có như vậy đi nữa thì công lao chống thực dân của ông chẳng hề bị suy suyển. Nhưng do Đảng cộng sản Việt Nam không chỉ muốn dừng lại với cái công lao ấy mà còn vượt lên thời gian tồn tại muôn năm, nên hình ảnh của Hồ Chí Minh phải được tô vẽ sao cho thật lý tưởng, thật phi thường.

Và đó cũng chính là chính sách tạo thần tượng của guồng máy. Người ta có thể vẫn sống một cuộc sống bình thường, nhưng khi Đảng cần thì cái bình thường sẽ được thay vào bằng những việc làm, những sự tích thần thánh. Anh là người có tính Đảng cao thì anh phải biết tuân phục: cứ việc sống bình thường nhưng phải biết cố gắng đóng cho tròn cái vở kịch được tạo ra cho mình. Chỉ vì lợi ích cách mạng thôi. Càng có nhiều tấm gương phi thường để những người bình thường noi gương hy sinh thì sự nghiệp của Đảng mới huy hoàng: cờ Đảng chẳng đỏ rực màu máu hay sao? Chính

vì đã dựa trên cái lý lẽ về chủ nghĩa anh hùng cách mạng đó mà Đảng đã tạo ra khá nhiều những truyền thuyết trong tất cả mọi lĩnh vực từ bộ đội, tình báo đến nhà báo, nhà sư.... Hồ Chí Minh cũng chỉ là một huyền thoại trong những huyền thoại do Đảng tạo ra, nhưng là huyền thoại của những huyền thoại cho nên phương pháp tạo dựng cũng phải hết sức đặc biệt.

Không biết có khi nào suy ngẫm lại những cái đã qua, ông cảm thấy những bất ổn trong những vở kịch do mình tạo ra hay không, nhưng từ bên ngoài, nhiều người đã thấy khá nhiều những bực bội, buồn phiền gây ra cho ông bởi chính cái đám âm binh cách mạng của ông. Có nhiều chuyện không vui vẻ lắm, nhưng chuyện ông bị cho ra rìa suốt trong quãng đời còn lại trước khi ông mất là đáng chú ý nhất. Sau cải cách ruộng đất năm 1956 ở miền Bắc, do nhập từ Trung quốc, quá thất đức và sai lầm, ông đưa Võ Nguyên Giáp, uy tín như cồn sau Điện Biên Phủ, ra thay mặt Đảng xin lỗi nhân dân, sau đó định sẽ lên thế chỗ Trương Chinh làm tổng bí thư. Lúc bấy giờ ở Liên xô, Krushchev đang thắng thế với đường lối hoà bình, trong Đảng Việt Nam cũng có xu hướng ấy. Nhưng tình hình Việt Nam lại không thuận lợi để phát triển. Do cường độ cuộc chiến tranh ở miền Nam đã lên cao, đường lối quyết liệt dùng bạo lực để giải quyết chiến tranh thắng thế đã đưa cánh Lê-Duẩn-Lê Đức Thọ lên nắm quyền.

Về Võ Nguyên Giáp thì kết quả ai cũng nhìn thấy: bị quy là kẻ cầm đầu chủ nghĩa xét lại và bị trù dập suốt một thời gian dài, đến khi Lê Duẩn chết mới thôi. Còn về Hồ Chí Minh thì dường như chẳng có gì, nhưng thật sự cũng đã chịu số phận chung với tướng Giáp. Bên ngoài thì vẫn đi đây đi đó, chỉ đạo việc này việc kia... nhưng bên trong đã dần dà bị cô lập, chỉ giữ vai trò của một ngọn cờ tượng trưng, không có ảnh hưởng gì lắm tới những quyết định lớn. Theo một bài viết của Vũ Kỳ (đăng trên một số báo Văn nghệ Xuân cách đây vài năm), công lao của Hồ Chí Minh trong cuộc "tổng tấn công và nổi dậy" 1968, vẻn vẹn chỉ có bài thơ "Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua, Thắng lợi tin vui khắp mọi nhà..." Sau khi ghi âm bài thơ này thì ông được đưa đi... nghỉ. Vũ Kỳ thuật rằng ông Hồ chỉ biết ngày giờ cuộc "Tổng tấn công và nổi dậy" nổ ra qua Đài phát thanh nghe được ở nơi ông được gửi đi nghỉ là Bắc Kinh - cùng với giọng đọc của ông, ra rả suốt ngày về bài văn vần nói trên. Nhiều người đã nói đến nhiều khuynh hướng đối nghịch nhau trong Đảng cộng sản Việt Nam thời chiến tranh; nhưng qua câu chuyện trên, ta thấy có hai xu hướng chính trong suốt một thời gian dài: Lê Duẩn-Lê Đức Thọ đối đầu với Hồ Chí Minh- Võ Nguyên Giáp.

Dù sao chế độ vẫn cần sự thiêng liêng của ông để tạo ra sự thiêng liêng cho chính mình nên cái chết của ông cũng đã được cánh Lê Duẩn/Lê Đức Thọ khai thác triệt để để "xài" một cách thoải mái. Ngày chết của ông là 2-9 vì trùng với ngày quốc khánh nên người ta dời lại 3-9-1969. Trong di chúc cuối cùng, ông muốn được hoả táng và đem tro rải xuống biển hoặc chôn vào một vùng đất nào đó, người ta lại bỏ không biết bao nhiêu tiền bạc ra ướp xác và xây lăng nghìn đời cho ông.

NHỮNG CHỌN LỰA CHÍNH TRỊ

Con người của Hồ Chí Minh được thần thánh hoá chỉ nhằm mục đích thần thánh hoá những lựa chọn chính trị của ông cho Đảng cộng sản. Những chủ đề sau đây đã trở thành kinh điển trong các khoá giảng dạy về tư tưởng của chế độ: từ thuở ấu thơ, Hồ Chí Minh đã ưu tư về tình trạng nô lệ của dân tộc, vì thế đã quyết định bỏ xứ ra đi tìm đường cứu nước; chu du khắp thế giới để tìm hiểu và so sánh, cuối cùng ông đã nhận ra chủ nghĩa Mác-Lênin thần kỳ, không những giúp dân tộc giành được độc lập mà còn mở đường đi vào cõi hạnh phúc muôn đời; Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị duy nhất thực hiện được cái tất yếu ấy của lịch sử cho nên quyền lãnh đạo của Đảng đối dân tộc sẽ là vĩnh viễn và tuyệt đối.

Qua sự kiểm nghiệm của lịch sử hơn nửa thế kỷ đã qua, người ta thấy những xác tín trên đây nếu đúng một phần nhỏ thì sự cường điệu và phóng đại lại là quá nhiều.

Thí dụ: việc tìm đường cứu nước.

Có lẽ không cần tranh luận về cái giả định khởi đầu này: Hồ Chí Minh là một trong rất nhiều những thanh niên yêu nước vào lúc bấy giờ. Nhưng từ đó cho rằng vì yêu nước mà ngay từ đầu đã có ý định phải ra nước ngoài để tìm giải pháp cứu nước thì điều này không nhất thiết phải là tất yếu. Một người Pháp nghiên cứu về Việt Nam là D. Hémery có tìm ra được một tờ đơn của Hồ Chí Minh đề ngày 15-9-1911 ở Marseille - ký là Paul Tất Thành - gửi chính phủ Pháp xin vào học trường Ecole coloniale (một loại trường tạo công chức cho các thuộc địa) và đã bị từ chối. Nhà sử học này cũng tìm ra một số thư của ông -

cũng ký là Paul Tất Thành - nhiều lần gửi về nước nhờ Khâm sứ Trung kỳ hỏi thăm tin tức và chuyển tiền cho cha. Từ những tài liệu này - Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh (Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1993) có ghi lại phát hiện của Hémery - người ta có thể bàn luận nhiều chuyện, nhưng để đừng đi quá xa chúng ta chỉ cần ghi nhận điều hiển nhiên sau đây: ý định "cứu nước" của Hồ Chí Minh chưa chắc đã có ngay từ lúc bỏ nước ra đi, ý định ấy có thể đã đến sau những dự tính khác không thành (thí dụ không được chấp nhận vào học tại Ecole coloniale). Giả thiết này chẳng hề hạ thấp tình cảm yêu nước của ông, nhưng tất nhiên, như vậy thì sẽ rất khó để tạo ra cái chủ ý lý tưởng hoá cuộc đời ông từ nhỏ cho đến lớn. Làm sao có thể cho là "lý tưởng" cái hiện tượng Hồ Chí Minh tự gọi mình là "Paul Tất Thành", xin đi học làm công chức cho chính quyền thực dân đồng thời nhờ cả chính quyền thực dân ấy chuyển tiền từ nước ngoài về cho cha!

Cái lập luận cho rằng sau khi đã bôn ba khắp nơi để nghiên cứu tìm hiểu, từ đó thấy chủ nghĩa Mác-Lênin tuyệt vời nên Hồ Chí Minh mới chọn - lập luận này cũng tỏ ra rất khó thuyết phục. Việc ông đi đây đó trên thế giới không đủ để chứng minh được rằng ông đã thâu đạt được tất cả những tinh hoa của nhân loại như đã được những người xưng tụng ông giả định. Khác với nhiều lãnh tụ châu Á khác, chẳng hạn như Tôn Dật Tiên, Gandhi, ông không hề có ý định đào sâu kiến thức của mình qua các trường Đại học. Thời gian ông trở lại nước Pháp hơi lâu (1917-1923), nhưng công việc của ông ở đây vẫn đi theo cái chiều hướng nghiêng về phần thực hành, quan hệ tiếp xúc, viết báo, vận động... Các sách ông đọc ở đây chỉ là những loại phổ thông, không có gì chứng tỏ được chiều sâu cần thiết về tư duy để nghiêm chỉnh tiếp thu chủ nghĩa Mác. Tôi đã viết ra nhiều lần nhận xét này, nay không sợ lặp lại để nói thêm một lần nữa.

Những nhà nhà ý thức hệ cộng sản có thể rất tức giận vì nhận xét ấy, nhưng tiếc thay, điều đó lại được chính Hồ Chí Minh nói ra. Ai đã đọc cuốn sách mang tên Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Tịch do chính ông viết (dưới bút danh Trần Dân Tiên) thì sẽ thấy ngay. Xin dẫn một vài đoạn ông kể về Đại hội Tours cuối năm 1920 của Đảng Xã hội Pháp:

"Người ta thảo luận rất sôi nổi (...) *Ông Nguyễn lắng nghe nhưng không hiểu rõ lắm, vì người ta thương nhắc đi nhắc lại những tiếng, những câu: chủ nghĩa tư bản, giai cấp vô sản, bóc lột, chủ nghĩa xã hội, cách mạng, không tưởng, khoa học, Saint-Simon, Fourrier, Marx, chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa cải lương, sản xuất, luận đề,... giải phóng... chủ nghĩa tập thể... chủ nghĩa cộng sản, khách quan, chủ quan v.v...*"

Không hiểu rõ lắm, nhưng đến lúc biểu quyết, gia nhập Đệ tam hoặc ở lại Đệ nhị Quốc tế thì ông vẫn bỏ phiếu cho Đệ tam Quốc tế.

"Rất ngạc nhiên, Rô-dơ, làm tốc ký của Đại hội hỏi ông Nguyễn: "Đồng chí! Bây giờ đồng chí hiểu tại sao ở Pa-ri, chúng tôi đã bàn cãi nhiều như thế rồi chứ?"

- Không, chưa thật hiểu đâu

- Thế thì sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Đệ tam quốc tế?

- Rất đơn giản. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác.Nhưng tôi hiểu rõ một điều Đệ tam Quốc tế rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa. Đệ tam quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn Đệ nhị quốc tế không hề nhắc đến vận mạng các thuộc địa. Vì vậy tôi đã bỏ phiếu tán thành Đệ tam Quốc tế. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu. Đồng chí đồng ý với tôi chứ?!".

Rô-dơ đồng ý, chị cười và nói:"Đồng chí đã tiến bộ".

Những đoạn trích dẫn trên đây đã cho chúng ta biết mấy điều quan trọng như sau:

- Hồ Chí Minh chưa biết gì về chủ nghĩa Mác với tư cách là một học thuyết triết học-chính trị. Những khái niệm rất tầm thường trong báo chí có khuynh hướng thiên tả như đấu tranh giai cấp, bóc lột, sản xuất... ông còn chưa hiểu rõ, nói gì đến những tư biện về lao động tha hoá, giá trị thặng dư, sứ mệnh giải phóng của giai cấp vô sản...?

- Đối với chủ nghĩa Lênin ông có biết đến nhưng lại rất hời hợt. Ông chưa đọc gì về Lênin, ngoại trừ bài "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" đăng trên tờ L'Humanité tháng 7 năm 1920 trước Đại hội Tours vài tháng. Có đọc nhưng thật sự ông cũng chẳng hiểu bao nhiêu, ngay cả các khái niệm căn bản.

- Ông chọn lựa đi theo Lênin hoàn toàn chỉ vì, qua Đệ Tam Quốc tế, Lênin hứa "giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập". Đó

là một chọn lựa hoàn toàn cảm tính, vội vàng, phiến diện: chủ nghĩa Lênin là một học thuyết toàn diện về cáh mạng vô sản ở những nước chưa có chủ nghĩa tư bản phát triển, trong đó vấn đề giải phóng các thuộc địa chỉ là một bộ phận.

Với những thiếu sót trầm trọng như vậy, làm sao có thể gọi được là nghiêm chỉnh thái độ chọn lựa nói trên của ông?

Tất nhiên không thể không xét đến chuyện về sau, cùng với thời gian hoạt động, ông đã tiếp cận lý luận cách mạng ngày càng nhiều hơn.

- Mục tiêu xây dựng một xã hội mác xít có nền kinh tế phát triển cho một xã hội công bằng và tư do là hoàn toàn ảo tưởng. Các nước lấy Liên xô làm mô hình đều dẫm chân trong lạc hậu nghèo nàn, còn thể chế chính trị thì chỉ là sự nối dài của chế độ phong kiến, độc tài. Là vũ khí hiệu nghiệm trong lật đổ và cướp chính quyền nhưng bất lực trong phát triển.

Sự lựa chọn đường đi của Hồ Chí Minh cho Việt Nam vì vậy là chọn lựa bất toàn: nó có thể giành được độc lập cho dân tộc qua các hình thức

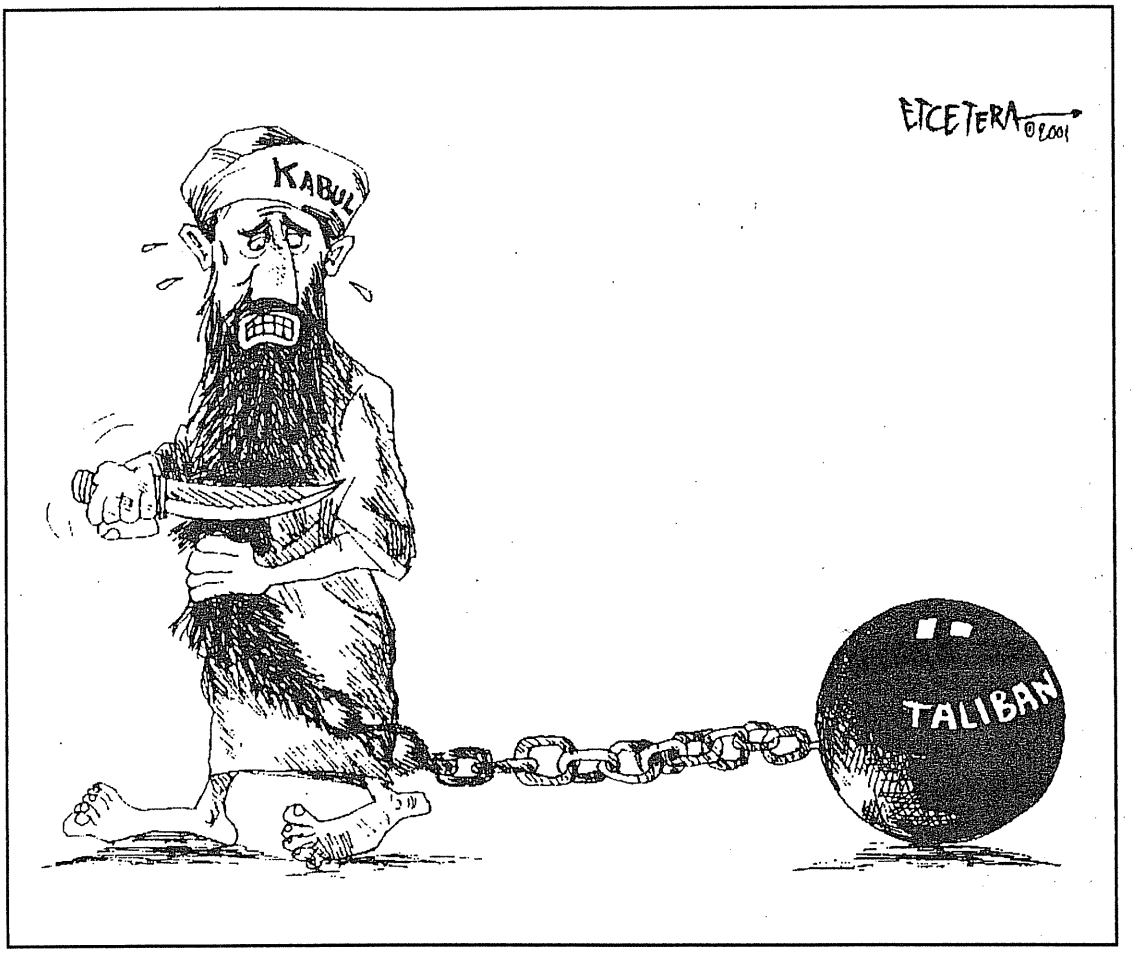

Nhưng dù vậy đi nữa thì cũng không vì thế mà coi sự chọn lựa ấy là tuyệt đối đúng, phải trung thành để chuyển giao cho các thế hệ mai sau. Có rất nhiều lý do:

- Sau khi Lênin mất, "chủ nghĩa Mác-Lênin" đã dần dà bị Stalin hoá. Cách mạng vô sản ở những nước tư bản phát triển thoái trào, "chủ nghĩa xã hội" ở Liên xô thực chất là chủ nghĩa tư bản nhà nước, chủ nghĩa vô sản quốc tế chỉ là cái bình phong bảo vệ Liên xô và sự bành trường của chủ nghĩa dân tộc xô viết.

đấu tranh bạo lực, nhất là chiến tranh, nhưng đã thất bại toàn diện trong xây dựng hoà bình. Điều này đã được chứng thực rất hiển nhiên qua hơn nửa thế kỷ thực hành. Không thể coi đó là "cái cẩm nang thần kỳ" để đưa nhân dân đến cõi hạnh phúc nghìn năm. Cũng không thể nói bừa rằng ta phải đi theo con đường xã hội chủ nghĩa vì "nhân dân ta đã chọn". Nhân dân ta chẳng biết gì về chủ nghĩa này chủ nghĩa nọ để chọn. Rất nhiều người chỉ đặt lòng tin vào Bác Hồ nhưng sự chọn lựa của Bác Hồ lại chẳng có gì gọi được là khuôn

vàng thước ngọc cả.

Nhìn lại mọi việc đã xảy một cách bình tâm, chúng ta thấy sự chọn lựa của Hồ Chí Minh đã bị quy định bởi cái tạng văn hoá sau đây của ông:

- Hồ Chí Minh là một người rất thực tế. Thúc đẩy bởi vấn đề bức xúc của đất nước là độc lập, ông nhận thấy sự hứa hẹn của Đệ Tam quốc tế là rõ rệt và rất triệt để, khác hẳn với những thế lực khác (Mỹ, Nhật), nên đã chấp nhận. Đối với ông chủ nghĩa Lênin thực tế lúc bấy giờ đồng nghĩa với giải phóng dân tộc là vấn đề quan trọng nhất của Việt Nam. Cái tạng thực tế ấy sau này đã biểu hiện trong việc lãnh đạo của ông đối với mọi công việc: nói năng, hành động, bao giờ cũng cố tránh những cái cao xa, trừu tượng.

- Ông cũng lại là một người nhiều tình cảm và lý tưởng. Đọc Lênin, thây gãi đúng ưu tư của mình, ông đã khóc lên vì vui sướng và tin ngay. Sau này tìm hiểu thêm thấy chủ nghĩa cộng sản hứa hẹn chấm dứt những khốn khổ của những người lao động bị áp bức ông càng tin hơn. Khát vọng độc lập cho dân tộc của ông cũng gắn liền với mong mỏi đấu tranh cho một xã hội công bằng, nhân đạo. Cũng chính vì vậy mà óc thực tế của ông không trở thành óc thực dụng tầm thường. Ông chọn Lênin vì con đường giải phóng đất nước mà còn vì nhu cầu có một người thầy, người cha tinh thần theo kiểu phương Đông để thờ phụng, tôn kính

Tất cả những những thuộc tính trên đây đều đã biểu hiện trong sự chọn lựa nói trên với những ưu và những nhược điểm của nó. Những người thần phục ông chỉ nói đến những cái ưu nhưng không hề dám nói đến những cái nhược quan trọng của ông sau đây: 1) quá vội vàng, không suy xét cẩn thận, cái trí không theo kịp cái tâm 2) trung thành mù quáng với sự chọn lựa ban đầu, không học được tinh thần phản tỉnh để can đảm nhìn lại toàn diện con đường đã đi.

Những cái ưu của ông đã bộc lộ trong thời hoạt động bí mật, khi còn phải sống trong dân và phải nhờ dân che chở. Tính chất trong sạch lý tưởng, biết hy sinh vì nghĩa lớn của những người cộng sản theo con đường của ông hoàn toàn không phải chỉ là chuyện tuyên truyền. Cũng nhờ thái độ ấy mà Đảng đã được đa số nông dân ủng hộ, góp sinh mạng và tài sản cho cuộc tranh đấu chung. Việc chiến thắng nhiều đế quốc hùng mạnh đã từng đến thống trị Việt Nam không đơn thuần chỉ là vấn đề thủ đoạn, chiến thuật. Trên nhiều mặt, Đảng cộng sản hơn hẳn những lực lượng chính trị yêu nước khác. Trong thời kỳ bị lệ thuộc, người dân có nhìn vào ông như kẻ "cứu độ" thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

Những nhược điểm của sự chọn lựa của ông đã bộc lộ thật rõ rệt trong thời xây dựng hoà bình. Đấu tố, cải cách: phá hoại đến tận nền tảng đạo lý dân tộc. Hợp tác hoá: phản bội nông dân về ruộng đất. Chỉnh huấn: bơm máu đen vào cơ thể Đảng. Trấn áp, chà đạp trí thức văn nghệ sĩ: phản bội lời hứa về tự do văn hoá. Khoác lác về cái gọi là "dân chủ gấp triệu lần", nhưng lại đè đầu cưỡi cổ nhân dân một cách rất tự nhiên như những cường hào. Làm mất hoàn toàn động lực về phát triển kinh tế qua chủ trương nhà nước hoá toàn bộ hoạt động sản xuất. Nói chung: giam hãm dân tộc trong cái ao tù chuyền quyền độc đoán, lạc hậu nghèo nàn.

Những sai lầm trên đây không phải là những "tồn tại" hoặc những "khuyết điểm" như Đảng đã giải thích. Chúng nằm ngay trong sự chọn lựa của Hồ Chí Minh - hợp nhất quá vội vàng giữa hai vấn đề hoàn toàn khác nhau về bản chất: giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội. Chân giép lốp mà đi vào vũ trụ. Một bên là giép lốp, một bên là vũ trụ; với giép lốp thì không thể đi vào vũ trụ được, nhưng ta cứ "thừa thắng xốc tới", vì vậy mà bao nhiêu điều tàn tệ đã xảy ra. Cái ý thức hệ mácxit-lêninít mà Hồ Chí Minh ghép vào chủ nghĩa dân tộc của ông ("từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội") đã bộc lộ hết thực chất không tưởng và bất lực của nó. Trung thành mù quáng, căn cứ vào đó buộc thực tế phải uốn theo, Đảng cộng sản Việt Nam đã biến sự chọn lựa của Hồ Chí Minh thành vật cản đường cho sự phát triển tự nhiên của đất nước.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Sự thất bại của mô hình lêninít về phát triển cho những nước nghèo nàn, lạc hậu là quá rõ ràng. Do sự thúc ép của hàng loạt những nhân tố trong và ngoài nước, nhất là sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, Đảng cộng sản Việt Nam phải chấp nhận điều chỉnh đường đi, chuyển nền kinh tế "bao cấp, mệnh lệnh" hẳn sang kinh tế thị trường, mở cửa làm ăn với thê giới tư bản. Khái niệm "tư tưởng Hồ Chí Minh" đã ra đời trong tình hình đó như một thích ứng.

Nhưng xét kỹ thì đây không phải là sáng kiến hay ho gì lắm. Hồi Hồ Chí Minh còn sống, ông đã trả lời nhiều người rằng ông không có tư tưởng gì cả. Nếu có một người xứng đáng ở Á châu này

thì đó chính là Mao trạch Đông (chính vì vậy mà Điều lệ Đảng Đại hội II đã ghi: chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao trạch Đông, phong cách Hồ Chí Minh). Đối với ông, khi chọn chủ nghĩa Lênin rồi, đó đã là tất cả, là cái "cẩm nang thần kỳ" có thể giải quyết được mọi chuyện trên đời, chẳng cần phải nhọc công tìm kiếm làm gì nữa. Nói do ông khiêm tốn có lẽ chỉ một phần, chính yếu là do có óc thực tế, ông biết rằng mình không thể nào nắm tóc mình để tự đưa lên cao được. Gán cho ông điều ông không có và không muốn có, những đệ tử của ông chỉ làm cái công việc lợi dụng như họ đã từng bất chấp di chúc của ông khi cho ướp xác và xây lăng cho ông.

Sự lợi dụng đó cũng không phải là đắc sách lắm. Nó chẳng có tác dụng làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin được phát triển hay bổ sung thêm. Đó chỉ là một bước lùi ý thức hệ đi cùng với bước lùi về kinh tế, hoàn toàn chỉ có ý nghĩa thực dụng: phải tìm cách làm dịu đi những giáo điều đã bị thời gian chứng minh là không tưởng, bất lực, sắt máu mà ai cũng biết như công hữu về tư liệu sản xuất, chủ nghĩa tập thể, đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, quốc tế vô sản v.v... Và trong khi né tránh bớt những khái niệm đã mất giá ấy thì một số thuộc tính khác đã được nhấn mạnh hơn, ồn ào hơn: nào là yêu nước, truyền thống, độc lập, tự chủ, nào là nhân ái, thân dân, hoà hợp... toàn là những sản phẩm phương Đông và nội địa mềm mại, dịu dàng không có gì là ngoại lai, khắc nghiệt cả. Cái thủ đoạn thao tác lý sự ở đây cũng quá rõ ràng: trong hai thành phần được Hồ Chí Minh kết hợp lại trong sự chọn lựa của mình - chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản - thì thành phần thứ nhất đã được đưa lên hàng chính diện để làm lu mờ bớt thành phần thứ hai đi.

Những người có ý hướng cải cách trong Đảng đã nhận ra thủ đoạn này. Họ đã chỉ ra được cái mưu tính thực sự của những nhà ý thức hệ chính thống: miệng nói Hồ Chí Minh nhưng hành động vẫn không khác gì Stalin và Mao Trạch Đông, chuyên chế, khắc nghiệt, giả dối, xảo quyệt. Sự chỉ trích không phải là vô căn cứ: Đảng chỉ dùng Hồ Chí Minh như cái bung xung chứ chẳng có thật lòng gì cả. Theo những người cải cách thì thật lòng là phải thay đổi triệt để phương thức lãnh đạo của Đảng: phải từ bỏ đường lối nửa vời, khập khiễng, từ bỏ hẳn chuyên chính vô sản và thực hiện dân chủ cho tương xứng với chính sách mở cửa và kinh tế thị trường. Chỉ với đường lối cải cách triệt để ấy, Đảng mới tạo ra những điều kiện tích cực để khắc phục những ruỗng nát nội tại, thúc đẩy đất nước phát triển nhanh chóng. Cũng theo những người cải cách thì sự thay đổi ấy không nằm ở đâu khác ngoài tư tưởng Hồ Chí Minh đích thực. Trong hình dung của họ, thực chất của Hồ Chí Minh là phi-Stalin và phi-Mao - một Hồ Chí Minh nhân đạo dân chủ!

Dù cho có ủng hộ cải cách, chúng ta thật khó lòng mà tìm được sự khách quan trong cách lập luận trên đây: nếu Hồ Chí Minh đối với những nhà ý thức hệ chính thống chỉ là một hình ảnh giả thì đối với những người cải cách, Hồ Chí Minh cũng không thật là bao nhiêu. Sự khác nhau giữa hai quan điểm chỉ là sự khác nhau về cách khai thác hai khía cạnh trong sự chọn lựa của Hồ Chí Minh: một bên nghiêng về phần quốc tế và vô sản, một bên lại nghiêng về phần quốc nội và dân tộc; một bên nghiêng về phần "chuyên chính vô sản" thì bên kia lại muốn loại bỏ nó. Cả hai đều làm biến dạng đi một Hồ Chí Minh đích thực: một người Việt Nam yêu nước, nhưng cũng là một người Việt Nam yêu nước theo phương thức của Lênin, một người đã có đem lại cho đất nước sự tự chủ và thống nhất nhưng cũng lại là một người đã cho du nhập vào đất nước một học thuyết ngoại lai mà tác hại của nó còn kéo dài cho đến ngày nay chưa gỡ bỏ được.

Có thể cho rằng lập luận của những người cải cách chỉ là một cách trình bày mang tính chất kỹ thuật tranh đấu trong hoàn cảnh không có tự do tư tưởng, và nếu như vậy thì có lẽ sẽ không cần bàn luận thêm. Nhưng nếu trong chúng ta có ai thành thật tin rằng với chủ trương ấy, đất nước sẽ bước vào được một chế độ dân chủ hiểu theo nghĩa hiện đại thì chắc chắn sẽ có không ít người lên tiếng bày tỏ sự nghi ngờ: giả sử như có gạt đi hết tất cả những phần ngoại lai, ảo tưởng của Hồ Chí Minh về con đường tiến lên "chủ nghĩa xã hội" theo kiểu Lênin, thì Hồ Chí Minh vẫn không thể là ngọn cờ dân chủ được.

Ý kiến này thật đáng suy nghĩ. Mặc dù Hồ Chí Minh có nói nhiều đến dân chủ, nhưng quan niệm của ông vẫn rất xa lạ với cái nội dung mà Thời Hiện Đại đã sản sinh ra nó, đặc biệt là cái tính chất giao ước trần tục của sự phân chia và kiểm soát quyền lực, căn cứ vào đó tổ chức và quản lý đời sống công cộng. Ông không biết gì đến tính chất độc lập của xã hội công dân đối với nhà nước, và ông cũng không hiểu tính chất quyết

định làm nên nhà nước hiện đại là nhà nước phi thiên mệnh, nhà nước sinh ra từ pháp luật và tồn tại bằng pháp luật. Quan niệm của ông về mối tương quan giữa nhà nước và nhân dân vẫn là quan niệm của Nho giáo lý tưởng; cái loại nhân dân mà ông yêu mến vẫn chỉ là loại "xích tử" cần phải được dạy dỗ về luật trời và phép nước đồng thời lại phải biết lo cho họ về những chuyện "tương cà mắm muối" để sống trong yên ổn; còn nhà nước theo quan niệm của ông vẫn chỉ là thứ nhà nước của những người hiền, những bậc minh quân kiểu vua Nghiêu vua Thuấn đời xưa. Những gì ông nói về "pháp chế xã hội chủ nghĩa" hoặc "cán bộ là đầy tớ của nhân dân" cũng đều dựa trên cơ sở ấy. Chúng chỉ là những ý định tốt của những đấng, những bậc bề trên.

Sở dĩ ông chọn chủ nghĩa Lênin một cách vội vã và vô điều kiện như ta đã biết có lẽ là do ông đã trực giác được tính chất "bên trên" của cách mạng vô sản lêninít trong việc làm lại nước Nga với những tàn dư nặng nề của thời trung cổ. Là người dân chủ, hiểu rõ học thuyết Mác, nhưng tình thế đã buộc Lênin làm ngược lại tất cả những gì mà Mác đã hình dung ra cho xã hội tương lai: thay vì để cho giai cấp vô sản tự mình trở thành nhà nước như trong Công xã Paris 1871 thì nhà nước xô viết lại phải đảm đương công việc giáo dục và tổ chức lại cái giai cấp vô sản đã tan tác và mất hết tính chất tiền phong sau cách mạng và nội chiến. Dự định khởi đầu là một lãnh tụ dân chủ vô sản vượt xa nền dân chủ tư sản "hàng triệu lần", cuối cùng, Lênin thừa nhận đã phải theo gương của một ông vua của thế kỷ 18 - Pierre Đại Đế - công khai dùng độc tài để chống lại dã man, lạc hậu.

Cảm nhận của Lênin về sự không ăn khớp giữa chủ nghĩa Mác hậu hiện đại và nước Nga tiền hiện đại, Hồ Chí Minh hoàn toàn không hề biết đến, ông chỉ thấy trong những hành động độc tài của Lênin trách nhiệm tự nhiên của những minh quân thời trước, nay được hiện đại hoá qua khái niệm chuyên chính vô sản của Đảng cộng sản: đó là một nền chuyên chế nhân đức và cách mạng, một nền chuyên chính vì nhân dân chứ không phải là cái gì khác. Cái lôgích của vấn đề ở đây vẫn là cái lòng tốt từ trên ban xuống. Muốn được giải phóng, muốn có quyền lực, nhân dân phải hết lòng đi theo Đảng. Đại biểu cho quyền lợi lâu dài của nhân dân, Đảng được phép làm tất cả để tạo dựng nên cuộc đời mới cho họ. Sự chuyên chính của Đảng là sự chuyên chính của đám đông, của chính nghĩa, của khoa học, của chân lý, của cách mạng. Vì vậy phải tập trung quyền lực vào Đảng một cách tuyệt đối và vĩnh viễn, không chia với bất ai, không nhân nhượng với ai một mẩu xác tín nào về chân lý, ai có ý đi ngược lại thì chỉ là những lý lẽ của bọn thù địch với nhân dân cần phải thẳng tay trừng trị.

Với một quan niệm về quyền lực sắt thép như vậy, Lênin đã dọn đường cho Stalin vắt cạn sức lực của người dân để nhanh chóng đưa nước Nga vào con đường công nghiệp hoá, còn Hồ Chí Minh cùng với Đảng cộng sản đã tích tụ được những hy sinh vô hạn của nhân dân để đánh bại nhiều thế lực xâm lược hung hãn, giành lại độc lập thống nhất cho Việt Nam. Nhưng còn về dân chủ, cùng với bao nhiêu thứ khác nữa mà các Đảng cộng sản đã hứa sẽ đem lại cho nhân dân trước đây như bình đẳng, tự do, hạnh phúc v.v... tất cả đều vẫn chỉ là những lời hứa, và tệ hơn nữa, về sau này đã biến thành những lời dối trá đơn thuần. "Chuyên chính vô sản", "chuyên chính nhân dân" bây giờ đã trở thành chuyên chính với giai cấp vô sản, chuyên chính với nhân dân. Hiện tượng suy thoái này, vào cuối đời mình Lênin đã mơ hồ nhận ra như một bi kịch, nhưng ở Hồ Chí Minh, mọi việc dường như đã êm xuôi như ván đã đóng thuyền, cứ thế lướt sóng mà đi, từ bây giờ cho đến cả muôn đời con cháu mai sau!

BÀI HỌC CỦA NGƯỜI ANH HÙNG

Gần một thế kỷ đã qua, cùng với những biến chuyển lớn lao trên thế giới và đất nước, hình ảnh Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam đã không còn như xưa nữa. Tính chất lý tưởng, cao vời mà Đảng cộng sản đã cố sức tô vẽ cho một Hồ Chí Minh thần thánh đã không chống đỡ nổi cho những sự việc tầm thường, sai lầm của một Hồ Chí Minh thực tế: càng cố thần thánh hoá ông bao nhiêu lại càng gây ra tác dụng ngược lại bấy nhiêu. Thoả đáng nhất là nhìn ông với những gì ông có, một cách hiện thực.

Mặc dù tên tuổi của Hồ Chí Minh gắn liền với những gì làm nên cái gọi là "Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam" ngày nay, thiết nghĩ không nên đồng hoá tên ông với toàn bộ chế độ. Thế giới đã có những kinh nghiệm tương tự. K. Marx không phải là không có liên quan đến cái thực thể gọi là "chủ nghĩa xã hội" ở Liên xô, nhưng đổ mọi sai lầm của Liên xô lên đầu K. Marx là

hoàn toàn không đúng. Mối quan hệ giữa Lênin và Stalin cũng có những điểm cần phân tích theo chiều hướng đó. Trường hợp Hồ Chí Minh đối với chế độ chính trị hiện tại ở Việt Nam có đặc biệt hơn nhưng cũng cần biết rằng hình ảnh của ông đã bị chế độ tô vẽ bằng mọi cách để huyễn hoặc quần chúng.

Cũng đừng quên rằng những gì làm nên đặc trưng của Hồ Chí Minh là vai trò của ông trong thời kỳ chống ngoại xâm, một giai đoạn lịch sử rất đặc biệt của thế kỷ 20, giai đoạn mà việc đấu tranh giành độc lập không thể tách rời việc chọn lựa một ý thức hệ. Cần chú ý ghi nhận đặc biệt này: trong khi vấn đề độc lập là quá rõ ràng về ý nghĩa thì vấn đề ý thức hệ trong thời hiện đại lại chứa đầy cạm bẫy và phức tạp. Những cái hay cái dở không phải lúc nào cũng hiển hiện ngay từ đầu. Những gì tạm thời chưa được chấp nhận chưa hẳn đã sai, những gì mang đến thắng lợi chưa hẳn đã là đúng. Hơn nữa, sự sai/ đúng cũng không phải lúc nào cũng như nhau: đúng lúc này có thể sai lúc khác; xem tất cả sự sai/ đúng một cách trừu tượng, bất dịch rồi căn cứ vào đó để tâng bốc quá trớn hoặc kết án nghiệt ngã - một lần là xong - là quá đơn giản. Thái độ ấy không thích hợp cho những tiếp cận khách quan về lịch sử.

Nhìn tổng thể về thế kỷ 20, tôi cho rằng Hồ Chí Minh là một anh hùng lớn của Việt Nam trong thời kỳ chống các thế lực thực dân. Những gì mà thế giới biết đến Việt Nam một cách tích cực cho đến nay vẫn là sự kiện Hồ Chí Minh đánh bại các thế lực xâm lược hiện đại, giành được độc lập cho dân tộc. Thiết tưởng dù chính kiến và tình cảm có khác nhau như thế nào đi nữa người ta cũng không thể phủ nhận được tính chất hiển nhiên của các sự kiện ấy. Có thể với nhiều người ở những nơi nào đó, cái chuyện đánh nhau giành độc lập ấy thật sự chẳng có gì quan trọng lắm đối với cuộc sống, nhưng đối với đông đảo những người Việt Nam, từ xưa cho đến nay, điều đó lại là một trong nhiều lý do để sống, không thể coi như không có.

Thời trai trẻ, tôi quý trọng Hồ Chí Minh là do ông đã tô đậm cái tình cảm tự nhiên đó trong tôi để tôi biết trách nhiệm với đất nước. Nhưng cũng chính vì tình cảm và trách nhiệm ấy mà khi tóc đã bạc rồi, tôi không còn có thể mù quáng tin vào ông nữa. Hồ Chí Minh chỉ là một nhân vật của lịch sử, còn đất nước là chuyện của muôn đời: không thể cột chặt vận mệnh đất nước vào sự chọn lựa bất toàn của một con người, dù đó là một anh hùng.

Tốt nhất vẫn là ghi nhận tất cả những chuyện đúng sai của ông một cách bình thản, hy vọng chỉ có như thế mới rút ra được những bài học hữu ích cho những thế hệ đi sau.

Đối với tôi, sự chọn lựa ý thức hệ cho đất nước của Hồ Chí Minh là bài học đáng suy ngẫm hơn cả. Tất cả đều là những ý định tốt đẹp nhưng tất cả đều thiếu cái chiều sâu của sự phản tỉnh triết học. Là sự chọn lựa vội vàng từ đầu và cũng là sự trung thành mù quáng về sau. Lầm lũi đi theo ông, giắt theo mình cái gói hành trang của những ý định tốt đẹp ấy, không biết thường xuyên quay đầu nhìn lại, không có gì bảo đảm để chúng ta không vấp lại những sai lầm của ông - đẩy cái đám đông nhân dân mà mình muốn đưa lên thiên đàng xuống chín tầng địa ngục! Nhất là những ý định tự cho là duy nhất đúng đắn, cần được bảo vệ quyết liệt bằng một định chế quyền lực cũng tự cho là duy nhất đúng đắn.

Tôi nghĩ rằng bài học ấy không chỉ đáng suy ngẫm cho những người xưng tụng ông mà còn cho cả những người chống ông nữa./.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

LẠI CHUYỆN VỢ CỦA ÔNG NGUYỄN ÁI QUỐC/HỒ CHÍ MINH

NHÓM NGHIÊN CỨU

Vừa qua, nhân đọc trên Mạng một bài luận văn có giá trị ***"Huyền Thoại Hồ Chí Minh"*** của giáo sư **Lữ Phương**, chúng tôi thấy có một sơ suất đáng tiếc khi tác giả viết: "Một nhà nghiên cứu Mỹ, khi truy tầm hồ sơ mật của Đệ tam quốc tế lưu trữ tại Moscou sau khi Liên xô sụp đổ, đã tìm thấy tài liệu cho biết khi đi dự một Đại hội Quốc tế cộng sản ở Nga, ông *(tức là Nguyễn Ái Quốc)* đã khai có vợ và người ấy chính là đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai chứ không phải là ai khác!"

Điều sơ suất đáng tiếc này thật dễ hiểu và dễ tha thứ – các nhà nghiên cứu nước ta thường không có được tài liệu xác thực và các văn bản chính thức về thời kỳ ông Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh ở nước ngoài. Chính vì lợi ích của công việc khảo cứu, **"Nhóm Nghiên Cứu"** (NNC) chúng tôi thấy cần phải công bố tài liệu mà nhà nghiên cứu Sophia Quinn Judge đã tìm thấy trong kho lưu trữ của Quốc tế Cộng sản (QTCS) và giáo sư Lữ Phương có nhắc tới ngõ hầu cung cấp thêm một tư liệu lịch sử cho bạn đọc và giới nghiên cứu trong và ngoài nước.

Trước khi đưa ra tư liệu đó, NNC cũng xin nhấn mạnh rằng việc ông Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh có vợ hay không là hoàn toàn không quan trọng, nhưng ở đây, vấn đề đáng nói hay – đúng hơn - đáng chê là thái độ đạo đức giả, cố che giấu sự thật của ban lãnh đạo Đảng Cộng sản, và có thể cả của ông Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh, để tô vẽ cái tinh thần vì nước vì dân cao độ đến mức ông không còn thiết gì chuyện vợ con thường tình. Có lẽ vì vậy, NNC chúng tôi chưa gặp được bản khai lý lịch của Nguyễn Ái Quốc có ghi là ông đã có vợ.

Còn điều nói ông Nguyễn Ái Quốc là chồng của bà Nguyễn Thị Minh Khai mà giáo sư Lữ Phương nhắc đến là ở bản khai lý lịch của bà Minh Khai, hồi đó bí danh là Fan-Lian. Việc khai lý lịch với QTCS là điều hệ trọng, phần đông các người khai đều làm cẩn trọng và nghiêm túc, nhất là với một cô gái mới ngoài 20 tuổi, nên có thể tin chắc lời khai của bà Minh Khai là thật thà, không có ẩn ý gì. Bà Minh Khai không tự mình viết lý lịch - chắc vì không đủ trình độ tiếng Nga - nên phải nhờ một người Nga viết giúp theo lời khai của chính bà. Nét chữ viết tháu tiếng Nga này thì đúng là của một người Nga, hơn nữa ở điểm 9. người ghi đã dùng động từ ở ngôi thứ ba (chúng tôi phải dịch là "cô ấy không biết"). Người ta đồ rằng người viết giúp có thể là bà Vera, lúc đó là một cán bộ của Ban phương Đông của QTCS.

Dưới đây, NNC xin công bố bản sao trong kho lưu trữ cũ của QTCS, đồng thời dịch rất sát bản khai lý lịch của bà Minh Khai từ nguyên bản tiếng Nga ra tiếng Việt. Nhân thể, xin có một vài ghi chú sau đây:

1/ Thời đó chữ "An nam" có nghĩa là Việt Nam, chứ không phải Trung Kỳ. Người An nam hay người Annamit là người Việt Nam.

2/ Lin là bí danh của ông Nguyễn Ái Quốc. Ở điểm 7., có thể vì muốn giữ bí mật tên Nguyễn Ái Quốc, nên bà Minh Khai lúc đầu đã khai Nguyễn Ái Quốc là chồng, rồi lại xin bỏ đi và đề nghị ghi chữ Lin, lúc đó là bí danh đang dùng của ông Nguyễn.

Chữ Nguyễn Ái Quốc dù bị xoá bỏ, nhưng vẫn đọc được là NguenAKok. Để các nhà nghiên cứu tiện xét đoán trên văn bản, chúng tôi phóng to những chữ khai ở điểm 7. Xin lưu ý rằng: chữ N Nga viết như chữ H hoa latin, chữ g thường Nga viết như cái móc câu, chữ Qu latin hồi đó phiên bằng chữ K Nga, chữ C latin cũng phiên bằng K Nga, còn chữ i thường Nga viết như chữ u thường latin.

3/ Bản khai này dùng cho nam giới nên trong các câu hỏi tiếng Nga chỉ dùng cách giống đực, còn trong lời khai thì, cố nhiên, đã dùng cách giống cái.

I00-pm 21/IX Mật *(ký hiệu gì viết thêm, không rõ)*

(Ở giữa dòng này có mấy chữ viết chéo: ***Đã về nước 2/II-37****)*

CHÚ Ý : Các câu trả lời cho các câu hỏi đều phải làm hoàn toàn chính xác và cụ thể.

Bản khai lý lịch

ĐCS nào phái đến ***Đảng cộng sản Đông Dương***

Đi học hay ai gửi đi .....

Các câu hỏi :	Các câu trả lời :
1. Bí danh	***Fan-Lian***
2. Thời gian và nơi sinh	***n. 1910 An nam thp Vinh***
3. Khai chính xác tầng lớp hay xuất thân	***Viên chức*** ***Bố – Xếp ga Vinh*** ***Mẹ – Tiểu thương***
4. Chuyên môn của anh hay nghề nghiệp và thâm niên công tác? Nếu không có thì anh làm gì. Đã sống bằng tiền của nào?	***Đã học – sơ học yếu lược*** ***Buôn thúng bán bưng*** ***Công nhân xưởng (đan và may)*** ***Cu li – cho chủ và ngoài đường phố***
5. Dân tộc	***người An nam***
6. Quốc tịch	
7. Hoàn cảnh gia đình (chưa vợ, có vợ, goá vợ). Nếu có vợ thì vợ có làm việc không và chức vụ của vợ	***Đã có chồng*** ***(Chồng*** *(gạch đi, nhưng đọc rõ)* ***NguenAKok*** *(xoá bỏ, nhưng đọc được)* ***Lin)*** *(để nguyên)*
8. Có các anh em, chị em, họ ở đâu?	***4 em trai, em gái 2 nhỏ***
9. Khai chính xác bố mẹ và bà con thân cận nhất làm gì. Nguồn sống của họ?	***Trước n. 1930 bố mẹ làm - xem điểm 3*** ***Sau đó cô ấy không biết***
10. Có liên hệ gì với bà con thân thuộc không và liên hệ thế nào?	***Không***
11. Học vấn: a/ Biết chữ không? Biết đọc và viết thứ tiếng nào? b/ Học ở trường nào? c/ Có tham gia nhóm học trong đảng? d/ Có được huấn luyện chính trị không?	***Trường sơ học*** ***Tiếng An nam, chút ít tiếng Pháp*** ***Có tham gia nhóm học trong đảng***
12. Ngoài tiếng mẹ đẻ, anh biết thứ tiếng nào khác, và biết ở mức nào?	***Tiếng Pháp chút ít*** ***Tiếng Trung Quốc (tiếng Quảng Đông - biết tốt)***
Anh học tiếng nước ngoài ở đâu và như thế nào?	***Trong nước***

13. Ngoài nước mình, đã ở các nước khác không, và nước nào? Bao giờ? Nếu đã ở thì anh làm gì ở đấy: làm việc, học tập? Đã sống ở đấy do tiền của nào? Có giữ quan hệ với nước mình không và dưới hình thức nào?	*Ở Trung Quốc* *Công tác đảng* *tiền của đảng* *Làm công tác bí mật* *ĐCS Trung Quốc* *Không*
14. Từ đâu mà đến Liên Xô – từ trong nước hay từ nơi lưu vong? Nếu từ nơi lưu vong thì ở đấy làm gì, sống bằng tiền của nào?	*Từ Trung Quốc*
15. Phục vụ trong quân đội và chức vụ gì?	*Không*
16. Bản thân anh hay có ai trong số bà con thân thuộc của anh đã làm trong ngành cảnh sát không?	*Không*
17. Anh hay bà con thân thuộc của anh đã làm trong bộ máy nhà nước và làm chức vụ gì?	*Bố làm xếp ga xe lửa*
18. Hiện nay đối với quân dịch thì anh có quan hệ gì?	*Không*
19. Anh thuộc chính đảng nào; thời gian gia nhập và số thẻ đảng?	*ĐCSĐD* *Từ n.1926 ở trong nhóm Tân Việt, sau vào ĐCS*
20. Anh tham gia phong trào chính trị nào /cách mạng dân tộc, cộng sản?	*Trước tháng tư 1930, ở trong nước tham gia công tác đảng, làm thư ký ban phụ vận ở Vinh – làm việc ở tỉnh uỷ, làm công tác bí mật*
21. Trước đây, anh có ở trong các chính đảng nào không, cụ thể ở đảng nào, lâu không, ở đâu, bao giờ và lý do ra đảng? Hoạt động của anh ở trong các đảng đó? Điều gì thúc đẩy anh gia nhập các đảng nói trên?	*Không*

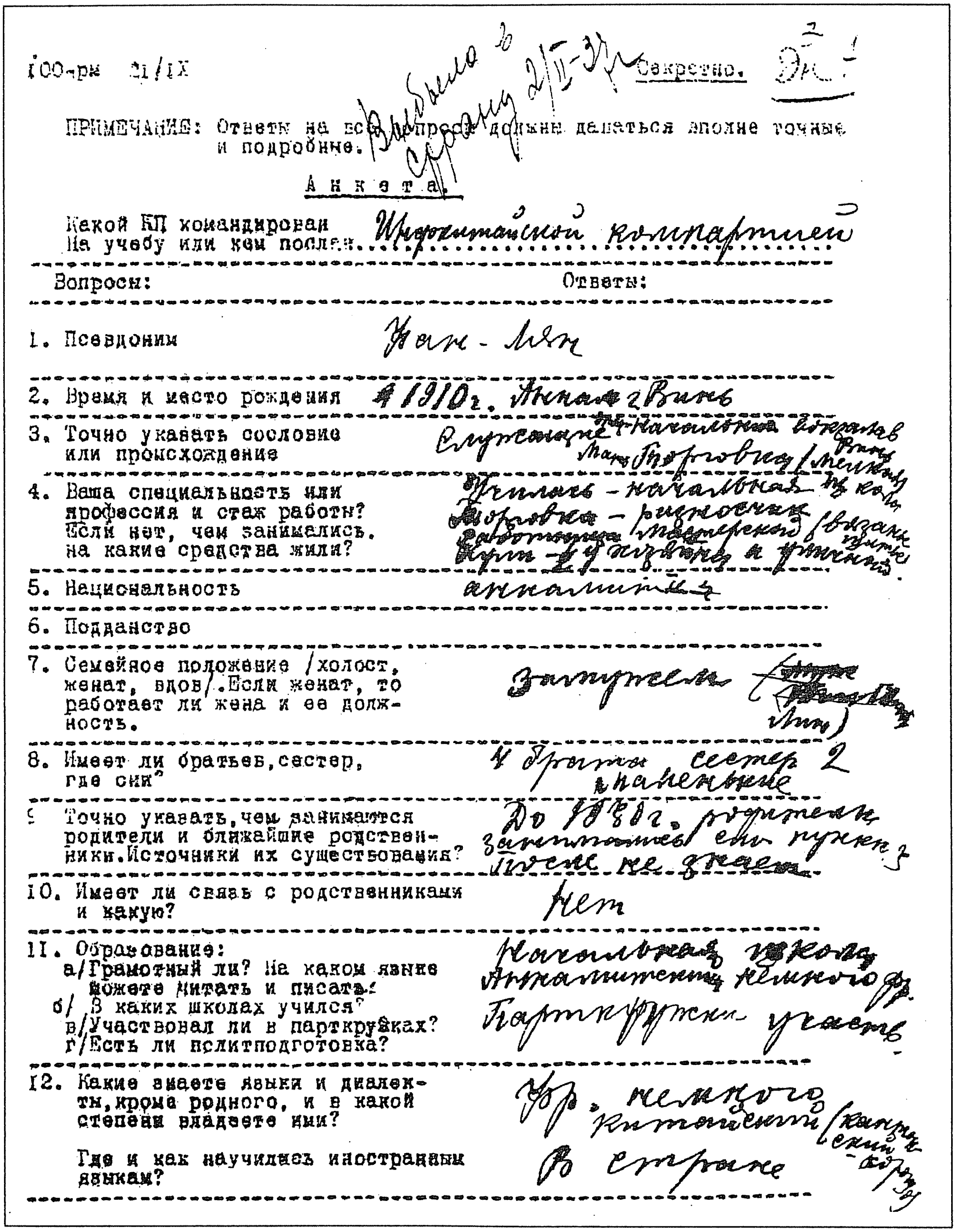

100-рк 21/IX Секретно.

ПРИМЕЧАНИЕ: Ответы на все вопросы должны даваться вполне точные и подробные.

Анкета.

Какой КП командирован на учебу или кем послан. Индокитайской компартией

Вопросы:	Ответы:
1. Псевдоним	
2. Время и место рождения	1910 г.
3. Точно указать сословие или происхождение	
4. Ваша специальность или профессия и стаж работы? Если нет, чем занимались, на какие средства жили?	
5. Национальность	
6. Подданство	
7. Семейное положение /холост, женат, вдов/. Если женат, то работает ли жена и ее должность.	Замужем
8. Имеет ли братьев, сестер, где они?	4 брата сестер 2
9. Точно указать, чем занимаются родители и ближайшие родственники. Источники их существования?	
10. Имеет ли связь с родственниками и какую?	нет
11. Образование: а/ Грамотный ли? На каком языке можете читать и писать? б/ В каких школах учился? в/ Участвовал ли в парткружках? г/ Есть ли политподготовка?	Начальная школа
12. Какие знаете языки и диалекты, кроме родного, и в какой степени владеете ими? Где и как научились иностранным языкам?	В стране

Trang đầu Bản khai Lý lịch nguyên gốc bằng tiếng Nga. Chú ý mục số 7

TRẬN GIẶC CÁ

TRẦN HỘI

I. Ngày 3 tháng10-2001, Thượng viện Quốc Hội Hoa Kỳ đã bỏ phiếu chấp thuận Hiệp ước Thương mại Việt - Mỹ, với 88 phiếu thuận, 12 phiếu chống. Một trong những lý do chống đối đáng được lưu ý là việc nhập cảng cá Catfish từ Việt Nam sẽ làm thiệt hại đến kỹ nghệ nuôi cá ở miền Nam Hoa Kỳ.

Như vậy, cá Catfish, còn gọi là cá Tra hay cá bông lau, có tầm quan trọng gì mà ảnh hưởng đến sự bang giao giữa hai nước đã từng là thù địch trong cuộc chiến cách đây một phần tư thế kỷ. Thượng nghị sĩ Blanche Lincoln, đại diện cho đảng Dân Chủ Bang Arkansas đã trình bày trước Quốc Hội như sau: "Sự kiện Việt Nam xuất cảng cá Tra sang Hoa Kỳ sẽ làm thiệt hại nặng cho kỹ nghệ nuôi cá trong châu thổ sông Mississippi gồm các tiểu bang Alabama, Arkansas, Louisiana và Mississippi. Họ bán sang đây một loại cá hoàn toàn khác với cá Catfish của chúng ta mà cũng gọi đó là Catfish. Chẳng khác nào đem ví con trâu Tây Tạng (Yak) với con bò của Hoa Kỳ!"

Các nhà sản xuất cá ở Mỹ bảo rằng VN đã nhái y chang nhãn hiệu của cá nội địa Hoa Kỳ để đánh lừa người mua, mặc dầu trên thùng đựng cá có in hàng chữ *Product of Vietnam.*

II. Catfish Trong Môi Trường Thiên Nhiên

Tuy cùng "họ" Cá Mèo (Cat Fish), nhưng ít ra có sáu loại khác nhau. Dưới đây xin liệt kê các loại thông dụng được bán ra thị trường và được nhiều người biết đến.

Cá Mỹ:

Catfish còn gọi là cá bông lau mà giới tiêu thụ thường thấy bán đầy trong các siêu thị, là loại cá nước ngọt không vảy, đầu to mình dẹp, lưng xám, bụng trắng, cân nặng trung bình từ 4 đến 6 pounds. Loại này thích sống nơi đầm lầy vùng hạ lưu sông Mississippi, lưu vực sông Atchafalaya, Hồ Henderson và các Bayou Tèche, La Fourche v.v... Dân địa phương gọi vùng này là Catfish Capital of the World (Thủ đô Catfish trên thế giới).

Blue Channel Catfish: Loại này cũng giống như loại trên, nhưng to lớn hơn, có khi cân nặng hơn 20 pounds. Da trên lưng màu xanh đen, thích sống ở vùng nước sâu gần các cửa sông vùng Tây Nam Louisiana.

Ngoài ra, còn có loại cá nhỏ, mình tròn, da vàng sậm giống như cá trê vàng ở Việt Nam, gọi là Mud Cat. Loại này chỉ có số lượng nhỏ không quan trọng trên thị trường.

Xưởng chế biến cá ở Việt Nam

Cá Việt Nam:

Cá Tra, có tên chữ là Pangasius Hypophthalmus, cũng giống như Catfish Mỹ nhưng đầu to hơn, mình dẹp, lưng đen bụng trắng nặng trung bình từ 4-8 pounds. Loại này sinh sản vào mùa mưa, trong vùng Biển Hồ Tonlé-sap và các khu rừng ngập nước trên Campuchia. Vào cuối mùa mưa, khi nước rút xuống, hàng triệu

con theo dòng nước trôi xuống Đồng bằng sông Cửu Long (DBSCL), nhiều nhứt là theo hai nhánh sông Tiền và sông Hậu.

Cá Basa, tên chữ là Pangasius Bocourti, đầu nhỏ, bụng to, toàn thân màu trắng nên gọi là Bông Lau. Cá Basa thích sống nơi sông sâu nước chảy, có thể tìm thấy nơi các sông lớn ở miền Nam, nơi có nước pha trộn lờ lợ. Cá nặng từ 5 đến 10 pounds, có khi hơn.

Catfish Mỹ

Ngoài ra, còn có các loại cá vồ đém vì có hai đém đen, cá dứa, cá sóc sọc v.v...

III. Catfish Trong Di Sản Văn Hóa

Mỗi dân tộc có một nếp sống và một khẩu vị riêng. Nếu cho rằng nghệ thuật nấu ăn là một si sản văn hóa, thì món catsfish cũng có góp phần ít nhiều trong đó.

Về phía Mỹ, Catfish là món ăn truyền thống của dân miền Nam Hoa Kỳ, gọi là The Deep South. Di sản này bắt nguồn từ nhóm di dân Ki-tô giáo Pháp, khi bị giáo phái Tin Lành Anh-Cát-Lợi tống xuất khỏi miền Đông Canada vào đầu thế kỷ 18. Họ đến định cư trong lưu vực sông Mississippi, mưu sinh bằng nghề đánh cá và bẫy thú lấy da. Catfish là món ăn hằng ngày vì dễ kiếm và quá thừa thãi. Họ đã tạo dựng được một nền văn hóa riêng biệt và một nghệ thuật nấu ăn độc đáo, gọi là Cuisine Creole hay Cajun Kitchen. Có ba món ăn bình dân làm bằng Catfish mà ai cũng biết, đó là: cá lăn bột bắp chiên dòn (Catfish fried), cá đút lò (baked catfish) và Cá xào kiểu Créole A-Tu-Fay (Catfish étouffé) v.v...

Về phía Việt Nam, nghề săn bắt cá Tra xuất phát từ Biển hồ Tonlésap, từ lúc Nam Việt Nam còn là Thủy Chân Lạp! Ngư dân giăng lưới giữa lòng sông vào mùa nước xuống, bắt cá bỏ vào bè tre hay ghe đục chở đi bán ở vùng đông dân cư thuộc DBSCL. Nếu dư thừa, họ phơi khô, làm mắm để dành ăn. Các món ăn nổi tiếng tại miền Nam làm bằng cá Tra là Canh Chua, cá kho tộ và cá nướng cuốn bánh tráng rau sống, v.v...

IV. Catfish Trong Công Nghiệp

Vì nhu cầu gia tăng theo dân số, do hiện tượng Baby Boom sau Đệ Nhị Thế Chiến, nghề nuôi cá tại Mỹ trở nên phát đạt kể từ thập niên 50. Miền Nam Hoa Kỳ, nhờ khí hậu ấm áp và lượng mưa lớn vì nằm bên cạnh vịnh Mexico, nên rất thích hợp cho việc đào ao nuôi cá.

A. Trại Nuôi Cá Ở Mỹ (Catfish Farm)

Các Trại nuôi cá ở Mỹ được tổ chức rất quy mô. Đó là hệ thống các ao rộng chừng một mẫu, chung quanh có bờ đê bao bọc. Mỗi trại trung bình từ 10 đến 20 ao, được nối liền với một hệ thống bơm nước từ một hồ chứa thật lớn để châm thêm khi mực nước giựt xuống. Trên mặt ao có đặt các máy "quậy" để luân chuyển mặt nước (agitator), đem không khí vào làm tăng lượng oxy cho cá thở. Trong ao tù nước đọng, rong rêu sinh sản rất nhanh, làm tiêu hủy lượng oxy cần thiết cho cá sống.

Các công ty lớn có cả nhà máy lóc thịt (filet) ướp lạnh, đông lạnh, các khâu sản xuất đều được cơ-giới-hóa.

Cả đoàn xe vận tải đông lạnh loại 40,000 lbs chở cá đi phân phối trên toàn quốc mỗi ngày.

Thực phẩm cho cá ăn cũng được công nghiệp hóa, dưới dạng thức các viên nhỏ (pellet) chế biến từ bột bắp và protein...

B. Bè Nuôi Cá Việt Nam

Nghề nuôi cá bè ở Việt Nam xuất phát từ tỉnh

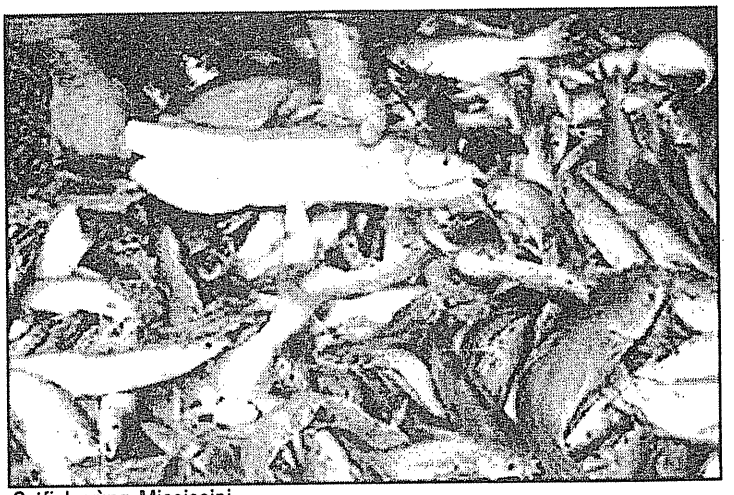

Catfish vùng Mississipi

An Giang (Châu Đốc) ngay từ trong thời chiến, trên đầu nguồn sông Hậu Giang. Kể từ năm 1986, khi chính sách kinh tế được cởi mở, việc xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp gia tăng nhanh chóng làm thúc đẩy kỹ nghệ nuôi ca bè lên đến "chóng mặt." Kỹ nghệ nuôi cá được tập trung dọc theo bờ sông Hậu, từ biên giới Cao Miên đến thị xã Long Xuyên.

Người ta đóng những chiếc bè cây thật lớn, thả nổi trên dòng sông. Về mặt kỹ thuật, đây là những chiếc thùng vuông làm bằng gỗ cây sao hoặc cam-xe để có thể chịu đựng lâu bền dưới nước. Thời gian sử dụng từ tám đến mười năm. Chung quanh bốn phía có những lỗ giống như mặt lưới, nước vô ra thong thả. Mặt dưới đáy đóng kín bằng phẳng cũng bằng gỗ sao. Phía trên mặt bè để trống, hoặc làm nhà ở bằng vật liệu nhẹ. Kích thước trung bình mỗi chiếc là 10m chiều ngang, 20m chiều dài, 4m chiều sâu. Bè được giữ nổi trên mặt nước nhờ các phao làm bằng thân cây tre bó lại, cột dọc theo chiều dài chiếc bè...

Ngư dân thường sống luôn trên bè, có khi đầy đủ cả gia đình, quanh năm bồng bềnh trên sóng nước, gió mát trăng thanh.

Quan sát một làng nuôi cá ở Châu Đốc, cảnh tượng về đêm thật vui mắt. Các bè đậu nối kết nhau dọc bờ sông, dài cả cây số, đèn điện sáng rực, tiện nghi vật chất như tủ lạnh, radio, TV, bếp gas đều có đủ. Trong bè vọng ra tiếng hát từ các CD hoặc TV, cổ kim hòa điệu, lan trên mặt sông sang tận bên kia bờ. Các xuồng bán chè cháo với tiếng rao lanh lãnh bơi lượn quanh bè làm cho sinh hoạt nông thôn trở nên rộn rịp...

Thực phẩm cho cá ăn cũng được nghiên cứu kỹ lưỡng và chế biến ngay trên bè. Người ta dùng loại cá hồng và cá đỏ dạ (snapper) được chở đến từ vịnh Phú Quốc, xay nhỏ bằng cối điện và trộn với cám.

Cám là một phó sản của lúa gạo, rẻ tiền nhưng có nhiều chất bổ dưỡng như fiber, protein v.v... Do đó, cá Tra nuôi rất mau lớn, trong vòng tám tháng đã bán được. Vì sông Cửu Long nước "cuồn cuộn chảy," nên không có vấn đề thiếu lượng oxy trong nước. Hơn nữa, các siêu vi khuẩn do xác côn trùng và lá cây mục rửa tạo nên, đã hòa tan trong nước tạo thành chất bổ dưỡng thiên nhiên cho cá, tốt hơn nước ao hồ mà không mất tiền mua.

V. Phương Pháp Chế Biến

Cá Catfish, dù nuôi trong ao hồ hay trên bè, cũng đều được chở tới nhà máy chế biến (processing plant) để làm sạch hoặc lóc thịt (filet) trước khi đông lạnh. Hiện nay, catfish được tiếp thị tại các siêu thị ở Mỹ gồm ba loại sau đây:

1) Cá sống lội trong hồ.

2) Cá được mổ bụng và cắt mang (gutted and gilled)

3) Cá lóc thịt (filet).

Cá sống: được vớt từ trong các ao nuôi, đựng vào các thùng đặc biệt có bình oxygen và chở thẳng đến các chợ, nhứt là các siêu thị Á-đông. Cá này giá hơi cao nên số lượng tiêu thụ không nhiều.

Cá mổ bụng: để nguyên con, được mổ bụng cắt mang và đựng trong thùng giấy hoặc plastic. Cá được ướp lạnh ở 34oF, có thể giữ được từ ba đến năm ngày. Loại này được ưa thích ở thị trường vì giá tương đối thấp mà cá vẫn tươi ngon.

Cá filet: đây là hình thức cá công nghiệp rất thịnh hành, vì tiện lợi và giữ được lâu. Các tiệm ăn, nhà hàng đặc sản ở Mỹ đều dùng loại này.

Nhờ phương pháp đông lạnh tối tân, gọi là Blast Freeze, nên miếng cá vẫn giữ nguyên phẩm chất trong hạn tồn trữ lâu dài. Cá được đông lạnh từng miếng một, gọi là IQF (Individually Quick Frozen).

Tiện đây, xin mở ngoặc để nói về phương pháp IQF: Sau khi được lột da, lóc thịt ở hai bên, miếng filet được rửa sạch và đưa vào máy trong các mâm nhôm. Một luồng gió lạnh 20 độ Farrenheit được thổi vào với tốc độ cao (blast freeze). Trong vòng hai phút, miếng cá trở nên đông đá và được gói,

bọc, đóng thùng gởi đi. Hiệu suất về trọng lượng vào khoảng 50%. Thí dụ một con cá nặng 4 pounds, sau khi bỏ đầu và xương, da, còn lại 2 pounds thịt filet.

VI. Trận Giặc Cá

Hai đấu thủ được đưa ra chiến trường là con catfish nuôi ao ở Mỹ và Cá Tra nuôi bè ở Việt Nam. Sản phẩm của hai bên đều có cùng một tên là Catfish Filet, nhưng tên thật của cuộc chơi là Lợi Nhuận (profit), như người Mỹ thường nói: name of the game.

Để tìm hiểu xem trận chiến gay cấn đến bực nào, xin đan cử vài con số về giá cả và chi phí sản xuất.

Tại Mỹ, giá catfish bán cho nhà máy là 70 cents/pound cộng thêm chi phí sản xuất độ 50 cents cho 1 pound filet.

1) Giá thành một pound filet:

(70 cents x 2)+50 = 1.9 USD.

Tại Vietnam, nhà máy Navico ở Long Xuyên mua vô 9.000 đồng V.N/1 kilô, tức 27 cents/pound.

Chi phí sản xuất bằng phân nửa, độ 25 cents/pound.

2) Giá thành 1 pound tại VN:

(27cts x 2) + 25cts = .79 USD.

Nếu kể luôn chi phí chuyên chở từ Saigon đến bến tàu San Pedro ở Los Angeles, phải tốn thêm 50 cents.

Như vậy, giá CIF (Cost, Insurance, Freight) của một pound catfish là:

.79+50 =1.29 USD, chưa có thuế.

Giá bán sỉ trên thị trường Mỹ hiện nay từ 2.50 USD đến 2.75 UDS/một pound.

Một cách tổng quát, giá vốn của VN chỉ bằng 2/3 giá của Mỹ, ngay tại lãnh thổ Hoa Kỳ.

Vì những lý do trên, các nhà nuôi cá Mỹ quyết tâm bảo vệ quyền lợi của họ bằng cách đòi hỏi Việt Nam phải đổi tên loại cá bằng danh xưng khác như Pangas Catfish, Basa Catfish hoặc Mekong Catfish.

Lợi thế của họ là dân chúng Mỹ vẫn thích "cây nhà lá vườn" theo truyền thống Cuisine Créole như đã nói ở trên. Lợi thế thứ hai là họ làm ra luật, có thể giới hạn quota nhập cảng, hoặc tăng thuế hải quan.

Về phía VN, nhờ tài nguyên thiên nhiên dồi dào, thực phẩm cá giá rẻ, lương nhân công thấp, nên họ có thể cạnh tranh với bất cứ giá nào. Người Mỹ rất sợ Việt Nam bán với giá đổ tháo, gọi là "dumping."

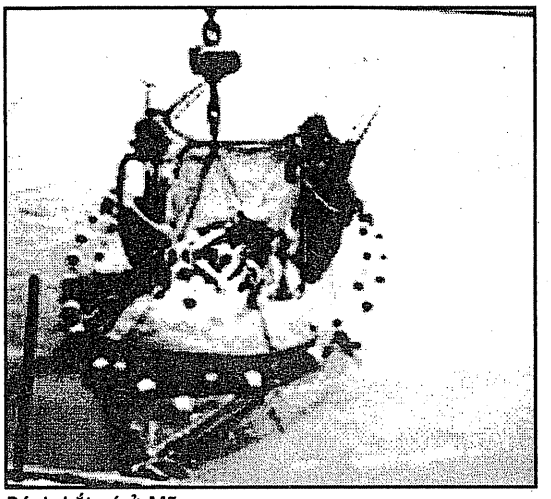

Đánh bắt cá ở Mỹ

Kết Luận

Trận giặc cá chưa tới hồi kết thúc, vì Việt Nam hiện nay mới chiếm có 10% thị trường Catfish Hoa Kỳ. Ta có thể xem đây như trận đấu bóng tròn giữa ngư dân hai nước. Bên phía Việt Nam đã đem được banh trước mặt thành địch, cố "sút" vô "gôn" nhưng chưa ghi nhận được bàn thắng. Phía Hoa Kỳ đem quân về cố thủ, không để cho Việt Nam chọc thủng lưới, khán giả (Mỹ) la ó ồn ào, lời ong tiếng ve vang tới Quốc Hội Hoa Kỳ qua lời phát biểu của Thượng nghị sĩ Blanche Lincoln:

"Vietnam's catfish exports are hurting the catfish industry in the Mississippi Delta."

Để tìm một giải pháp dung hòa (compromise), tại sao các nhà nuôi cá của hai nước không hợp tác làm ăn chung với nhau? Hoa Kỳ có tư bản, máy móc tối tân, phương pháp làm việc khoa học. Việt Nam có tài nguyên thiên nhiên dồi dào, nhân công rẻ. Nếu cần, Hoa Kỳ sẽ mang cá giống sang Việt Nam. Vấn đề danh xưng sẽ được giải quyết dễ dàng bằng nhãn hiệu sau đây:

American Catfish - Product of Vietnam.

Kỹ nghệ nuôi tôm đã áp dụng công thức này từ hơn hai thập niên. Các nhà tư bản Mỹ đã xuống các quốc gia miền nhiệt đới như Ecuador, Panama, Costa-Rica và cả Mexico để thuê đất lập trại nuôi tôm.

Sau khi thu hoạch, tôm này được bán sang Hoa Kỳ không giới hạn.

Công thức này giúp cho hai bên đều có lợi và trận giặc cá sẽ được giải quyết theo đường lối hòa bình./.

Tháng 10/2001

Nhân đọc "Eden in the East"

ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ NGUỒN GỐC DÂN TỘC VÀ VĂN MINH VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TUẤN

Hỏi một người Việt bình thường về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, câu trả lời mà người ta thường nghe là tổ tiên của chúng ta xuất phát từ Trung Quốc. Ngay cả người có kiến thức rộng, có quan tâm đến dân tộc và văn hóa Việt cũng có một ý kiến tương tự. Trong cuốn sách *Tổ Quốc Ăn Năn* mới xuất bản gần đây, Nguyễn Gia Kiểng cho rằng nước Văn Lang xưa kia là do người Trung Quốc sáng lập [1]. Những người có kiến thức rộng về văn hóa và dân tộc học, như Đào Duy Anh và Trần Trọng Kim, cũng từng cho rằng người Việt có nguồn gốc hoặc từ Trung Quốc [2] hay từ Tây Tạng [3], dù họ có chút thận trọng trong phát biểu.

Có lẽ cái quan điểm dân tộc Việt có nguồn gốc từ Trung Quốc đã ăn sâu vào tâm trí của chúng ta, nên văn minh Việt Nam cũng được nghiễm nhiên suy luận là bắt nguồn từ văn minh Trung Quốc. Quan điểm này phù hợp với sách vở của Trung Quốc. Chẳng hạn như trong *Hậu Hán Thư*, các sử gia của Trung Quốc, với một giọng văn cực kỳ trịch thượng và kỳ thị chủng tộc, viết rằng tổ tiên ta ngày xưa giống như loài "cầm thú," xã hội thì chẳng có tôn ti trật tự gì cả, phải đợi đến khi hai quan thái thú của họ là Tích Quang và Khâm Diên dạy cho tổ tiên ta cách ăn mặc và cách trồng lúa. Sau đó các nhà sử học này thản nhiên kết luận: "*Miền Lĩnh Nam theo phong hóa Trung Quốc là bắt đầu từ hai thái thú ấy.*" [4]

Điều thú vị [hay đáng trách] là nhận xét này đã được giới có học của Việt Nam tiếp nhận và lấy làm một thứ kinh điển, một câu văn giáo khoa, mà không có một chất vấn tính trung thực, hay thách thức tính khoa học của nó [5]. Tính dễ dãi chấp nhận sử liệu ngoại bang của giới có học người Việt đã vô tình gieo vào lòng nhiều người Việt một tâm lý tự ti, đánh giá thấp nền văn hóa Việt Nam khi so sánh với các nền văn hóa khác, như của Trung Hoa chẳng hạn. Đại diện cho sự đánh giá thấp này thì có nhiều, nhưng một câu phát biểu trong *Tổ Quốc Ăn Năn* của Nguyễn Gia Kiểng tưởng tóm lược khá đầy đủ: "[...] *chúng ta có lẽ là nền văn minh phù sa muộn nhất.* [...] *dấu ấn của nền văn minh phù sa: cần cù, nhẫn nại, nhưng thủ cựu, thiếu sáng kiến và thiếu óc mạo hiểm.* [...]" [6]. Từ nhận định đó, tác giả của TQĂN cho rằng tổ tiên của chúng ta qua nhiều ngàn năm, tuy sống bên cạnh biển, mà chỉ nhìn biển với cặp mắt sợ hãi, không sáng chế ra ra kỹ thuật hàng hải nào cả.

Thực ra, chẳng riêng gì giới trí thức Việt Nam, ngay cả một phần lớn trong giới sử học Tây phương cũng từng quan niệm, hay nói đúng hơn là giả định, rằng các nền văn hóa Đông Nam Á (kể cả của Việt Nam) chỉ là những chi nhánh của hai nền văn hóa lớn hơn: Trung Hoa và Ấn Độ. Giả định này đã được dùng như là một sử liệu, một thuyết đáng tin cậy để dạy học cho học sinh (trong đó có cả học sinh người Việt); và một cách vô tình, nó được lưu truyền hết thế hệ này sang thế hệ khác như là một sự thật! Bởi vì qua nhiều năm, chẳng ai chất vấn lý thuyết này, nên một cách nghiễm nhiên, nó được xem là một "thuyết chính thống."

Mãi đến thập niên 60s thuộc thế kỷ 20, một số nhà khảo cổ học rất uy tín (phần lớn là Mỹ), dựa vào một loạt nghiên cứu ở Việt Nam và Thái Lan, đã bắt đầu chất vấn sự chính xác và tính logic của thuyết chính thống trên đây [7]. Có thể nói họ là những "con cừu đen" trong giới khảo cổ học, vì đã can đảm thách thức một quan điểm mà đại đa số đồng nghiệp đều mặc nhiên công nhận. Nhưng họ không phải là những người đơn độc. Gần đây, đã có một số nhà nghiên cứu từ Việt Nam, Thái Lan, và Nam Dương công bố nhiều dữ kiện khảo cổ học cho thấy rằng thuyết văn hóa Đông Nam Á xuất phát từ văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ không còn đứng vững nữa.

Nhưng trong những nhà nghiên cứu chuyên

môn này, chưa ai trình bày dữ kiện một cách có hệ thống và nghiên cứu một cách sâu xa bằng một nhà nghiên cứu "tài tử," ông Stephen Oppenheimer, trong cuốn sách "*Eden in the* East: *The Drowned Continent of Southeast Asia*" (tạm dịch là "Thiên đàng ở phương Đông: Lục địa chìm đắm của Đông Nam Á) [8]. Trong tác phẩm này, qua những dữ kiện dồi dào được thu thập một cách công phu từ nhiều ngành nghiên cứu khác nhau, Oppenheimer trực tiếp thách thức và làm thay đổi những quan niệm về thời tiền sử mà chúng ta từng hiểu và từng được dạy. Đặc biệt, cuốn sách đặt trọng tâm vào việc thẩm định lại các quan điểm về văn minh vào thời tiền sử ở Đông Nam Á, tác giả cho rằng:

(a) Trận đại hồng thủy [9] được đề cập đến trong Kinh Thánh là có thật và xảy ra vào cuối thời đại Băng hà (Ice Age).

(b) Trận đại hồng thủy này xảy ra khoảng 8000 năm về trước làm chìm đắm lục địa Đông Nam Á, và làm cho dân chúng phải di tản đi các vùng đất khác để sống. Họ chính là những người gầy dựng nên nền văn hóa Tân Đồ Đá (Neolithic cultures) của Trung Quốc, Ấn Độ, Mesopotamia, Ai Cập và vùng đông Địa Trung hải, và do đó, họ là những người cha đẻ và vun đắp các nền văn minh vĩ đại ở phương Tây.

(c) Những dân tộc thuộc quần đảo Polynesian không phải xuất phát từ Trung Quốc, nhưng có nguồn gốc từ Đông Nam Á.

(d) Người Trung Quốc không phải là người sáng chế ra kỹ thuật trồng lúa. Khoảng 9,000 đến 10,000 năm về trước, một số dân thuộc vùng Đông Nam Á đã là những nhà canh nông chuyên nghiệp đầu tiên của nhân loại (chứ không chỉ sống bằng nghề săn bắn), họ đã phát triển kỹ thuật trồng khoai và qua đó làm một cuộc cách mạng nông nghiệp.

Nói một cách khác cho rõ ràng hơn, qua tác phẩm này, Oppenheimer, lần đầu tiên, đặt vùng Đông Nam Á vào vị trí của một trung tâm phát triển các nền văn hóa và văn minh nhân loại. Đây là một thuyết mang tính thách thức rất lớn đến các tri thức về thời tiền sử đã và đang được lưu truyền trong giới khoa bảng. Thuyết Đông Nam Á là cái nôi của văn minh nhân loại làm cho nhiều người phải để ý đến vùng đất này một cách xứng đáng hơn.

Vùng đất giàu lịch sử nhưng bị lãng quên

Đông Nam Á là một trong những vùng đất với nhiều sắc dân và nhiều nền văn minh phong phú nhất và cổ nhất của nhân loại. Về mặt địa lý, có hai khu vực riêng biệt: một khu thuộc về đất liền và một khu thuộc về hải đảo. Khu vực đất liền thực ra gồm hai bán đảo: khu rộng lớn bao gồm Miến Điện (ngày nay gọi là Myanmar) thuộc hướng Đông Bắc, Thái Lan ở giữa, và Lào, Cam-bốt, và Việt Nam thuộc hướng Đông và Đông Nam; và khu nhỏ hơn bao gồm bán đảo Mã Lai, chạy dài từ Thái Lan xuống tận Miến Điện.

Miến Điện có nhiều chùa chiền được kiến trúc một cách phi thường, nhiều lâu đài được chạm khắc rất tinh vi. Ở miền Bắc Thái Lan cũng còn lưu lại nhiều công trình kiến trúc vĩ đại mang đậm ảnh hưởng của Phật giáo. Vịnh Hạ Long thuộc phía bắc Việt Nam trồi lên những tác phẩm thiên nhiên như được chạm bằng đá vôi, mà có lẽ từng là một vùng lục địa khoảng mười ngàn năm trước đây. Cổ Loa, một huyện nhỏ của Việt Nam ngày nay, có lẽ là một thành phố đầu tiên thuộc vùng Đông Nam Á với niên biểu vào khoảng niên kỷ thứ ba trước Dương lịch. Những công trình kiến trúc ở Huế và Đà Nẵng cho thấy sự tương phản giữa hai nền văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ. Thành phố Huế, tuy lâu đời hơn, nhưng có nhiều công trình kiến trúc trẻ hơn, thành phố Đà Nẵng, nơi mà nhiều tháp Chàm còn lưu lại như những dấn ấn của văn minh Ấn Độ. Cam-bốt có đền Angkor Wat nổi tiếng, và nhiều dấu vết của một nền văn minh sáng chói trước đây. Ai là người đã xây dựng những công trình này? Trong *Thiên Đàng ở Phương Đông*, Oppenheimer chứng minh rằng chính những địa phương đã xây dựng những công trình đồ sộ này. Ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ chỉ qua buôn bán, chứ không phải qua xâm lược.

Với một lịch sử lâu đời và nhiều nền văn hóa phong phú như thế, song Đông Nam Á lại không được các nhà sử học để ý đến như các vùng đất khác. Đây là một ví dụ về thành kiến của giới sử học Tây phương. Khoảng 200 năm trước đây, các nhà sử học khám phá rằng phần lớn hai họ ngôn ngữ Ấn và Âu (Indian và European) thuộc vào một họ ngôn ngữ mà ngày nay chúng ta gọi là nhóm Ấn-Âu (Indo-European language group). Khám phá này được đánh giá như là một thành quả vĩ đại của tri thức vào thời gian đó. Nhưng lạ lùng thay, trước đó vài năm, người ta phát hiện ra một nhóm ngôn ngữ khác, có tên là Austronesian, lại không mang lại một sự chú ý nào đáng kể. Nhóm ngôn ngữ này lan rộng từ các vùng như

Madagascar, Đài Loan ngày nay, Hawai'i, và Tân Tây Lan, vượt Thái Bình Dương và sang tận Ấn Độ dương khá lâu, có thể trước khi Phật Thích Ca ra đời.

Sách viết về nguồn gốc văn minh thế giới hoàn toàn không đề cập đến Đông Nam Á. Ngay cả khi đề cập đến khu vực này trong vài năm gần đây, các sách cũng chỉ viết một cách sơ sài vài hàng, với giọng văn thiếu nghiêm túc, nhưng lại tập trung vào hai nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ, nhất là vào thời 2000 năm trước đây. Mãi đến thời gian gần đây, văn minh của Thời đại Đồng thiếc Đông Sơn (Bronze Age), và các nền văn hóa trước đó (vào niên kỷ thứ nhất trước Dương lịch) của Việt Nam mới được công nhận như là văn minh nguyên thủy của khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, số lượng nhà khảo cổ học trực tiếp gắn bó và chuyên môn nghiên cứu về các nền văn minh này vẫn còn rất ít, nếu không muốn nói là chỉ "đếm đầu ngón tay." Trong khi đó, các trung tâm nghiên cứu thuộc các quốc gia trong vùng như Việt Nam, Thái Lan, Nam Dương, v.v. thì lại bị hạn chế về chuyên môn, lẫn thiết bị và tài chính để làm có thể tiến hành những nghiên cứu loại tiền phong.

Khoảng trống lịch sử

Có lẽ vì những lí do kể trên, ngành khảo cổ học, tuy với một bề ngoài mang vẻ chính xác cao, nhưng thực tế thì có khá nhiều khoảng trống trong quá trình tiến hóa sau thời kỳ nước biển dâng cao, đặc biệt là vào thời kỳ Đồ Đá Mới, khoảng 8000 năm trước đây, nhất là sự lãng quên cho nền văn minh Đông Nam Á, vì thiếu dữ kiện. Thực vậy, ngoài Việt Nam và Thái Lan là hai nước có nghiên cứu khảo cổ tương đối trưởng thành và gần đây có khá nhiều dữ liệu, ở các nơi khác trong vùng, giới khảo cổ học chỉ mới bới đào phần trên mặt của thời đại Đá mới và Đồng thiếc (Neolithic và Bronze Age). Cộng thêm vào đó là sự thiếu thốn các văn bản trong thời tiền sử thuộc vùng đất này cũng làm cho việc nghiên cứu thêm khó khăn.

Nhưng dù sao đi nữa, cái khoảng trống tiền sử lớn nhất vẫn là ở Đông Nam Á. Trong *"Thiên đàng ở phương Đông,"* Stephen Oppenheimer đặt một câu hỏi mà ai cũng phải suy nghĩ: người dân vùng duyên hải Đông Nam Á làm gì khi mực nước biển [10] dâng cao làm ngập xứ sở họ vào thời gần Thuộc kỷ pleitoxen? Câu trả lời của Oppenheimer dựa vào ba lý lẽ quan trọng:

(i) Thứ nhất, vào thời cao điểm của Thời đại Băng hà (khoảng 20,000 đến 18,000 năm trước đây), Đông Nam Á là một lục địa rộng gấp hai lần Ấn Độ ngày nay, và bao gồm cả phần đất mà người Tây phương thường gọi là bán đảo Đông Dương, Mã Lai Á và Nam Dương. Vào thời đó, biển Nam (South China sea), Vịnh Thái Lan và Biển Java là một vùng đất khô nối liền các khu vực của lục địa. Theo địa chất học, bán phần của vùng đất bị ngập chìm này được gọi là Thềm lục địa Sunda (tiếng Anh là Sundaland). Vùng đồng bằng của thềm lục địa này bị chìm đắm rộng lớn bằng Ấn Độ ngày nay. Sau Thời đại Băng hà, cuối cùng chỉ còn một số núi rải rác chung quanh quần đảo Mã Lai. Vùng biển nối giữa Hàn Quốc, Nhật Bản, và Đài Loan mà ngày nay ta gọi là Biển Đông (East China sea) từng là vùng đất liền.

(ii) Thứ hai, Oppenheimer chứng minh rằng khoảng 9,000 đến 10,000 năm về trước, một số dân vùng Đông Nam Á đã trở thành những nhà canh nông chuyên nghiệp, không chỉ là những người sống bằng nghề săn bắn ban sơ như giới khảo cổ học Tây phương mô tả. Ông trình bày dữ kiện liên quan đến trồng trọt khoai lang (khoai mỡ, yam) và khoai nước (taro) được tìm thấy ở Nam Dương, mà tuổi cỡ 15,000 đến 10,000 trước Dương lịch; kỹ thuật trồng lúa có sắp sỉ tuổi cũng được tìm thấy ở Mã Lai Á.

(ii) Thứ ba, dựa vào dữ kiện và các yếu tố địa chất học, Oppenheimer cho rằng vào khoảng 8000 năm trước đây, mực nước biển tăng một cách đột ngột và gây ra một trận đại hồng thủy, và trận lụt vĩ đại này đã làm cho những nhà nông đầu tiên trên thế giới này phải di tản đi các vùng đất khác để mưu sinh. Tuyến đường di cư là theo hướng nam về Úc Đại Lợi, hướng đông đến Thái Bình Dương, và hướng tây đến Ấn Độ Dương, và hướng bắc vào vùng đất liền Á châu.

Trong quá trình di cư đến các vùng đất mới, họ đem theo ngôn ngữ, truyền thuyết, quan niệm tôn giáo, kinh nghiệm thiên văn, yêu thuật, và đẳng cấp xã hội đến vùng đất mới. Thực vậy, ngày nay, dấu vết của cuộc di dân trên vẫn còn ghi đậm trong các quần đảo Melanesia, Polynesia và Micronesia; dân chúng những nơi này nói tiếng thuộc hệ ngôn ngữ Austronesian có nguồn gốc từ Đông Nam Á. Có lẽ người ta không ngạc nhiên khi thấy trong các dân tộc vùng Đông Nam Á, Trung Đông, Úc châu, và Mỹ châu đều có những câu truyện thần thoại về trận lụt vĩ đại này, và các câu truyện này có độ tương tự rất cao. Điều

này chứng tỏ rằng các sắc dân này xuất phát từ một nền văn hóa nguyên thủy. Theo Oppenheimer, những người tỵ nạn này là những hạt giống cho những nền văn minh lớn khác mà sau này được phát triển ở Ấn Độ, Mesopotamia, Ai Cập, và Địa Trung Hải.

Ông Oppenheimer viết, *"Lý thuyết mà tôi trình bày trong cuốn sách này. lần đầu tiên, đặt Đông Nam Á vào trung tâm của các nguồn gốc văn hóa và văn minh. Tôi cho rằng nhiều người phải di tản khỏi vùng duyên hải của họ ở phương Đông vì lụt lội. Những người tỵ nạn này từ đó vun đắp những nền văn minh vĩ đại ở phương Tây."*

Một vùng đất văn minh tiến bộ

Theo Oppenheimer, Atlantis của Đông Nam Á, tạm gọi là "Sundaland," bởi vì vùng này là một thềm lục địa Sunda, nơi từng là trung tâm hàng đầu về cuộc cách mạng thời đại đồ đá mới (Neolithic Revolution), bắt đầu phát triển kỹ thuật trồng trọt, dùng đá để nghiền hạt lúa, vào khoảng 24,000 ngàn năm trước đây, tức là trước cả Ai Cập và Palestine khoảng 10,000 năm.

Một loạt khám phá khảo cổ gần đây đã đủ để xét lại thuyết cho rằng Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước đã khai hóa hay truyền bá văn minh cho các nước thuộc vùng Đông Nam Á. Thực vậy, khám phá về hạt lúa ở hang Sakai (miền Bắc Thái Lan) gần đây cho thấy cư dân ở đây đã biết trồng lúa rất xưa, có thể trước cả thời kỳ nước biển dâng cao vào khoảng 8000 năm về trước, ít nhất là từ thiên niên kỷ thứ 6 hay thứ 7 trước DL. Hệ thống nông nghiệp được tìm thấy ở Nam Dương có niên biểu lâu đời hơn cả thời đại mà những thành tựu được xem là "cách mạng" về trồng lúa ở Trung Quốc. Thực vậy, ở Nam Dương, kỹ thuật về trồng khoai lang và khoai nước được ước đoán có tuổi từ 15,000 đến 10,000 năm trước DL. Ở Việt Nam, khám phá ở Phùng Nguyên và bằng kỹ thuật định tuổi dùng Carbon-14 cho thấy tổ tiên ta từng trồng trọt ngũ cốc khoảng 5000 đến 6000 năm trước đây, tức là còn sớm hơn nhiều niên biểu của những thành tựu của người Trung Quốc. Ngoài ra, Nhà khảo cổ học rất uy tín gốc Mỹ, Wilhelm G. Solheim II, trong một loạt nghiên cứu từ 1965

DU TỬ LÊ

THƠ TÌNH, GỬI YÊU DẤU, ĐẦU THIÊN KỶ, MỚI

1.
người cho tôi trần gian:
trái đất thời thơ dại
chim canh cửa địa đàng
thuở chúng còn chịu... nói.

2.
người cho tôi mùi hương
và, mặt trời giữa ngực,
môi: thơm biển Hoa Nghiêm,
trái tim: rừng Bát Nhã.

3.
người cho tôi vực, khuya
đêm vọng, nồng, tiếng hát.
những ngón tay xuân thì:
bươi tìm... tôi-thất-lạc.

4.
người cho tôi phục sinh
giữa chập trùng oan, khuất.
những con dế nghe kinh;
gióng hồi chuông phổ độ.

5.
người cho tôi đám đông:
-thấy chúng ta là một.
trong dáng ngồi Quan Âm
tôi kiết già nỗi nhớ.

6
người cho tôi bền, lâu
từ ngọn đèn đã tắt.
tôi cho... tôi: - đời sau
từ khi em có mặt.

(Nov.01)

đến 1968, cho thế giới thấy nền văn minh Hòa Bình là nền văn minh nông nghiệp đầu tiên trên thế giới, khoảng 15,000 năm trước dương lịch. Một Nhà khảo cổ học danh tiếng khác người Úc, Peter Bellwood, đã từng viết rằng quê hương nguyên thủy của cây lúa rất có thể là ở chung quanh vùng Đông Dương - Mã Lai - Miến Điện, vì ở đây khí hậu nhiệt đới là môi trường thuận lợi cho việc canh tác nông nghiệp. Trong *Eden in* the *East*, Oppenheimer cũng có kết luận tương tự: thay vào một mô hình cho rằng Trung Quốc là xứ sở nguyên thủy của kỹ thuật trồng lúa, chúng ta lại có một mô hình khác mà trong đó các dân tộc "man di" nói tiếng Nam Á ở Đông Dương dạy người Trung Quốc các kỹ thuật trồng lúa.

Không những trong lĩnh vực nông nghiệp, mà ngay cả trong lĩnh vực kỹ nghệ chế biến, sản xuất, người Đông Nam Á, mà đặc biệt là người Việt Nam, đã phát triển kỹ thuật làm đồ đồng, đồ thiếc và đồ gốm khá cao. Về các sản phẩm đồ đồng và thiếc, người dân ở vào thời Phùng Nguyên đã từng sản xuất vũ khí, và mức độ sản xuất đã tăng vọt trong thời đại Đông Sơn. Thực vậy, vào thời Phùng Nguyên (tức là lúc thời kỳ khởi đầu của vua Hùng) tỷ lệ vũ khí tìm thấy trong các di vật dưới 1%; nhưng đến thời cuối vua Hùng, tỷ lệ này tăng lên khoảng 50 đến 63%. Người Trung Quốc vẫn cho rằng họ là người phát minh ra vũ khí dùng trong chiến trường. Nhưng thực ra, nhiều khí giới khai quật gần đây ở Đông Sơn cho thấy cư dân ở đây là từng sản xuất nhiều vũ khí phức tạp (có chạm trổ tinh vi), có thể đánh xa và gây tổn thương hàng loạt cho đối phương.

Về đồ gốm, người Việt Nam đã sản xuất nhiều sản phẩm nghệ thuật công phu và thanh tú, và những sản phẩm này không những được bán xuất khẩu khắp vùng Đông Nam Á mà còn xa tận Melanesia. Thị trường xuất khẩu này đã hình thành trước sự ảnh hưởng của Ấn Độ. Các dụng cụ bằng đá tìm được ở Úc châu cũng từ Hòa Bình mà ra: tuổi của các đồ đá này được định là 14 đến 20,000 năm trước dương lịch. Đồ gốm ở Nhật với tuổi khoảng 10 ngàn năm trước dương lịch cũng xuất phát từ Hòa Bình. Giáo sư Solheim II nhấn mạnh rằng cả hai nền văn minh nổi tiếng của Trung Hoa là Lung Shan và Yang Sao đều xuất phát từ Hòa Bình. Như vậy, từ đồ gốm Phùng Nguyên đến trống đồng Đông sơn, tất cả đều chứng minh nền văn minh Việt Nam thời tiền sử đã đạt tới một trình độ cao trên thế giới.

Trước, và đặc biệt là trong, thời kỳ nước biển dần dần dâng cao, người Sundaland di dân đến những vùng đất láng giềng: Trung Quốc, Ấn Độ, Mesopotamia, và vài hòn đảo từ Madagascar đến Phi Luật Tân, Tân Guinea, và sau này họ chiếm luôn vùng Polynesia cho đến Hawaii và Tân Tây Lan. Họ là những người thầy ở các vùng đất mới, dạy người địa phương kỹ thuật trồng trọt và xây dựng. Người Hòa Bình còn truyền bá văn minh nông nghiệp đến nhiều nơi trên thế giới: Nhật, Đài Loan khoảng 4000 năm trước DL; Phi Luật Tân, Indonesia khoảng 3000 năm trước DL; Madagasca và Đông Phi châu khoảng 2000 năm trước DL.

Bắc xuống Nam, hay Nam lên Bắc?

Theo thuyết của Oppenheimer thì người Trung Quốc và Ấn Độ ngày nay có gốc gác từ Đông Nam Á, chứ không phải nguồn gốc của người Đông Nam Á là ở Trung Quốc hay Ấn Độ. Đây cũng là một đảo vòng xoay 180 độ về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Mà, xem ra thuyết của Oppenheimer có nhiều "đồng minh." Một số học giả khác (như Madelaine Colani, J Hornell, P. V. van Stein, Heine Geldern, Bernard Karlgren, N J Krom) cũng cho rằng làn sóng người từ Bắc Việt tràn xuống phía Nam và vào Ấn Độ trước khi vùng này bị giống dân Aryan xâm chiếm. Học giả Solheim II căn cứ trên những dữ kiện khảo cổ thì thấy rằng giống người Hoà Bình tràn lan xuống phía nam, lên hướng bắc, và sang hướng tây. Tại mỗi nơi, người Hòa Bình phối hợp với các giống dân địa phương để tạo thành các chủng tộc mới của mỗi vùng.

Mới đây thuyết Bắc-tiến còn có căn cứ khoa học vững vàng (dù lúc viết sách, ông Oppenheimer không biết đến),đó là: trong một bài báo khoa học quan trọng được công bố trên Tạp chí của Viện Hàn lâm Quốc gia Khoa học Mỹ (một tạp chí khoa học rất uy tín trên thế giới), một nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Texas (Mỹ) và Viện Nghiên cứu Di truyền học Trung Quốc cho thấy nguồn gốc của người Trung Hoa (và cả người Đông Á) rất có thể là do người từ Đông Nam Á di dân lên [11], chứ không phải ở Bắc di dân xuống Nam! Như vậy, cho rằng dân tộc Việt là xuất phát phát từ người Trung Quốc có thể là một ngộ nhận. Phải hiểu ngược lại thì mới đúng!

Một vài nhận xét

Eden in the East là một tác phẩm độc đáo, được

soạn thảo rất công phu và khoa học. Tác giả là một bác sĩ chuyên khoa về nhi đồng, không phải là một nhà khảo cổ học. Tuy nhiên, với khả năng và kiến thức khoa học của tác giả, ông đã tiếp nhận tri thức và xử lý thông tin từ nhiều nguồn như di truyền học, nhân chủng học, thần thoại, văn học dân gian, ngôn ngữ học, hải dương học, và khảo cổ học để cho ra đời một cuốn sách làm cho nhiều nhà nghiên cứu Đông Nam Á học và khảo cổ học phải ngẩn ngơ. Thực vậy, Oppenheimer đã, không những trực tiếp chất vấn, mà còn thách đố, những thuyết mà giới chuyên môn, kể cả các học giả Việt Nam đề ra và chấp nhận như những "chân lý" thời tiền sử. Kể từ ngày xuất bản cuốn sách cho đến nay (khoảng ba năm), theo tôi biết, chưa một ai trong giới chuyên môn về Đông Nam Á học chất vấn tính khoa học của thuyết mà Oppenheimer đề xuất. Thực ra, tất cả những bài điểm sách (khoảng 20 bài) mà tôi đọc qua không có một bài nào chất vấn cách làm việc hay tính khoa học của tác giả; tất cả đều ngợi khen một cách nồng nhiệt. Có người còn cho rằng đây là một quyển sách quan trọng vào bậc nhất trong ngành Đông Nam Á học!

Đối với người viết bài này, một điểm yếu của quyển sách là những dữ kiện hay bằng chứng liên quan đến các câu chuyện thần thoại. Tác giả cố thuyết phục độc giả bằng cách trình bày mối tương quan giữa các nền văn hóa bằng những câu chuyện thần thoại có *motif* giống nhau, để từ đó chứng minh cho thuyết của ông (tức là văn minh nhân loại xuất phát từ Đông Nam Á). Tác giả thậm chí còn dùng thống kê học để thẩm định mối tương quan này! Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy những dữ kiện như thế có vẻ hời hợt, và thiếu tính thuyết phục cao. Đành rằng, nhiều nền văn hóa, và đặc biệt là những văn hóa thuộc vùng Á châu - Thái bình dương, có nhiều truyện thần thoại giống nhau, hay ít ra là song song nhau về lụt lội. Đây không phải là những sự ám chỉ tối tăm đến những sự kiện mang tính Freud trong tiềm thức nhưng là những sử kiện rõ rệt liên đới đến những thảm họa khi mực nước biển dâng cao sau thời đại Băng hà. Nhưng phương pháp xác định nguồn gốc của những câu chuyện thần thoại này là một vấn đề.

Tuy nhiên, giữ cái điểm yếu đó trong khi đọc sách, tôi vẫn phải công nhận tác giả đã khảo cứu rất cẩn thận, tiếp thu và xử lý tài liệu rất chuyên môn. Thêm vào đó là lối hành văn trong sáng, và lý luận vững vàng, tác giả đã làm cho chúng ta phải suy nghĩ lại về nguồn gốc tổ tiên và văn minh của nhân loại ngày nay. Chúng ta cần nhiều tác phẩm loại này hơn nữa trong lĩnh vực khảo cổ học để cho thấy rằng tổ tiên chúng ta không chỉ sáng tạo ra địa cảnh (hay hải cảnh) mà chúng ta đang sống, nhưng địa cảnh và hải cảnh cũng tạo ra chúng ta.

Tóm lại, nhiều khám phá khảo cổ học mới đây, và nhất là cuốn sách *Eden in the East*, đã nhanh chóng đưa vùng đất bị lãng quên của Đông Nam Á vào một nơi trang trọng của bản đồ thế giới, và là cái nôi của văn minh nhân loại ngày nay. Và qua những khám phá này, chúng ta đã có dữ kiện để đặt lại vấn đề nguồn gốc dân tộc và văn minh Việt Nam, chất vấn những thuyết mà ta từng được dạy và từng tin như là những chân lý. Chúng ta có bằng chứng để phát biểu rằng trước khi tiếp xúc với người Hán từ phương bắc (Trung Quốc) đến, tổ tiên chúng ta đã tạo dựng nên một nền văn minh khá cao, nếu không muốn nói là cao nhất trong vùng Đông Nam Á. Đô thị cổ xưa nhất trong vùng là do tiền nhân của chúng ta xây dựng. Tổ tiên chúng ta là những nhà kỹ thuật giỏi, đã biết sản xuất vũ khí để đánh giặc, đã đúc được những trống đồng tinh xảo để truyền những ý tưởng và triết lý cho hậu duệ, và cũng có thể nói họ cũng là những nghệ sĩ tài ba, ham thích múa hát và thổi kèn. Tổ tiên chúng ta đã phát triển và ứng dụng kỹ thuật trồng lúa trước người Hán, hay là những người thầy dạy cho người Hán trồng lúa (chứ không phải ngược lại.) Và có thể tổ tiên chúng ta cũng chính là tổ tiên của người Trung Quốc ngày nay. Đã đến lúc phải trả lại sự thực và danh dự cho tổ tiên chúng ta.

Chú thích

1. Trong *Tổ quốc ăn năn* (Paris, 2001), ở trang 122, Nguyễn Gia Kiểng viết: "*... cuộc Nam tiến của người Trung Hoa đến Quảng Đông, Quảng Tây thì khựng lại vì gặp bức tường núi gần 100 cây số. Chỉ có một số ít người vượt được núi, hợp với thổ dân mà tạo ra nước Văn Lang.*"

2. Trong *Việt Nam Văn hóa Sử cương* (Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh tái bản năm 1992), ở trang 24-25, Đào Duy Anh viết: "*Nay ta hãy căn cứ vào sự nghiên cứu của các nhà sử học, nhất là các vị giáo sư ở trường Viễn Đông bác cổ, mà xem gốc tích của dân tộc ta như thế nào. Có người cho rằng tổ tiên ta phát xuất từ Tây Tạng, sau theo lưu vực sông Nhị mà di cư xuống miền trung châu Bắc Việt. Nhưng theo ông Aurousseau dẫn chứng có điều rất kỹ càng thì tổ tiên ta lại là người nước Việt ở miền hạ lưu sông Dương Tử, sau bị nước Sở (đời Xuân thu) đánh đuổi phải chạy xuống miền nam ở miền Quảng Đông, Quảng Tây, rồi lần lần đến Bắc Việt và*

phía Bắc Trung Việt. Theo nhiều nhà nhân chủng học hiện thời thì ở thời thượng cổ, giống người Indonesian bị giống Aryan đuổi ở Ấn Độ mà tràn sang bán đảo Ấn Độ Chi-na, làm tiêu diệt giống người thổ trước đầu tiên ở đây là giống Melanesian rồi một phần trong đám di dân ấy đi thẳng mãi sang Nam Dương quần đảo, còn một phần ở lại Ấn Độ Chi-na, ở phía nam thành người Chiêm Thành và Cao Man sau đồng hóa theo văn hóa Ấn Độ, ở phía bắc thì hỗn hợp với giống Mông Cổ ở Trung Hoa xuống mà thành người Việt Nam."

3. Trong *Việt Nam Sử Lược* (Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục xuất bản Sàigòn, 1971), ở trang 5, Trần Trọng Kim viết: *"Theo ý kiến những nhà kê cứu của nước Pháp, thì người Việt Nam và người Thái đều ở miền núi Tây Tạng xuống. Người Việt Nam theo sông Hồng Hà lần xuống phía Đông nam, lập ra nước Việt Nam ta bây giờ; còn người Thái thì họ theo sông Mê-kông xuống, lập ra nước Tiêm la (tức là Thái Lan) và các nước Lào.*

Lại có nhiều người Tàu và người Việt Nam nói rằng nguyên khi xưa đất nước Tàu có giống Tam Miêu ở, sau giống Hán tộc (tức người Tàu bây giờ) ở phía Tây Bắc đến đánh đuổi người Tam Miêu đi, chiếm giữ lấy vùng sông Hoàng Hà lập ra nước Tàu, rồi dần dần xuống phía nam, người Tam Miêu phải lẩn núp vào rừng hay là xuống ở miền Việt Nam ta bây giờ.

Những ý kiến ấy là theo lý mà suy ra đó thôi, chứ cũng chưa có cái gì làm chứng cho đích xác. Chỉ biết rằng người Việt Nam ta trước có hai ngón chân cái giao lại với nhau, cho nên Tàu mới gọi ta là Giao Chỉ; mà xem các loài khác, không có loài nào như vậy, thì tất ta là một loài riêng, chứ không phải là loài Tam Miêu."

4. Sách *Hậu Hán thư* (tức sử của Trung Quốc) chép: *"Phàm đất thuộc bộ Giao Chỉ, tuy đã đặt quận, huyện, nhập vào lãnh thổ Trung Quốc, nhưng ngôn ngữ vẫn khác nhau, phải có thông ngôn mới hiểu. Người như cầm thú, không phân biệt trưởng ấu (tức không có tôn ti trật tự), búi tóc ở gáy, đi chân không, lấy vải quấn qua đầu làm áo. Sau đó những người tội phạm Trung Quốc đến ở lẫn với họ, mới biết ngôn ngữ dần dần thấy hóa theo lễ. Đến thời Quang Vũ Trung Hưng, Tích Quang làm thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm thái thú Cửu Chân, bấy giờ mới dạy cho dân biết cày cấy, biết đội mũ đi giày, đặt mối lái, dân mới biết hôn nhân, dựng học hiệu dạy lễ nghĩa..."*

5. Trong một cuốn băng video ca nhạc mang tựa đề "Cây đa, bến cũ" do Trung tâm Thúy Nga thực hiện và phát hành, người diễn đọc (Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn) có phát biểu rằng quan thái thú Nhâm Diên là người đã dạy cho dân Việt Nam cách trồng lúa.

6. Trích *Tổ quốc ăn năn* (Paris, 2001) của Nguyễn Gia Kiểng, trang 306.

7. Về các bài báo khoa học mang tính tiền phong trong ngành khảo cổ học ở Đông Nam Á, xin xem những bài sau đây: (i) *"On the improbability of Austronesian origins in South China,"* của Giáo sư William Meacham, đăng trong Tạp san *Asian Perspectives*, quyển 25, năm 1984-5; (ii) *"The nusantao and North-South dispersals,"* của Giáo sư Wilhelm G. Solheim II, in trong *"Indo-Pacific Prehistory Association Bulletin,"* quyển 2, năm 1996; (iii) *"Southeast Asia and Korea: from the beginings of food production to the first states,"* cũng của Giáo sư Solheim II, in trong *"The History of Humanity: scientific and cultural development,"* quyển I: *"Prehistory and the Beginning of Civilization,"* do UNESCO/Routledge (London) xuất bản năm 1994.

8. Sách *"Eden in the East: the Drowned Continent of Southeast Asia,"* của Stephen Oppenheimer, Nhà xuất bản Phoenix (London), 1998. Sách khổ 13 x 20 cm, dày 560 trang, kể cả 47 trang tài liệu tham khảo và 28 trang bảng danh mục, chữ loại nhỏ (Times cỡ 8). Giá đề 15 đô-la Canada, hoặc 9 sterling Anh.

9. Theo sách *Genesis*, và theo truyền thuyết của nhiều nền văn minh cổ, ngày xưa có xảy ra một số trận lụt vĩ đại (hay đại hồng thủy) phủ ngập cả trái đất. Huyền thoại về lụt nổi tiếng nhất là câu chuyện về Noah, một giáo trưởng, được của Thượng đế, xây dựng một chiếc thuyền lớn tên là Ark để gia đình ông ta và mọi sinh vật có thể sống sót qua cơn lụt.

10. "Mực nước biển" là một thuật ngữ dùng để diễn tả chiều cao trung bình của biển. Mực nước biển thường biến đổi qua nhiều giai đoạn trong lịch sử trái đất. Trong thời gian vài nghìn năm trước đây, mực nước biển có khi cao hơn, nhưng cũng có khi thấp hơn, mực nước hiện nay. Khi mực nước biển trung bình dâng lên cao, một số vùng đất hiện hữu ngày nay trong quá khứ hoàn toàn bị ngập lụt, tạo nên những vùng biển rộng và cạn. Ngày nay, hơn phân nửa nhân loại sống trong những vùng đất mà độ cao so với mực nước biển chỉ dưới 100 thước.

Trong phạm vi tranh luận về hiện tượng nóng toàn cầu (global warming) ngày nay, người ta cho rằng nếu mực nước biển chỉ tăng khoảng một thước thì một thảm họa vĩ đại sẽ xảy ra cho các nước như Bangladesh, hay Phần Lan. Người Maledives sẽ hoàn toàn bị xóa tên trên bản đồ nếu mực nước biển tăng vài ba thước. Nhưng quan trọng hơn nữa, đối với đa số các thành phố lớn và đông dân như Tokyo, Thượng Hải, Kolkata, Mumbai, London, New York, Los Angeles ... (những thành phố chỉ nằm trên mực nước biển), nếu nước biển dâng lên 100 thước, các nơi này sẽ thành một lục địa dưới lòng biển, một Atlantis thật sự.

Bởi thế, không có gì là gượng gạo khi chúng ta giả định rằng có nhiều trung tâm dân số và văn hóa khoảng 10,000 hay 15,000 năm về trước, nay đã trở thành những vùng dưới biển trên thềm lục địa phía ngoài vùng duyên hải của chúng ta.

11. Về các phân tích di truyền học, có thể tham khảo các bài báo khoa học sau đây: (i) *"Genetic relationship of populations in China,"* của Bài báo của Giáo sư J. Y. Chu và đồng nghiệp thuộc Trường Đại học Texas, đăng trên Tập san *Proceedings of the National Academy of Science* (USA) 1998; số 95, trang 11763-11768; (ii) *"Khám phá mới di truyền học về nguồn gốc con người ở Đông Nam Á,"* của Nguyễn Đức Hiệp, đăng trên Tạp san Tư Tưởng, số 7, năm 2000, trang 9-13; (iii) *"Y-chromosome evidence for a northward migration of modern humans into Eastern Asia during the last Ice age"* của B. Su và đồng nghiệp, đăng trên Tạp san *American Journal of Human Genetics*, năm 1999, số 65, trang 1718-1724.

HẬU KHỦNG BỐ 9 - 11

HUYỄN KÝ

Biến cố 9 - 11 để lại nhiều ấn tượng kinh hoàng trong tâm thức đa số dân Bắc Mỹ, nhưng nó cũng là một cái Duyên lớn khiến cho bao người bỗng nhiên tỉnh giấc. Họ chợt hiểu ra nhiều điều quan trọng hơn chuyện ăn, ngủ, đi làm và giải trí thường nhật, họ có cơ hội nhìn sâu vào đời sống hàng ngày và làm mới lại các mối liên hệ thâm tình, chuyển đổi tình cảm để được hạnh phúc hơn, chăm lo người khác nhiều hơn vv....

Báo chí loan tin sau vụ khủng bố kinh hoàng đó, các nhà thờ tại Bắc Mỹ tiếp nhận có thể tới 60% nhiều tín đồ hơn (theo báo Mỹ). Theo một thăm dò dư luận, sau vụ 9- 11 có tới 95% dân chúng hoa Kỳ tin tưởng và cầu nguyện một đấng tối cao trong truyền thống tâm linh của họ, Sách về tâm linh và tôn giáo bán chạy hơn thường ngày rất nhiều, nhất là trên Internet. Ngoài Amazone, công ty Barnes and Nobles bán sách Phật Giáo nhiều hơn 30% qua mạng lưới điện toán. Nhiều người trẻ trở về với gia đình, số ly dị cũng giảm sút và các dịch vụ thể thao, xuống kí lô sụt nặng có lẽ vì người ta không còn cần làm đẹp trước cái chết bất ngờ của bao người... Hình như ai nấy đều cảm nhận được chữ Vô thường và muốn đi tìm lại Ý Nghĩa đích thực của đời sống, muốn tìm xem mục đích thực sự của cuộc đời là cái gì?

Tùy tôn giáo, tùy nhân duyên, chúng ta có thể thực hành các phương cách tu tập khác nhau, nhưng mục đích đều chỉ để có thêm lòng Yêu Thương, bớt đi lòng thù hận. Trong lá thư gửi tất cả các bằng hữu (friends) trên thế giới viết ngày 12 tháng 9, Đạt Lai Lạt Ma trình bày như sau :

"Có hai cách phản ứng đối với những gì mới xảy ra (vụ 9- 11). Một tới từ lòng Yêu Thương, một từ sự sợ hãi....

"Chúng ta hãy cố gắng không kết tội người khác, chỉ nên đi tìm các nguyên nhân của câu chuyện thôi. Nếu không để thì giờ tìm hiểu nguồn gốc của kinh nghiệm vừa trải qua, chúng ta sẽ không bao giờ có thể thoát ra khỏi được chuyện đó. Chúng ta sẽ mãi mãi sống trong sợ hãi của thù hận hoặc trừng phạt kẻ thù.

"Đối với chúng tôi (Phật tử), nguyên nhân câu chuyện rất rõ ràng: chúng ta đã không học bài học chính của loài người, không nhớ tới chân lý, không hiểu được triết lý căn bản nhất trong các truyền thống tâm linh.... Thông điệp tới từ các truyền thống tâm linh rất rõ ràng: ***tất cả chúng ta đều là một!***

"Loài người hầu như đã quên mất thông điệp này. Quên mất chân lý đó chính là nguyên do của thù hận và chiến tranh. Hãy nhớ tới chân lý đó, giản dị nhất là nhớ Thương Yêu, ngay lúc này và ở ngay đây."

Hòa thượng Nhất Hạnh cũng đã thuyết giảng nhiều buổi về cách thực tập để có Hòa Bình, để bớt sân hận, cho các thính chúng Việt và Mỹ ngay sau biến cố 9- 11, tại đại học Berkely (Bắc California, ngày 13), tại chùa Đức Viên San Jose (ngày 15) và tại tu viện Kim Sơn (Watsonville, bắc California,ngày 16) và buổi chót ngay trong nhà thờ Riverside tại Nữu Ước (ngày 25 tháng 9). Sau tất cả các buổi pháp thoại kể trên, nhiều đồng báo Việt cũng như Mỹ đã tới cảm ơn hòa thượng vì nghe xong là đã đỡ khổ nhiều rồi.

Nhưng một chi tiết trong bài pháp thoại tại Nữu Ước đã bị nhiều người Việt Nam chỉ trích là sai sau khi đọc hoặc nghe những lý luận kết tội của một nhóm người có dụng ý. Lý luận kết tội trên được nhiều người "đồng ý" một cách dễ dàng tuy chưa hề đọc bài thuyết giảng, có lẽ vì ai nấy đều đã trở nên quá nhạy cảm sau biến cố 9- 11; và nhất là trong lòng người Việt ly hương, đa số còn mang nhiều sân hận với Cộng Sản, nên họ dễ dàng chấp nhận ý tưởng "những người không tố cáo Cộng Sản như mình đều là Cộng Sản." Hơn thế nữa, nhóm người có dụng ý trên đã kích thích được cả các hạt giống sợ hãi nảy sinh sau biến cố 9-11 (mất an ninh, kinh tế xuống dốc, khó kiếm việc làm... và sợ cả chuyện vì lời khuyên hòa giải của vị sư Việt mà có thể tất cả người Việt sẽ bị Mỹ đuổi về xứ hết!?).

Trong khi đó, tất cả các môn sinh của hòa thượng Nhất Hạnh đã giữ thái độ im lặng, chỉ khuyến khích nhau thực tập chánh niệm mà không lên tiếng bào chữa cho thầy mình, dù trong lòng họ chắc cũng có xao động nhiều ít. Trong những lá thư luân lưu nội bộ của họ, có thư của LNP, một người không phải là học trò của hòa thượng, đã viết như sau:

"....tôi cảm thấy rất kính phục hòa thượng. Hình ảnh một vị sư già gầy gò của một đất nước

nhỏ bé cất lên thông điệp từ bi trong khi đa số dân Mỹ đang sợ hãi và giận dữ vì hành động khủng bố, là một hành động đại hùng đại lực, mà không phải ai cũng làm được. Tôi nghĩ rằng, hơn bao giờ hết, *chính trong giây phút hận thù, điên loạn và sợ hãi, tiếng nói từ bi cần phải được cất lên để lay chuyển và tỉnh thức những ai đang bị giam hãm trong vọng tưởng đau khổ.* Lắng nghe và thông cảm khi mình đang sống trong an bình thì dễ, nhưng làm được điều đó khi mình đang gặp tai họa thì thật khó. Nhưng tu tập thì có bao giờ là chuyện dễ. Tạ ơn hòa thượng đã khởi hạnh Địa tạng dấn thân vào trong tâm ngùn ngụt lửa sân hận của chúng ta để cứu độ...

"Tôi tin rằng chúng ta có thể không đồng ý với sự thiếu chính xác trong thí dụ hòa thượng đưa ra về vụ Bến Tre nhưng vẫn có thể đối thoại bình tĩnh và thẳng thắn với người... Có một vài người đã cho rằng hành động của hòa thượng không được khôn ngoan và khép léo, hay nói một cách Phật học là không khế cơ. Tôi xin được phép không đồng ý với những vị này. Hành động của một bậc thầy chỉ có thể xét là có phát xuất từ tâm từ bi và trí huệ hay không chứ không thể xét là khôn ngoan, khéo léo hay không ... Có lúc nào đúng thời hơn là khi mọi người đang điên loạn trong sân hận. Có chỗ nào đúng cảnh hơn ngoài buổi giảng tại thành phố vừa chịu tai họa. Và có thính chúng nào đúng đối tượng hơn là những người đang cần tìm lại sự bình an trong tâm hồn khi sự sợ hãi và cuồng nộ của họ có thể dẫn tới hành động tàn sát cả một quốc gia..."

Nữ tài tử Julie Christie- nổi tiếng trong vai Lara, người tình của bác sĩ Zhivago trong phim cùng tên thời 1970 - mới tâm sự cùng một người bạn Việt Nam vào đầu tháng 11 : "Sau khi nước Mỹ bị tấn công, tôi khổ quá, mà không biết phải làm gì, phải ẩn giấu ở đâu để thoát khỏi những hình ảnh kinh hoàng, chết chóc và cái không khí ngùn ngụt lửa hận thù ... May sao, tôi được đọc bài pháp 25 tháng 9 của thiền sư Nhất Hạnh... và nay đã tìm lại được an bình trong tâm hồn."

Cuộc chiến tranh chống khủng bố của Mỹ và một số quốc gia đồng minh có lẽ còn lâu mới kết thúc, và nhiều người vô tội vì tình cờ, phải sinh sống gần nhóm khủng bố, sẽ bị chết lây. Tin tức mấy ngày qua cho biết có mấy trẻ em A Phú Hãn nhận lầm các đầu bom chưa nổ (màu vàng) với các gói thực phẩm cứu trợ của Hoa Kỳ (cũng màu vàng) nên bị chết banh xác!

Trong thời chiến tranh này, những bài học tâm linh giúp cho chúng ta sống được một cách an bình và hướng thiện, góp phần nào vào việc hóa giải bớt những hận thù trong lòng mọi người, quả là những ngụm nước giếng trong ai cũng cần uống. Xin Chúa và Phật tha tội cho những người đổ dầu vào lửa bằng cách làm hay nói những điều gây thêm thù hận trong lòng bao người. Và xin quý ngài hãy giúp cho chúng con khơi mở được những hạt giống Hiểu Biết và Thương Yêu đồng loại, từng chút một, từng người một, chúng con hy vọng sẽ góp phần vào việc xây dựng một thế giới Hòa Bình cho các thế hệ tương lai.

Trong lá thư gửi ngày 12 tháng 9 kể trên, Đạt Lai Lạt Ma cũng đã viết:

"Nếu chúng ta có thể thương cả những kẻ tấn công mình, và tìm hiểu coi vì đâu họ hành động như thế, chuyện gì sẽ xảy ra? Trái lại, nếu chúng ta phản ứng dữ dằn với kẻ dữ, tấn công kẻ đánh phá mình, hận thù kẻ đã sân si, thì chuyện gì sẽ tới? Đó là những câu hỏi loài người chúng ta cần trả lời lúc này. Đó là những câu hỏi chúng ta đã không trả lời được từ hàng ngàn năm qua. Lần này không làm được, chúng ta sẽ không còn cơ hội trả lời sau này nữa!

"Nếu chúng ta muốn con cháu chúng ta được sống trong thế giới đẹp đẽ mà chúng ta đã cùng nhau tạo dựng nên, chúng ta cần đóng góp tích cực vào các sinh hoạt tâm linh, ngay ở đây và ngay trong lúc này..."

Kỷ niệm thập nhị chu niên
tạp chí **HỢP LƯU**
và khai mạc phòng tranh
KHÁNH TRƯỜNG
Địa điểm:
MIMI Studio
15361 Brookhurst Street,
Suite 103
Westminster CA 92683
USA
Tel: (714) 531-7605
Vào lúc:
4 giờ chiều thứ Bảy
8 tháng 12 năm 2001

NỬA CHIẾC PONCHO

LỆ HẰNG

Bài viết mùa phục sinh, rung cảm
từvở nhạc kịch Requiem của Verdi...
When the judge takes his seat.
Everythings hidden will be revealed.

Tiệc khao quân không tổ chức rềnh rang như mọi năm. Đêm dạ vũ dự trù sau chương trình văn nghệ được xướng ngôn viên loan báo vì tình hình chiến sự phải hoãn lại vào một dịp khác. Nhiều mệnh phụ phu nhân có vẻ thất vọng. Họ đã se lông mặt, lên khung quần, khung áo, làm đầu, dồi son trét phấn từng mi-li mét da tay, da cổ, da mặt ở mỹ viện Cẩm Thạch, mỹ viện Bích Ngọc. Cô ca sĩ gầy guộc đang hát. Tóc tém kiểu demi garcon, vạt áo đỏ chói của cô như muốn thu hết mắt nhìn và ánh đèn sân khấu. Giọng hát của cô cũng tan hoang nức nở như kinh cầu hồn. Lời nhạc vang xa thỉnh thoảng chen vào tiếng đại bác ì ùng từ ven rừng ác hiểm, rụng xuống vũng âm thanh thao thức làm khô từng giọt máu người:

/Anh không chết đâu anh/ Người anh hùng mũ đỏ tên Đương/...Nghe trong đêm kêu gào/ Từng tiếng súng pháo đến mau/...Anh không chết đâu anh/ Anh chỉ vừa bỏ cuộc đêm qua/ Anh vẫn sống trong tôi/ Một bông dù loang trên đồi máu.../

Hội quán kiến trúc kiểu dã chiến nhưng rất tân kỳ và thẩm mỹ. Những hàng cột quấn hoa giấy màu đỏ. Dưới chùm đèn ngũ sắc, bụi hoa, chùm lá thành màu mã não pha sắc hồng của máu. Ai Dung, người tình của ông tư lệnh đang ngồi ngậm ống hút từ ly nước cam. Hai chân cô đong đưa theo nhạc, điệu bộ cố tình bắt chước người đàn bà trẻ con trong phim Lotita.

Ai Dung còn trẻ, đôi mắt xếch kẻ chì thật đậm, tóc đánh rối chải bồng lên để khoe thêm bề cao. Cô ngồi một mình, bởi người tình của cô rất bận rộn trong những đêm tiệc tùng lon lá như thế này. Những bà lớn mặt hoa da phấn, ngón tay bà nào cũng sáng loà kim cương, hột to hột nhỏ gườm nhau. Họ nhìn chừng cô sau hàng cột nào đó. Bởi vì Ai Dung đang ngồi ở chiếc ghế danh dự nhất của buổi dạ tiệc này.

Bà Diệu Tâm lào xào bên tai phu nhân của ông Đại Tá.

- Chị ngó con nhỏ kìa! Cũng sạn sỏi trong đầu rồi, cứ làm bộ ta đây bé bỏng lắm. Vắt cái giò lên như vậy ai coi được không chứ?

- Thì nó ỷ cẳng giò nó đẹp. Cũng lạ, con nhà ai thả nhông nhông ngoài đường cho thằng cha tư lệnh nó vồ ngon ơ vậy cà?

- Không phải đồ thả rông đâu chị ơi! Thả bùa thì có. Nó lai Tàu đấy. Cái tử cung của mẹ nó thần sầu lắm, bốn đứa con bốn giống. Con chị nó máu Ấn, mắt sâu hun hút, đẹp tới nỗi đàn ông đứa cào họng, đứa sạt nghiệp, chết lên chết xuống vì nó vẫn mát ruột như thường. Thằng em nó lai Pháp, bộ vó giống như Alain Delon, mới mọc râu trổ giò đàn bà con gái đã tơm tớp nhào vô ăn gỏi thằng nhỏ rồi. Chỉ có đứa út, chắc nòi Việt, con rơi của thằng cha Quang, bà con của chị chứ còn ai vào đây nữa.

- Vậy sao? Con rơi đổ hô cho ai chẳng được. Nghe nói mụ giám đốc viện bào chế của chị có thằng con khá lắm, gặp ai mụ cũng khoe phứa lên con ông nọ, con ông kia, mấy thằng cha lỡ dại với mụ, hai hòn bi cứ thót lên cần cổ.

Bà đại tá vừa nói vừa đưa đôi mắt chải ba tầng mascara dõi theo chồng đang đứng bên ông tư lệnh. Cả hai đều mặc quân phục hồ bột cứng ngắc. Ông tư lệnh cầm khúc gậy, gù vai, giây tua nhũ vàng nhũ đỏ, mề đay, huân chương bảo quốc, đỏ chói trên ngực, lâu lâu ông lại vung khúc gậy lên ngoáy vào khoảng đêm mênh mông trước tiền sảnh.

Bà Diệu Tâm vẫn ngọt ngào.

- Tháng tới Đại Tá mở tiệc, chị cứ để tụi em lo đứt cho, chị đừng mất công đụng tay vào chi cho mệt. A quên nữa, cứ gặp chị là tíu tít quên biệt đi mất. Chị nhớ nói Đại Tá lo cho con út nhà em cái môn bài gạo nghe chị.

Bà Đại Tá nghiêng mái đầu bới cao từng vồng, cười tươi tắn.

- Được thôi, chuyện vặt đó để tôi tính cho. Cô lo mấy thùng trụ sinh chở gấp vào trong đó trước mùa mưa mới yên bụng được.

Bà Diệu Tâm hỉ hả.

- Giao áp phe cho em chị cứ việc ăn no ngũ kỹ. Họ vừa đánh vừa đàm, họp hành tuốt bên Tây thây kệ họ. Đám trong rừng vẫn phải mua thuốc của chị em mình. Chị lo tắm hơi, lo mát xa cho nhẹ người để đếm tiền đi là vừa.

- Cũng ngộ, tôi làm cái chi cũng mệt, nhắc cái ghế cũng xây xẩm mặt mày, vậy mà đếm tiền suốt đêm không lộn một tờ nào. Tiền đúng là thuốc tiên.

- Chị nói nghe thâm thúy quá. Hèn gì ông xã em lần nào gặp chị, về nhà cứ khen lấy khen để. Chị ơi, cho em hỏi nhỏ cái này, được không chị? Bà Diệu Tâm xuống giọng.

- Cái cô này rào đón mãi, cô không thấy tôi coi cô như ruột thịt trong nhà sao? Bà Đại Tá gắt nhẹ.

- Nhà em nói vụ đồn điền Mimot ông Tạo trúng lớn lắm phải không chị? Ông cho giá chủ đồn điền Martin phải chồng 20 đô-la một gốc cây, không thì xe tăng càn vô nát bấy hết. Chia khúc đầu khúc đuôi tính hời nhất ông cũng hốt cả triệu đô la phải không chị?

- Suỵt!... Mấy chuyện đó đừng hó hé cho bọn lính nó nghe, lấy ai đánh giặc cho mình nữa. Con mụ me Mỹ nó đang nhỏng tai kia kìa.

- Dạ, em thấy chứ, nhưng mà, con mụ cùng phe với bà Tạo, sao không điện cho bà ấy một tiếng để con đượi nó ngồi vắt vẻo như thế kia, lính tráng trông vô làm sao họ đánh đấm được nữa.

- Nghĩ cũng tội nghiệp. Vớ được ông chồng kiểu đó, máu ghen đóng vòn đóng cục trong bụng, mổ lên mổ xuống. Bây giờ bà ấy xuống tóc ăn chay trường, nói ra nói vô chỉ thêm đau lòng cho bà ấy thôi cô à.

Bà Diệu Tâm lại xuýt xoa.

- Thiên hạ nức nở đồn chị nhân đức thiệt không sai đường nào. Chị không nhắc, tối nay em dám lau nhau điện thoại cho bà ấy. Đang nằm bệnh, bà lăn đùng ra chết, hóa ra mình mang tiếng ác.

- Thì cũng gắng tu nhân tích đức được chừng nào hay chừng đó. Tháng nào tôi cũng nhắc chừng ông nhà tôi đi chùa đấy. Ít ra một tuần cũng phải ăn chay niệm phật một lần, mới yên bụng được. Thôi nghe, vụ thuốc men cứ như thế mà làm, dù sao họ cũng là người Việt, mình bán thuốc cho họ coi như mình làm phước cứu sống cả vạn người trong rừng. Bây giờ tôi phải về sớm, mai sáng còn cả đống việc phải lo cho ông nhà tôi.

Hai mệnh phụ chia tay nhau, mắt không quên liếc xéo về phía Ai Dung đang ríu rít như chim sẻ bên cạnh ông tư lệnh.

*

Ngay sáng hôm sau, tài xế đưa Ai Dung về nhà. Nắng vàng rỡ rồi. Từ khu lao động xích lô máy ào ào phóng ra đường, máy nổ phành phạch. Biệt thự của mẹ Dung máy lạnh vẫn chạy ù ù. Vú Hân mở cửa cho Dung, ngón tay để lên môi, hất đầu ra dấu chỉ lên tầng trên. Ai Dung chau mày tháo giầy cao gót, cầm tay, nhón chân bước lên cầu thang.

Vũ ngồi lù lù trong phòng học của chị em Dung. Ai Dung gõ giầy lên mặt bàn. Đôi giầy gót nhọn Tạo mới đi HongKong mua về, cô không nỡ dụt xuống đất. Giọng cô gay gắt, dù đã cố kìm bớt lại.

- Anh mò về đây làm gì nữa, phòng của anh, mẹ em chất hàng P.X trong đó rồi.

Vũ để tay lên mặt bàn. Ai Dung nhìn tay Vũ, chằng chịt những đường gân, khe tay rộng như tám lạch sông khô. Thấy Vũ cứ điềm nhiên ngồi, cô bực bội đứng lên.

- Sao anh cứ đi đi về về như ma xó vậy?

Vũ cười, một bàn tay xòe ra. Giọng cười quen thuộc của Vũ làm Dung hơi chùng lòng xuống.

- Đây là đất của anh, đi hay về là quyền của anh chứ.

Dung nhăn nhó.

- Dù sao anh cũng thành Việt cộng rồi, ngay cả mình không họ hàng với nhau đi nữa, mẹ em cũng không muốn mình lấy nhau. Em như vầy làm sao theo anh vào bưng được.

Vũ lắc đầu, mặt có vẻ nghiêm lại. Ai Dung không hiểu nổi cái lắc đầu của anh.

- Sài gòn không yên ổn như em tưởng đâu, gắng giữ cái thân em một chút, đi suốt đêm như vậy không tốt đâu.

Thấy cô mở mắt ra nhìn, anh thở ra nhẹ nhẹ. Anh muốn đứng lên, xiết cô vào ngực mình. Anh nghe giọng của anh âm vang từng lời trong lồng ngực. Vũ nào thật và Vũ nào giả? Ai đó đang gần gũi với anh... phải cảnh giác, đồng chí đang làm cái trò gì thế? Chao đảo là bước đầu của phản bội đồng chí biết rõ như vậy chứ?

Anh nuốt nỗi cay cực khô bong trong cổ mình. Suốt những ngày lăn lóc trong rừng, đi tìm những thứ hình như không thể nào tìm nổi, Vũ đã chắt

chiu từng giọt sinh lực, từng hơi thở xao xuyến để về đây thở trên vừng tóc thị thành của cô.

Ai Dung bồn chồn nhìn Vũ, ruột gan cô sao cứ như nung lửa thế này. Miệng cô đắng chát. Tại Vũ hay sao? Đây đâu phải là lần thứ nhất anh ngồi một đống trong nhà cô đâu? Cả chục phen Vũ làm gia đình cô lên ruột rồi.

Vũ lên lên tiếng.

- Em đi chơi có vui không?

Cô không trả lời. Thấy môi cô run lên, Vũ hỏi tiếp.

- Em có yêu ông ấy không?

Ai Dung ngửng phắt mặt lên, cô thở dồn rồi nói một hơi như sợ ngừng lại, cô sẽ không đủ can đảm nói nữa.

- Em yêu chứ. Yêu nhiều nữa là khác. Anh ấy là tất cả nỗi mong chờ khao khát của một đứa con gái như em. Em biết chắc trong lòng, em thực sự yêu anh ấy.

Vũ cười nhạt.

- Em chưa đủ khôn ngoan để hiểu đàn ông đâu. Tình yêu lúc như bóng mây, lúc hiện thành bóng quỉ. Quả tim sôi sục của em dễ lầm lắm.

Dung lắc đầu.

- Em không muốn nói dối anh. Lúc nhỏ anh là người thân thiết nhất của em. Lớn lên chưa thấy ai, em đã có anh kèm sát một bên rồi. Sau này em thấy rõ anh sắt đá quá, anh không có trái tim. Anh trở thành Việt Cộng. Nói anh đừng giận, với em Việt Cộng vẫn là một cái gì đầy đe dọa.

- Còn gì nữa, nói hết ra đi. Vũ cau mặt

Dung cao giọng.

- Anh có một cục tim chứ không phải một trái tim. Một cục tim để máu chạy đi chạy về. Làm sao anh có được trái tim rộng lượng và say đắm như Tạo được.

Vũ đứng lên, hai tay vòng trước ngực.

- Em choá đèn vì quyền lực của ông ta rồi.

Ai Dung cười nhạt.

- Anh trọ học trong nhà em năm này sang năm khác mà mau quên quá. Mẹ em nuôi cả làng mình không hết của, em đâu có cần tiền của anh ấy? Dĩ nhiên người đàn ông có uy quyền bao giờ cũng hấp dẫn hơn những người ngủ bờ ngủ bụi rồi.

Cô cắn môi.

-... Em xin lỗi, nhưng không biết phải nói như thế nào cho anh hiểu.

Vũ vẫn nhẹ nhàng.

- Em thay đổi nhanh quá.

Dung bối rối.

- Bộ anh tưởng em dỡn chơi với mối tình của em sao? Vũ à, em chưa từng yêu ai như yêu Tạo. Chỉ có Tạo hết lòng hết dạ với em thôi. Anh ấy liều mất vợ, mất con, mất luôn danh dự vì em nữa. Anh ấy sẵn sàng hy sinh hết cho em. Còn anh, anh có biết hy sinh là gì đâu.

Vũ lắc đầu.

TRẦN VẤN LỆ

TÙY BÚT THU

Sáng mù sương trắng, Los buồn ơi! Thành phố mà tôi gọi tưởng người... Chỉ thấy đường xa sương mấy lớp, thẫm màu xanh lá, trắng trùng khơi!

Ở đây, sương giống như Đà Lạt. Tôi mất em rồi, cả Cố Hương! Tôi mất rừng thông mùa gió chướng, cái còn là nhớ với là thương!

Nhớ sao trường Nữ tôi từng dạy, ngói đỏ chiều hoe mái tóc em... Thương quá Bồ Đề con dốc đứng, áo dài em sáng gió bay lên...

Một vài hình ảnh xưa Đà Lạt, buổi sáng nay bừng trong mắt tôi – mắt lạnh vì sương vương viễn xứ, đoanh tròng không khéo lát mưa rơi!

Los Angeles đồi cao thấp, trời chớm Thu thường mưa phất phơ. Buổi sáng nay mưa chưa tới kịp, chắc gì khô ráo mặt trời trưa?

Tôi đang thấy Los như Đà Lạt. Tôi ở đây lòng để ở đâu! Đi đã mười năm như mới bước, Quê Hương ngó lại muốn ôm đầu...

Tôi gọi thầm tên từng đại lộ, danh nhân nước Mỹ lạ lùng thêm! Mà ai quen nữa cho tôi gọi? Đà Lạt, trường xưa, bóng dáng em...

Tất cả lắng chìm sông quá khứ, bây giờ là biển của tương lai. Lát tôi rời Los về Long Beach, ngó biển buồn thôi, chẳng thấy ai!

- Em tin những trò ma nớp đó của đàn ông à?

Dung bướng bỉnh.

- Còn anh thì sao? Bộ anh không phải là đàn ông? Nếu yêu em anh đâu có bỏ đi như vậy? Em thực lòng chỉ muốn anh đừng về đây nữa. Em thấy anh lì lợm quá. Anh làm riết rồi nhà em biến thành ổ Việt Cộng thì sao?

Có tiếng xe quẹo gắt vào góc đường. Ai Dung lao ra sân thượng chồm người xuống nhìn.

Vú Hân chạy lạch bạch lên cầu thang, mặt hớt hơ hớt hải.

- Dung! Dung! Ông Tạo... bị nổ máy bay rồi.

Thế là cô lao người xuống, Vũ nghe tiếng cô gào lên dằng co với Vú Hân và mẹ ở dưới nhà. Thình lình ngôi nhà hai tầng rơi vào im lặng. Sau đó anh nghe tiếng Dung bám cầu thang chạy lên. Cô đóng xập cửa phòng, hằn học nhìn Vũ, hai mắt cô long lên xòng xọc.

- Anh gian ác vừa vừa thôi chứ. Tại sao anh giết Tạo?

Vũ sửng sốt.

- Cái gì? Em nói ai giết?

Cô gào lên.

- Còn ai nữa, trực thăng vừa cất cánh nổ tung lên trời.

Vũ chết sững. Cô lao tới chụp lấy anh, vừa cào cấu cắn xé vừa la khóc. Anh phải ghì tay bưng chặt miệng cô lại.

- Em im đi! Em điên rồi phải không? Tại sao em lại có thể la hét như một con mẹ khùng thế này.

Ai Dung dậm chân nước mắt dàn dụa.

- Tại sao lần nào anh về cũng có chuyện. Lần trước bom nổ ở phòng trà Tự Do, lần này anh giết người yêu của em. Em... em nhất định đi thẳng ra bót... tố cáo anh. Anh tồi lắm, anh giết Tạo của em vì ghen.

Vũ ngồi xuống, bỗng nhiên anh thấy mệt mỏi quá. Gương mặt đen xạm của Vũ tối xầm lại.

- Nghe anh nói đây. Sau khi ông Diệm chết, miền Nam không còn ai để bọn anh phải e ngại nữa. Sài gòn coi như nằm trong tay bọn anh rồi. Một - ông - tướng - như - thế... Bọn anh giết làm gì?

Ai Dung tức tối nhìn Vũ, hai mắt cô đỏ phồng lên vì khóc.

- Anh nói như vậy... là sao?

Vũ trầm giọng xuống.

- Anh chính là người đưa tiền cho chủ đồn điền Mimot để Martin chồng tiền cho ông Tạo.

Dung há hốc mồm, hai tay ôm chặt đầu, giọng khàn đi như bị ai xiết cổ...

- Nhưng... Anh mua mấy gốc cây chết tử chết tiệt ấy làm gì? Anh có thương yêu gì bọn Pháp đâu?

Vũ cười gằn.

- Trong chiến tranh người ta không nói chuyện thương yêu.

Dung nhìn Vũ trân trối.

- Em biết rồi, bọn anh độc lắm. Có chuyện gì mà không dám làm nữa đâu. Em sợ anh, em sợ anh. Ôi ước gì em chưa bao giờ thân thiết với anh.

Cô ngừng lại để thở rồi lại rên lên.

- Cả trăm năm bọn Pháp bóc lột người mình, anh ấy nạo lại bọn chúng, mắc mớ gì đến cái hạng người một dạ hai lòng như bọn anh?

Vũ lạnh lẽo.

- Anh nghĩ em nên ăn nói cẩn thận một chút, có lợi cho em hơn.

Ai Dung trố mắt ra nhìn Vũ, rồi ôm đầu rên rỉ.

- Em không hiểu gì cả. Anh ấy không bao giờ nhận tiền của bọn anh đâu. Anh ấy căm ghét bọn Việt Cộng của anh.

Trong cảnh nhìn cô mếu máo, Vũ không tiện cười nhạt nhưng giọng anh cứng lại.

- Đúng như vậy, ông tướng đẹp trai của em chống Cộng hăng lắm. Ông ta chỉ có tội mê tiền thôi. Nhận tiền xong ông ta không cho lính cày xe tăng vào đồn điền của người Pháp. Coi như phe của anh mua đứt hàng nghìn hecta vùng Mỏ Vẹt để ém quân. Hai sư đoàn ăn no ngủ kỹ. Mặt trận có mong gì hơn nữa đâu.

Ai Dung run lẩy bẩy. Làm sao cô dám tin người đàn ông ghê gớm này là anh Vũ thân yêu của cô nữa!

Vũ tiếp tục.

- Của đáng tội, cũng chẳng phải lỗi của ông ấy. Chừng nào Sàigòn còn những nhan sắc tiền sa vàng lặn như em, như chị của em... những ông Tướng như thế miền Nam thiếu giống gì.

Ai Dung kêu lên, chụp chiếc giầy nện gót lên mặt bàn.

- Trời ơi! Anh độc mồm độc miệng vừa thôi chứ, nếu có quyền anh cũng chẳng tốt đẹp gì hơn đâu. Anh không bằng một gót chân của người ta biết chưa.

Vũ dằng tay Dung, ném chiếc giầy ra xa. Dung chạy tới, chụp cả đôi giầy để lại trên bàn. Cô nhìn Vũ như muốn đốt anh cháy thành than.

- Từ nhỏ tới lớn em chỉ thấy anh căm thù người này, ghen ghét người kia. Từng lời anh nói, từng

chữ anh viết ra toàn là thù hận. Chẳng lẽ vì nghèo cực từ nhỏ, anh phải bám cứng vào lòng thù hận mới ngoi đầu lên được hay sao?

Anh lạnh lùng nhìn cô. Dung tiếp tục nguyền rủa.

- Bọn người như anh đi tới đâu hoạn nạn tới đó. Anh ấy lấy tiền của bọn Pháp, bọn Mỹ, anh ấy không lấy của dân một su nào. Bọn anh mới chính là kẻ tàn độc, nạo vét khủng bố dân lành. Tiền đâu anh mua súng mua đạn? Anh theo Việt Công vì ở đây anh không còn cơ may nào nữa. Em đi guốc vào cái bụng gọi là thơm tho lý tưởng của anh quá mà, chính anh mới là kẻ cay cú vì tiền.

- Em đúng là hết thuốc chữa. Mới đó đã học thói ăn nói hàm hồ như hạng gái đứng đường rồi

Cô hực lên một tiếng.

- Cái gì? hả? Anh nói ai đứng đường? Còn anh rúc trong rừng, lâu lâu chui ra gài mìn giết lén người ta như bọn cướp đường cướp chợ thì sao?

- Em im đi, ăn nói như vậy mà nghe được à? Moi móc ở đâu ra mẹ con em sống phè phỡn như thế này?

Cô quắc mắt lên, không nói không rằng, chụp chiếc giầy gót nhọn nện tới tấp lên đầu Vũ. Anh chụp tay cô không kịp. Lúc thấy máu từ đỉnh đầu Vũ giọt xuống khăn trải bàn, Dung buông chiếc giầy xuống, hai tay run lẩy bẩy. Vũ chặn tay che vết thương, mặt Vũ xám ngắt, đờ ra như bị hồ cứng trong tro bếp. Cô quíu lên tìm miếng băng gạc, không dám chạm tay Vũ, cô đẩy miếng băng tới gần tay anh. Vũ chặn miếng băng gạc lên vết thương. Mãi một lúc sau anh mới chậm rãi nói.

- Nghe anh nói đây. Bọn anh không giết ông Tạo, để hạng người ấy sống suy cho cùng không có hại gì cho mặt trận hết. Chính những sĩ quan cấp uý, binh sĩ miền Nam mới là những người đáng cho bọn anh phải nể sợ. Em ngồi xuống đi, nói cho anh nghe. Trực thăng nổ lúc nào? Sáng nay mấy giờ em rời ông ta?

Ai Dung sợ sệt nhìn Vũ, giọng cô lạc hẳn đi.

- Sáng nay anh ấy còn hôn em. Khoảng chín giờ sáng anh ra bộ tư lệnh lấy trực thăng. Bà vợ lớn gửi người đưa cho chú tùy viên đòn chả và gói bánh nói để trung tướng ăn trưa. Chú tài xế nói như vậy. Em không biết gì hết. Em về thẳng nhà.

Vũ khan giọng hỏi.

- Chết hết phải không?

Dung mếu máo gật đầu.

- Chuyến bay có cố vấn Mỹ không em?

- Không. Lần nào anh đi thị sát mặt trận cũng có cố vấn Mỹ đi theo. Trừ sáng nay, chú tài xế nói chỉ có hai sĩ quan tùy viên, phi công với hai ông nhà báo thôi. Ông cố vấn bay lên Kontum chưa về kịp.

Cô ngừng, hai tay ôm lấy bụng, gục mặt xuống bàn rồi nức lên, nước mắt chảy xuống bàn gỗ cứng, ướt nhèm hai gò má. Gò bụng chắc nịch của anh tan đâu mất rồi? Những cơ thịt săn mềm ấy. Biết bao lần chan chứa. Em thèm nhớ anh đến lịm người... ngày mới mon men chạm vào da thịt nhau, em cứ thủ thỉ với anh, đếm lui đếm tới những lần yêu nhau nửa chừng nửa đoạn - Anh thương đời em, còn trẻ quá, sợ có bầu, sợ khổ cho em. Đến chừng cầm lòng không nổi liều mạng xông vào nơi sâu thẳm nhất, rồi say đắm tràn bờ, lụt cả gối chăn. Cả em và anh chẳng lòng dạ nào ngồi đếm nữa.

Cô đột ngột ngửng lên, mếu máo chùi nước mắt nhìn đăm đăm vào mặt Vũ.

- Em có bầu rồi anh ạ. Em mới nói với anh ấy sáng nay.

Vũ nhìn cô, chết lặng người. Cô ngồi im, ngó chăm bẳm vào trống không, một lúc sau giọng cô khàn đi, nói với anh mà thầm thì như nói một mình.

- Em đau lòng quá. Chết như vậy thảm quá. Chú tài xế nói nổ ngay trong phi trường mà gom xác mãi không đủ nửa cái poncho.

Anh vẫn nhất định làm thinh. Cô tiếp tục lầm rầm như cầu kinh.

- Trời ơi, trực thăng bằng sắt còn tan ra từng mảnh, làm sao thịt xương của anh ấy chịu nổi. Đô la xanh, travellerõs cheques giấy tờ trong cặp samsonite bay tung tóe như truyền đơn. Chú tài nói lúc gom xác máu với thịt xương của anh dính cả vào tiền.

Vũ thở ra một hơi thật nặng, mặt anh dúm dó lại. Anh hoa cả mắt lên, anh thấy mặt cô cũng trơ ra như một đống thịt. Anh đan chặt hai bàn tay dính máu đè cứng lên mặt bàn. Ai Dung mở ngăn bàn lấy thêm bông gòn rụt rè đưa cho Vũ.

- Em xin lỗi lỡ tay làm đau anh, nhưng ai giết vậy anh?

Vũ mở tay ra, nhìn soi vào hai vực mắt hun hút của cô. Mới đó mà trông cô già hẳn đi rồi.

- Lúc nhỏ em thông minh lắm phải không? Em phải tự biết lấy chứ!

Hai dòng lệ từ mắt cô rụng xuống. Giọt lệ tròn mà như dao cứa trong lòng Vũ. Đôi mắt của cô xưng mọng lên. Khóc xong, tròng mắt ấy càng đục hơn. Cô mất sạch hết ngây thơ rồi./.

TÌM HIỂU TÒA ÁN NHÂN QUYỀN ÂU CHÂU

NGUYỄN VĂN THÀNH

Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua và công bố ngày 10/12/1948 đã trên nửa thế kỷ. Với 30 điều khoản, văn kiện lịch sử này không phải là một Hiệp Ước ràng buộc các quốc gia hội viên mà chỉ đưa ra một tuyên cáo về những nguyên tắc (*declaration of principles*) nhằm cổ võ sự tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do căn bản.

Theo cựu thẩm phán Toà án quốc tế Kotaro Tanaka, bản Tuyên Ngôn đó được coi như một sự hướng dẫn tổng quát và đề ra một Bộ luật kiểu mẫu dành cho cơ quan lập pháp thuộc các quốc gia hội viên giải thích để áp dụng luật nhân quyền (1). Như vậy, không có một điều khoản nào trong Bản Tuyên Ngôn định nghĩa "nhân quyền và các quyền tự do căn bản" cùng qui định "trách vụ pháp lý" buộc các quốc gia hội viên phải bảo đảm và bảo vệ các quyền nói trên.

Chiến tranh lạnh kéo dài gần nửa thế kỷ suýt đưa nhân loại vào cuộc chiến hủy diệt. Biết bao nhiêu vụ vi phạm nhân quyền trầm trọng và thô bạo như giam giữ không xét xử, tra tấn, hành hạ vô nhân đạo, bắt cóc, thủ tiêu, hành vi man rợ... đã không được đưa ra xét xử trước công lý. Các nước cộng sản nằm trong khối Sô Viết đả kích Bản Tuyên Ngôn đó cho rằng khối tư bản đã lạm dụng Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc để can thiệp vào chủ quyền của các quốc gia hội viên. Trong bối cảnh lịch sử đó, Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu ra đời do Công Ước Nhân Quyền Âu Châu (*The European Convention on Human Rights*) được 21 quốc gia trong Hội Đồng Âu Châu (*Council of Europe*) ký ngày 4 tháng 11 năm 1950 tại La Mã (Ý) và có hiệu lực từ năm 1954 cho đến nay. Sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, khối cộng sản tan rã, ta thấy có thêm 20 quốc gia tại Âu Châu phê chuẩn Công Ước đưa tới con số 41 nước.

Mang danh xưng Toà Án Nhân Quyền Âu Châu nhưng Tòa này không có thẩm quyền áp dụng luật hình để xét xử những vi phạm nhân quyền mà chỉ thẩm xét đơn khiếu tố của các nạn nhân thuộc các quốc gia ký kết đã không tôn trọng các quyền và tự do căn bản qui định trong Công Ước và các văn kiện phụ đính. Nếu có sự vi phạm nhân quyền, Tòa Án nói trên sẽ mời quốc gia bị kiện và nạn nhân ra Tòa để điều đình gọi là dàn xếp hữu nghị (*a friendly settlement-Article 38*) bằng cách bồi thường thỏa đáng cho nạn nhân. Trái lại, Tòa Án của các quốc gia ký kết Công Ước sẽ xét xử vi phạm nhân quyền theo luật lệ của nước đó không bị Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu chi phối hoặc kiểm soát (2).

Vì có sự phức tạp trong thủ tục dễ đưa tới sự ngộ nhận cho nên vào năm 2000 các nhà đối kháng trong nước đã kêu gọi sự hỗ trợ của cộng đồng hải ngoại Việt Nam bắt và đưa Lê Khả Phiêu, Tổng Bí Thư Đảng Cộng sản Việt Nam, khi công du Pháp Quốc, ra Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu về tội lạm dụng nhân quyền. Ngược lại, các nhà đấu tranh cho nhân quyền ở hải ngoại lại chú tâm nhắm vào Toà Án Hình Sự Quốc Tế và không ngớt tìm mọi cách đưa chóp bu Cộng Sản Việt Nam ra Tòa Án này về những tội phạm chống nhân loại và vi phạm trầm trọng nhân quyền.

Sự tranh đấu liên tục và kiên trì nói trên rất đáng được ca ngợi nhưng tiếc thay đã vấp phải trở ngại pháp lý lớn lao nên đã không đạt được kết quả mong muốn. Một trong những trở ngại lớn nhất là thẩm quyền lãnh thổ (*compétence territoriale-territorial application*). Hiện nay, trên thế giới, có hai Tòa Án Hình Sự Quốc Tế đang hoạt động có tính cách tạm thời và địa phương từ năm 1993 cho đến nay, bị giới hạn trong quốc gia Rwanda (Phi Châu) và Liên Bang Nam Tư cũ ở Âu Châu (Bosnia-Kosovo). Do đó, hai Toà Án này không thể nới rộng thẩm quyền tài phán tới các quốc gia khác để thụ lý những tội phạm chống nhân loại hay lạm dụng nhân quyền xảy ra tại Á Châu hay Mỹ Châu (*Security Council Resolution, 827 May 25, 1993 for the Former Yugoslavia-Resolution November 8, for Rwanda*). Vậy chúng ta chỉ còn trông đợi Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trực có thẩm quyền tài phán trên toàn cầu, theo sự dự đoán của nhiều luật gia tên tuổi, sẽ bắt đầu hoạt động vào năm 2002 hay 2004 nếu có đủ 60 quốc gia phê chuẩn (hiện đã có 36 quốc gia phê chuẩn) hoặc tìm một công thức khác.

Đề tài này sẽ được trình bày trong một bài khác.

Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập Công Ước Nhân Quyền Âu Châu và sự thiết lập Toà Án Nhân Quyền Âu Châu.

Mục I

Công Ước Nhân Quyền Âu Châu

1. ***Sự Ra Đời***

Hội Đồng Âu Châu được thiết lập năm 1949 và có 21 quốc gia hội viên sau: Áo, Bỉ, Cyprus, Đan Mạch, Pháp, Tây Đức, Hy Lạp, Ái Nhĩ Lan, Băng Đảo (Iceland), Ý, Liechtentein, Luxembourg, Melta, Hòa Lan, Na Uy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh.

Nhằm đoàn kết giữa các quốc gia hội viên cùng chung một di sản về truyền thống chính trị, lý tưởng, tự do và chế độ pháp trị, 21 nước nói trên đã ký Công Ước Nhân Quyền Âu Châu vào ngày 4/11/1950 tại La Mã (Ý) và sau đó ký thêm bốn văn kiện phụ đính có hiệu lực từ năm 1954 đến nay. Số quốc gia Âu Châu gia nhập Công Ước ngày một đông, trong đó có nhiều nước cộng sản cũ. Nay có thêm 20 quốc gia phê chuẩn Công Ước như Albania, Andorra, Bảo Gia Lợi, Croatia, Cộng Hòa Czech, Estonia, Phần Lan, Georgia, Hung Gia Lợi, Latvia, Lithuania, Moldova, Ba Lan, Lỗ Ma Ni, Nga, San Mario, Cộng Hòa Slovak, Slovenia, Macedonia và Ukraine. Tổng cộng có 41 quốc gia như đã đề cập trong phần dẫn nhập.

2. ***Quyền và Tự Do***

Các quốc gia ký kết phải bảo đảm thi hành các quyền và tự do căn bản qui định trong Công Ước và các văn kiện phụ đính liệt kê như sau:

a) Quyền sống;

b) Cấm cưỡng bức làm nô lệ, nô dịch hay lao động khổ sai;

c) Cấm tra tấn hoặc đối xử vô nhân đạo hay lăng nhục;

d) Quyền tự do và an toàn bản thân;

e) Không áp dụng luật hình có hiệu lực hồi tố (quá khứ);

f) Quyền được xét xử công bằng và nhanh chóng;

g) Quyền có đời sống riêng tư và gia đình;

h) Tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo;

i) Tự do phát biểu ý kiến;

j) Tự do lập hội và hội họp;

k) Quyền kết hôn và lập gia đình;

l) Quyền đòi bồi thường;

m) Cấm sự kỳ thị;

n) Cấm sự lạm dụng các quyền;

o) Quyền giáo dục;

p) Quyền tự do tuyển cử;

r) Quyền tự do cư trú và đi lại;

s) Quyền kháng án về các vụ hình sự;

t) Cấm giam giữ về nợ nần;

u) Bảo vệ tài sản;

v) Bãi bỏ án tử hình.

Qua sự trình bày các điều ở trên, ta thấy một số quyền ghi trong Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đã được đưa vào Công Ước Nhân Quyền Âu Châu. Khác với Bản Tuyên Ngôn, Công Ước này đã định nghĩa " các quyền tự do" cùng qui định "trách vụ pháp lý" buộc các quốc gia ký kết phải bảo đảm cho mọi người thuộc thẩm quyền tài phán của mình, các quyền được liệt kê trong Công Ước và các văn kiện phụ đính.

Đặc biệt có 37 quốc gia ký kết Công Ước đồng ý bãi bỏ án tử hình, ngoại trừ bốn nước Ba Lan, Albania, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ chưa phê chuẩn. Các nước chống án tử hình viện dẫn lý do: con người có quyền sống, tự do và an toàn bản thân thì không thể bị kết án tử hình hay bị hành quyết. Có nhiều nhà phê bình cho rằng áp dụng án tử hình là phi pháp và man rợ (3).

Mục II

Tòa án Nhân quyền Âu châu

(European Court of Human Rights)

Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu là một định chế quốc tế (*an international institution*) và trong một số trường hợp có thể nhận đơn khiếu tố của những người thỉnh cầu Toà thẩm tra quyền của họ ghi trong Công Ước Nhân Quyền Âu Châu đã bị vi phạm. Công Ước này là một Hiệp Ước và được một số quốc gia cam kết bảo đảm một số quyền căn bản. Những quyền đó được qui định trong Công Ước và bốn văn kiện phụ đính số 1, 4, 6 và 7. Ngoài ra, Toà còn có thẩm quyền giải thích hoặc áp dụng Công Ước cũng như các văn kiện phụ đính (4).

1. ***Tổ Chức***

a) Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu được thiết lập vào năm 1950 đặt trụ sở tại Strasbourg (Pháp).

b) Số thẩm phán bằng số quốc gia tham gia Công Ước, được Nghị Viện Âu Châu bầu với nhiệm kỳ sáu năm. Khi thẩm phán tới tuổi 70 thì nhiệm vụ sẽ chấm dứt.

c) Tòa có các cơ cấu sau:

- Một Uỷ Ban gồm ba thẩm phán xét đơn khiếu tố xem có hợp lệ hay không.

- Nhiều phòng xử (*Chambers*), mỗi phòng có bảy thẩm phán để thẩm tra về thủ tục dàn xếp hữu nghị.

- Một phòng xử chung thẩm (*Grand Chamber*)

gồm 17 thẩm phán xét đơn xin giải thích hoặc áp dụng Công Ước và các văn kiện phụ đính.

2. *Thẩm Quyền*

a) Nếu một trong số 41 quốc gia phê chuẩn Công Ước đã vi phạm một trong những quyền căn bản thì nạn nhân có thể khiếu tố trước Toà Án Nhân Quyền Âu Châu. Toà chỉ xét các quyền ghi trong Công Ước và các văn kiện phụ đính. Toà này không phải là Toà kháng án nên không thể bác đơn hoặc sửa đổi quyết định của Toà Án thuộc các nước gia nhập Công Ước.

b) Tòa chỉ xét trách nhiệm công quyền (lập pháp, hành pháp, các Tòa Án v.v...) của một trong các quốc gia ký kết Công Ước chứ không giải quyết những vấn đề riêng tư liên quan tới cá nhân hay các tổ chức tư nhân.

c. Tổ chức phi chánh phủ (*non-governmental organization*) hay một nhóm nạn nhân có thể nạp đơn khiếu tố trước Toà nếu một trong số 41 quốc gia đã vi phạm các quyền của họ.

d) Tòa chỉ nhận đơn khiếu tố nếu nạn nhân đã làm hết thủ tục như kháng cáo, kháng án, thượng tố hay phá án tại các Tòa thuộc quốc gia của họ. Khi đã có phán quyết của Tòa tối cao rồi thì nạn nhân có thời gian sáu tháng để khiếu tố trước Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu.

3. *Những vụ án tiêu biểu*

Kể từ khi được thành lập cho đến nay, Toà Án Nhân Quyền Âu Châu đã xét xử hàng trăm vụ. Người viết xin đề cập ba vụ tiêu biểu dưới đây:

A. Vụ Papon

(Case of Papon v. France)

Maurice Papon, 87 tuổi, cựu Tổng Thư Ký Hạt Gironde từ năm 1942 đến 1944, bị đưa ra Tòa Đại Hình Bordeaux (Pháp) xét xử ngày 8-10-1997 về "những tội phạm chống nhân loại." Bị cáo đã ký lệnh giao 1950 người Do Thái cho Đức Quốc Xã để đưa họ vào trại tử thần Auschwitz (Ba Lan). Sau Đệ Nhị Thế Chiến, bị can giữ nhiều nhiệm vụ quan trọng như Cảnh Sát Trưởng Ba Lê, Đại Biểu Hạt Cher và Tổng Trưởng Ngân Sách năm 1978.

Ngày 2-4-1998, bị can bị kết án 10 năm cấm cố (*10 ans de réclusion*) về "*tòng phạm những tội chống nhân loại.*" Y can được tại ngoại từ đầu vụ án nên khi xin phá án vẫn được tự do tạm. Trong lúc chờ phán quyết của Tòa Phá Án (*Cour de Cassation*) ngày 1-10-1999, bị can trốn sang Berne (Thụy Sĩ) với ba thông hành giả mạo. Sau 11 ngày ẩn trốn tại một khách sạn tại nơi trượt tuyết ở Staad, bị can bị bắt và bị dẫn độ bằng phi cơ trực thăng về nhà giam tại vùng ngoại ô Ba Lê.

Dựa vào điều 3 Công Ước, Papon 91 tuổi, khiếu tố ngày 12/01/2001 trước Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu về sự giam giữ người lớn tuổi và bệnh hoạn là vô nhân đạo và lăng nhục.

Ngày 8-6-2001, Toà Án Nhân Quyền Âu Châu đã bác đơn khiếu nại của Papon viện dẫn lý do không có một nước nào trong Hội Đồng Âu Châu ấn định giới hạn tuổi tác của phạm nhân cao niên. Ngoài ra sự giam và đối xử không đạt tới mức nghiêm trọng qui định trong điều 3 của Công Ước.

Đây là lần đầu tiên một nhân viên cao cấp Pháp bị kết án tù về "*tòng phạm những tội phạm chống nhân loại*" xảy ra cách đây trên nửa thế kỷ dưới chính quyền Vichy cộng tác với Đức Quốc Xã.

Phản ứng của dân chúng Pháp rất khác nhau về vụ án Papon. Trong cuộc họp báo, Luật sư Varaut, bào chữa cho Maurice Papon, đã phản ứng với lời tuyên bố như sau: "các thẩm phán đã xét xử Lịch Sử, một ngày nào đó Lịch Sử sẽ phán xét các thẩm phán" (*les juges ont jugé l'Histoire, un jour l'Histoire jugera les juges* - Le procès Papon).

(*Press release issue by the Registrar-Case of Papon V. France-Application No 64666/01*)

B. Vụ 25 dân thiểu số Hung Gia Lợi xin tị nạn chính trị

(*Case of Józef Kraszinai and 24 others V. Hungary inadmissible*)

Vào năm 2000, 25 dân thiểu số Hung Gia Lợi và một số trẻ em đi theo, đã rời bỏ nước đến Pháp xin được hưởng qui chế tị nạn.

Các đương sự khiếu nại nhà cửa của họ ở làng Zámoly bị phá hủy một cách trái phép, buộc họ phải sống tạm tại nơi khác hơn ba năm. Trong thời gian đó, họ bị ngược đãi về chủng tộc, bị đánh đập và bị tấn công nhưng chính quyền Hung Gia Lợi không đảm bảo an toàn bản thân cho nhóm người đó. Con cái của họ bị kỳ thị phải theo các lớp học riêng biệt. Các đương sự viện dẫn chính phủ Hung Gia Lợi đã vi phạm các quyền trong Công Ước và các văn kiện phụ đính như tự do và an toàn bản thân, quyền được xét xử công bằng, quyền giáo dục, bảo vệ tài sản và cấm sự kỳ thị.

Ngày 8 tháng 6 năm 2001, Toà Án Nhân Quyền Âu Châu gồm ba thẩm phán đã bác đơn khiếu tố viện dẫn lý do các đương đơn đã không tận dụng mọi phương cách trong thủ tục xin kháng cáo, kháng án và thượng tố trước Tòa Án Tối Cao của quốc gia đương sự.

(*Press release issued by the Registrar-Application number 59329/00)*

C. Dàn Xếp Hữu Nghị

Một nhóm 208 nạn nhân Ý truyền máu vào thập niên 1980 bị nhiễm siêu vi khuẩn viêm gan

B hay C hoặc bệnh liệt kháng AIDS-HIV, dựa vào điều 6 khoản 1, khiếu nại thủ tục dân sự tố tụng kéo dài từ ba năm đến sáu năm.

Vụ trên đã được giải quyết bằng sự dàn xếp hữu nghị bồi thường cho mỗi nạn nhân từ 5,000,000 đến 90,000,000 đồng *lire*, đơn vị tiền tệ Ý Đại Lợi (tính trung bình mỗi người lãnh 60,000,000 đồng lire) và không phải trả án phí 80,000,000.

(*Mas. A. and others V. Italy- No. 53708/00 Chamber Judgment Concerning Italy*)

Kết luận

Công Ước Nhân Quyền Âu Châu đã đi những bước đầu tiên về sự định nghĩa nhân quyền và các quyền căn bản cùng đặt ra trách vụ pháp lý mà từ trước cho đến nay chưa có văn bản quốc tế nào qui định đầy đủ như vậy. Việc thiết lập Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu nhằm phục vụ nhu cầu tiên quyết để bảo vệ nhân quyền tại các quốc gia trong Hội Đồng Âu Châu. Mặc dầu không hoàn hảo, Công Ước đã để lại các bài học sau:

1. *Những vụ vi phạm nhân quyền ở Âu Châu đã giảm*

Nhờ các cuộc điều tra vi phạm nhân quyền đúng lúc và kịp thời đã ngăn chặn sự lạm dụng nhân quyền của cơ quan hành pháp, đặc biệt đối với các lực lượng an ninh, dân sự cũng như quân sự, đi trái với tinh thần của Công Ước. Vấn đề bao quát và quan trọng nhất là phải bảo vệ cá nhân chống lại sự tra tấn, đối xử tàn ác, trừng phạt vô nhân đạo và lăng nhục.

Một mặt, Tòa Án hình thuộc các quốc gia hội viên, dựa vào luật lệ được thay đổi phù hợp với Công Ước, đã xét xử mau chóng những vi phạm trầm trọng nhân quyền, và mặt khác, một cơ cấu chính trị như Ủy Ban Liên Bộ cùng với Tòa Án Nhân Quyền Âu Châu, qua thủ tục hành chánh hay tư pháp, điều đình để bồi thường thỏa đáng cho nạn nhân mà quyền của họ bị xâm phạm. Nhân viên cao cấp trong chính quyền có trách nhiệm canh chừng và kiểm soát thuộc cấp trong việc tôn trọng và thi hành triệt để các điều khoản trong Công Ước. Do đó, sự vi phạm nhân quyền đã giảm rõ rệt tại Âu Châu.

2. *Những tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền (International norms on human rights)*

Công Ước Nhân Quyền Âu Châu không phỏng theo bất cứ một Tuyên Ngôn Nhân Quyền riêng nào như của Anh, Pháp hay Mỹ mà chỉ đưa một số quyền trong Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền vào Công Ước. Vì có sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, xã hội, chính trị, luật pháp và triết thuyết cho nên cần phải có một mẫu mực chung cho sự định nghĩa và bảo vệ nhân quyền cho 41 quốc gia hội viên dễ dàng chấp nhận để thống nhất hành động trong việc tôn trọng và thực thi nhân quyền cho tất cả mọi người trong cộng đồng Âu Châu.

Công Ước Nhân Quyền Âu Châu chỉ có hiệu lực trong khu vực nhưng được đem ra thực hành đã để lại nhiều kinh nghiệm quí báu cho các nhà soạn thảo luật nhân quyền hiện được Liên Hiệp Quốc bảo trợ.

Ngày nay nhân quyền không còn là danh từ suông hay trừu tượng nữa mà đã trở nên một đức tin, một khát vọng của loài người muốn được sống trong nền hòa bình vĩnh cữu với những quyền căn bản của con người dưới một mái nhà của đại gia đình các dân tộc trên trái đất này. Chiến tranh đã bị đẩy lùi và hòa bình đã được tạo dựng trong cộng đồng thế giới. Hòa bình chỉ có giá trị nếu nhân quyền được tôn trọng và bảo vệ.

Lịch sử đã chứng minh cho ta thấy nhân quyền rất đáng được bảo vệ cho dù chúng ta có phải đổ máu. Nhân loại đã hy sinh biết bao nhiêu nhân mạng và chịu đựng sự tàn phá khủng khiếp trong hai cuộc chiến, đặc biệt vào thế chiến thứ II do quân phiệt Nhật và Đức quốc xã gây ra để đi tìm kiếm và kiến tạo một nền hòa bình lâu dài trong đó không thể thiếu bốn quyền tự do được Tổng Thống Franklin D. Roosevelt đề ra vào năm 1941 trong khi cuộc chiến diễn ra vô cùng khốc liệt.

Sau khi Thế Chiến II chấm dứt, ta thấy nhân quyền đã được truyền bá rộng rãi và phát triển mạnh mẽ được coi như một điều kiện không thể thiếu trong một xã hội thực sự dân chủ. Đó là điều kiện thiết yếu làm nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới.

Hậu thế sẽ mãi mãi tri ơn hai vĩ nhân, Thủ Tướng Winston Churchill và Tổng Thống Franklin Delano Roosevelt cùng Bà Eleanor Roosevelt đã đóng góp biết bao công sức vào việc soạn thảo và thực hiện Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền vừa mang một đức tin vừa có tính cách pháp lý để ngăn ngừa sự tàn bạo và man rợ không bao giờ còn xẩy ra trên hành tinh này nữa.

Chú thích:

(1) Kotara Tanaka, *Some observations on Peace, Law and Human Rights* - Transnational Law in a changing society. Essays in honor of Philip C. Jessup.

(2) Notice for the attention of persons whishing to apply to the E)uropean Court of Human Rights.

(3) Protocol No 6 Convention for the protection of human rights and fundamental freedoms concerning the abolition of the death penalty.

(4) J.E.S. Fawett - *The application of the European Convention on Human Rights* - Transnational Law in a changing society-Essays in honor of Philip C. Jessup.

XÔI

LÊ MINH HÀ

Nhận được cái phong bì to lồng phồng thơm mùi nước mắm, vợ chồng cười ầm ĩ khiến thằng con gần ba tuổi cũng nhảy chồm chồm reo hò góp giọng. Không thể hiểu được vì sao cái phong bì nặng thức ăn vật chất như thế lại có thể từ Mỹ tới được nơi này. Lại còn thêm nỗi ngạc nhiên và cảm động: Lá thư gửi kèm theo là lời dặn hãy nắm cơm để cho thằng cu ăn với ruốc. 'Ruốc'. Chứ không là 'thịt chà bông'. Dù người viết thư gửi ruốc chưa một lần được đặt chân lên quê nhà đất bắc.

Trong khi chờ chồng khoẻ tay và giỏi chịu nóng nắm cơm cho thì nấu trước nồi xôi trắng cho thằng cu ăn vậy. Nhẩn nha ăn miếng xôi đáy chõ cùng vài ba sợi ruốc, lại nhớ bà, nhớ mẹ, nhớ hàng xôi đầu ngõ ngày xưa mẹ thường dặn ra ăn cho chắc dạ mà ngồi nghe giảng sau khi đã dúi cho ba hào. Nhớ đĩa xôi lần đầu tiên tập nấu để cúng mẹ. Nhớ hàng xôi nóng ăn với thịt kho trứng, hay giò kho trên Cấm Chỉ. Nhớ gói xôi hoa cau bà bọc lá chuối gửi cho cùng với đĩa chè kho. Ôi nhớ...

*

Bây giờ ở nhà mọi người cũng nói 'ba hào', nhưng là để chỉ 'ba trăm' trong thời buổi đồng tiền mất giá. Đồng hào thật thì giờ chỉ còn có thể tìm mua ở một vài hàng lưu niệm trên quãng Hàng Gai. Ngày trước, lo được cho con mỗi sáng ba hào xôi nóng, thế là mẹ mát lòng mát dạ.

Xôi sáng thì nhiều chủng loại. Người thích đĩa xôi trắng ăn với lạp xường. Hạt gạo nếp bắt đầu trong lại trên chõ thì đã đến lúc đặt lạp xường vào hấp cùng. Chiếc lạp xường khô kín đáo hồng lên, mọng lên, tươm mỡ trên những hạt xôi đang dẻo dần trong chõ. Xôi ấy thì không có giá ba hào, thường dành cho người lớn nhà khá giả. Ăn xong, sà qua hàng nước gọi chén chè nóng thì 'bố tướng'.

Cũng không có giá ba hào là xôi vò chè đường. Bát chè bột sắn để nguội xếp trong thúng, bát chè đậu xanh đánh, tùy lòng khách, bà hàng nhè nhẹ lấy ra, nhè nhẹ xúc mấy thìa xôi tơi từng hạt đổ lên trên, những hạt xôi vàng cái màu nắng nỏ chất phác hiền lành của đỗ. Thức quà này ăn mùa đông không hợp. Phải vào cữ này đây, tháng ba, khi ở những đầu làng xa bông hoa gạo đầu tiên đã gọi về đàn chim sáo.

Rẻ, nên cũng chắc dạ hơn nhiều là xôi lạc, xôi vừng dừa, xôi đỗ, xôi lúa hay xôi xéo. Ngõ nào cũng có hàng xôi. Người bán thường là dân không chuyên, hoặc mới vào nghề khi đã thôi nghề khác hay về hưu sớm, hoặc tranh thủ làm một chõ xôi kiếm thêm dăm ba ngàn don góp lại cho con đóng học. Xôi vừng dừa, ngọt dịu, thơm, ăn ngon nhưng chóng ngấy. Xôi lạc, tôi ít ăn vì... có thể ăn ở nhà. Và vì tôi thực chỉ thích vị xôi lạc gói lá chuối khô bà đùm cho để ăn đường mỗi bận từ quê ra Hà Nội thời sơ tán. Cái mùi lá chuối khô hung húc ấy thân thuộc bao nhiêu với đứa trẻ Hà Nội đã có bao nhiêu năm tháng sống nơi đất làng.

Thích bao nhiêu là gói lá sen đùm nắm xôi lúa hay xôi xéo. Hàng xôi lúa xôi xéo thì ít khi là hàng xôi mới, bao giờ cũng là một người đàn bà ngồi nơi ấy mấy mươi năm ròng, lắm khách quen. Màu lá sen xanh xốp, mùi lá sen thơm, những hạt

ngô tròn, rất mềm, xôi ít thôi, lẫn trong ngô, nấu từ loại nếp cũng thường thôi, đỗ xanh xát sạch vỏ đồ và giã kỹ nắm thành từng nắm tròn tròn bà hàng sẽ dùng con dao bài xắt vài ba xắt mỏng tơi lên trên nắm xôi, rồi rưới một thìa mỡ hành phi đến độ. Động tác này bà hàng làm khoan thai lắm, và đỗ với mỡ hành thì bà 'ky' lắm. Ngay cả lúc ngồi ăn tại hàng tôi vẫn thích mở gói lá sen, nhúm từng nhúm đưa lên miệng hơn là cầm thìa ăn xôi từ bát nhỏ, rồi chực lúc bà hàng vãn khách thì chìa nguyên cả gói lá sen ra xin thêm chút mỡ hành vừa béo vừa thơm mà ở nhà chị tôi khéo tay đến thế cũng không thể nào phi ngon hơn được.

Xôi xéo Hà Nội... ăn vào những sáng thu mây đã bắt đầu cao và nắng đã bắt đầu tư lự vàng rười rượi, một hôm rỗi việc dậy muộn biết chả phải làm gì ngoài đi chợ nấu cơm... Hay vào những lúc cuống quýt chỉ kịp dừng xe tắt máy trao tiền nhận gói xôi, ăn khi có giờ trống tiết, một mình ngồi trong phòng hội đồng nhìn ra sân trường ảm đạm dưới một trời mây xám... Lúc nào cũng ngon như nhau cả, dù cái ngon, trong những thời khắc khác nhau những mùa mưa nắng khác nhau luôn riêng nỗi đậm đà. Bao nhiêu người đã nói tới phở Hà Nội, đã nhắc nhớ những anh hàng phở Hà Nội, đã kể về những bà bún chả và bún ốc, mà dường như chưa có lời nào dành cho mùi xôi xéo thơm rất ấm, rất ân cần. Dưới một gốc cây đầu ngõ. Bên bức tường lên rêu của một ngôi nhà trên phố. Từ lúc trời còn chưa tạnh cơn mưa lúc gần sáng đã thơm rồi. Thơm theo vai những người đàn bà đứng tuổi một mình gồng gánh nỗi chồng nỗi con suốt bao năm. Chỉ đỗ chỉ ngô chỉ gạo nếp chỉ hành mỡ, những người đàn bà ấy đã làm nên cơ nghiệp của cả một làng Hà Nội - làng Tương Mai, suốt một thời.

Tôi không ăn được bao nhiêu của nếp, nhưng tôi thích cái mùi xôi xéo. Từ thuở mẹ đưa tiền còn dặn kỹ ăn xôi cho chắc dạ trước khi vào lớp, cho tới những ngày mới mười hai tuổi đầu sau khi mất mẹ, thương bố mà bày trò không thích ăn sáng giữ eo. Ngồi truy bài sớm, dưới tán bàng xuân lá đã chuyển từ màu đỏ sơ sinh sang màu bánh tẻ, thơm bên này, thơm bên nọ cái mùi xôi xéo của bạn bè, khôn nguôi nhớ, mẹ, và những ngày chưa cũ đã phút chốc thành xa xôi.

Xôi nhà thổi lấy thì tùy ngày có việc mà mua gạo mua đỗ và các linh kiện kèm theo. Xôi trắng thì phải là nếp thật ngon, gạo phải trắng, phải đều, hạt xôi đồ lên phải mọng và thật dẻo. Lên chùa lên đình người ta hay thổi xôi này. Xôi ấy, ông bà họ nào gửi cho một nắm gói trong lá chuối tươi hơ lửa cùng vài ba miếng thịt gà luộc thì thật là... Mà xôi ấy, nếu đem đóng oản lại còn ngon lên mấy bậc.

Xôi gấc cho ngày cưới xin thì phải thực đỏ, thực ngọt, và óng mỡ. Thứ xôi này nhà tôi cũng hay nấu vào hôm ba mươi tết. Gấc nếp bổ đôi vét sạch ruột vào bát lớn, thêm lưng lưng chén rượu trắng đánh thật nhuyễn cho dậy màu, rồi trộn đều với nếp cái hoa vàng đã ngâm nở như con ong non, đồ lên vừa được thì trộn đường với mỡ gà. Tới công đoạn này là lộ tài của người ngồi bếp, vì quá tay thì xôi nát, mà kiệm mỡ đường quá thì không đủ béo đủ ngọt, không ra xôi gấc. Đẹp nhất có lẽ là thứ xôi này. Nhìn đĩa xôi đỏ óng loáng thoáng những hạt gấc màu nâu sẫm đầy vẻ tạo hình, chưa muốn lấy chồng cũng tự dưng mong thầm cỗ cưới của mình cũng phải ấn tượng như thế. Mà tôi có cảm giác thứ xôi này chỉ hợp với thung thổ và khí hậu đồng bằng Bắc bộ, khi mà ngoài kia mưa lây phây hay nắng hanh hao gió bấc về, ai cũng cảm như cần thêm chút ấm. Tôi tin là dưới nắng trưa kỳ diệu của đất Sài Gòn, xôi gấc sẽ... kém duyên.

Lành hiền thì có xôi hoa cau ngày giỗ tết. Là thứ không thể không có nhưng lại không nhất thiết phải ăn ngay trong bữa, mà thường khi lại để xẻ nửa đĩa một cho cháu này cháu khác trong nhà vì bận đột xuất không đến được đúng bữa giỗ cụ giỗ kỵ. Bà tôi hồi còn sống mồng một tết bao giờ cũng thổi xôi hoa cau bày đủ năm ngày trên bàn thờ cùng với đĩa chè kho. Mồng năm hạ lễ, đĩa xôi phần trên cứng đanh lại, tàn hương phủ đầy. Xôi hoa cau đổ lại mà ăn với chè kho bà nấu từ độ tết, đủ vị mật mía, thảo quả, quế, đỗ ho... tôi, dù vốn ghét từ đường tới nếp cũng vẫn tiếc rẻ xán vào chờ bà đơm cho một đũa. Ngoài kia giêng hai rồi đấy, mái bếp bà mới nhờ người lợp lại cuối vụ mùa năm trước ải màu xuống sau cả tháng mưa phùn ướt át, cây xoan đầu ngõ cành đã phơi phới hơi xuân, chẳng mấy nữa lại đến kỳ hoa bưởi rụng...

Xôi ngô, xôi lạc, xôi vừng dừa, xôi đỗ hay xôi xéo bao giờ cũng được ăn vào cữ sáng, và dành cho mọi giới, từ người có của cho tới người thiếu ăn chạy bữa quanh năm. Xôi vò chè đường thì 'vô tư', ăn lúc nào trong ngày cũng được. Nhưng xôi trắng ăn cùng giò kho, trứng kho, thịt kho, ba tê kho... thì cơ chừng ngon nhất lại là vào lúc thành phố lên đèn. Mà phải ở đầu Cấm Chỉ, chỗ

xeo xéo Cửa Nam. Từ một cái nhà vừa tối vừa thấp, chỉ sau mấy năm đặt bàn đặt ghế ra vỉa hè bán thứ xôi này, nhà hàng đã xây nhà ba bốn tầng và hình như còn mua thêm cả mấy gian lân cận. May quá, hàng không vì thế mà kém phẩm, như thói thường trong lối hàng họ của dân mình. Tôi thích ghé hàng xôi này vào những hôm có giờ dạy thêm buổi tối. Nhà hàng rộng ra, nhưng cái bàn cái ghế đặt nơi vỉa hè thì vẫn bé vẫn chênh vênh vậy. Từng thúng xôi trắng bốc hơi nghi ngút được khuân sang từ cái gian đối diện bên đường. Chưa thấy hàng xôi nào đồ xôi khéo đến thế. Hạt nếp cứ no tròn, dẻo hết mình. Rõ là dôi. Cô bán hàng còn trẻ, gương mặt xinh xinh và đanh đá tay năm tay mười đơm xôi và lấy giò lấy thịt lấy trứng kho tùy theo khách gọi. Bao nhiêu đổi trao chỉ còn dừng lại ở những 'vâng' 'dạ' 'thêm ạ' 'tiền thừa đây ạ' và những tiếng gọi người nhà vóng lên chói lói của cô hàng 'hết xôi rồi'. Ăn xôi ở hàng này nhiều khi phải chờ chõ xôi mới chín, thật chẳng khác ăn phở tổ phục vụ vừa ngon vừa rẻ đầu Lý Quốc Sư cái thời còn tem phiếu. Xôi trắng ăn với trứng, thịt, giò chả, rưới đẫm nước kho giò kho thịt mà không nát, lại còn kèm kiệu muối. Thật là phi truyền thống. Ngon lạ lùng. Cứ thử gọi xôi với ba tê kho mà ăn. Khéo lại là ngon nhất. Hai ngàn một bát vơi vơi, đủ làm lửng dạ những người như tôi bận bịu không về kịp bữa cơm chiều. Còn cái anh chàng đi Dream ngồi cạnh tôi thì chơi liền ba bát ba (1). Mưa mùa đông nhỏ giọt từ tấm bạt giăng trên hè phố, ngồi bên cái lò hồng rực trên đặt nồi thịt kho trứng sôi âm ỷ, nhẩn nha ăn từng hạt xôi nóng, nghe loáng thoáng mấy người chắc quen nhau vừa ghé ngồi bên cạnh chuyện tào lao, nghĩ lan man về những gì sẽ phải nói vào giờ dạy thêm sắp tới, thỉnh thoảng đá mắt ra chỗ dựng cái xe máy, cái thú này ngoài Hà Nội còn có ở nơi nào nữa không?

Mà có nơi nào nữa còn cái thú ăn xôi đêm? Xôi bánh khúc. Cuối tuần được quyền ngủ muộn, đọc sách hay chuyện vãn khuya, bất chợt nghe tiếng rao đầu ngõ: 'Khúc đây, khúc nóng đây!' Đêm mùa đông, bà bán hàng ghé thúng vào thềm, lật cái vỉ buồm, xới xôi và nhận tiền, rồi tiếng rao lại xa dần theo cơn gió bấc thổi dạt dào trên phố. Ăn miếng bánh khúc bùi và béo, dính những hạt xôi rất mềm, vừa khen thành tiếng vừa nghĩ phục quá những người đã bằng tiếng rao của mình mang lại cho thành phố một gương mặt âm thầm không thể nào quên nổi. Mấy năm sau này, bà bánh khúc dạo nào không thấy tới, đêm đêm lại nghe tiếng rao rất to của một thằng bé chừng hơn mười tuổi. Thằng bé không đội thúng bánh trên đầu mà đèo bằng một cái xe đạp. Có một đêm mưa, to lắm, tôi nghe thấy tiếng rao của nó dội trong mưa, và tiếng bánh xe đạp xé nước gần lại. Mất ngủ. Nghĩ tới tiếng rao chưa biết giữ sức của thằng bé bán bánh còn nhỏ hơn học trò mình, nghĩ tới những ngõ phố nước ngập, nghĩ tới những đoạn đường vừa sửa xong lại bị phá để... sửa và những cái cống mất nắp đang chìm dưới nước, nghĩ tới những hàng cây cao đang vặn mình ngoài phố và những cột đèn đường ngả nghiêng chực đổ, nhớ dáng thằng bé nhoài người đạp với cái xe dành cho người lớn, từng lúc lại nhảy thẳng vào dòng nước đen như đêm đang dềnh lên trong cơn mưa, nghiêng áo tơi che cái thúng khi có người gọi bánh... Đêm ấy, tôi đã thấm thía tận cùng nỗi bất lực của con người, nỗi bất lực của 'lòng thương nhỏ' (2).

*

Qua thời bao cấp, Hà Nội chuyển mình, lại giống như ngày xưa, như cái thời tôi chưa được sinh ra vẫn trở về trong câu chuyện của người lớn ở nhà. Hà Nội lại là thành phố của ăn 'chơi' và công việc. Miếng ăn chưa phải là thừa nhưng đã không còn là mối bận lòng của nhiều gia đình. Tiện lắm! Rằm mồng một có thể ra hàng gọi lấy đĩa xôi như ý đặt lên bàn thờ cúng cụ, chả phải lo đãi đỗ và ngâm gạo. Mà đến những thức xưa vốn chỉ có trong những dịp cưới xin tết nhất như xôi gấc thì nay cũng đã thành hàng hóa để bán mua. Tiện thật! Nhưng thế sẽ không còn cảnh mẹ lụi cụi ngồi giã ruốc và nghĩ tới ngày phát lương mua cân nếp về đồ xôi cho con ăn sáng. Sẽ không còn cái háo hức được bà nắm cho nắm xôi chim chim sau khi đã đơm đủ đĩa đặt bàn thờ ngày giỗ chạp. Sẽ không dễ cảm hết cái ngon từ vò từ xéo của những hạt xôi cơ nghiệp biết bao nhà. Mà cũng sẽ không còn có dịp nhắc với mình niềm thương cha mẹ, ngùi ngùi, không thể nào tả được khi nhớ lúc mẹ gọi lại phát cho tiền ăn sáng trước khi đi học...

Kể cũng là dớ dẩn, khi ngồi tiếc. Nhưng mà khi nhớ thế, thì lại thấy kể cũng là đáng tiếc, phải không?

21.3. 2001

Chú thích:

1. Bát ba: bát giá ba ngàn (thời điểm đầu những năm 90)
2. Chữ dùng của Nguyễn Huy Thiệp (Vàng lửa)

CHUI

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Từ hang Pắc Bó chui ra
vươn vai một cái rồi ta chui vào.
(Ca dao tân thời)

So với những động tác thông thường khác như nằm, ngồi, nhẩy, đứng, xoay, nghiêng, ngửa, nhổm, cúi, với, lăn, lộn, vặn, ngoái, chồm ... thì chui là chuyện không thường thấy ở loài người - nhất là những người đã qua thuở ấu thời. Cơ thể chúng ta, rõ ràng, không thích hợp với chuyện chui nhủi hay trườn bò - như những động vật khác.

Rắn, cá, gà, chó, mèo, ngan, ngỗng, vịt, chim, chồn, cáo, cọp, beo, sóc, trăn, nai, nhím, mển, thằn lằn, kỳ nhông, kỳ đà, tắc kè, cắc ké, chuột, bọ... đều hay chui hơn loài người. Giun, sán, bọ hung, bọ xít, bọ rầy, bọ ngựa, bọ cam, bọ quýt, bọ dừa, bọ cạp, dế, gián... cũng thế.

Tuy vậy, những sinh hoạt như - ăn chui, ở chui, uống chui, ngủ chui, tắm chui, nhảy chui, đi chui... lại không hề có trong thế giới của loài vật mà chỉ phổ biến trong xã hội loài người - nhất là những người sống ở Việt Nam (và các nước xã hội chủ nghĩa anh em), khi mà đảng cộng sản còn cai trị ở nơi đây. Chỉ tại những xứ sở này mới có những sản phẩm và sinh hoạt chui - đại loại như: cà phê chui, phở chui, tu sĩ chui, bác sĩ chui hay viết chui, đọc chui, nghe nhạc chui, họp hành chui, nhảy đầm chui, dậy chui, học chui, nghe giảng chui, cứu lụt chui, làm lễ chui, chịu lễ chui, dự lễ chui...

Vì phở quốc doanh "không có người lái", cà phê quốc doanh không có người uống, cửa hàng quốc doanh không có hàng bán, tu sĩ quốc doanh không có tín đồ, bác sĩ quốc doanh không có bệnh nhân, văn sĩ và thi sĩ quốc doanh không có độc giả ...; do đó, mới có phở chui, cà phê chui, hàng hóa chui, bác sĩ chui, tu sĩ chui , văn sĩ chui, thi sĩ chui ...

Với thời gian, những sản phẩm và những hoạt động quốc doanh mỗi lúc một thêm tồi tệ, và khả năng bao cấp của nhà nước mỗi lúc một thêm xuống cấp nên những sản phẩm và sinh hoạt chui (từ từ) biến dạng. Chúng biến nhanh đến độ cả nước phải ngỡ ngàng và cả Đảng phải bàng hoàng. Cà phê chui *(underground)* bỗng trở thành cà phê internet.

Và đây không phải là hiện tượng "chui lên" (rất đáng phàn nàn) duy nhất. Như mới hôm nào, nông dân còn nhẫn nhục trồng chui vài ba liếp rau, nuôi lén con gà con qué để cải thiện rồi tự nhiên... cả tỉnh Thái Bình đùng đùng nổi giận và nổi loạn.

Tương tự, tu sĩ và giáo dân của mọi tôn giáo cũng thôi kiếp sống chui nhủi mà họ đã phải chịu đựng từ hơn nửa thế kỷ qua. Họ đã cương quyết đứng lên đòi lại quyền " **tự do tôn giáo hay là chết,**" và sẵn sàng vào tù hay tự thiêu để bày tỏ sự quyết liệt của mình.

Chưa hết, làm lễ chui tuốt ở trên núi như những đồng bào sơn cước thì ai mà biết và ai mà để ý, vậy mà người Thượng cũng đã quyết định thôi... chui. Họ đứng dậy đòi lại đất đai và quyền tự do tôn giáo đã bị cướp đoạt từ bao lâu nay.

Cũng vậy, chuyện đàn đúm và hội họp chui trong thời gian vừa qua đã được Đảng và Nhà Nước làm ngơ mà giới sĩ phu Bắc Hà vẫn chưa bằng lòng. Họ được chân lân đầu. *Họ mạnh dạn xé rào mà bước tới.* Bữa nay có ông còn đòi lập đảng và qúi ông qúi bà khác thì đòi lập hội này hội nọ...

Nói tóm lại là toàn dân (bỗng) hết chịu chui. Đã đến hoàn cảnh này thì Đảng và Nhà Nước đành... chui! Theo nguồn tin của AP đánh đi ngày 27 tháng 9 năm 2001 thì trước đó một hôm, nhà đương cuộc Việt Nam đã lập hai toà án chui tại Đắc Lắc và Gia Lai để xử lén 14 người dân sơn cước từ 6 đến 15 năm tù - về những tội danh như sau: "xúi dục nổi loạn," "làm mất an ninh công cộng" và "chống chính phủ" - vào tháng Hai vừa rồi.

Bốn ngày sau, ngày 1 tháng 10, Reuter loan

tin rằng cả Tổ Chức Theo Dõi Nhân Quyền lẫn Hội Ân Xá Quốc Tế đều đã lên tiếng tố giác "những phiên toà chui áp đặt những bản án khắc nghiệt cho mười bốn người thiểu số" (closed trials to impose harsh prison terms on fourteen minority people).

Hai tuần sau nữa, trong một vụ xử chui khác - tại tỉnh Thừa Thiên, vào ngày 9 tháng 10 năm 2001 - linh mục Nguyễn Văn Lý cũng bị lãnh án 15 năm tù vì đã: " vi phạm luật quản chế " và " phá hoại đoàn kết dân tộc" *(Ly was found guilty of violating a probationary order and the more serious charge of "undermining national unity"*. "Priest's 15-Year Jail Term A Blow To Reform Efforts." South China Morning Post, 22 October, 2001).

Cùng vấn đề này, trong bản tin của báo *Người Việt*, số ra ngày 20 tháng 10 có nhiều chi tiết thú vị hơn: *"Trong một phiên xử kín chỉ có một buổi, chỉ những người có giấy phép tham dự mới được vào, và kẻ bị lôi ra tòa không có quyền biện hộ, không có luật sư, Linh mục Nguyễn Văn Lý năm nay 54 tuổi, bị kết án 15 năm tù về hai tội danh: Không thi hành lệnh quản chế (2 năm tù) và phá hoại đoàn kết dân tộc (13 năm)".*

Bản án 15 năm dành cho những người dân sơn cước và linh mục Nguyễn Văn Lý (nghe ra) có vẻ hơi dài, nếu so với những ngày tháng còn lại - có thể đếm được - của chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Trong bản tin "Về Cuộc Đấu Tranh Cho Tự Do tôn Giáo Ở Huế" (phát hành ngày 9 tháng 10 năm 2001), có một tiểu mục mang tựa đề ngộ nghĩnh như sau: "Bọn cướp ngày đang âm thầm 'làm đêm' tại Thiên An." Khi một chế độ phải sử dụng quyền tư pháp lẫn hành pháp vào "ban đêm" như thế có nghĩa là nó sắp phải... chui - đúng như sự dự đoán của dân gian:

Từ hang Pắc Bó chui ra
Vươn vai một cái rồi ta chui vào.

Vấn đề hiện tại cần quan tâm, theo thiển ý, không phải là sự an nguy của đồng bào Thượng hay của linh mục Nguyễn Văn Lý mà là sự chuẩn bị (tối thiểu) để xây dựng lại quê hương - sau khi bọn ngợm chui trở lại vào hang. Chúng ta có quá nhiều tổ chức, quá nhiều hội đoàn và quá nhiều "lực lượng" (cùng với vô số những hoạt động không cần thiết) nhưng - dường như - không có ai lưu tâm đến những việc "tối thiểu" nói trên./.

TRẦN HUY SAO

ĐƯỜNG TRĂNG XƯA NAY ĐÂU!

Vô đây em
dù trời khuya anh sẽ đưa em về...
Gạo Trắng Trăng Thanh – **Hoàng Thi Thơ**
(1929-2001)

Mấy mươi năm tôi vẫn đưa em về
Dưới vầng Trăng dọi đường xưa lối cũ
Câu hát tiếng hò ngày xưa, tôi giữ
Một phần đời là kỷ niệm chia nhau

Trong ca dao có cô gái qua cầu
Áo bay lạc theo gió tình lãng mạn
Trong câu hát của một thời, xa lắm
Tôi và em chung bóng dưới đường Trăng

Đêm Xóm nhỏ về khuya, trời thinh lặng
Thoảng xa xa nghe tiếng dế gọi tình
Lén nhìn nhau chỉ thấy có hai mình
Tôi khe khẽ nắm bàn tay em. Ấm

Sương rớt hột vàng Trăng đầm hoa lá
Dù trời khuya tôi sẽ đưa em về
Tôi sẽ đưa em ngàn dặm sơn khê
Mưa nắng trong đời Trăng tròn Trăng khuyết

Bài hát vẫn là gia tài kỷ niệm
Cho hôm nay và cho cả hôm mai
Người dẫu đi xa nhưng còn để lại
Những câu thương câu nhớ gọi tình quê...

Và tình yêu tôi cũng lạc lối về
Những bài hát, một thời ai cũng biết...

San Diego, 29/9/2001

MÙA THU Ở NAM CALI

Tùy Bút của
THANH NGUYỄN

Tôi cư ngụ tại một thành phố cách Los Angeles khoảng mười lăm dặm về hướng Đông. Muốn lái xe vào trung tâm của Los Angeles, nơi có mấy toà nhà cao ngất ngưởng mà cao nhất là cái "Arco tower", và nếu xử dụng xa lộ 1ó đi về hướng Tây thì phải băng qua xem nào- sáu cái thành phố: West Covina, La Puente, Baldwin Park, El Monte, San Gabriel, Alhambra. Hàng ngày lái xe đi làm thì tôi lại xử dụng một cái Highway chạy về hướng Đông, và băng qua ba thành phố khác là Glendora, San Dimas và La Verne. Do sinh hoạt và công ăn việc làm hàng ngày, tôi thường di chuyển theo hai cái trục giao thông như vừa kể.

Gia đình hai người bạn thân ở miệt Bắc thì một cư ngụ tại North Hollywood hướng Tây Bắc,và một ở mãi tận Canyon Country theo Highway 14 cũng về hướng Tây Bắc, thiên Bắc. Còn đám họ hàng bè bạn thân quen khác thì đều cư ngụ rải rác suốt một giải đất từ nơi tôi ở xuống mãi tận San Diego. Chưa kể đón ông cụ thân sinh và hai người em của tôi, một cánh ở Santa Ana và một cánh ở Lake Forrest, trên đường xuôi Nam.

Mào đầu bằng ngần ấy địa danh là bởi cuộc sống của tôi xoay quanh trên một cái địa bàn khá rộng như thế. Và để xác định rằng nói về "Mùa Thu Nam Cali." là Nam Cali. nào; bởi "Nam Cali." cho đúng nghĩa thì là nó rất rộng! Sự thể không giống như khi xưa tôi làm việc ở Đà Lạt, chỉ cần ra tiệm Mékong của chủ Tài-Bửu (nay cũng lại là chủ một tiệm ăn ở thành phố Westminster) ngồi nhấm nháp ly cà-phê, rồi cứ ngồi yên ở đấy mà nhìn ra phố thì trước sau gì cũng thấy đông đủ những gương mặt mình quen biết ở Đà Lạt thong thả đi ngang ngoài ấy! (Sở dĩ dùng chữ "thong thả" là để ai nấy còn có chỗ mà đi; chứ còn đi hấp tấp thì chả mấy chốc không còn chỗ để mà đi!) Hoặc những tháng năm dài tôi sinh sống ở Sài Gòn - ôi Sài Gòn thân yêu! - nơi mà bạn bè có xa nhau lắm thì cũng chỉ tối đa là hai mươi phút phóng xe gắn máy, không cần đến luật lệ giao thông!

Phiền một nỗi là ở Đà Lạt và Sài Gòn không có mùa Thu! Những rừng thông ở Đà Lạt thì quanh năm xanh rì, và cái lạnh sau mùa nắng cũng không mấy đáng kể so với những tháng hè; cây lá nầy kia vẫn nhởn nhơ nguyên si. Muốn có tí Thu thì lại phải tìm trong tưởng tượng; chẳng hạn như thì thào hát nhẩm trong miệng: "Gió heo may lại về, chiều tím loang vỉa hè" từ bài hát "Nhìn những mùa Thu đi" của Trịnh Công Sơn để rước vào người tí hương vị Thu! Thế nhưng ở Đà Lạt thì chiều nào lại chả có tí "heo may"; còn nắng tàn trên đồi cỏ, trên những đường phố quanh co lên xuống thì nó vàng hay tím hay là cái gì khác nữa cũng đều do nơi cảm quan của từng con người! Thế rồi Đông đến, lạnh hơn, sương trắng dày đặc hơn vào những sớm mai, nhưng trước sau gì thì những rừng thông cũng vẫn xanh rì, tuy những đồi cỏ đều ngả vàng và người ta đốt cỏ khô để tro và tàn trở thành phân bón cho lớp cỏ xanh vào mùa sau! Những buổi chiều Đông, gió lạnh về càng khiến cho khoảng trời xanh trong thêm lạnh lẽo, thế nhưng khói quyện và bay lên từ những đồi cỏ cháy lại tạo nên cái ấn tượng ấm áp.

Sài Gòn có khác một chút! Hết mùa mưa, khoảng tháng Mười tháng Mười Một dương lịch thì tiết trời mát mẻ hơn đôi chút, cái nắng có dịu đi phần nào, và những hàng cây dầu dọc theo đường Huyền Trân Công Chúa phía sau Dinh Độc Lập cũ, hoặc dọc theo các con đường Cường Để (cũ) phía bờ sông, đường Trần Quang Khải miệt Tân Định (Đa Kao)... bắt đầu ngả màu và rụng lá, tiếng nghe khô khốc trên mặt đường nhựa. Thế thì nếu giàu tưởng tượng ta vẫn có thể gọi đó là "Thu"! Thu Sài Gòn, Thu Phương Nam! Có một lần, vào những tháng ngày như thế, thuở tôi còn đi học ở lớp "Sixième" trường Chasseloup Laubat, trên đường đạp xe đi học về cùng một đám bạn học toàn là gốc Nam Kỳ (tôi là tay Bắc Kỳ duy nhất trong lớp) và cả mấy thằng Tây-con nữa thì một cậu, thấy lá dầu rơi lác đác theo "ngọn gió Thu" bèn tức cảnh sinh tình sao đó, nói: "Qui donc dit qu'il n'y a pas d'Automne dans le Sud?" ("Ai dám bảo là miền Nam ta không có mùa

Thu?") Thằng Tây con, sinh ra ở vùng Alsace bên nước của nó, đảo mắt nhìn quanh, hỏi: "Où cà, l'automne?" ("Đâu nào, cái mùa Thu của mày?") Sở dĩ có cái màn đính chính như thế của đứa bạn Nam Kỳ là bởi đấy là thời điểm của cuộc di cư vĩ đại từ Bắc vào Nam, và suốt ngày người ta hát trên đài Phát Thanh những bài như "Thu vàng" của Cung Tiến, "Thu ly hương" của Nhật Bằng và Đan Thọ, "Hận ly hương" của Anh Hoa và Ngọc Long (mở đầu với câu: "Thu năm qua đoàn người đi xót xa...") v.v...

Thế rồi đến bây giờ thì cái ấn tượng "mùa-gọi-là-Thu" đó lại đến với tôi trong những ngày này ở miền Nam Cali.!

Lần đầu tiên tôi đặt chân lên đất nước này là một đêm đã xa lắm, vào cuối Đông ở miệt Bắc Cali., cuối thập niên 60. Trời lạnh căm! Ở lại một ngày, đáp máy bay qua Washington DC thì suốt một chặng đường "non-stop" chỉ thấy trên không là mây xám, và dưới đất là tuyết trắng! Đến Washington thì tuyết phủ ngoài đường cao không dưới ba mươi phân. Quanh quẩn nơi ấy khoảng hai tuần với đám bạn bè thời Trung và Đại Học cũ từ Sài Gòn, bấy giờ đang làm việc tại Sứ Quán Việt Nam Cộng Hoà, hoặc đang học ở Georgetown University hoặc làm cái gì khác quanh đấy, rồi tôi lại lên máy bay về phương Nam để kịp chuẩn bị nhập trường, đợt "Spring Semester." Đấy là những ngày ở Đại Học Vanderbilt, Nashville, Tennessee.

Đấy là lần đầu tiên trong đời tôi thực sự biết thế nào là cảnh Xuân sang sau một mùa đông tuyết trắng. Đấy là lần đầu tiên trong đời tôi thực sự biết thế nào là sự chuyển tiếp từ Xuân sang Hè, suốt một giải từ Vermont, Conneticut phía cực Bắc của Liên Bang xuống đến tận Mississipi, New Orleans ở miệt cực Nam, khi mà vào dịp "Summer Break" tôi cùng bạn bè thay nhau lái xe đi chu du khắp chốn! Rồi đến giữa kỳ học "Fall Semester" gặp dịp có cái "break" độ dăm bảy ngày thì tôi - cùng với cô bạn Michelle (đám bạn thân gọi tắt là "Miche") học bên "School of Law," cùng Viện Đại Học, sinh trưởng và lớn lên ở vùng "Mid South" - mới cùng biết thế nào là mùa Thu ở Vermont trên miệt Bắc; tuy thực sự, nếu như không thích của lạ, thì hai đứa cũng chẳng cần phải đi đâu lên tận trên ấy cho thêm xa xôi diệu vợi; chỉ cần đáo lên phía Kentucky hoặc Illinois, hoặc cứ ở nguyên đấy tại Tennessee là cũng đủ thưởng thức đầy đủ cái sắc màu và hương vị của mùa Thu thứ thiệt!

Mùa Thu ở Tennessee, dài theo rặng núi "Smoky Mountains," thì phải kể là ngoạn mục! Trong vài tuần lễ cuối Hè, những vạt lá xanh rì của đám Oaks, Maples, Birches, Chestnuts, v.v... đột nhiên hồi Xuân! Chúng trở lại cái màu xanh lá mạ trong quá trình chuẩn bị ngả vàng, khi mà thời tiết trong năm bắt đầu tác động đón nhựa cây từ thân ra đến cành lá; nhựa bớt đi thì màu xanh rì của lá bắt đầu "tái" - nhạt- đi dần. Mùa Đông sẽ đến; cây cối ôn đới chuẩn bi đi ngủ! Thế rồi đang từ một thảm xanh tươi màu lá mạ trải rộng ra đón chân mây dưới ánh nắng dịu tỏa xuống từ khung trời xanh biếc, đám lá "hồi Xuân" kia bắt đầu ngả vàng. Mở màn bằng một sắc vàng tươi. Chuyển sang màu vàng đậm hoặc đỏ thắm, tùy theo loại cây. Chẳng mấy chốc mà khắp mặt đất chân mây đã phủ dày một thảm lá rực rỡ dưới ánh nắng trong ngày. Mùa Hè đã qua lâu; những giòng nước đó đây trên các nhánh sông lớn bé đã chậm lại nếu như không có những trận mưa Thu dai dẳng. Gặp ngày nắng ráo, trời xanh, mây trắng, gió về lành lạnh qua những đường phố, qua đám tàn cây khóm lá vàng tươi, nâu tím hoặc đỏ thắm; gió lạnh về càng thêm lạnh trên những mặt sông, mặt hồ mênh mông phía Long Hunter và Priest Lake Park cách phi trường ít dặm về hướng Đông. Trên những đường phố ở các khu "residential" với cành lá của đám Maples trồng dọc theo hai bên lề đường giao nhau xanh rì vào mùa Xuân và mùa Hạ thì vào mùa Thu, những tàn lá vàng tươi vẫn giao nhau cho đến ngày chỉ còn những chiếc lá cuối cùng và đàn sóc nhộp nhịp truyền qua truyền lại như mắc cửi, chuẩn bị thu xếp để nghỉ kiếm ăn dài ngày vào mùa Đông. Đêm xuống sớm. Mặt đồng hồ to tướng ở cái tháp "Kirkland Tower" nơi trụ sở hành chánh của Trường đủng đỉnh gióng năm hồi chuông vào cữ năm giờ chiều mà trời đã tối mịt. Michelle và tôi, cứ chiều đến ai ra trước thì qua đọc sách, tra cứu, viết lách và chờ nhau bên Thư Viện. Sau đó thì cùng lững thững về nhà nơi cái cao ốc Morgan House chín tầng xây xong hồi cuối thập niên 60. Về đến nơi thì cô ấy đảm nhiệm phần vụ nấu nướng. Chỉ buổi trưa thì hai đứa mới không ăn ở nhà, mà tụ tập ăn trưa với bè bạn ở cái Cafeteria trong trường hoặc ở những quán ăn cạnh trường.

Những ngày cuối tuần cùng lái xe về nhà Ba Mẹ của Michelle cách Nashville khoảng 40 dặm về hướng Nam - Bố cô nàng là Luật sư và cô ta là đứa con duy nhất của hai Ông Bà - rồi sau đó, chiều về, đi chợ cho suốt tuần lễ ở khu Thousand

CUNG VĨNH VIỄN

TÂM HOẶC

nghĩ hoài vẫn chẳng nhớ ra
lòng hoang lạnh bãi tha ma cuối chiều
ngỡ mình vẫn thiết tha yêu
hóa ra vẫn chỉ chạy theo bóng mình

nhìn đâu cũng thấy bất bình
sống như tự lấy khổ hình khảo tra
đêm nằm nước mắt ứa ra
hỏi ta muội trí hay là mê tâm

dễ gì biết nhận mình lầm
dối quanh để tự trấn an chính mình
đắm chìm trong cõi vô minh
trôi đi một kiếp nhân sinh hững hờ

ngỡ là thực ngỡ là mơ
ngùi trông tơi tả những tờ mộng xưa
nghĩ hoài đã nhớ ra chưa
những quanh quẩn nọ những ngờ vực kia.

Oaks Shopping Center, cách nhà khoảng mười hai dặm. Qua những quãng đồi cỏ còn xanh, đàng sau thấp thoáng những rừng cây rợp ánh nắng vàng dưới khung trời xanh trong không chút gợn mây. Hơn chục năm sau vào những ngày tháng bị giam giữ trong trại tập trung của Cộng sản Việt Nam cùng với bao nhiêu chiến hữu bạn bè khác, có những đêm tôi nằm mơ thấy lại những chuyến đi cuối tuần như thế ở Tennessee, tuy không vào mùa Thu trong năm, và sáng ra khi tỉnh giấy thì chợt thấy buồn tê tái, không khỏi trạnh nghĩ đến những cái phù du và vô thường trong kiếp sống của từng con người!

Những dịp đi chợ búa, mua sắm hoặc giải trí vào hai ngày cuối tuần như thế thường có cả cặp Ruben và Kathryn cùng đi. Suốt mấy năm liền, chúng tôi kết thành "bộ tứ." Ruben cũng là dân gốc gác miền Nam như Michelle; còn Kathryn thì là sinh viên từ Đức qua du học. Ruben cùng học Luật với Michelle trong khi Kathryn học Economics như tôi nhưng ở chương trình Undergraduate. Tôi quen Kathryn trước do tôi làm phụ tá giảng tập cho một thầy học của Kathryn. Cô nàng giới thiệu tôi với bạn trai của cô ta là Ruben. Trong một bữa ăn trưa ở Cafeteria, có cả đám bạn bè bên môn Luật của Ruben ở đấy, cu cậu giới thiệu tôi với Michelle. Sau khi biết là tôi đã học xong Luật ở Việt Nam, và trước khi qua Mỹ thì đã có giảng dạy môn Luật ở một trường Đại Học Quân Sự tại Việt Nam họ nói năng sao đấy với thầy dạy của họ, và một buổi, trong một đề tài có liên quan đến Hình sự tố tụng, ông thầy nọ mời tôi ghé qua lớp ông để nói chuyện với sinh viên. Họ tò mò muốn có người từ một nước cựu thuộc địa áp dụng Luật theo kiểu của Pháp để nói về đề tài tố tụng áp dụng ngoài đời thực.

Tôi với Michelle kết thân với nhau từ ngày ấy. Cô nàng nhỏ hơn tôi mười hai tuổi; dáng người gọn gàng nhỏ nhắn chả khác gì con gái Việt Nam; cao một mét sáu mươi lăm, tóc nâu nhạt, mắt nâu nhạt, hồi ấy cân nặng 102 "pounds". Đến mùa hè năm đầu tiên của tôi ở trường thì mối quan hệ giữa hai bên, vốn đã thân, lại có thêm sự chuyển biến lớn. Người ta cần sửa chữa lại toàn bộ khu nội trú nơi cô ấy tá túc, tọa lạc ngay giữa Campus. Và ai nấy đều được thông báo là phải rời khỏi khu nội trú liền ngay sau cái Spring Semester vì mùa Hè thì hầu hết sinh viên đều "về quê" nghỉ Hè. Bấy giờ thì bạn hữu trong trường đã quen thấy hai đứa chúng tôi quanh quẩn với nhau trong cũng như ngoài khuôn viên của Trường. Một buổi hai đứa đang chúi mũi xem mục "Room for rent" ở tờ "The Nashville Banner" và tờ "The Tennessian" thì tôi chợt phát hiện ra một điều vô lý. Tôi quay qua hỏi:"Tại sao em lại phải đi tìm nhà cho thuê nhỉ?" Cô nàng bỡ ngỡ: "What do you mean? " Tôi hỏi: "Vậy chứ hôm rày có phải là em lui tới chỗ cái Studio của anh hầu như là thường xuyên? Tháng vừa rồi chẳng hạn, em thực sự ở cái Dorm. của em mấy ngày?" Cô ấy nhoẻn miệng cười bẽn lẽn, hai má đỏ au, nói nhỏ nhẹ "Yeah! That's true!" Sau đấy thì có nói gì thêm cũng chỉ bằng thừa! Tôi với Michelle ra ngay khu Parking Lot; tôi lái cái xe Mercury tám máy màu đỏ của tôi theo cái Ford Pinto bốn máy màu vàng

của cô nàng về khu Dormitory của đám con gái trong Campus. Chỉ một tiếng đồng hồ sau là bao nhiêu quần áo, sách vở, tư trang của Michelle đã được chất gọn gàng trên hai xe, và về đến cái Morgan House nơi tôi ở thì đã có một chục mạng chờ sẵn đấy sau khi tôi gọi điện thoại báo trước để giúp hai đứa tôi chuyển hết đồ đạc vào thang máy đưa lên lầu Năm, phòng 505 là cái Studio rộng thênh thang của tôi!

Xong xuôi đâu đấy, tay Manager - một sinh viên người Thụy Điển - còn đứng tần ngần cạnh cửa, hỏi: "Do you guys need an extra bed?" Cô vợ trẻ của đương sự, cũng người Thụy Điển, đang bế xóc nách đứa con trai sáu tháng đứng ngay cạnh đấy, nhìn chồng với vẻ thương hại, nói rất khẽ: "You must be crazy, Gustav! " Anh chồng giơ một bàn tay lên xoa xoa cái đầu húi "cua" nhìn tôi, cười ngượng nghịu, cũng nói khẽ tiếp lời vợ: "Well, I guess I am...! "Michelle còn loay hoay với mớ vali và thùng carton cùng đủ thứ món linh tinh khác nên không nghe mẫu đối thoại ngắn gọn của cặp vợ chồng Manager người Thụy Điển. Hai tuần lễ tiếp đấy, sau khi hai đứa bàn bạc với nhau, tôi bán cái xe Mercury tám máy màu đỏ của tôi. Nó uống xăng dữ quá, tuy ngày ấy ở Tennessee giá một gallon xăng chỉ có hai mươi mấy "cents." Một cái xe Ford Pinto bốn máy của Michelle, ăn ít xăng hơn, cũng dư đủ cho hai đứa; (trong lá số Tử Vi của tôi thì "Thân" nằm ở cung "Thê"!)

Đề tài đang toan viết về "Mùa Thu Nam Cali." mà từ đầu đến đây toàn nhắc chuyện đâu đâu! Thì cũng dễ hiểu thôi! Phàm con người ta khi không mấy ưng ý với hiện tại thì cái nơi chốn khêu gợi nhất trong tâm trí không có gì khác hơn là quá khứ! Tuy cái mùa Thu hiện tại đối với tôi ở miền Nam Cali. này không đón nỗi tẻ nhạt cho lắm. Về mặt thực dụng thì có khi cũng còn chỗ để mình lấy làm nguồn tự an ủi. Muốn có một mùa Thu thứ thiệt kiểu như trong Thơ của Prévert với cảnh "Les feuilles mortes se ramassent à la pelle" ("người ta phải hốt lá khô bằng xẻng" chăng? Hoặc như trong Thơ của Lưu Trọng Lư chăng? Lưu Trọng Lư ngồi ở Huế, nhìn lên vách thấy cảnh một con nai vàng in nơi cuốn lịch, bèn nổi hứng viết ra bài "Tiếng Thu" mà trong một bài Tuỳ Bút của Nguyễn Tuân về sau có nhắc đến "cái vần u đặc sắc" trong bài thơ; và để rồi về sau nữa không ít nhà thơ, nhà viết bài hát cứ động đón mùa Thu là thể nào cũng cho con nai vàng đi dạo trong đó! Các nghệ sĩ mượn ý Thu từ một bài thơ lấy cảm hứng từ một cuốn lịch! Nhưng ta vẫn muốn một mùa Thu với "Trăng mờ thổn thức," với "Lá khô rơi xào xạc, con nai vàng ngơ ngác..." chăng? Thế thì phải chuẩn bị tinh thần và thể xác để đón cái hệ quả tất yếu là một mùa Đông "thứ thiệt" với cái rét mướt giá băng thứ thiệt của nó! Mà tôi thì lại không mấy ưa cái rét mướt, co ro! Vậy thì trước khi viết lách gì thêm tưởng cũng cần xác định ngay rằng mùa Thu ở Nam Cali. coi vậy chứ cũng có cái "thi vị" riêng của nó. Khi mùa Thu ở ngoài trời chỉ ở cái mức đại khái thì ta đi tìm mùa Thu trong lòng mình, hoặc nơi con người với nhau vậy!

Trở lại đất nước này trong thập niên 90, sau khi đã có nơi cư ngụ ổn định, tôi nhớ những đường phố khi xưa ở Tennessee, nhớ mùa Thu ở Tennessee, nên việc đầu tiên sau khi dọn về nhà mới là chạy ngay ra "Home Depot" mua một cây "Maple" loại mà tôi thích. Tức là Maple loại thân trắng và có cành lá lả lướt thuộc dạng "la lả cành ngoan nắng trở chiều" như trong Thơ Xuân Diệu khi xưa, chứ không phải loại "Maple " thân đen, cành lá rậm rịt, lá xanh đậm đặc hoặc gặp nơi thiếu phân thiếu nước thì ngả sang màu nâu xỉn, trông cứ như là phủ một lớp bụi đường kinh niên! Cây mua về ngày ấy cao khoảng ba mét; tôi đem trồng ngay trên bãi cỏ ở sân trước, cạnh cái "drive way" để còn trù tính xin nó tí bóng mát cho cái xe thứ ba, hết còn chỗ trong ga-ra, đậu ở đấy vào mùa nắng, tức là quanh năm! Đất nước nào, kỷ cương ấy; sau khi hạ thổ cái cây ngày mới mua về, tôi chôn xung quanh gốc bốn quả phân nén, mỗi quả to vừa bằng một viên đạn "M 79" để bồi bổ cho nó trong quá trình tăng trưởng! Sau bảy năm thì mùa Thu này, chả biết có phải nhờ bốn quả phân nén hay không, nó cũng đã cao được già bảy mét từ gốc đến ngọn. Hôm cuối Hè, cành lá nó xanh tươi, trông rất mát mắt. Bóng tỏa ra trên cái "drive way" cũng đã được khoảng hai phẩy năm mét vuông. Phiền một nỗi là nhà quay ra hướng Tây, cái "drive way" cũng hướng Tây-Đông nên cho đến mùa Thu, tức là suốt thời gian nắng gắt trước đó, thì bóng cây đổ lên cỏ, không ngả qua chỗ mà cái xe cần nấp bóng. Đến mùa Thu thì mặt trời lặn hướng Tây-Nam nên tuy có bóng mát trên "drive way," nhưng bóng để mà làm gì khi nắng Thu không còn gắt gao như hơn mười tháng trước đấy? Đời tôi nói chung vẫn thường gặp toàn những thứ vận hội muộn màng và vô tích sự kiểu như thế! Đến mùa Đông đang tới đây thì đằng nào bao nhiêu lá trên cây "Maple"

của tôi cũng đều trụi lủi, do đó không bàn đến chuyện bóng với mát gì nữa!

Cái cây "Maple " đó có dính dáng đến một con người, ngoài tôi ra. Đấy là người chỉ vẽ cho tôi hạ thổ cái cây ấy sao cho nó đúng cách, tức là đào lỗ cỡ nào, thả rễ xuống sâu cỡ nào, nén đất chặt cỡ nào, tưới bón ban đầu ra sao, v.v...

Ông ta năm nay nữa là bảy mươi tám tuổi Tây; xưa vốn người cùng làng. Ngày tôi còn nhỏ, ở ngoài Bắc, ông ta vẫn năng lui tới, giúp đỡ những việc vặt vãnh trong gia đình, và ai nấy đều coi ông như người nhà. Gia đình tôi vào Nam bốn năm trước thời kỳ Di cư. Ông ấy di cư vào sau, và vẫn tiếp tục liên lạc, lui tới nơi nhà Ba Mẹ tôi. Từ ngày còn bé tôi vẫn quen gọi ông là "Bác" tuy ông ta nhỏ tuổi hơn Ba tôi, và ông ta vẫn quen gọi tôi là "Chú." Sau ngày thành lập chế độ Việt Nam Cộng Hoà, ông ta đang làm rẫy bái gì đấy ở Hố Nai, bèn quyết định đăng lính để đi đánh nhau với Cộng sản. Có điều là con đường binh nghiệp của ông ấy không có sao tốt nó chiếu xuống, hóa cho nên đến ngày Việt Nam Cộng Hoà mất về tay Cộng sản thì cấp bực cuối cùng của ông là Thượng sĩ nhất. Thực ra thì ai có ở trong nhà binh và từng thực sự đánh giặc ngoài mặt trận với lửa đạn thứ thiệt chứ không

đánh giặc ở bàn giấy hoặc đánh giặc bằng mồm thì mới hiểu thế nào là vai trò và tầm quan trong của cấp Hạ sĩ quan. Còn như công lao của người lính-thường từ bao đời bao kiếp nay, công lao cụ thể và hao tổn xương máu nhất nhưng ít được nhắc nhở nhất thì chẳng nói làm gì ở đây cho thêm buồn! Ông ấy ở mặt trận về đến nhà vào những ngày cuối tháng Tư năm 75 thì vợ con ông ở Hố Nai đã tháo vát thế nào leo được lên tàu Hải Quân ngoài bến Bạch Đằng Sài Gòn đi thoát qua đảo Guam, rồi từ đó sang thẳng Hoa Kỳ. Ông đỡ phải một mối lo tầm cỡ!

Ông ghé qua nhà tôi sáng ngày 30 tháng Tư năm 75, vai còn đeo lủng lẳng khẩu M18 bóng lưỡng. Sau khi hỏi thăm tình hình gia đình bên tôi, ông ấy nói ba điều: "Đám chúng nó (chỉ vợ con) có nhẽ đi thoát rồi chú ạ; tôi đi ra Phường để nạp súng cho tụi nó đây; sau đó tôi sẽ trở lên Hố Nai thu xếp trong ngoài, nếu nhắm tìm đường đi được và đi thoát thì cứ coi như hôm nay tôi đến từ biệt chú, ông bà và gia đình, còn nếu không đi được thì tôi sẽ quay về làm rẫy ở Gia Kiệm, và rồi sẽ có dịp về thăm chú, trừ phi từ đây đến ngày ấy chú không còn ở đây."

Sau đó thì không ai gặp lại ai trong suốt bảy năm trời! Ông ta không tìm đường đi được và đành trở về làm rẫy ở Gia Kiệm. Vợ tôi làm việc bên cơ quan USAID nơi đường Lê Văn Duyệt đã dắt đứa con trai đầu lòng của chúng tôi di tản theo nhân viên của cơ quan từ hồi cuối tháng Ba; lúc ấy tôi không đi cùng vì còn kẹt ba mẹ tôi chưa chịu đi; và ba mẹ tôi chưa chịu đi là bởi còn kẹt ông nội tôi ở bên Gia Định, lúc ấy cụ tám mươi tư tuổi, đang bịnh nặng. Tôi nói với Michelle là "Em với con đi trước, anh và ba mẹ sẽ liệu bề đi sau." Phiền một nỗi là, vốn công dân Mỹ, và tuy biết rõ tình hình cụ thể ở Việt Nam lúc đó nhưng cô ấy vẫn mang nặng cái tâm lý của người gốc Mỹ là nếu nghe chồng nói "anh sẽ thu xếp đi sau" thì tức là "Anh sẽ đi sau," chả có gì là "big deal"! Rốt cuộc thì ba mẹ tôi đến giờ phút chót vẫn "không đành lòng ra đi"; tôi không đành lòng bỏ ba mẹ tôi; ông nội tôi mất một tháng sau khi tôi bị đưa vào trại tập trung của Cộng sản và từ đó tôi bị di chuyển hết trại này qua trại khác trong hơn năm năm!

Bảy năm sau, một ngày đẹp trời cái ông già Hố-Nai Gia-Kiệm ấy xuất hiện ở nhà tôi cùng với người con trai lớn từ Hoa Kỳ về. Tôi chưa từng biết mặt cậu con trai của ông. Nó ở Hoa Kỳ về, dáng người to béo, vai đeo lủng lẳng máy "Camcorder"; quần áo giày vớ này kia đúng tiêu chuẩn của một Việt kiều trở về nước. Ông giới thiệu tôi với thằng con trai, nói là "Ở bên Mỹ nó làm trong ngành báo chí." Ông nói là nó trở về nước làm thủ thục bảo lãnh cho ông đi Mỹ. Tôi nói: "Thế thì đời ông lên hương đến nơi rồi!" Ông ta cười rất tươi nhưng không có ý kiến gì thêm.

Thế rồi cho đến một ngày thì tôi đã trở lại đất Mỹ, đoàn tụ với vợ con. Lần này tôi chọn Nam Cali. làm đất dung thân. Lớn tuổi rồi; ở nơi nào tránh cái rét mướt của mùa đông được chừng nào hay chừng đó! Vả lại ở đây có đông đủ bạn bè khi xưa, không kể đến lý do quan trọng nhất là Ba tôi, trên tám mươi tuổi, xưa kia qua Mỹ từng nếm cái mùi rét mướt ở những tiểu bang phía Bắc của "East Coast" nên cương quyết không chọn nơi nào khác ngoài đất Cali.! Bàn bạc với nhau chán chê, Michelle đồng ý để đứa con đầu của chúng tôi ở lại với ông bà ngoại bên Tennessee để học cho xong năm cuối High School và trong khi chờ đợi thì một mình cô ấy "move" qua Cali., thay đổi luôn cả công ăn việc làm!

Run rủi thế nào, cái ông người làng khi xưa nọ, qua đây trước tôi, cũng đã định cư tại Nam Cali. Lại một ngày đẹp giời, ông dọ hỏi ra tin tức

địa chỉ bèn đến thăm tôi. Mặt ông rầu rầu. Hỏi sao chẳng mấy vui thì ông mở miệng toan nói gì đấy nhưng rồi lại khoát tay, chép miệng thở dài, không buồn nói. Tôi không hỏi thêm về mặt ấy. Tôi hỏi thăm địa chỉ, hẹn ngày đến thăm ông để đáp lễ thì ông nói: "Chú mới qua đây, còn nhiều việc phải làm; kệ tôi!" Thế nhưng tôi vẫn dò dẫm ra chỗ ông ở để đến thăm cho phải phép.

Một buổi xế trưa tôi đến bấm chuông ở chỗ ông ta ở. Không ai ra mở cửa. Sân trước vườn sau tịnh không một bóng người! Leo lên xe đóng cửa chuẩn bị mở máy để tháo lui thì chợt thấy ông lững thững từ phía sân sau bọc qua cái "drive way" bước ra phía trước nhà. Tôi lại bước xuống xe vẫy tay chào ông. Ông tươi cười kêu: "A! Chú đến chơi!" Ông mở cửa, hướng dẫn tôi theo ông vào phía sân sau. Hóa ra là thằng con trai nó để cho ông trú ngụ trong cái ga-ra. Đúng hơn là ông hùng cứ một nửa cái ga-ra, bởi nửa kia dành để chứa một lô một lốc những đồ phế thải linh tinh mà trong nhà không dùng đến. Có một cái bàn con với hai cái ghế đẩu cạnh giường kê sát vách; ông mời tôi ngồi. Ông rót nước nóng từ cái "Thermos" vào ấm trà, thêm một ít trà vào đấy, chờ trà ngấm để mời tôi. Chợt ông nghe có tiếng gì đấy mé ngoài sân; ông lững thững bước ra. Tôi nghe tiếng ông gắt gỏng phía ngoài: "Mày lại đi đâu suốt đêm, giờ mới về hở thằng chết tiệt kia?" Tôi bụng bảo dạ: "Thế này là gay go rồi; đến thăm lại gặp lúc bố con người ta sắp cà khịa với nhau!" Ông trở vào. Một con mèo đen to tướng theo chân ông vào. Tôi hỏi: "Thằng cháu trai nó vừa đi đâu về hả ông." Ông trố mắt nhìn tôi, nói: "Cháu trai nào? Cái con mèo chết tiệt này chứ còn ai khác vào đây!" Tôi phải lấy lại thăng bằng trong đầu để đối phó với việc đột biến kiểu như thế này! Tôi nói: "Nghe ông nói 'thằng này' tôi lại cứ ngỡ là có thằng cháu trai nào nó đi đâu về." Ông ta vẫn đáp một cách rất tự tin: "Ấy thì cái con mèo này đấy! Nó là mèo đực. Ở ta cứ quen gọi con vật gì cũng bằng 'con,' không phân biệt thế nào là giống đực hay giống cái." Tôi nghĩ trong bụng: một là bố mày dạo này ghi danh học lớp Ngữ học ở một cái trường nào đấy, hai là bố mày đang có 'vấn đề' về mặt tâm thần! Và cũng đâm chột dạ; chả biết có nên ngồi lại lâu với ông hay không!

Tôi chuyển qua chuyện khác, hỏi: "Mấy đứa con trai của ông vẫn học hành hoặc đi làm bình thường cả đấy chứ?" Ông đáp: "Ở cái xứ này nó buồn quá chú ạ! Chả có ai chơi với mình. Ở bên nhà, ra đến ngõ là gặp mặt quen; tôi qua đây ba năm nay, sáng sáng buồn chân bước ra đường, nhìn ngang ngó ngửa thỉnh thoảng chỉ thấy cái xe chạy qua, còn ngoài ra thì chả thấy ai cả! Ngồi bó gối bên lề đường, nhìn ngược nhìn xuôi chán rồi lại đi vào! Ở quanh đây chả có ai là người Việt mình, chỉ toàn là dân gốc Mễ!" Tôi đoán có lẽ con trai ông làm trong ngành báo chí như ông giới thiệu ngày còn ở Việt Nam nên mới có chủ tâm mua hoặc thuê nhà ở khu "high-middle-class," nhưng xem qua khu phố chả có gì là sang, mà nhà ông ở thì cũng thường, thế nhưng tò mò tôi vẫn hỏi: "Thằng cháu làm trong ngành báo chí vẫn tiếp tục công việc xưa nay của nó đấy chứ?" ông chép miệng, lần này thì ông mới chịu trả lời thẳng vào câu tôi hỏi: "Báo với chí cái gì đâu! Hồi ấy về nó nói thế, đến khi qua đến đây tôi mới biết là nó trước kia làm thợ vớ vẩn ở một cơ sở nào đấy, xong rồi bị tai nạn lao động sao đấy, xin hưởng tiền trợ cấp mất sức lao động, ở đây nó gọi là "com com" cái quỷ gì đấy. Giờ thì nó đang làm đơn xin hưởng tiền tật nguyền, tiền "ét ai" gì đấy tôi cũng chả biết. Tôi chỉ biết là riêng tôi có tí tiền già, mà cũng đang ở diện tiền già cho vay chứ cũng chưa phải là tiền già thực thụ; chú uống nước đi!"

Sau khi đã có chỗ ở chắc chắn, sau khi đã đem cái cây Maple về trồng, vì biết cái ông xưa-là-người-nhà ấy hằng ngày vẫn buồn cho nên tôi rủ rê ông ta ngày nào buồn chân thì leo lên xe buýt ghé nhà tôi chơi, và tiện thể giúp tôi xem chừng cây Maple cũng như lũ hoa cỏ ở sân trước vườn sau, bởi gì chứ còn cái việc cây cỏ hoa lá thì ông ấy rành hơn tôi. Một buổi chiều tôi đi làm về, đang ghé mắt nhìn qua mớ thư từ, "bin" biếc này kia gửi đến trong ngày thì Michelle ngồi ghé lên thành ghế, một tay quàng lên vai tôi, nói chậm rãi và trịnh trọng: "You've got yourself a problem!" Tôi vẫn mầy mò với mớ thư từ, nói:"Xin cho biết cụ thể!" Hóa ra đầu đuôi nó như thế này:

Cánh cắt cỏ ở sân trước vườn sau là do một anh gốc Venezuela cầm đầu. Mỗi tuần họ đến một lần vào ngày thứ Năm. Cái anh chàng Juan thủ lĩnh đó ở xứ Mỹ này cũng đã trên mười lăm năm nhưng anh ta nhất định không chịu học tiếng Anh. Của đáng tội, qua đến xứ này bao nhiêu năm thì anh ta lao động bấy nhiêu năm, còn thời giờ đâu mà tu luyện cái món Anh ngữ. Mà đồ đảng của anh cũng toàn là người nói tiếng Tây Ban Nha, cho nên việc gì phải luyện tiếng Anh cho nó thêm rối việc ra? Tôi biết một đôi câu

tiếng Tây Ban Nha. Anh ta biết một đôi câu tiếng Anh. Thoảng hoặc có gặp nhau thì tôi giơ cao tay, nói: "Buenos dias!" Anh ta đáp vui vẻ: "Buenos dias; como se esta?" Tôi nói "Muy bien." ởnh ta nói: "Bien, bien." Thế là xong; ai lo phần việc của người ấy. Trời nóng thì tôi chỉ ngón tay lên trời, nói: "Muy caliente"; anh ta hưởng ứng, cũng chỉ ngón tay lên trời, nói: "Si! Too much hot!" Tiếng Anh của anh ta là cỡ như thế! Cuối năm, trời đổ lạnh, cũng cái màn chỉ trỏ đó, nhưng tôi nói "Muy frio" thì anh ta đáp: "Si, si, too much cold." Hôm anh ta lái cái xe pick-up hiệu Ford sản xuất từ năm 1974 và được anh sơn lại màu đỏ chót thì tôi nói: "Oh! nice new coat of paint!" nhưng anh ta lắc đầu nguầy nguậy, nói: "No, no, me wife; too much red!" Tôi hoàn toàn hiểu rõ điều anh muốn nói: "Không đâu ông ơi, ấy là cái con vợ của tôi nó bắt tôi chọn màu như thế đấy, đỏ gì mà đỏ chói chang, khó coi quá chừng." Tôi cứ cho rằng loài người trên quả đất này mà nói năng như tôi với anh chàng người gốc Venezuela nọ thì chả đời nào lại có chiến tranh, đổ máu!

LÝ THỪA NGHIỆP

TRỔ BÔNG

Tuổi nào con gái trổ bông
Thì sen sẽ nở giữa đồng xuân xanh
Mời em vào bước dạo quanh
Phương trời Bích-ngọc thời Kinh chưa ngừng
Biển tôi sinh tử chập chùng
Hốt nhiên rực rỡ cội nguồn Pháp-hoa

ĐỒI XANH

Một mùa hoa nở quanh tôi
Trăm mùa hoa nở bên đồi xuân xanh
Ghé đây những ngọn mây lành
Ai ngồi tịch diệt dưới cành bạch hoa
Gió và chim chóc hát ca
Đồi xanh vẫn ngát cỏ và hư không

Phải giới thiệu dài dòng về anh chàng Juan như thế là bởi hôm vợ tôi nói về cái "problem" mà tôi vướng phải thì là nó có liên quan đến anh chàng Juan và cái ông-người-làng- xưa-coi-như-người-nhà nọ! Ông này thì gì chứ còn cái khoản tiếng Anh thì ông ấy giữ vững lập trường là không nói, không học. Mà tiếng Tây Ban Nha đối với ông thì lại càng là thứ của lạ!

Đám cắt cỏ gặp ngày đến hành nghề cái hôm mà vợ tôi về mách chuyện- thì cũng lại đúng cái hôm ông người làng nọ buồn chân rảo bước đến chơi sau khi xe buýt thả ông xuống cách đó năm "block" ở trục giao thông lớn, miệt ngoài. Thế thì đám cắt cỏ đụng đến đâu là ông ta cũng nhảy xổ vào có ý kiến. Có điều là ngôn ngữ bất đồng, cái đám anh chàng Juan kia chả biết là ông già người Á châu nọ ông ấy muốn cái gì. Ông ấy cứ tiếng Việt ông ấy vừa nói vừa khoa chân múa tay chỉ trỏ lung tung! Đám kia thấy thế thì ngưng lại vài giây, có lẽ cho rằng cũng nên cẩn thận vì biết đâu chừng đấy là Bố của gia chủ! Sau đó họ lại làm tiếp; và ông kia cũng lại la lối chỉ trỏ tiếp. Khoảng xế trưa, Michelle lấy "break time" ở văn phòng chi nhánh cái "Insurance Company" nơi cô ấy làm việc, lái xe đưa đứa con gái út của chúng tôi từ trường về, và thấy cơ sự như thế, bèn vui vẻ ôn tồn mời ông lão vào nhà; pha trà cho ông ấy uống, lấy bánh ngọt mời ông ấy ăn. Cô ta nói chuyện với ông ấy bằng tay, nhưng hình như ông ấy đoán hiểu. Rót trà mời uống thì ông ấy uống, tuy ông ấy không thích trà kiểu Mỹ. Đưa bánh ngọt ra mời thì ông ấy ăn, tuy bánh ngọt của Mỹ không nằm trong danh mục khẩu vị và tị vị của ông. Đỡ một cái là trà bánh xong xuôi thì ông ấy tạm biệt vợ tôi để ra về, vì có ngồi đấy thì đôi bên cũng chả biết nên chọn thứ ngôn ngữ trung gian nào để nói với nhau; tuy khi ra về thì ông xử dụng một trong năm sáu chữ tiếng Anh mà ông biết. Hôm ấy ông dùng hai chữ "Bai, bai!"

Tối đến tôi toan gọi điện thoại cho ông thì mới sực nhớ là ông không có điện thoại trong cái ga-ra nơi ông ở, bởi đã nhiều lần thằng con trai của ông, khi điện thoại còn gắn ở đó, bắt gặp ông nói chuyện viễn liên với bạn già đâu mãi tận New Orleans hết giờ này qua giờ khác, khiến vợ con của nó không còn gọi giây nói cho ai khác được. Tháng đó hai bố con đã cãi nhau kịch liệt về cái

"bin" điện thoại! Tôi gọi cho anh chàng Juan và xin được tiếp chuyện với ai nói tiếng Anh trong nhà. Đứa con trai mười sáu tuổi của đương sự, đang học High School, tiếp chuyện với tôi. Tôi tự giới thiệu mình là ai, quan hệ với bố nó ra sao, và nhắc lại vụ việc lúc ban sáng, sau cùng dặn nó nói với bố nó rằng lần sau có đến, và ngộ nhỡ có bắt gặp cái ông già Á châu lúc ban sáng thì ông ta nói gì mặc ông ta, việc mình làm mình cứ làm!

Bẵng đi một thời gian dài, tôi không thấy ông đến nhà. Chín tháng sau cái vụ "problem" mà vợ tôi nói đó thì một sáng Chủ Nhật ông ta đến chơi. Hôm đó trông ông vui vẻ ra mặt. Ông khoe là ông đã vào quốc tịch Mỹ. Tôi hỏi khi phỏng vấn ông có bị khó dễ gì về cái khâu ngôn ngữ hay không thì ông nói không là bởi ông nạp đơn theo diện người già cả, và theo nhóm đồng hương ở đâu dưới Orange County nên phía cơ quan Di Trú và Nhập Tịch họ giải quyết vấn đề tương đối "linh hoạt"! Tôi nghe mà mừng cho ông. Nhưng liền đó thì ông sa sầm nét mặt lại, bắt đầu một màn tả oán! Ông oán "con vợ già" của ông nó bỏ ông nó đi đánh bạc quanh năm ngày tháng, và hình như là "lối về sau này nó lại còn đi theo giai!" Mẩu đối thoại giữa tôi với ông ta sáng hôm đó như sau (tôi mở đầu):

"Khỉ thật, cả bao đời nay tôi chưa từng gặp mặt bà ấy nên dạo đến thăm ông ở đàng nhà tôi cũng cứ tưởng là bà ấy ở nhà trên với tụi nhỏ; tôi đoán mò rằng ông sang sau, lại còn hút thuốc Lào nên ông phải ở riêng ra trong ga-ra."

"Thuốc Lào bỏ lâu rồi, còn Lào với Miên gì nữa! Mà 'nó' ở riêng mãi tận bên Niu-oóc từ trước ngày tôi qua đây. Tôi qua thì cũng chỉ gặp nó có mỗi một lần."

"Bà ấy ra đi năm bảy lăm; ông qua đây mười hai năm sau nếu như tôi không nhầm; đến năm này nữa là ông với bà ấy xa nhau tất cả là trên mười lăm năm. Bà ấy nếu như có đánh bạc thì cũng với tiền của bà ấy. Còn cái vụ 'theo giai' thì lạy Trời- ông năm nay bảy mươi tám thì bà ấy có trẻ lắm cũng đã bảy mươi lăm. Tôi mà như ông, gặp trường hợp như thế thì tôi viết cái chi phiếu một trăm Đô-la gửi tặng thằng cha nào đó với lòng biết ơn chân thành và sâu sắc chứ lại còn giở trò ghen tuông là thế nào?"

"Nhưng tôi với bà ấy khi xưa lấy nhau ở Nhà Thờ, có Cha thay Chúa làm Bí tích hôn phối, đâu có phải cứ mỗi lúc muốn bỏ nhau là bỏ nhau, theo giai là cứ thế mà theo giai?"

"Việc đó thì ông nên trình Cha xem coi Cha có cách nào gỡ được cho ông hay không?"

"Thì đã chẳng nhờ Cha rồi là gì! Kỳ vừa rồi tôi còn gửi thư lên Giáo Hoàng nữa là!"

"Ông nói chơi đấy chứ?"

"Sao lại 'chơi'? Tôi đã gửi thư lên Toà Thánh Vatican để các Ngài bên ấy trình lên Đức Thánh Cha về cái việc không phải Đạo ấy!"

Gì chứ còn câu chuyện mà dẫn dắt đến cỡ Toà Thánh Vatican là tôi coi như đã đến cái ranh giới để tôi rút lui êm thắm, không muốn đi sâu gì thêm vào đấy. Tôi chuyển sang chuyện hoa cỏ trong vườn. Và thế là, được dịp, ông ấy lại nhắc đến chuyện cũ với anh chàng Juan. Ông ấy mắng là cái đám ấy "chúng nó sao mà ngu vậy," "cắt cỏ mà lưỡi cắt nơi máy không sắc, khi phạt cỏ vết cắt không ngọt, bị loe ra thì làm sao nó mọc lại?" v.v và v.v. Tôi né cái đề tài đó, tôi nói: "Ông yên tâm, tôi đã hết hợp đồng với cái đám ấy từ lâu rồi!" Nói chưa dứt lời thì nhìn ra cửa sực thấy chiếc xe Ford pick-up đỏ chói chang của anh chàng Juan vừa ngưng bánh ở ngoài lề đường! Tôi quên khuấy là sáng Chủ Nhật hôm ấy, anh ta có hẹn với tôi lã sẽ đem phân hột hoá học đến rải trên hai bãi cỏ trước và sau nhà! Hôm ấy tôi đã phải ra sức thuyết phục ông người nhà ở lại ăn cơm trưa rồi liền sau đấy để ông chịu ngồi lại xem phim Video, phim "L.a. Confidential" mà may quá- được đâu mươi phút thì ông đã thăng, ngoẹo đầu sang một bên mà ngủ ngon lành cho đến sau khi phim chấm dứt và đám anh chàng Juan đã ra về!

Hôm cuối tháng 10 Dương Lịch vừa qua, cây Maple trước nhà đã thay màu lá. Từ xanh thắm hôm mùa Xuân rồi xanh đậm đà suốt mấy tháng Hè, khóm lá đã chuyển sang sắc vàng tươi. Và một ít lá đã bắt đầu rơi rụng; nhìn qua lùm cây đã thấy những mẩu trời xanh nhàn nhạt, không như vào mùa Hè, cành lá rậm rịt, xanh um. Cách quãng bốn hôm liền, ban đêm trời đã mưa lất phất; sáng ra nắng chưa kịp lên vì mây mù, nhưng cây cỏ trong vườn có vẻ nhởn nhơ tươi tốt. Xế trưa, mây trôi đi bớt, nắng từ trên cao tỏa xuống. Nắng vàng nhàn nhạt giữa khung trời nhàn nhạt xanh, nhưng nắng ngoài không gian nhạt bao nhiêu thì lại rực rỡ trên khóm lá vàng bấy nhiêu. Nó làm cho khóm lá thêm tươi, thêm ấm áp.

Vào những ngày này, dịp cuối tuần tôi với Michelle lái xe đi vùng Canyon Country đến nhà vợ chồng người bạn Kỹ Sư điện dự buổi kỷ niệm trên ba mươi năm họ lấy nhau, hoặc xuống Costa Mesa ăn cơm, chuyện vãn với vợ chồng anh bạn

làm nghề dạy học ở cái Community College nơi ấy, hoặc ghé Santa Ana thăm những người thân trong gia đình phía bên tôi; thì khi phóng xe trên các xa lộ 210, I.5 14, 57, 405, 605 v.v... nhìn ngang ngó ngửa ra đồi ra núi vẫn thấy những vạt cây cỏ vàng tươi hoặc hồng nhạt, màu sắc của mùa Thu, một mùa Thu có chừng có mực. Nói của đáng tội thì trong khoảng trời đất cũng có cái gì đó phảng phất, bàng bạc, nói lên mùa Thu; ngoại trừ biển xanh ngoài xa dọc theo Pacific Coast Highway hoặc xa lộ 101, Xa Lộ I.5 ở những đoạn chạy dài theo biển- là có một cái vẻ bất cần đối với mùa màng vì quanh năm suốt tháng tôi thấy nó cũng đại để không có gì đổi thay, lúc nào cũng rì rào, "vui" thì quang đãng, mở rộng "tầm nhìn xa" cho mọi người ngắm nghía, còn "buồn" thì tỏa sương mù tứ phía như thể nó muốn "đóng cửa tiệm" để giải quyết một số việc riêng! Chỉ có khác chăng là mùa Hè thì khắp các bờ bãi đều đen kịt những người là người, trên cát cũng như dưới nước, còn cuối Thu sang Đông thì số người hụp lặn dưới nước có thưa đi. Tuần trước đây, một xế trưa thứ Bảy tôi với Michelle đi thăm gia đình một người bạn ở San Clemente, quê của cố Tổng Thống Richard Nixon ngoài cái "nguyên quán" của ông ở Yorba Linda- giữa đường thấy quang cảnh hữu tình ở Dana Point bèn dừng lại. Michelle hứng chí sao đấy lôi bộ đồ tắm "hai mảnh" - "Bikini"- mặc vào người và chạy xuống nước đùa với sóng vì thấy có khá đông con nít dưới ấy. Không đầy hai phút, tuy mới chỉ trầm mình đến ngang cần cổ, cô nàng đã vội vàng "di tản chiến thuật," chạy gấp lên bờ, vừa chạy vừa kêu: "I'm freezing, I'm freezing." Báo hại tôi lại phải dìu cô nàng chạy khá xa lên đến chỗ đậu xe, để đương sự trút vội hai mảnh đồ tắm nơi băng sau, trùm lên người một lúc cả tấm khăn tắm, cả tấm khăn rộng vẫn thường dùng để trải lên cát! Hoá ra mùa Thu ở dưới biển cũng có tí khác!

Cũng trong những ngày này, anh bạn Kỹ Sư của tôi ở Canyon Country, do tình hình kinh tế chung của cả nước sau nạn khủng bố kinh hoàng vừa qua, đang chuẩn bị tinh thần để thay đổi chỗ làm nếu như cơ sở trung ương họ quyết định tái phối trí nhân sự. Xưa giờ anh bạn tôi vẫn hàng ngày đi làm hơn một trăm dặm đi-và-về. Cung "Quan Lộc" trong lá số Tử Vi của anh ta hẳn phải có sao "Thiên Mã" tọa thủ hoặc chính chiếu! Tái phối trí thì anh còn có cơ đổ thêm xăng nữa!

Một anh bạn khác ở Santa Ana, đến cái tuổi thiên hạ tính chuyện nghỉ hưu thì đương sự quyết định đổi nghề. Bây giờ do tính chất của công việc mới, đương sự nhất thiết phải đi làm cả vào những ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật!

Một buổi, lên Internet để đọc E-Mail thì lại thấy thêm một cái hung tín: một anh bạn đồng nghiệp khi xưa ở trường Đại Học vừa qua đời tại Sài Gòn, thọ sáu mươi chín tuổi.

Đêm hôm rồi tôi với Michelle hẹn ăn cơm tối dưới Santa Ana với vợ chồng anh bạn dạy bên Community College ở Costa Mesa thì lại nghe thêm cái tin buồn: một anh bạn xưa cùng học với nhau ở Vanderbilt, Tennessee, vừa nghe Bác sĩ thông báo hôm kia, sau các đợt thử nghiệm, là bị ung thư gan!

Cũng trong mấy ngày này, ông Cụ người-làng-xưa-giờ-vẫn-coi-như-người-nhà của tôi một hôm ghé nhà trong ngày tôi đi làm, và lẳng lặng để lại trong hộp thư nơi cổng hai lá đơn chép tay bằng tiếng Việt, kèm mẩu giấy nhỏ nhờ tôi khi nào rảnh dịch lá đơn ra tiếng Anh, đánh máy và gửi đi dùm ông. Đơn ông viết gửi lên Tổng Thống Bush xin cứu xét cho ông được tái ngũ để qua Trung-Á đánh giặc khủng bố bên cạnh "quân ta"! Tôi nghĩ đã đến lúc ông hội đủ điều kiện để được trợ cấp "Ét-ét-ai" dài hạn như có lần ông đề cập đến cái món đó!

Hôm kia gần đến giờ tan sở, tôi từ bàn giấy nơi văn phòng làm việc nhìn ra ánh nắng vàng vọt cuối ngày trên bãi đậu xe, trên những mái nhà, trên đám tàng cây khóm lá chỗ vàng chỗ xanh, rồi chợt trạnh lòng nhớ tới những ngày này trong năm, cũng từ một cái văn phòng làm việc ở đường Trần Quang Khải, Sài Gòn, khoảng đầu thập niên 80. Từ lầu thứ tư của toà nhà cao ốc đó nhìn ra hàng cây dầu cao nghễu nghện ở hai bên đường, vào khoảng cuối năm, Thu đâu chẳng biết, chỉ biết là lá dầu bắt đầu rụng nhiều, tiếng kêu khô khốc trên mặt đường nhựa...

Chiều hôm kia, ngồi ở đây mà nhớ đến cũng từng buổi chiều khoảng tháng Mười tháng Mười Một dương lịch như thế này ở Sài Gòn, bỗng dưng xuất hiện trong đầu mấy vần thơ với cái hứng về mùa màng năm tháng nẩy lên ở đây nhưng cái tâm cái tình thì lại trở về với một khung trời cũ:

Trời xanh trên những mái nhà
Tôi trông bóng nắng chờ qua một ngày
Lá vàng rơi rụng quanh đây
Bao nhiêu dĩ vãng giờ này cũng xa!

Mùa Thu này ở Nam Cali. có được ngần ấy Thơ!

Nam Cali., mùa Thu 2001

Buổi ra mắt "Tuyển Tập Lê Đình Điểu"

Đó là một buổi sinh hoạt vượt ra khỏi một cuộc ra mắt sách thường có tại vùng quận Cam. Phòng Sinh hoạt của nhật báo Người Việt chiều ngày 17-11-2001 dù tăng cường thêm gấp đôi số ghế đã không còn một chỗ ngồi, người đến mỗi lúc một đông, đứng ở bất cứ chỗ nào còn chen chân được, và đứng tràn ra ngoài sân, trong phòng phát hành báo kế cận. Không ai phiền hà, sự đông đúc vui vẻ và thân ái như không phải người ta tới một nơi chốn công cộng đòi hỏi những tiện nghi phải có như tục lệ tổ chức ở xứ Mỹ đòi hỏi, mà là đến với một cuộc tụ họp gia đình, đến để gặp gỡ nhau, để chia sẻ một tình cảm chung nhân dịp đón nhận một cuốn sách vừa mới in xong. Cuốn sách của và về một người mà ai nấy đều yêu mến, cuốn Tuyển Tập Lê Đình Điểu.

Tất cả các thành viên của gia đình Lê Đình Điểu đều tham gia vào ban tổ chức, mà thành phần chính gồm Hội VAALA, nhật báo *Người Việt*, tạp chí *Thế Kỷ 21*, đài phát thanh *VNCR*, toàn là những cơ sở anh Điểu đã tham gia trước kia trong vị trí chỉ huy. Các thân hữu từ xa về tham dự cũng nhiều: luật sư Trần Thanh Hiệp từ Pháp, Chi hội trưởng VAALA Florida Ái Khanh và phu quân từ Orlando, các nhà văn nhà nhơ Trần Mộng Tú từ Seattle, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Bá Trạc từ San Jose, Lê Thiệp từ Washington DC, Thụy Lữ từ St Petersburg (của tiểu bang Florida chứ không phải nước Nga)...

Quá trình soạn thảo và thực hiện cuốn sách do anh Phạm Phú Minh trình bày. Cách đây đúng hai năm, vào dịp Thanksgiving năm 1999, tức nửa năm sau khi anh Điểu qua đời, nhóm anh em của báo Người Việt đã giao phó việc thực hiện một Tuyển tập về Lê Đình Điểu cho ba người là Phạm Phú Minh, Ngô Mạnh Thu và Phạm Quốc Bảo. Phối hợp chặt chẽ với gia đình của anh Điểu gồm chị Điểu, Lê Đình Nhất Lang và Lê Đình Y-Sa, tất cả làm thành một "ủy ban" soạn sách mà công việc gồm có sưu tầm và chọn lựa những bài viết của anh Điểu từ khi ra hải ngoại 1983 và thơ của Y Dịch làm từ thời còn học trung học, cộng với một số bài người khác viết về anh Điểu sau khi anh qua đời. Ngoài văn và thơ, Tuyển tập còn có nhạc và họa. Phạm Anh Dũng, Thụy Lữ, Diễm Ly phổ thơ Y Dịch, một bài của Vũ Thành An, "Bài Không Tên số 40" do tác giả làm để tặng Lê Đình Điểu từ năm 1974; riêng bài Điệu Buồn Mùa Thu của Diễm Ly thì do chính Lê Đình Điểu kẻ nhạc, viết lời, khiến nhiều người thắc mắc không biết Diễm Ly là ai. Thắc mắc ấy rốt cuộc chỉ có một người giải được, ấy là Bích Huyền: Diễm Ly chính là nữ ca sĩ Khánh Ly, đã phổ thơ Y Dịch thành bản nhạc này lâu lắm rồi, từ hồi "còn bé." Về họa, bốn phụ bản in màu tranh của Thái Tuấn, Hồ Hữu Thủ, Đỗ Quang Em và Trịnh Cung là những họa sĩ có giao tình thân thiết với anh Điểu từ lâu, mỗi người một vẻ, đã được kỹ thuật chụp hình điêu luyện của nhiếp ảnh gia Thái Đắc Nhã và kỹ thuật in ấn tối tân của Mekong Printing làm nổi bật vẻ đẹp và tinh thần mỗi bức. Thế là văn, thơ, nhạc, họa (đó là chưa kể vô số hình ảnh) đều đủ cả trong Tuyển tập này.

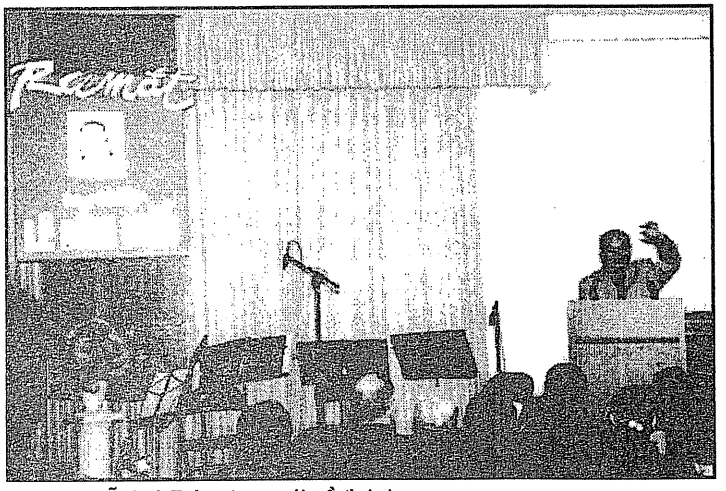

Nhà báo Đỗ Quý Toàn đang nói về tình bạn

Luật sư Trần Thanh Hiệp từ Pháp sang, trong phần phát biểu của mình đã nói nội dung của cuốn Tuyển tập Lê Đình Điểu đã giúp người ta tìm lại chính Lê Đình Điểu. Riêng ông, dù đã có một thời gian cùng anh Điểu đi một quãng đường trong các hoạt động chung tại Paris giữa thập niên 80, khi đọc tuyển tập này đã

Liên lạc: Mr. Phan Ngô, 335 S. El Molino Ave, # 17 Pasadena, CA 91101-3457 - USA.

Sinh hoạt triển lãm vỉa hè

Thủy Tiên ghi – Mimi News

Chủ Nhật, 18 tháng 11 năm 2001, lúc 10:00AM đến 4:00PM, Coffee Factory đã diễn ra một ngày hội của giới nghệ sĩ tạo hình. Triển Lãm tranh của gần 40 hoạ sĩ Little Saigon. Ra mắt "Tuyển Tập Tạ Tỵ". Phát hành báo Mimi News số 4.

Họa sĩ Tạ Tỵ năm nay đã 80 tuổi. Với gần 60 năm cầm bút, cầm cọ. Đến nay, tuyển tập đúc kết những bài viết, cũng như những bức tranh của ông để giới thiệu đến mọi người. Ngay ngoài trời, bên ngoài hiên quán café. Tạ Tỵ ngồi đó, gương mặt phương phi hiền hậu như một ông tiên bên cạnh chồng sách của mình, như một tô điểm đáng giá cho sinh hoạt văn học nghệ thuật dưới một dạng thức mới lạ của giới trẻ Việt Nam trưởng thành tại Hoa Kỳ. Người qua lại dù già dù trẻ đã dừng lại với ông một cách ân cần như thăm một người bạn xưa, để có được cuốn tuyển tập văn-họa mang chữ kýcủa tác giả mà họ biết có lẽ ít còn dịp để được gặp gỡ người nghệ sĩ lão thành giữa một ngày hội văn học nghệ thuật như hôm nay.

Sinh hoạt của giới nghệ sĩ tạo hình tại quận Cam hơn một tháng nay đang sôi lên vì một buổi xuống đường quy mô chưa từng có. Các họa sĩ của nhiều thế hệ, nhiều khuynh hướng, nhiều cá tính đã gặp nhau tại một điểm: Mang nghệ thuật đến với đám đông. Ranh giới giữa giới sáng tác và người tiêu thụ mỗi ngày một ngắn lại. Một số quán café quen thuộc ở Little Saigon như Lily

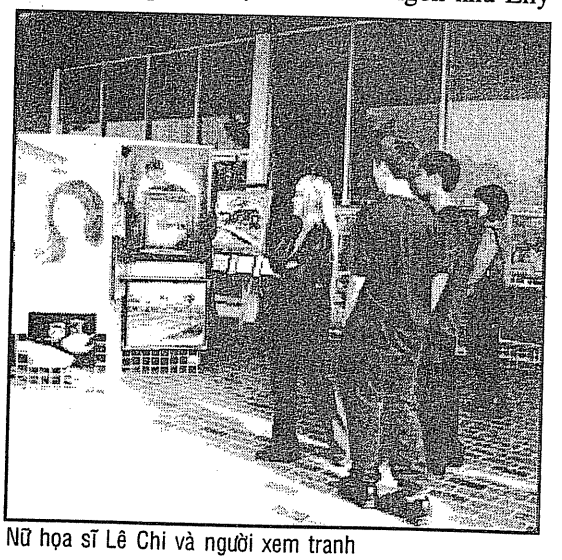

Nữ họa sĩ Lê Chi và người xem tranh

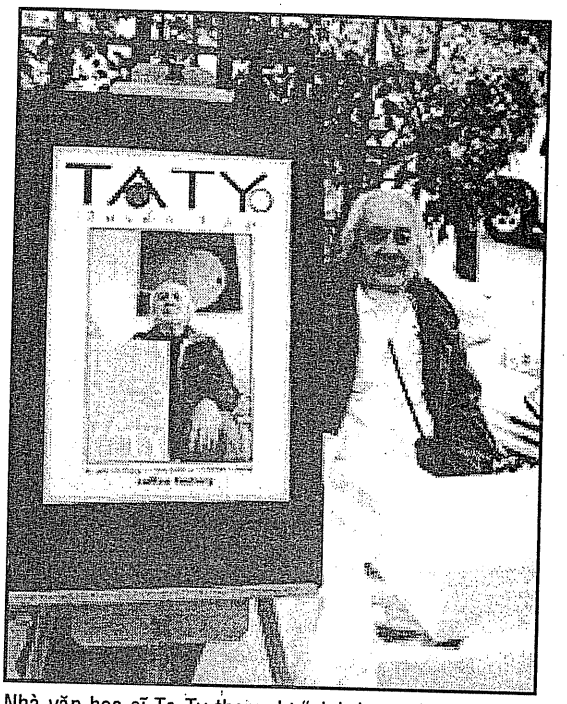

Nhà văn-họa sĩ Tạ Tỵ tham dự "sinh hoạt vĩa hè"

Bakery, Café Artist, Coffee Factory, Picasso, Song Long... đã tràn ngập những brochure về buổi xuống đường của các họa sĩ. Các câu chuyện trao đổi về đề tài, thể loại được các họa sĩ và mọi người đem ra bàn cãi. Sáng cuối tuần đã có một số họa sĩ đem giá đi tìm chỗ vẽ. Little Saigon như nụ hoa mãn khai bung nở, mời gọi gần 40 con ong họa sĩ hớn hở bay quanh ngắm nghía.

Sáng Chủ nhật 18-11, họa phẩm của các họa sĩ vẽ Little Saigon đã được trưng bày dọc theo hành lang vỉa hè trước quán cà phê Factory. Người các giới đến đông nườm nượp, từ ông giáo sư đại học đến phóng viên nhà báo, từ cụ già tóc bạc trắng đến các nam nữ sinh viên... Không khí hội hè. Không khí của đường Lê Lợi của Sài Gòn xưa những buổi sáng Chủ nhật. Nhâm nhi cà phê nhìn người qua lại. Nhưng đây không phải là hoài niệm. Đây là sức sống của người Việt tị nạn tại Quận Cam ngày nay, rất ổn định sau những năm đầu vất vả xây dựng đời sống, đang tự khẳng định căn cước văn hóa của mình. Các họa sĩ Việt Nam vẽ lại cuộc sống Little Saigon của người Việt Nam, và dân của "thủ đô" đang kéo về đây thưởng thức chính mình qua các tác phẩm nghệ thuật. Những Hồ Thành Đức, Bé Ký, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp của lớp lớn, Lê Chi, Suzie Vương, Ann Phong, Lam Thủy... của lớp trung trung, rồi đến lớp trẻ Nguyễn Cao Hiệp, Hồ Thành Cung, Linh Diệu, Etcetera..., mấy thế hệ cùng vung cọ tô

điểm cho cuộc sống của cộng đồng Việt Nam bây giờ, ở đây.

Họa sĩ Etcetera, người chủ trương sinh hoạt triển lãm "vỉa hè" cho biết mục tiêu của những buổi xuống đường, triển lãm giới thiệu với đám đông là việc làm cần thiết để thiết lập nhịp cầu văn hoá nghệ thuật giữa giới sáng tác và người thưởng ngoạn. Triển lãm tranh, ra mắt sách ngay tại vỉa hè quán café là một sự kiện mới, bổ túc thêm vào những sinh hoạt rất phong phú vốn sẵn có tại khu Little Saigon. Đây là cách mang phòng triển lãm đến với đám đông, thay vì thụ động ngồi chờ người xem đến với phòng tranh. Một số nhà hàng lớn, sang trọng, mới mẻ trong cách bài trí, thức ăn ngon như: Green Papaya, Hỷ, Số Đỏ, Thai Icon, Le Jardin, Saigon Bistro, Le Veranda, Dionysos,... sẽ là những điểm hứa hẹn cho những lần bày và bán tranh. Anh Etcetera cho biết thêm kế hoạch triển lãm "vỉa hè" của mình như sau: " Chúng tôi đang nỗ lực vận động treo và bán tranh tại một số nhà hàng tiêu biểu tại quận Cam. Trước mắt là cuộc đi tour của loạt tranh 'Vẽ Little Saigon' của 40 hoạ sĩ. Sau đó là hàng loạt những hoạ sĩ quen thuộc, tên tuổi cũng như những hoạ sĩ mới mẻ đang có mặt tại quận Cam hay bất kỳ ở đâu muốn tham gia vào hình thức triển lãm này. Có bốn điểm lợi. Thứ nhất: các hoạ sĩ có cơ hội bày tranh ở một nơi nhiều người xem nhất. Không đâu đông hơn nhà hàng. Thứ hai: các nhà hàng luôn luôn có tranh mới, hàng loạt, nhiều hoạ sĩ khác nhau. Bình thường thì họa may có trúng số, các ông bà chủ mới dám bỏ tiền ra mua từ 20 đến 40 bức tranh một lần, và có thể thay đổi theo ý thích hàng tháng. Điểm lợi thứ ba: người tổ chức sẽ chia lại lợi nhuận thoả thuận giữa hoạ sĩ, chủ tiệm ăn để có động lực làm việc cũng như trang trải các chi phí tổ chức như trình bày, ấn loát cũng như quảng cáo. Điểm lợi cuối cùng là về phía người ăn, hay khách các văn phòng, cơ sở thương mại: Vừa ăn ngon, vừa ngắm tranh, ảnh nghệ thuật!" Chúng tôi cho rằng đây là một sáng kiến mới mẻ, táo bạo. Nếu làm tới nơi tới chốn, tức là được sự tiếp tay của giới nghệ sĩ, các nhà hàng và cả người thưởng ngoạn mua tranh, chúng ta có thể thay đổi được một cách đáng kể sinh hoạt của Little Saigon.

HÀ NỘI

Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn từ trần

Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, một trong những nhạc sĩ

Đoàn Chuẩn và Từ Linh

tiêu biểu nhất của âm nhạc lãng mạn Việt Nam, đã từ trần tại nhà riêng tại Hà Nội ngày 15 tháng 11 năm 2001 sau một thời gian dài lâm bệnh nặng.

Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn sinh năm 1924, bố mẹ là chủ của hãng nước mắm Vạn Vân nổi tiếng Đông Dương. Ông theo học trường Tây và học nhạc với hai người thầy là William Chấn và Tạ Phước.

Đoàn Chuẩn nổi tiếng là người tài tử trong cả cuộc sống và trong nghệ thuật. Ông sáng tác không nhiều, chỉ có 13 bài, hầu hết rất nổi tiếng, như Chuyển Bến, Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay, Lá Đổ Muôn Chiều, Lá Thư, Tà Áo Xanh, Thu Quyến Rũ v.v... Gần như tất cả các sáng tác của ông đều để tên chung với người em kết nghĩa là Từ Linh (mất vào năm 1987). Các sáng tác của ông chỉ tập trung trong hơn mười năm từ cuối thập niên 40 đến thập niên 50 và chỉ với một chủ đề duy nhất: tình yêu. Âm nhạc cũng như ca từ của ông mang một vẻ đẹp buồn sang trọng và quyến rũ. Tuy ông sống tại Hà Nội từ sau 1954, nhưng nhạc của ông chỉ được phổ biến và say mê ở miền Nam. Cho đến 1975, ông là một trong những tác giả được hát nhiều nhất tại miền Nam, các sáng tác về tình yêu của ông được yêu thích bởi mấy thế hệ liên tiếp. Con trai của ông, ca sĩ Đoàn Chính, theo bộ đội miền Bắc vào xâm lăng miền Nam, đã rời bỏ hàng ngũ Cộng sản để về hồi chánh với chính quyền miền Nam vào năm 1968.

Bài hát cuối cùng của ông được công bố là bài Vĩnh Biệt.

Ông được an táng tại nghĩa trang Như Quỳnh, HưngYên./.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Đọc "Từ Vết Thương đến Giấc Mơ" của Xuân Đỗ

Tâm Thanh

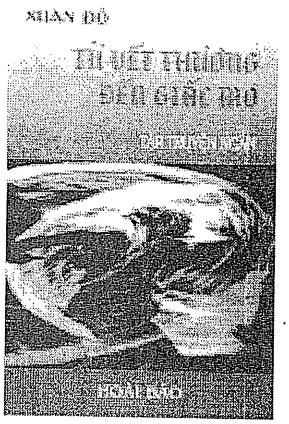

Từ Vết Thương đến Giấc Mơ, tập truyện ngắn của **Xuân Đỗ**, Hoài Bão xuất bản, 218 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Hoài Bão, 9361 Bolsa Ave. # 203, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 531-3604.

Xuân Đỗ là một cây viết quen thuộc qua những đóng góp với Tạp chí *Thế Kỷ 21* , báo *Thời Luận* , *Việt Báo Houston*... và đặc biệt với tập truyện ngắn đầu tay "*Sau Cuộc Chiến*" (viết chung với Lê Minh Văn). "*Từ Vết Thương đến Giấc Mơ*" ra đời sau tác phẩm đầu bốn năm, nhưng là một nối tiếp những suy tưởng của Xuân Đỗ về đời sống , nhấn mạnh vào đời sống chung , tức nhân quần , đất nước. Đời sống tư, nếu có được đề cập , là để vẽ bức tiểu họa cho đời sống chung mà thôi.

Đan cử truyện đầu tiên, "*Vết Thương*" : nhân vật Tiếu, bề ngoài như bao người Việt lưu vong khác , có tên Mỹ (Tony) , lấy vợ Mỹ , sống thoải mái về vật chất , nhưng nơi bụng mang một vết thẹo dài và sâu. Vết thương đó là do em ruột , vì "*cùng yêu một cô láng giềng,*" đâm, rồi vào bưng theo Việt Cộng . Nhưng Tiếu không chết vì nhát dao, mà vì bao năm tháng ưu tư giằn vặt vì cơn bệnh trầm kha của đất nước : bệnh chia rẽ, huynh đệ tương tàn từ đời nọ sang đời kia . Tiếu (Tony) rầu tới thúi ruột và chết vì ung thư bao tử .

Xuân Đỗ nhìn thẳng vào cái bi đát của lịch sử dân tộc, nhưng không tuyệt vọng. Anh nuôi nhiều giấc mơ . Giấc mơ anh kể trong truyện cuối cùng , "*Giấc Mơ,*" ("*tranh đấu cho dân quyền của người thiểu số, những người bị xã hội bỏ quên, vì nghèo khổ, ít học vấn* ") chỉ là một, một giấc mơ, có lẽ - do nặng tính luận đề - ít tính thuyết phục cảm tính hơn những truyện khác trong tập. Nếu người đọc theo thói quen, chỉ đọc truyện đầu và truyện cuối, sẽ bỏ qua những vết thương xót xa, những giấc mơ... cảm động nhất .

Thật vậy, vết thương "tuyệt vời " nhất không nằm trong truyện "*Vết Thương*" mà nằm trong truyện "*Con Trai Người Tử Tội.*" Truyện này, theo tôi, là truyện đạt nhất của Xuân Đỗ lần này. Truyện về một người tử tội, trước giờ lên ghế điện, thố lộ với con trai về quá khứ của mình, qua đó, gián tiếp lý giải tại sao ông thành kẻ sát nhân. Không có gì phức tạp cả : ông là một trong những đứa trẻ sống sót trong vụ pháo kích trường Tiểu Học Cai Lậy vào năm 1969 . Và xạ thủ là chính cha của em bé chín tuổi. Em bé thoát chết , nhưng "*chỉ sợ mảnh đạn còn ở trong đầu nó, không biết sau này có biến chứng chi không?*" Nỗi lo ngại của người y tá trong nhà thương đã trở thành sự thật : "*Trời ơi ! Ước gì đầu tôi đừng có tiếng nổ nữa . Tiếng nổ buổi sáng ở trường học Cai Lậy... và máu. Máu lại tung tóe khắp nơi.*" Tiếng nổ kinh hồn tàn phá tâm hồn em, thậm chí che lấp nhân tính, lớn lên em trở thành một tên đâm thuê chém mướn . Người thanh niên di tản sang đất Mỹ hòa bình, có cơ hội tiến thân, tìm được tình yêu, có vợ con, nhưng không thoát khỏi cơn hành của vết thương tâm thần. Một hôm do bị hất hủi, dồn vào chân tường , anh nổi cơn điên lên giết luôn vợ cũ và hai đứa trẻ vô tội .

Với truyện này, Xuân Đỗ phân tích một cách sâu sắc di lụy của chiến tranh Việt Nam. Anh nói lên được một sự thật mà nhiều thiên tiểu thuyết và biên khảo chưa nói hết. Đó là, chiến tranh, dù qua đi, đã cài lại trong con người một trái lựu đạn nổ chậm, một bãi mìn, có thể bùng nổ bất cứ lúc nào, để tàn phá nhân tính và đồng loại. Chúng ta ai cũng biết điều đó, nhưng Xuân Đỗ nói bằng hình tượng văn chương một cách tài tình. Xuân Đỗ cũng rất lương thiện, khi nói thẳng ra, ai là người gây chiến tranh. Điều này, nhiều người, ngay trong hàng ngũ "Quốc gia" cũ, cũng muốn xí xóa đi, để ra vẻ bao dung, tiến bộ. Không mập mờ với một ý thức hệ sai lầm, nhưng Xuân Đỗ rất bao dung với con người. Anh tin rằng trái phá cài trong đầu người tử tội không giết chết được thiện căn. Người tử tội có một giấc mơ, ông viết cho con trai "*Ba ước mong được ngủ một giấc, có giấc mơ thật đẹp, ôm con, Johnny ơi ! vào lòng.*

Nhìn con giống ai . Giống ba ở màu tóc, màu da. Giống mẹ ở chiếc mũi, cái miệng. Và tương lai của con nơi thanh bình này, không có hận thù, không có tiếng bom đạn nổ, không có cảnh người chém giết người."

Chỉ cần đọc truyện "*Con Trai Người Tử Tội*" chúng ta đủ thấy tài hoa của Xuân Đỗ; nhưng nếu không đọc hết những truyện khác, thật là uổng cho những kỷ niệm tuổi thơ, những đam mê tình yêu tuổi trẻ trong khung cảnh thơ mộng của thành phố rêu phong Hội An và Huế.

Na Uy Thu Tân Tỵ 2001

Giấc Mơ Và Huyền Thoại

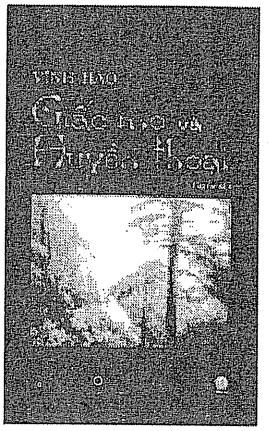

tập truyện của **Vĩnh Hảo**, Chiêu Hà xuất bản năm 2001, 217 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Chiêu Hà, 4702 W. First Street #C, Santa Ana, CA 92703 – USA.

Vĩnh Hảo là tác giả của mười mấy cuốn truyện dài, truyện ngắn, tạp bút, thơ... được xuất bản trong hơn một thập niên qua. Sáng tác của ông chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo, và trong tác phẩm mới nhất này, triết lý về cuộc sống bàng bạc trong hầu hết mọi truyện. Ông trở nên thâm trầm hơn, quan sát cuộc đời kỹ lưỡng và sâu sắc hơn, và truyện ông dựng thường mang một thông điệp để cắt nghĩa một điều gì đấy của nhân sinh. *Điệp khúc yêu em, Nụ cười, Lò đúc* chẳng hạn, là những truyện như vậy. Ông quan sát tìm thấy một số những mánh lới, thói tật ở đời, cả những cái ẩn kín khéo léo nhất, rồi dựng nên một câu chuyện có đầu đuôi tình huống khá lạ lùng và ly kỳ để lồng những kết quả quan sát và nhận định của mình vào. Ông chứng tỏ một trí tưởng tượng phong phú khi đẻ ra nhân vật "ông thầy" chuyên môn tạo nên những người nổi tiếng trên mọi lãnh vực nhờ những phương pháp tô vẽ và quảng cáo siêu phàm (Lò Đúc), hay nhân vật giáo chủ của đạo Cười phủ nhận quan niệm "đời là bể khổ" để dạy cho tín đồ toàn những phương pháp cười vui (Nụ Cười)... Hai truyện vừa nói đã ít nhiều có tính chất viễn tưởng, nhưng *Thuở hồng hoang* mới thật là một viễn tưởng cao độ. Tác giả tưởng tượng cuộc sống của nhân loại trong một tương lai rất xa, sau khi con người đã trải qua nhiều nền văn minh cao hơn nền văn minh hiện đại rất nhiều, đã thực hiện nhiều cuộc cách mạng để biến đổi hẳn cuộc sống cũng như chính tình trạng sinh lý của cơ thể họ để cho thuận tiện, "hợp lý" hơn. Câu chuyện tưởng tượng rất kỳ thú khi nhân đó, ông nhìn lại toàn bộ hiện trạng của nhân loại đang trải qua ngày nay với nền văn minhvật chất, với tình cảm và lý trí, với các hệ thống tư tưởng, các tôn giáo v.v... trong cái nhìn của con người khoảng 2000 năm hay hơn nữa trong tương lai. Những truyện luận đề như thế rất dễ đi vào giải thích và lý luận, nhưng tác giả Vĩnh Hảo không bao giờ vấp phải điều ấy, ông luôn luôn để câu chuyện tự nó luận giải, và nhường phần rút kết luận cho người đọc.

Tác giả có chủ ý khi đặt tên tập truyện là *Giấc Mơ và Huyền Thoại*. Hãy đọc một đoạn bài Tựa do ông viết: "*Đây không phải là tuyển tập của những truyện dài viết ngắn mà là những truyện ngắn viết dài bằng cái hơi ngà ngà chuếnh choáng của một kẻ chưa hề say rượu bao giờ, nhưng say men đời qua những giấc mơ và huyền thoại. (...) Say rượu dù gì cũng dễ chịu hơn vì chỉ có tính cách giai đoạn. Hết men rượu thì tỉnh lại. Nhưng say trong giấc mơ và huyền thoại thì khổ lắm: kéo lê cả đời mình trong những ảo tưởng. (...) Giấc mơ và Huyền thoại chẳng qua chỉ là kết quả thoát thai từ những chuỗi dài đớn đau cùng khổ của tâm thức con người.*

Có thể gọi Giấc Mơ và Huyền Thoại là một tập truyện triết lý bắt nguồn từ cuộc nhân sinh phức tạp của con người ngày nay. Nhiệm vụ của nhà văn là mô tả và đặt vấn đề, để gợi nên ý niệm giải quyết từ trong tâm thức của mỗi người đọc.

Bản Chất Các Phản Ứng Về Bài Giảng của H.T. Nhất Hạnh

bản chất
các phản ứng
về bài giảng của
H.T. NHẤT HẠNH

tiểu luận của 10 tác giả, Giao Điểm xuất bản 2001, 226 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Giao Điểm, P.O. Box 2188, Garden Grove CA 92842 – USA. Tel: (323) 222-4444.

Sau bài giảng pháp của Hòa thượng Nhất Hạnh tại Riverside Church, New York

ngày 25 tháng Chín 2001, một phong trào chống đối thiền sư đã được phát động rầm rộ tại Quận Cam qua một đài phát thanh và một vài tờ báo. Lý do chống đối: trong bài giảng có lúc thiền sư đã dùng sự kiện tỉnh Bến Tre với 300,000 dân bị Máy bay Mỹ oanh tạc trong chiến trận Tết Mậu Thân như một ví dụ khi trình bày một phương pháp tu tập. Các người chống đối cho rằng HT Nhất Hạnh đã bịa đặt ra sự kiện ấy với mục đích "trói tay" Hoa Kỳ trong việc tiến hành chiến tranh để truy nã các nghi can khủng bố. Họ đã tổ chức một cuộc họp mặt tại một nhà hàng ở Little Saigon để nhiều người liên hệ đến tỉnh Bến Tre đến khẳng định sự kiện HT Nhất Hạnh nói đúng là bịa đặt.

Sau sự việc ấy, nhà xuất bản Giao Điểm đã tập họp bài viết của các tác giả: Bùi Kha, Trần Chung Ngọc, Đặng Nguyên Phả, Hoa Trinh, Trần Văn Kha, Nhật Nam, Nguyễn Văn Hóa, Nguyễn Thúy Loan, Hoàng Nguyên Nhuận, và một bài tường thuật của báo Người Việt, để làm sáng tỏ vụ việc trên mà họ cho là có nhiều điều không xác đáng.

Thứ nhất các tác giả chứng minh bằng những tài liệu chiến tranh của Hoa Kỳ rằng thị xã Bến Tre trong chiến trận Mậu Thân *có bị oanh tạc nặng nề*, chỉ có con số 300,000 là không chính xác (nguyên văn lời của thầy Nhất Hạnh: "One time I learned that the city of Ben Tre, a city of three hundred thousand people..., tôi *nghe tin* thị xã Bến Tre, một thị xã có ba trăm ngàn dân...).

Thứ hai, các tác giả nhấn mạnh việc nói về Bến Tre chỉ là một chi tiết nhỏ trong bài giảng, cốt để chứng minh phương pháp đối trị với lòng giận dữ, chứ toàn bộ nội dung của bài thuyết pháp đó không hề có hoặc ngụ ý "tạo dư luận trói tay chánh phủ Hoa Kỳ không để cho chống trả bọn khủng bố gây tội ác ngày 11.9.01." Qua vụ việc "tố khổ" thầy Nhất Hạnh ở Quận Cam, tác giả Trần Chung Ngọc nhận xét rằng *"Thiền sư Nhất Hạnh nói chuyện tại nhà thờ Riverside New York có hàng ngàn người Mỹ tham dự, họ ca tụng, tán thưởng, có người còn cảm hứng làm thơ tặng, báo New York Times đăng bài phổ biến. Nếu buổi nói chuyện của nhà sư này không ra gì, phản động, đi ngược lại luật pháp, ngược lại quyền lợi người dân Hoa Kỳ thì tại sao số cử tọa mấy ngàn người đó không tẩy chay và bỏ ra về? Báo New York Times có hàng triệu độc giả Hoa Kỳ và thế giới chưa thấy ai có thái độ phàn nàn nào."*

Sau những kích động có tính cách "phong trào" có lẽ quần chúng có nhu cầu tìm biết rõ hơn về vụ này. Tốt hơn hết là cần đọc chính bản văn bài thuyết pháp của thiền sư Nhất Hạnh hôm ấy, cùng xem xét lại những lời "buộc tội" của nhóm tổ chức chống đối xem mức độ sát thực tới đâu. Cuốn sách của nhóm Giao Điểm giúp một phần đáng kể trong việc tìm hiểu đó, vì ngoài những phân tích và tài liệu, trong phần Phụ lục có nguyên bản tiếng Anh và bản dịch bài giảng của thiền sư Nhất Hạnh. Con người lương thiện, dù bị kích động đến bao nhiêu, cuối cùng cũng phải tìm đến Sự Thật, vì chỉ sự thật mới gìn giữ được sự trong sạch của trí tuệ và phẩm giá của mình.

Ta Nhớ Người Xa Cách Núi Sông

thơ **Trần Vấn Lệ**, Người Dưng xuất bản, 172 trang, không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc.

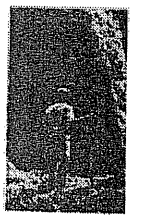

Trần Vấn Lệ là một người làm thơ đặc biệt. Trước hết, số lượng sáng tác của ông rất nhiều, ông làm thơ dễ dàng hơn nhiều người, người ta có cảm tưởng ông chỉ vung bút là thành thơ, kiểu như người xưa thường nói "xuất khẩu thành thi." Nhưng thơ ông hay. Âm điệu quen thuộc (thường là thơ thất ngôn), tình cảm quen thuộc, nhưng sự diễn đạt mỗi lúc đều gây xúc động và ấn tượng. Giở ra bất chợt bất cứ bài nào cũng có thể gặp những câu nếu không hay một cách xuất sắc thì cũng làm vang dội trong ta một tình cảm, có thể xưa cũ, có thể mới mẻ, nhờ vẻ đẹp của ý tứ và ngôn từ. Các vẻ đẹp như thế rất thường thấy trong thơ ông.

Người Dưng in cuốn thơ này. Người ta không biết Người Dưng là một cá nhân, hay là một nhà xuất bản. Nhưng dù là gì, người dưng cũng có nghĩa là người xa lạ, không bà con. Ấy thế mà đứng ra in thơ cho ông, chắc là phải yêu thơ ông lắm. Người Dưng viết như thế này:

Những dòng thơ Lệ có Hay, hay là có Dở, vẫn say lòng người! Tôi, Người Dưng cảm anh rồi. Lại thêm tiếng quạ, bồi hồi, ngẩn ngơ! Ôi người thơ, ôi người thơ...

Hệ lụy của thi nhân gây ra là như thế.

Anh Biết, Em Yêu Dấu

thơ **Hà Nguyên Du**, Tự Lực xuất bản và phát hành, 271 trang, giá US$17.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc với tác giả: 10291 Arundel

Ave. Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 531-4057 .

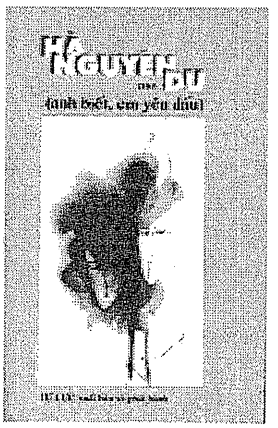

Tác giả là người quảng giao, thơ anh trước khi xuất bản đã được nhiều người trong giới văn học và bạn hữu đọc và cho ý kiến. Hai mươi sáu trang cuối sách dành đăng các nhận xét của Trần Hồng Châu, Du Tử Lê, Hoàng Ngọc Tuấn, Phạm Xuân Đài, Huy Trâm, Ngô Mạnh Thu, Lê Mộng Nguyên và Nguyễn Vy Khanh. Hầu hết cùng đồng ý một điều: Hà Nguyên Du luôn luôn đi tìm cái mới. Thử đọc nhận xét của nhà lý luận văn học Hoàng Ngọc Tuấn:

Nhiều người vẫn cho rằng bằng chứng thành công của một nhà thơ là một tiếng thơ đã định hình. Ngược lại, tôi cho rằng một tiếng thơ đã định hình là một tiếng thơ đã bắt đầu kiệt sức; thái độ kéo dài một tiếng thơ như thế là thái độ của một người thợ quen tay nghề, chứ không phải một nghệ sĩ sáng tạo.

Hành động sáng tạo đích thực phải là hành động liên tục tìm tòi và phủ định, bất chấp sự thất bại. Nỗ lực sáng tạo đích thực không chấp nhận việc dừng lại ở một phong cách và ăn bám vào phong cách ấy suốt cả một đời. "The artist is always beginning... Any work of art which is not a beginning, an invention, a discovery, is of little worth," Ezra Pound đã nói rất chí lý như thế.

Suốt mấy mươi năm qua, thơ của Hà Nguyên Du cho thấy một thái độ tìm kiếm, thí nghiệm và thay đổi không ngừng về phong cách. Đó là dấu hiệu của một nỗ lực sáng tạo đáng trân trọng.

Thơ anh cũng thích hợp cho việc phổ nhạc, rất đông nhạc sĩ đã phổ thơ anh: Phạm Duy, Nguyễn Hiền, Trầm Tử Thiêng, Thu Hồ, Trần Duy Đức, Lê Dinh, Ngô Mạnh Thu, Trần Thiện Thanh, Trường Hải v.v... Nghĩa là thơ Hà Nguyên Du đã có phần định hình, nhưng chưa kịp kiệt sức thì anh đã đi tìm thêm sức mới. Cuốn thơ này tổng hợp cả hai phần ấy.

Tuyển Tập Ảnh 2001

của **Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam** (Vietnamese Artistic Photography Association), 135 trang, không ghi giá bán. Liên lạc với Hội: 10872 Forbes Avenue, Garden Grove CA 92843 USA.

Phải nói đây là một tập ảnh quy tụ nhiều tài năng nhất và in ấn đẹp nhất của người Việt Nam tại hải ngoại từ trước tới nay. Nó xứng đáng là Tuyển Tập của một hội nhiếp ảnh có tầm cỡ về thời gian, về không gian và về nghệ thuật. Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam ra đời từ năm 1968 tại Sài Gòn với các sáng lập viên đầu tiên như Lê Văn Khoa, Khưu Từ Chấn, Lại Hữu Đức, Trần Đại Quang, Dương Xuân Phương..., như vậy về bề dày của thời gian, nó đã trải qua 33 năm. Hội đã hoạt động tại Việt Nam cho tới năm 1975, sau đó được phục hoạt tại Mỹ với những hội viên cũ và mới định cư trên đất nước này và có thể nhiều nơi khác trên thế giới; như vậy từ một không gian hẹp là miền nam Việt Nam, Hội đã bành trướng ra một không gian rộng lớn có tính cách địa cầu. Nhưng chiều sâu của thời gian và bề rộng của không gian đều không đáng kể cho một hội nghệ thuật nếu nó không đạt được thành tích nào. Về mặt này, Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam đã tự khẳng định cấp độ của mình với vô số giải thưởng quốc tế mà các hội viên đã mang về cho Hội ngay từ những năm còn ở trong nước cho đến những ngày tháng gần đây ở hải ngoại.

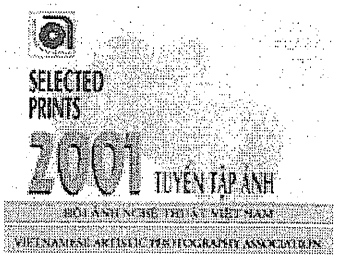

Trong Tuyển tập này người xem sẽ trải qua hình ảnh của nhiều thế hệ. Có những bức cổ điển rất Việt Nam như hình ảnh cái cầu ao, đàn trâu đầm mình trong nước, lũ trẻ đùa nghịch nơi kinh rạch, chùa miếu dân gian... của những tác giả lớn tuổi, một số nay đã qua đời như Nguyễn Cao Đàm, Phạm Văn Mùi, Nguyễn Bá Mậu, Hứa Văn Bân... Hình ảnh của Việt Nam ngày nay được thể hiện khá nhiều, do có nhiều hội viên lặn lội tìm nguồn cảm hứng ngay tận vùng quê cha đất tổ. Ngược lại có những bức mang tâm hồn hoàn toàn Tây phương, từ hình ảnh đến cảm xúc, của những tác giả hiện đại. Nhưng nói chung cả tuyển tập đầy ắp vẻ đẹp, mỗi bức ảnh đều làm ta xúc động một lối riêng. Sức mạnh của nghệ thuật giúp chúng ta tìm về với quá khứ với những tình cảm sâu kín nhất, đồng thời dẫn dắt chúng ta đi vào những chân trời xa lạ với cảm xúc rộng mở thênh thang. Cuốn sách ảnh này là kết tập công trình nghệ thuật của nhiều thế hệ người Việt Nam trong những quãng không gian và thời gian rất khác nhau, nhưng nó nói lên được một điều quan trọng: tâm hồn nhạy cảm và năng khiếu nghệ thuật phong phú của người Việt Nam chúng ta./.

AdvantageDutyFree.com

1-888-950-CIGS

1-888-950-2447

TOLL FREE!

GIỮ KÍN ĐÁO

LUẬT PHÁP CẤM BÁN THUỐC LÁ CHO THIẾU NIÊN - CHỈ BÁN CHO TUỔI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN

1ST CLASS CIGARETTES All Styles Including Non-Filter

SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

$15.99 Buy 4 Get 1 FREE

555 STATE EXPRESS **$22.99**

SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

MARLBORO Selected Styles
WINSTON Selected Styles
CAMEL Selected Styles
$20.99

SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

ROTHMANS Regular & Lights
DAVIDOFF Lights & Classic
$23.99

SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

DUNHILL All Styles
$22.99

SURGEON GENERAL'S WARNING: Smoking Causes Lung Cancer, Heart Disease, Emphysema And May Complicate Pregnacy.

CHÚNG TÔI CÒN NHIỀU LOẠI THUỐC LÁ KHÁC - XIN GỌI ĐỂ HỎI CHI TIẾT

GIAO HÀNG MIỄN PHÍ NẾU ĐẶT MUA 4 đến 5 CÂY

Nhận:
Personal Checks
Cashier Checks
Money Orders

DISCOVER · VISA · MasterCard · Diners Club International

OPERATORS ARE STANDING BY FROM 9AM TO 9PM EST • CLOSED ON HOLIDAYS

All Products are sold for personal consumption only. Not for resale. Advantage Duty Free reserves the right to limit quantity sold. Subject to Availability. Prices expire on 9/30/2001

FAX TOLL FREE AT 1-877-FAX 4 CIGS / 1-877-329-4244

Mail to: Advantage Duty Free • Nisky Mail PMB #P-91 • St.Thomas, USVI 00802

Name:_____

Street:_____ Apt. # _____

City:_____ State:_____ Zip Code:_____

Home Phone: ( ) _____ Date of Birth: ____/____/____ (mm/dd/yyyy)

Drivers licence Number:_____ State Issued:_____

Credit Card No. [ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ] Exp. Date ___/___ ☐ VISA ☐ DISCOVER

Signature:_____ ☐ MasterCard ☐ AMEX ☐ Diners Club ☐ Check/ Money Order

I hereby declare that I am over the age of 18, and hold Advantage Duty Free, free of any obligations. Advantage Duty Free LLC. reserves the right to revoke this offering at any time. Purchaser may be responsible for all applicable taxes.

WRITE ORDER HERE
(PLEASE PRINT)

56 175
PHAM LE HUONG
2617 MERLE AVE
MODESTO CA 95355

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 82

Tru . com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An: (714) 839-6704**

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim